N° 127 Mars 1928

NAM PHONG

VĂN-HỌC KHOA-HỌC TẠP-CHÍ

CHÍNH-TRỊ PHÁP-VIỆT

MỘT BÀI DIỄN-THUYẾT VỀ CHÍNH-SÁCH NƯỚC PHÁP ĐỐI VỚI DÂN VIỆT-NAM (1)

Muốn bày rõ cái chính-sách của nước Pháp đối với người bản-dân Đông-Pháp, phải mấy bài diễn-thuyết mới hết được. Trước hết phải xét về đại-cương, tôn-chỉ của chính-sách ấy thế nào. Lại phải xét xem nhân vì tình-thế trong thiên-hạ, nhân vì cuộc đại-chiến-tranh vừa rồi, nhân vì sự tiến-hóa về kinh-tế, chính-sách ấy đã dần dần liệt vào hạng các vấn-đề lớn mà sự giải-quyết phải theo những phép-tắc chung cùng những phương-kế riêng, tùy thời thay đổi cho thích-hợp, phép-tắc cùng phương-kế ấy gồm lại tức là cả nền chính-trị Đông-Pháp, chứ không phải một chính-sách đối với người bản-dân mà thôi. Nhưng mà cái đề-mục chúng tôi định bàn đây kể cũng đã rộng lắm rồi, không cần phải khuếch-trương ra thêm nữa.

Muốn bày rõ cái chính-sách của nước Pháp đối với người bản-dân Đông-Pháp, thì trước hết phải bày tỏ những cái nguyên-tố phức-tạp thuộc về tâm-lý, thuộc về xã-hội, mà nước Pháp đã từng tiếp-xúc ngay tự khi mới bắt đầu giao-thiệp với các dân-tộc trong cõi Ấn-độ-Chi-na này vậy.

Không nói từ đời Gia-long người Pháp đã can-thiệp đến việc nước Nam, kể hai cái văn-minh mới tiếp-xúc nhau là ở Nam-kỳ trước nhất. Nhân đó mà về sau sinh ra nhiều sự lầm-lỗi. Vì rằng không nên lấy lục-tỉnh Nam-kỳ mà xét cả nước Nam : Nam-kỳ trước khi thành thuộc-địa nước Pháp, vốn là thuộc-địa nước Nam, là một cõi đất thực-dân của nước Nam.

Trước khi nhờ nước Pháp khai-hóa được tốt đẹp như bây giờ, Nam-kỳ còn là đất thực-dân của nhà Nguyễn khai-thác ra, trong cõi bình-nguyên hoang-mãng của giống Hời giống Mên ở miền hạ-lưu sông Cửu-long vậy. Lúc mới đầu còn là những sở «đồn-điền», sở «sơn-phòng» mà thôi. Cho nên người Nam-kỳ tuy vẫn là người Việt-Nam, nhưng không thể xét người Nam-kỳ mà biết người Việt-Nam được. Người Nam-kỳ chính là người thực-dân, cho nên những chế-độ, phong-tục nghiêm-mật về gia-đình xã-hội nước Nam, ở Nam-kỳ hầu như không có vậy.

Đối với người Âu-châu, đất Á-châu vẫn là cõi huyền-bí. Nước Pháp từ khi

(1) Dịch bài diễn-thuyết của quan Nguyên Khâm-sứ Trung-kỳ, nguyên quyền Toàn-quyền Đông-Pháp, hiện sung chức trưởng Kinh-tế-cục Đông-Pháp ở *Paris*, PIERRE PASQUIER, đọc ở trường Cao-đẳng Xã-hội-học (*Institut des hautes études sociales*) ở *Paris*, ngày 14 tháng ba năm 1928, cuộc diễn-thuyết có quan Thượng-thư ALBERT SARRAUT chủ-tọa. Bài này cũng không có ý-kiến gì mới lạ, nhưng nhân vì địa-vị của diễn-giả mà có một cái giá-trị đặc-biệt, chúng ta cũng nên chú-ý.

vào giao-thiệp với nước Nam đã gặp lắm sự khó-khăn, vì phải giải-quyết một cái vấn-đề rất nan-giải về tâm-lý chính-trị như sau này: là làm thế nào dung-hòa được hai cái văn-minh xa cách nhau để mưu sự tiến-bộ sau này.

Cái tinh-thần của Á-châu vốn nó phảng-phất, mơ-màng, khiến cho người Âu-châu phán-đoán thường sai-lầm, lý-hội thường không đúng.

Nếu chỉ để tai nghe cái tiếng gọi của cuộc ký-vãng, như ở nơi từ-đường, chốn phần-mộ kêu lên, thì tất không nghe thấy giọng hoan-hỉ của phái tân-tiến kia đương hăm-hở muốn theo đòi bắt-chước Thái-Tây.

Nhưng nếu lại muốn chiều lòng bọn tân-tiến là học-trò của Tây-phương đó, thời liền thấy như cách-biệt hẳn với hoàn-cảnh, không biết nương-tựa vào đâu, vì phàm người Á-châu dẫu đã chịu ảnh-hưởng của văn-hóa Âu-châu, mà tính-tình tâm-lý vẫn còn chưa thoát được khỏi cái sức ngầm của lịch-sử nó sai-khiến.

Lịch-sử của Á-châu thì xa-xôi thăm-thẳm, không biết đâu mà lường. Bao nhiêu giấc mộng của loài người, Á-châu đã từng qua cả. Bao nhiêu những vấn-đề lớn-lao thuộc về người ta đối với bản-thân hay đối với xã-hội, Á-châu cũng đã từng lấy lý mà giải-quyết được cả.

Nay ta thử nghiên-cứu cái xã-hội nước Nam kia, ta sẽ lấy làm lạ mà nghiệm thấy rằng xã-hội ấy vốn là một xã-hội bình-đẳng dân-chủ, mà quyền chính-trị thì lại căn-cứ ở cái thuyết thiên-mệnh-quân-chủ.

Ta sẽ thấy trong chốn hương-thôn thì quyền dân là chúa-tể, mà quyền vua thì trên tự thiên-tử, dưới đến bách-quan, gồm khắp cả nước, duy đến chốn hương-thôn là không can-thiệp gì, phép vua thua lệ làng, mà lệ làng là từ các bậc đàn anh, các bậc phụ-lão trong làng đặt ra cho con em theo. Cái chế-độ hương-thôn đó, trước kia ta vẫn ví như một nước cộng-hòa nhỏ, mà quyền chính-trị ở trong tay một số ít người chuyên-chế, nhưng có lẽ chỉ là gồm mấy họ lại mà các trưởng-tộc họp thành như một cái «Sô-viết», nghĩa là một đoàn-thể tự-trị, duy có khác Sô-viết nước Nga là có cái tính-cách bảo-thủ cổ-tục vậy.

Thế thì ra xã-hội là một xã-hội công-cộng ở trong cái khuôn chính-thể quân-chủ, mà bọn thượng-lưu cầm quyền không phải là thượng-lưu thế-tập, chỉ lấy tài-cán học-thức mà kén chọn; bọn thượng-lưu ấy lại có cái chức-trách phải kén chọn ông quân-chủ, cũng chẳng khác gì như trong một làng kén chọn người lý-trưởng vậy, nghĩa là vua tuy chịu mệnh trời mà mệnh trời cũng là ở lòng dân mà ra, vì đại-biểu cho lòng dân ấy tức là bọn thượng-lưu, mà bọn thượng-lưu chính là ở trong dân-gian ra vậy. Xã-hội đó đã biết phân điền-sản, không có kẻ nghèo người dốt, ai ai cũng được hưởng cái ơn giáo-hóa, mà bọn công-nhân lao-động thời mới gọi là bắt đầu nhóm lên gần đây mà thôi.

Các quan thay mặt nước Pháp sang cai-trị nước Nam, đối với cái xã-hội cổ đó, biết rằng có nhiều điều hay không nên bỏ, nhưng cũng lại biết rằng có cái vẻ quá cũ không thích-hợp với đời này, trong lòng muốn điều-hòa thế nào cho ổn-thỏa hết cả, khiến cho được tuần-tự tiến-hóa mà vui-vẻ phát-đạt, thật lắm lúc đã lấy làm băn-khoăn khó nghĩ, khổ-tâm không biết giải-quyết thế nào, vì đã hiểu lắm cho nên không thể nhắm mắt làm liều, ra tay bạo-động, như kẻ mơ-hồ không biết vậy.

Bởi thế nên tìm những cách giải-quyết ôn-hòa thích-hợp, không muốn nhất-đán đổi cả tâm-hồn một dân-tộc, gột rửa cả cái óc người nước Nam cho mất hết cả cái tinh-túy của tổ-tiên di-truyền lại.

Cách giải-quyết đó là thuộc về chính trị (chữ chính-trị đây là dùng theo nghĩa rộng về triết-lý), trước hết lại chỉ đem thi-thố thuần về đường kinh-tế. Vẫn biết rằng theo cái thuyết của phái SAINT-SIMON thì chính-trị có lẽ cũng chỉ là cách nghiên-cứu về sự sinh-sản các tài-hóa mà thôi, tuy-nhiên sự sinh-sản tài-hóa cũng không thể làm đao-động đến cơ-sở xã-hội được. Một nhà bác-học có bụng quảng-đại, đã từng nói một câu rằng: « Không nên để cho người bản-dân có ngày đau lòng xót ruột oán-trách ta rằng vì ta can-thiệp đến mà để cho cái hạnh-phúc của họ về đường tinh-thần hơn là về đường vật-chất không tăng lên được mà lại giảm bớt đi. »

Ấy cả cái vấn-đề là ở đó, vấn-đề phiền-tạp, hỗn-độn, các bộ-phận lại mâu-thuẫn nhau, vì là gồm cả sự phát-đạt về đường kinh-tế, cái nghĩa-vụ của thuộc-địa phải giúp mẫu-quốc, cái nghĩa-vụ của chính-phủ phải giúp cho những người đem tài-sản sang kinh-lý ở thuộc-địa, lại cái nghĩa-vụ của nước Pháp phải tôn-trọng quyền-lợi của người bản-dân, phải châm-chước với cái tâm-lý cùng sự nguyện-vọng của dân bản-xứ. Tinh-thần xung-đột, quyền-lợi mâu-thuẫn, văn-minh tư-tưởng phản trái nhau, bấy nhiêu nguyên-nhân làm cho chúng ta rắp tâm cải-cách một điều hay mà có khi thành gây ra một cái nguồn tệ ở đó. Lại thêm khó nữa là bởi cái tư-tưởng chung của người xứ này có chịu cái văn-minh vật-chất của chúng ta là mạnh thật, nhưng trong lòng vẫn không phục mà lại có ý khinh; người Á-châu đối với những sự chế-tạo kỳ-xảo của chúng ta, họ không có lấy làm lạ gì, những công-trình như đặt đường xe lửa, dựng xưởng công-nghệ, họ không có cảm-phục chi. Người Á-châu phân-đoán các dân-tộc, so-sánh các văn-minh, chỉ thuần đứng về phương-diện tinh-thần, phương-diện đạo-đức mà thôi.

Vậy thời nước Việt-Nam đó là thế nào? Dân-tộc Việt-Nam kia, vì lẽ trời run-rủi, nay sinh-trưởng ở dưới quyền bảo-hộ của chúng ta, vậy là dân-tộc thế nào và nguồn gốc tự đâu?

Bán-đảo Ấn-độ-Chi-na là cái bán-đảo cuối cùng trong cõi đông-nam châu Á, một đường duyên-hải chật hẹp từ bắc chí nam đã từng qua bao nhiêu giống người, bao nhiêu văn-hóa khác nhau, xung-đột nhau, khi dâng lên khi rút xuống như nước thủy-triều, rồi sau mới được bình-tĩnh phẳng-lặng hẳn. Nước thủy-triều ấy dâng lên tới cái độ cao nhất là ở chân trái núi kia, bên trên dựng chót-vót một cái tháp Hời mà bên dưới sân-sân mặt đất thì là cái đền hay cái miếu An-Nam tường vôi bạc phếch.

Các miền tây-nam, trong bán-đảo vì như bãi cát trắng hãy còn dấu nước triều, thì vẫn qui-y về đạo Phật, còn các miền đông-bắc thì thống-thuộc về Khổng-giáo.

Tôn-giáo, chính-trị, xã-hội, mĩ-thuật, hai đàng xa cách nhau hẳn, cho nên trong bao nhiêu đời xung-đột nhau mãi, sau mới tùy địa-thế mỗi nơi mà định cái phạm-vi đặc-biệt, cho nên đến ngày nước Pháp can-thiệp sang, thì mỗi nơi đối-đãi lại một cách khác vậy. Bởi thế nên về phương-diện tư-tưởng cũng như về phương-diện thực-tế, không khỏi có điều ngang trái không hợp nhau. Những cái nguyên-nhân gây ra sự mâu-thuẫn đó cũng dễ nhận thấy ngay, nguyên-nhân ấy là nguyên-nhân biến-hóa, có biến-hóa mới có hoạt-

động, nhưng bởi hoạt-động mà tiện-thị làm cho ngang trái mất cái dịp-điệu thiên-nhiên từ trước. Cung-điệu cũ đã không hợp nữa thì tất phải nghĩ ra bài đàn mới. Bài mới rồi cũng có vẻ hùng-tráng mĩ-lệ ; nhưng ai đã từng biết nước Nam về ba mươi năm trước, còn đương nối dõi cái cổ-văn-hóa của nước Tàu, thì không thể quên được cái cảnh-tượng một nước còn đương như ngưng-trệ trong cái vòng khuôn cổ-thời, và không thể không đem những cái bức tranh cũ-kỹ mà mĩ-miều của bấy giờ so-sánh với cái cảnh sinh-hoạt đời nay, đương như vội-vàng phác-họa ra một bức tranh cảnh mới, không khỏi làm nhòa làm ố mất những tấm tranh cổ kia tuy đã phai nhạt mà còn phong-thú biết dường nào.

Ôi ! những cái cổ-tục kia, mỗi ngày một mai-một đi mất cả, ôi, những cách cử-động thanh-tao nhã-nhặn kia, ngày nay bị cái ánh sáng điện-khí của văn-minh Thái-tây làm cho tiêu-tán đi mất cả, nhưng xưa kia khác nào như cái màn thêu giăng ra để che đậy lấy cái tinh-thần cố-hữu của nước Nam này, bấy giờ kẻ nào biết hé cái màn ấy mà trông suốt được vào bên trong, thời khoái-lạc biết dường nào. Dân-tộc này là một dân-tộc nhưng văn-nhân thân-sĩ, vẫn có tính tự-cao tự-phụ lắm, nhưng mà biết khéo đem cái lễ-nghi phiền-phức để che đậy đi, khiến cho cái tinh-thần của họ như u-âm phảng-phất, huyền-diệu mơ-màng. Vẫn biết rằng cái bình-phong chắn ở bên ngoài dễ làm cho chúng ta bị lầm, nhưng chính cái bình-phong ấy thì nước sơn dịu-dàng và bóng-bẩy biết dường nào, vừa có cái vẻ nồng-nàn mà lại lãnh-đạm.

Chúng tôi sang làm việc quan bên nước Nam từ hồi tuổi trẻ, nay hồi-tưởng lại nước Nam lúc bấy giờ, sao cái phong-vị mĩ-miều khả-ái như thế ! Tuy cũng gặp lắm nỗi khó-khăn, lắm sự nguy-hiểm, nhưng tới ngày nay không còn có cái kỷ-niệm cay-đắng gì cả. Bao nhiêu những cái ác-cảm tiêu-tán đi hết cả, mà chỉ còn lại cái cảm-giác mơ-màng một chốn bồng-lai tiên-cảnh vậy. Nhưng hồi-tưởng đến thế mà lại liền nghĩ ngay rằng chốn bồng-lai kia là tiếp-giáp ngay với nước Tàu đương nội-loạn tứ-tung, lại đối-diện với cái bể Thái-bình-dương bát-ngát đến tận bờ Tân-thế-giới kia, tên là Thái-bình mà chứa chắc đã thái-bình đâu ; còn các lân-bang tứ phía, từ quần-đảo Nhật-bản đến quần-đảo Mã-lai, toàn là những dân-tộc sinh-trưởng theo những lý-tưởng khác với Âu-châu cả. Bấy giờ ta đối với cõi bồng-lai ấy lại càng thiết-tha luyến-ái hơn nữa, vì hình như trông thấy cái bóng tương-lai đã từ-từ đi lại vậy.

Tuy từ trước đến nay đã có lắm nhà văn như bọn Loti, Lafcadio Hearn, Conrad, Stevenson, Kipling và Boissière gia-công khám-phá cái tâm-lý của các dân-tộc Á-châu, nhưng ngày nay các nhà có chí vụ-thực cho cái cách nghiên-cứu như thế là cách nhà văn-chương, không được thiết-thực, bèn chỉ chủ quan-sát các vấn-đề Á-châu về phương-diện kinh-tế, phương-diện xã-hội mà thôi. Bấy giờ thời chỉ xét nước nào dân-số nhiều, nước nào dân-số ít, nước nào có những sản-vật gì, nguyên-liệu gì, có thể đem tiêu-thụ những đâu, nào số mục, nào biểu-kê, nào tỉ-hiệu nào thống-kế, đem ra mà nghiền-ngẫm để cho đoán biết những cái hiểm-tượng xung-đột ở đâu, cùng những duyên-cớ gì khiến cho nước nào vì lợi-quyền cần phải kết-liên với nước nào, đem con mắt tiên-tri mà dự liệu xem sau này trên bờ bể Thái-bình-dương sẽ bày ra một cái sân khấu mới rực-rỡ to-tát là dường nào ; kể những lời bàn của các nhà ấy cũng là cao-hùng vĩ-đại lắm vậy.

Cứ thực ra thì tất cả những vấn-đề ấy ta cũng phải biết, vì càng ngày nó càng có ảnh-hưởng đến cuộc sinh-hoạt của nước Pháp ta. Các vấn-đề ấy phiền-phức vô-cùng, nhà tâm-lý-học, nhà chính-trị-học, nhà kinh-tế-học hiệp-lực nhau lại mà cùng nghiên-cứu, cũng không phải là thừa vậy. Bấy nhiêu vấn-đề gồm lại thành như một cái khối hồn-nhiên, muốn khám-phá cho thấu-triệt thì phải biết rõ từng cái nguyên-chất đã kết-tinh lại mà thành ra cái khối ấy vậy. Ở Á-châu không có cái gì là giản-đơn cả. Vậy thì các vấn-đề phải xét cho đủ các phương-diện, thật không phải dễ, vì cái nọ can-thiệp sang cái kia và thường khiên-động lẫn nhau vậy.

Vì ở Á-châu này công việc lại khó-khăn hơn là ở các nơi khác, khó là bởi các dân-tộc vốn đã có những văn-minh lão-đại, không thể bỏ qua đi được, tất phải đem ra châm-chước mà dung-hòa với văn-minh Thái-tây. Lại cũng vì ở Á-châu, và thứ nhất là ở đất Ấn-độ-Chi-na này, nước Pháp phải xử-trí vào một cái hoàn-cảnh đặc-biệt, thuộc về chính-trị, về gia-đình, về xã-hội, phải đối-phó với những tư-tưởng khác hẳn tư-tưởng Tây-phương.

Có phải bởi những lẽ khó-khăn đó mà cái chính-sách của ta đối với người bản-dân khi tuyên-bố với khi thực-hành có điều trước sau không hợp chăng? Hay là chính bởi cái tính độc-đoán là một cố-tính của người Pháp chăng, tin ở cái thuyết rằng người ta giống nào cũng cùng một tâm-lý như nhau, và phàm-sự trong nhân-loại đều không ngoài một chữ lý cả? Dù thế nào mặc lòng, có điều chắc, là theo như lời một quan Toàn-quyền trước đã nói rằng: « Trong việc chính-trị ở Đông-Pháp, các quan-lại thừa-hành thường làm sai cái ý-kiến của chính-phủ đi nhiều. » Muốn chứng lời nói đó là phải, tưởng không khó gì, cứ xét ngay cái cách chúng ta giao-thiệp với các hạng người trong xã-hội bản-xứ: quan, dân, thân-hào các hạng thì đủ rõ vậy. Ta quả-quyết với họ rằng ta một niềm tôn-trọng các chế-độ phong-tục của họ, vậy mà trong cách cai-trị của ta, ta lại hay dùng những lề-lối trái với các chế-độ phong-tục ấy. Một cái chính-sách bảo-hộ tuyệt không có chút dã-tâm đồng-hóa, ta lấy làm khó lòng thi-hành. Vì như lời có người đã nói rằng: « Người Pháp vốn có cái tính tự-cao tự-đại, ra đến ngoài xứ mình thì tưởng là mình đại-biểu cho cả nước Pháp vậy. » Tuy-nhiên, chính-sách bảo-hộ ấy dù nó có không thỏa cho cái lòng tự-cao của chúng ta, nhưng kết-quả nó còn tốt-đẹp hay-ho biết dường nào.

Muốn cho được những kết-quả mĩ-mãn đó, thì phải biết khéo lợi-dụng những cái sở-trường của người bản-dân mà thi-hành những phương-pháp cho thích-hợp.

Làm thế nào khiến cho người bản-dân có thể phát-siển được hết những cái năng-lực cố-hữu của họ, đó chẳng phải là một phép chính-trị có thể làm cho cái công khai-hoá của ta được hoàn-toàn dư?

Ta muốn cầu lấy một sự tiến-bộ theo phương-pháp của ta, thì có khi đến làm trở-ngại, làm tiêu-diệt mất một cái năng-lực cố-hữu của người bản-dân, năng-lực ấy, vốn nó đã mang một cái mầm tiến-hóa ở trong, nếu mà ta biết thuộc tính-tình tâm-lý của người dân, khéo khai-thông nó ra, thì có phải hay biết dường nào!

Biết rõ lòng nguyện-vọng, sự yếu-cần chân-chính của người bản-dân, chứ không phải là sự yếu-cần của chúng ta tưởng-tượng cho họ, ấy đó là cái phương-pháp chắc-chắn đủ giắt cho dân Bảo-hộ lên con đường tiến-bộ văn-minh.

Đừng phá hoại gì cả, đừng chắp nối gì cả, nhưng phải biết châm-chước mà theo những lề-lối cách-thức của người dân,rồi khéo lợi-dụng mà hiệp-lực với họ một cách thân-mật, cho đạt tới một cái mục-đích thiết-thực hợp với quyền-lợi của chúng ta, lại hợp với quyền-lợi của các dân ở dưới quyền bảo-hộ của chúng ta.

Nói tóm lại, người bản-dân cần phải am-hiểu ta đã đành, đồng-thời ta cũng phải cố sức mà am-hiểu họ, uốn mình cho thích-hợp với tính-tình phong-tục họ.Người bản-dân cần phải biết ta, ta có lẽ lại cần phải biết họ hơn nữa.

Nhưng mà hai giống người khác nhau, có khi trái nhau hẳn,lấy chỗ nào làm trường-sở mà hòa-hợp với nhau cho được ? Lấy những tư-tưởng gì làm môi-giới cho hai bên ? Lấy những cảm-tình gì mà đồng-tâm hiệp-lực với nhau được ? Muốn cho cái chính-sách của ta đối với dân bản-xứ được thành-thực, được chính-đáng, thì phải nghiên-cứu cẩn-thận như thế.

Cứ theo tôn-chỉ như thế thì đủ biết rằng những phép hành-chính tư-pháp của ta đem ra ứng-dụng tất phải hạn-chế lại nhiều. Phải đối-chiếu với thực-tế-tuần-tự theo sự tiến-hóa chung trong hoàn-cảnh, thuộc về phong-tục, về tư-tưởng, về chủng-tộc, về tôn-giáo, về lịch-sử, bấy nhiêu mối họp lại tạo-thành ra cái tâm-lý trong dân-tộc, và nhân đó xuất-hiện ra pháp-luật, lễ-nghi, phong-tục một nước. Ta phải biết rằng cái chính-sách ấy không phải là dễ-dàng đâu. Vì người Pháp tuy thường thường dễ làm thân với người bản-dân, có khi cũng thành-thực muốn cho người bản-dân được đẹp lòng, nhưng phải biết rằng sự cầu thân đó là gốc ở cái tính ham đồng-hóa của người Pháp, muốn đến gần với người bản-dân không phải là để dò cho biết tư-tưởng của người ta thế nào, mà chính là để ép cho người ta phải theo tư-tưởng của mình vậy.

Quan Hải-quân tổng-trưởng Georges Leygues, năm 1906 đương làm Thuộc-địa tổng-trưởng, hồi tháng 7 năm ấy diễn-thuyết có nói một câu rằng : «Các dân-tộc ở trên mặt địa-cầu, tinh-thần có đối-chiếu nhau, không có giống hệt nhau bao giờ.»

Chính-sách ấy, các quan Toàn-quyền Beau và Sarraut đã từng quả-quyết đem ra thi-hành, hồi mẫu-quốc hữu-sự, gọi thuộc-địa sang giúp, đã kiến-hiệu hẳn-hoi, thì đủ biết là chính-sách thích-hợp và có giá-trị vô-cùng vậy.

Có người để tâm nghiên-cứu cái phong-trào tiến-hóa mới trong dân-tộc, đã từng nghiệm thấy rằng từ sau khi chiến-thắng đến giờ, trong hạng thượng-lưu trí-thức bản-xứ có nhóm lên một cái tư-tưởng mới, phần nhiều thì là một cái tư-tưởng chính-trị hãy còn chưa được rõ-ràng cho lắm, phần ít thì là một cái tư-tưởng thuộc về kinh-tế. Tư-tưởng ấy là một tư-tưởng đồng-tâm, cộng-tác, hỗ-trợ, hợp-quần, kết-quả tất gây ra một cái quan-niệm quốc-gia, nhất-thiết khuynh-hướng về đường hợp-nhất, nhưng hợp-nhất lấy căn-bản ở chủng-tộc mà lấy khuôn phép ở nước Pháp.

Vì các xứ trong cõi Đông-Pháp đã cùng nhau tham-dự vào cuộc Âu-chiến, tức là một cái công-trình hiệp-tác rất vĩ-đại, bao nhiêu dân-tộc xa cách nhau, nhất-đán họp nhau một nơi mà chen vai thích cánh xông-pha nơi chiến-trường, thật là một cái cảnh-tượng lạ-lùng nhất trong cuộc đại-chiến năm 1914 vậy.

Cái công-trình vĩ-đại đó đáng làm cho chúng ta tự-cao, mà cũng dễ khiến cho chúng ta suy nghĩ. Vì nhân

đó mà người bản-dân thuộc-địa đã nghiễm-nhiên đứng đồng hàng với ta vậy.

Cái địa-vị của họ đối với ta thay đổi như thế, họ biết lắm, họ hiểu lắm. Trước họ còn mơ-màng tưởng-vọng những sự xa-xôi ; sau thấy chiến-thắng rồi mà không được mãn-nguyện, bấy giờ mới sinh ra thất-vọng

Vả lại trong cõi Đông-Pháp từ trước đã nhóm có cái quan-niệm quốc-gia rồi, bấy giờ nhân sự chiến-tranh kích-thích, cái tình liên-lạc trong các dân-tộc, cái quan-niệm quốc-gia ấy lại càng mạnh thêm lên vậy.

Ngày quan Toàn - quyền SARRAUT định đặt con đường Thiên-lý đi tự biên-thùy nước Tàu cho đến giáp-giới nước Xiêm, qua cả các xứ trong cõi Đông-Pháp chỉ trừ có xứ Ai-lao, khi ngài định đặt con đường ấy làm đường thuộc-địa số nhất thời cái dây liên-lạc để nối các xứ với nhau đã hiển-nhiên ra đó. Con đường ấy là cái khí-cụ để cho chính-phủ kinh-lý mọi việc, mà lại cũng là cái khí-cụ để cho các dân cùng một giống được mật-thiết liên-lạc với nhau vậy.

Phàm dân-tộc tiến-hóa là theo những phép-tắc tự-nhiên, người ta không thể ngăn-cản được, thà cứ thuận đường mà xuôi theo, hay có thể đưa khiến được thời càng hay, chứ muốn cưỡng lại mà trở-ngại thì không được.

Nay muốn cho cõi Đông-Pháp được giàu-có thịnh-vượng, thì các đường giao-thông, các cách liên-lạc trong các xứ với nhau, ta còn phải mở-mang cho rộng thêm ra nữa. Làm đường-lộ chưa đủ, lại còn phải đặt đường sắt nữa, phải đào sông, phải đặt bến, phải mở thêm các đường giây thép, giây nói, các đường vô-tuyến-điện ; nhưng mở-mang như thế tức là giúp cho sự hợp-nhất trong các dân-tộc bản-xứ, không khỏi có kẻ theo cái lối chính-trị trần-hủ cũ, hay là kẻ dút-dát sợ-hãi, cho thế là không nên chăng.

Tuy-nhiên đã biết cái chính-sách nào là thích-hợp với thời-thế, với cái địa-vị của Đông-Pháp trong cõi Á-đông, với cái quyền-lợi tuyệt-đối của nước Pháp, thời phải quả-quyết mà theo, chứ không thể do-dự được.

Tôi đã từng làm khâm-sứ ở Huế, tức là ở nơi trung-tâm cái đòn gánh nối xứ Bắc với xứ Nam, ở đấy có lẽ hiểu rõ được cái lòng ái-quốc của người Việt-Nam thế nào lòng ái-quốc ấy có thể cứ nhờ tay bảo-hộ của nước Pháp, không cần phải thay đổi gì cái hình-thực chính-trị hành-chính trong tam-kỳ cũng phát-siển được. Lòng ái-quốc ấy cùng cái nghĩa thống-nhất trong dân-tộc Việt-Nam về đường kinh-tế, là đặc-biệt với các hình-thức kia, và chỉ nhờ nước Pháp mới có thể phát-siển ra được. Sự thống-nhất tam-kỳ đây, không phải là có cái chí xứ nọ muốn bao gồm xứ kia, cũng không phải là có cái ý muốn đem một cách cai-trị cách-biệt với các cổ-tục nước Nam mà thi-hành cho cả các xứ trong cõi Đông-Pháp đâu. Nhưng sự thống-nhất ấy chỉ có một cách đặt cõi Đông-Pháp thành một đoàn-thể liên-bang *État Indochinois Fédéral*, ở dưới quyền bảo-hộ Đại-Pháp thì mới có thể và mới có lẽ thực-hành được mà thôi. Muốn cho các xứ trong cõi Đông-Pháp, hiện nay trình-độ không giống nhau, lịch-sử, tài-sản về nông, công, thương, cho đến mục-đích tiến-hóa cũng không giống nhau, muốn cho bấy nhiêu xứ điều-hòa nhau được, thời cần phải có nước Pháp đứng chủ - trương, cơ-sở mới có thể vững-vàng được. Bởi thế nên đối với các dân-tộc trong cõi Đông - Pháp, ta đều phải ân-cần như nhau mà cách thi-thố lại phải tùy mỗi dân mỗi khác, cho dân nào dân ấy nhờ tay bảo-hộ nước Pháp đều được hoàn - toàn phát - đạt cả nhưng cái

chính-sách chung của ta phải cùng một tôn-chỉ, cùng một mục-đích mới được, căn-bản của chính-sách ấy muốn cho được vững-vàng và được lòng dân thuận-nhận, phải đặt ở một nền giáo-dục Âu-Á, đem cái tư-tưởng sáng-suốt của nước Pháp mà chỉnh-đốn sự giáo-hóa của người bản-dân. Việc đó là một việc khó, phải có người ta, phải có thời giờ giúp vào mới làm thành được, lại phải thông-thuộc tâm-lý người bản-dân mà nghĩ đặt ra các chương-trình cho thích-hợp với lòng dân, tục nước, khiến cho đào-tạo ra được khắp các hạng người trong xã-hội, người làm ruộng, người làm thợ, người kẻ chợ, người nhà quê, người làm quan, người học-hành.

Tôi vừa nói muốn thực-hành các tư-tưởng ấy phải châm-chước với cái sức mạnh của thời giờ; nay ở xứ này tư-tưởng đi mau quá, dân-trí biến-cải luôn, nhiều khi bắt-đầu thực-hành thì đã chậm mất rồi. Tôi từng biết nước Nam hồi còn đi võng; nay xem ra như đã muốn lên tầu bay rồi! Ấy sự tiến-hóa mau như thế!

Vậy nhà chính-trị muốn chủ-trương thời-thế thời phải đón trước mà đi chứ không thể đến nơi mới theo được. Bởi thế nên có khi xướng lên cái tư-tưởng gì mới, tựa-hồ như trái với dư-luận đương-thời, nhưng kỳ-thực là suy trước đón sẵn mà dự-tưởng việc ngày mai sắp tới đó.

Các nhà cầm quyền Đông-Pháp từ trước đến nay, ta không thể trách được là không chăm-chút đến việc giáo-dục.

Ngay tự lúc đầu, ông Paul Bert đã chỉ đường vạch lối cho theo, ai cũng biết thế, nhưng mãi đến về sau mới bắt đầu thi-hành được, là vì lúc đầu còn phải chăm về việc trị-an trước đã.

Giữa hồi ấy, trong xứ chưa được yên-tĩnh, đã nổi lên một bọn văn-thân hiếu-động, trách chúng ta là không đem học-thuật Thái-Tây mà dạy cho họ, học-thuật ấy họ coi như là một vị thuốc bách-giải, bệnh gì cũng có thể chữa được, vì mới trông thấy nước Nhật-bản kia cũng là một nước cổ Á-châu mà nhờ học-thuật ấy được trở nên phú-cường, thật cổ-lai giống da vàng chưa được thế bao giờ.

Bọn đó nóng-nẩy oán-trách chúng ta là muốn cầm giữ cho người Việt-Nam ngu-dốt để áp-chế cho dễ, liền rủ nhau đi ra ngoại-quốc để kiếm lấy cái học Tây kia mà nước Pháp thâm-hiểm không muốn dạy cho người Nam.

Chính bọn đó trước kia khao-khát cái học mới như thế, nay dường như lại muốn trách ta đã đem cái học ấy mà dạy cho họ vậy.

Hồi bấy giờ muốn cho thỏa cái lòng hiếu-học của họ, muốn cho yên cái lòng nóng-nẩy của họ, muốn cho họ khỏi ngộ-nhận mà trách lầm, lại muốn dự-bị về đường kinh-tế mà khuyến-hướng cho một dân-tộc từ xưa chỉ biết nghề văn và nghề nông, nay biết xoay về đường công-nghệ, bèn đồng-thời mở ra các trường học thuộc về các bậc để đối-phó với các sự yếu-cần đó. Lúc mới hãy còn lộn-xộn, chưa được chỉnh-bị. Quan Toàn-quyền Sarraut mới đem cái trí tổng-quát mà chỉnh-đốn lại cả cho có giường-mối. Ngài dựng ra cái khung, cái khuôn, ngài xây lên tòa nhà tốt-đẹp, rồi các quan kế-tiếp sau mới sửa-sang sắp đặt cho hoàn-toàn. Nhân vì các giáo-viên bản-xứ luyện-tập được mỗi ngày một nhiều hơn lên, nhân vì sự kinh-nghiệm năm ấy sang năm khác, nhân vì các giáo-viên Tây cũng mỗi ngày một am-hiểu tính-tình người bản-dân hơn, lại nhân vì kẻ thượng-lưu học-thức được nghị-luận tự-do, nên cái nền giáo-dục

Pháp-Việt mỗi ngày lại sửa-sang thêm cho thích-hợp với cái tôn-chỉ chính-trị của Nhà-nước muốn tạo-thành ra một cái đoàn-thể liên-bang Đông-Pháp, khiến cho mỗi dân-tộc được hưởng cái địa-vị xứng-đáng, mỗi cá-nhân được hưởng những quyền-lợi tương-đương với cái trình-độ tiến-hóa của mình.

Một xã-hội đặt trong một cái khuôn chính-trị như thế, muốn cho phát-đạt được, thời phải theo một cái tôn-chỉ giáo-dục thế nào cho vừa phát-siển được các bản-năng cố-hữu của mình, lại vừa phát-khởi ra cái lòng cao-thượng về nhân-đạo mà duy có học-thuật tư-tưởng nước Pháp mới tạo-thành ra được.

Sự học như thế không phải là sự học tầm-thường, tức là một cách giáo-dục, một cách giáo-hóa cao-thượng, nhờ tay nước Pháp dạy-dỗ mà vẫn giữ được cái cốt-cách Việt-Nam, kết-quả đến tạo-thành ra một nước Pháp mới ở giữa đất Á-châu, hăng-hái, mạnh-mẽ, kiên-nhẫn, cần-cù, biết khao-khát sự tuyệt-đích, nhưng cũng biết thuận theo vào kỷ-luật, một nước Pháp mới sẵn-sàng ra hành-động một cách hòa-bình ở trên bờ bể lớn nhất trong thế-giới này.

Diện-tích 70 vạn cây-lô-mét vuông; dân-số 20 triệu con người; số giao-dịch buôn-bán hơn 8 ngàn triệu; hiện nay là một xứ sản thóc gạo nhất nhì trong thế-giới; sau này có thể trở nên một xứ công-nghệ to trong cõi Á-đông, nhờ công khai-khẩn của bọn thực-dân, nhờ trí khôn-ngoan của người bản-xứ, nhờ được nhân-công khéo-léo mà có phép-tắc, nhân-tài sẵn-sàng ra tay chủ-trương chế-tác, có thể mỗi ngày một khuếch-trương ra mà thành một nơi chủ-động trong trường kinh-tế thế-giới; đường duyên-hải vừa dài vừa rộng, các hải-cảng vừa kín vừa sâu; địa-thế ở giữa các đường giao-thông tự phương Nam và phương Tây sang Tầu, sang Nhật, và sang Mĩ; có núi to, cách-biệt với các cõi khác trong Á-châu, mà hình-thế thời trơ-vơ như một khối cương-thạch đứng giữa làm trụ làm cốt cho cả đất châu Á đổ xô về mặt bể Ấn-độ và mặt bể Chi-na, khác nào như một cái điếm canh, một cái chòi gác, một ngọn hải-đăng đặt ở cuối cùng châu Á để chiếu cả một góc trời Đông vậy. Ấy cái hình-thế đất Ấn-độ-Chi-na này tốt-đẹp như thế, đất bình-tĩnh, vui-vẻ, giàu-có, sung-túc, thật là một cõi thái-bình vô-sự, không khỏi gợi cái lòng dục-vọng của kẻ bàng-quan vậy. Như vậy thời phàm những nguyên-lực gì có thể lợi-dụng được, nhất là những nguyên-lực về tinh-thần, ta cần phải biết lợi-dụng cho khéo, không nên bỏ mất một cái nào. Ta phải biết tập-hợp những cái sức mạnh ấy lại để giữ cho trong cõi được yên-tĩnh, tránh khỏi được những sự bạo-động vô-ích, và khiến cho các xứ được tuần-tự hòa-bình mà phát-đạt tiến-hóa.

Nay có những sự nguy-hiểm gì có thể ngăn-trở cái công khái-hóa của chúng ta? Những sự nguy-hiểm to-tát có hại đến cái chủ-quyền của ta thì không có, nhưng có lắm cái hiểm-tượng hiển-nhiên có thể làm cho sự hành-động của ta sai-lạc đi được, làm cho sự tiến-hóa trong bản-xứ hoặc chậm-trễ quá, hoặc cấp-tốc quá, gây ra những lối chính-trị không hay, vừa không hay cho ta, vừa không hay cho các thuộc-dân của ta nữa. Những hiểm-tượng ấy là ở trong, chứ không phải ở ngoài, và là thuộc về phương-diện chính-trị, bởi lẽ tiến-hóa chung, lại cũng bởi vì có nước Pháp sang cầm quyền mà sinh ra vậy. Hiểm-tượng ấy vừa ở phái cực-hữu, vừa ở phái cực-tả.

Phái cực-hữu là phái phản-đối cũ của nước Nam, tùy thời-thế mỗi lúc

thay đổi một khác : có lúc thì chủ-trương quyền quân-chủ chính-thống, như bọn Cường-Để, Nguyễn Thượng-Hiền, Phan Bội-Châu (đây là nói Phan Bội-Châu hồi trước, chứ không phải hồi sau này) ; có lúc thì chủ-trương lối cộng-hòa lập-hiến như nước Tàu ; lại có lúc thì một bọn quan quyền-mưu u-âm vận-động, mơ-mộng muốn tái-diễn ra ở nước Nam cái tấn kịch Viên Thế-Khải ở Tàu năm nọ. Đảng phản-đối này thì cổ-lai ở nước Nam bao giờ cũng có, phản-đối với vua, phản-đối với chúa, trong lịch-sử nước Nam đời nào là không có những chuyện âm-mưu phản-đối đó. Bọn này xưa nay vẫn là bọn văn-thân, đối với chính-phủ nào thì cũng là phản-đối cả, huống đối với chính-phủ ngoại-quốc thì lại sẵn lòng bài-xích lắm, hết sức bảo-thủ lấy cái đặc-quyền của một bọn thượng-lưu thiểu-số. Phái này kể cũng còn có kẻ nhiệt-thành theo lắm, muốn tỏa-chiết cho được thì chính-phủ Bảo-hộ phải giúp sức cho vua quan bản-xứ có quyền mà trị cho riết mới được.

Về phía cực-tả thì là bọn theo về chủ-nghĩa quốc-gia, nhưng là cái chủ-nghĩa quốc-gia cách-mệnh, chứ không phải cái chủ-nghĩa quốc-gia ôn-hòa lấy nghĩa dân-tộc thống-nhất làm tôn-chỉ, như tôi vừa nói trên kia đâu. Bọn này là những bọn bất-đắc-chí, vì lòng kiêu-căng tham-dục không được thỏa-mãn, xoay ra phản-đối kịch-liệt, nhưng bất tài bất-lực, không thể tự mình sáng-lập ra được một cái chủ-nghĩa đích-đáng, phải theo đòi người ngoài để kiếm lấy một cái chương-trình, một cái hiệu cờ mà củ-tập nhau, sẵn ỷ-lại ở ngoài và chỉ chực a-dua với những đảm cộng-sản, đảm quá-khích, để mà phản-kháng quan-quyền, phá-hoại trật-tự.

Hai phái ấy là hai phái cực-đoan ; giữa hai phái ấy có hẳn một hạng thượng-lưu tri-thức, nhiệt-thành yêu nước, nhờ tư-tưởng học-thuật của Đại-Pháp mà đào-tạo ra, nhưng xem cũng không được mãn-nguyện. Bọn tri-thức này đã thử lập một đảng ôn-hòa tiến-bộ, thành-thực hiệp-tác với Bảo-hộ, nhưng bị các phái cực-đoan tràn ngập mất mà không thành được. Nghiệm ra thì bọn này tư-cách cũng còn khuyết-điểm, chưa có cái lòng can-đảm nhiệt-thành về chính-trị ; cũng chưa có cái trí kết-cấu, biết nhân một cái tôn-chỉ nhất-định bày ra các phương-lược thi-hành ; lại chưa có cái tài chủ-trương thống-nhiếp được các sức mạnh trong một đảng.

Tôi đã từng nói chuyện lâu với những tay đại-biểu trong phái này. Tôi xét ra những người ấy là những tay thông-minh lỗi-lạc cả, tinh-thần mẫn-tiệp, tư-tưởng sâu-sắc, mà phải chăng biết điều lắm ; vậy mà hỏi ra cũng không thể phân-trần được rõ lòng nguyện-vọng, sự yêu-cầu của mình thế nào. Thực ra thì cái vấn-đề chính-trị ở đây là thuộc về tâm-lý nhiều hơn là thuộc về quyền-lợi.

Ông quan ngày xưa, xuất-thân ở nơi cổ-học, đối với người ngoại-quốc còn có thể khinh là dã-man, không biết lễ-phép. Còn có thể lấy điều lễ-nghi cũ làm như cái bình-phong để ẩn mình, dẫu có bị những cách đối-đãi nhục đến thể-diện cũng có thể lấy đấy mà tự an-ủi cho mình được. Chứ như người thanh-niên ngày nay, xuất-thân ở nơi tân-học của chúng ta, làm người giúp việc cho chúng ta, thì không làm như thế được nữa.

Bọn thanh-niên này không còn cái căn-bản cũ nữa, như cái cây đã bật rễ rồi, không thể lấy cái lễ-nghi cổ làm nơi nương-náu nữa, khi ra đối-đãi với người đồng-sự Tây, thấy mình không được đứng bằng-đẳng với người, tựa như phải kém vai kém vế, lấy thế làm nhục.

Không phải là nói về phương-diện vật-chất đâu : đây là nói về cái thể-diện của người ta, chứ không phải là số tiền lương cao hay thấp vậy.

Vì hiện chế-độ trong xã-hội, cách sinh-hoạt của người ta, cùng cả mấy sự thí-nghiệm của mấy người có bụng-dạ thành-thực quảng-đại mà cũng đến thất-bại, thật là khó gây ra được cái không-khí, cái hoàn-cảnh bình-đẳng mà bọn thanh-niên đó đương khao-khát. Khao-khát mà không được, nên thường băn-khoăn mơ-màng không biết dùng cách gì cho được, có kẻ xin nhập tây-tịch, có kẻ thì xoay về chủ-nghĩa tôn-chỉ khác. Vả lại xét ra những quyền-lợi tự-do mà chúng ta cho họ, nhiều khi họ vì không hiểu mà không biết dùng cho khéo. Song cũng phải biết rằng sở-dĩ không hưởng được các quyền-lợi ấy cho hoàn-toàn, cũng là bởi một cái tâm-lý riêng của người Pháp và người Nam khiến nên như thế.

Tuy-nhiên những người ấy vẫn hi-vọng ở chúng ta. Những người ấy không có phụ-bạc gì với nước Pháp. Họ biết rằng không có nước Pháp giúp thì không làm gì nên được. Tôi dám quả-quyết rằng bọn đó sau này sẽ thành-thực quay cả về với chúng ta. Hiện nay họ còn phân-vân do-dự, đã bỏ mất các nền-nếp cũ rồi, mà lề-lối mới thì chưa quen, chưa hiểu, chưa biết khéo điều-hòa với những thói cách cũ còn di-truyền lại ; nhưng sớm trưa rồi ta cũng thu-thập được bọn ấy mà gây thành ra một cái đoàn-thể vững-vàng.

Đến khi ta ra tay quả-quyết, chỉ đường vạch lối cho họ theo, thì cái tình-trạng bất-bình của phái thượng-lưu sẽ hòa-giải được ngay. Đối với bọn bình-dân công-chúng cũng thế, bọn này hiện còn mộc-mạc chưa biết gì, bao nhiêu đời đã phải bị vua quan chuyên-chế về chính-trị, về tinh-thần, thường vẫn mơ-màng một cái chế-độ hay hơn, có khi gặp kẻ khéo nói khuyên-dỗ thì đến quên cả ơn cũ nghĩa xưa mà đem thân phó mặc cho cái may rủi, ấy là cái tâm-lý thường của các dân-chúng đất Á-châu tin ở số-mệnh xui khiến vậy. Trong khi mơ-màng tưởng-vọng đó, hăng hái nổi lên, đùng-đùng bạo-động, được một chốc lát. Giữa lúc say mê đó, thì gặp kẻ nào đứng lên cổ-động, nói ra những lời phảng-phất với cái mộng hoang-đường của mình, là nhắm mắt theo liền, vì một giờ cuồng dại mà rồi đến phải bao nhiêu năm cực-khổ khốn-nạn cũng cam-tâm. Ấy chính bởi cái tâm-lý của dân-chúng bản-xứ, nhất là dân-chúng Việt-Nam, mà chúng ta hồi xưa chỉ có bốn người lính và một người cai đánh lấy được nước Nam dễ-dàng như thế. Lại cũng bởi cái tâm-lý ấy mới có những cái phong-trào khởi-nghĩa đới có tính-cách thần-bí, như việc Kỳ-đồng ở Bắc-kỳ, việc sưu-thuế ở Trung-kỳ hồi năm 1907, những khi ấy thì người dân như mê như cuồng, theo mấy tên thủ-xướng bảo làm sao nghe làm vậy, chẳng hiểu đầu đuôi thế nào, như mắc phải cái bệnh truyền-nhiễm phát cuồng lên mà làm bậy.

Đã biết cái tâm-lý bất-thường của dân-chúng như thế, mà hiện sự học chưa thể thay đổi được, nên có thể sợ rằng vụt chốc gây ra một cái phong-trào không thể lấy lẽ phải mà ngăn cản được.

Cũng bởi thế nên muốn gây ra và muốn giữ lấy cái lòng tin là điều cốt-yếu cho được hòa-bình tiến-bộ, thì cần phải có trật-tự, có kỷ-luật, có quyền trên mạnh-mẽ và sáng-suốt, khéo biết thi-hành một cái chính-sách rộng-rãi khôn-ngoan, khiến cho ai nấy có cái cảm-giác được sinh-hoạt tự-do ở dưới một cái quyền tôn-trọng.

Nhà luân-lý có câu nói rằng : « Nhiều khi sự tự-do bó-buộc, mà quyền

pháp-luật lại giải-phóng cho người ta.» Câu ấy đối với các dân-tộc Á-châu còn thích-hợp hơn là đối với các dân-tộc khác.

Nay ta đã kể qua những điều đại-cương về cách chính-trị của ta đối với người dân bản-xứ, đã phác-họa cái tâm-lý hiện-kim thế nào, vậy thì thử xét xem nhân đó có thể định được những phép- tắc chính-trị thế nào.

Nghĩa là nay ta thử xét xem nước Pháp đối với cái tình - thế kể trên kia đã thi-thố thế nào cho thích-hợp.

. .

Đông-Pháp là gì? Đông-Pháp là một cuộc liên-hiệp mấy nước do những điều-ước khác nhau cùng do quyền chiếm-lĩnh mà thuộc nước Pháp thống-trị. Như Nam-kỳ là thuộc-địa, Bắc Trung-kỳ, Cao-miên, Vạn-tượng (*Luang Prabang*) là đất bảo-hộ, các xứ Lào khác là đất chiếm - lĩnh, đất Quảng-châu-loan là đất tô-tá. Hình-thể chính-trị đã khác nhau như thế, đến chủng-tộc các dân lại khác nhau lắm nữa. Phần dân đông nhất là người An - Nam, ngoại-giả còn có dân Tàu, dân Mên, các dân thuộc về giống Thái, các dân thuộc về giống Ấn-độ-Mã-lai, dân thì theo đạo Phật, dân thì theo đạo Khổng, dân thì còn thờ những thần mộc-thạch thô-bỉ dã-man. Lại còn cái thời-giờ sớm muộn không giống nhau, vì chúng ta hành-động ở Nam-kỳ đã bảy chục năm, còn ở Trung-kỳ, Bắc-kỳ, Ai-lao thời là gần về sau vậy. Như vậy thì chủng-tộc khác, văn-hóa khác, chính-trị khác, trình-độ tiến-hóa về đường vật-chất cũng khác. Bấy nhiêu cái nguyên-chất phiền-tạp như thế, chúng ta phải dùng cái tài tổng-quát, cái trí kết-cấu thế nào cho thích-hợp? phải dùng phương-pháp gì để điều-hòa được cả các chất ấy ở dưới quyền chúa-tể của Đại-Pháp?

Chính-thể Đông-Pháp phải xét về phương-diện công-pháp, chứ không xét về phương-diện tư-pháp được, tùy mệnh-danh thế nào về công-pháp vạn-quốc, thời cái chính-sách thi-hành sẽ nhân đó mà suy ra.

Có lẽ cũng bởi chưa mệnh-danh được phân - minh như thế, cho nên trong lịch-sử nước Pháp chiếm-lĩnh xứ nào thường chia ra hết thời-kỳ tập-quyền lại đến thời-kỳ phân-quyền, cứ thay đổi liên-tiếp mãi như thế. Tôn-chỉ của Nhà-nước không nhất-định như thế, thành ra mỗi xứ khởi lên một cái phong-trào dư-luận riêng, lại cũng vì đó mà nhiều người ở mẫu-quốc và ở cả ngay các thuộc-địa nữa nghị-luận về chính-trị Đông-Pháp thường sai lầm như thế. Có người chủ-trương cái thuyết đồng-hóa, có người đề-xướng cái thuyết tự-trị.

Cứ thực thì Đông-Pháp không phải là thuộc-địa, không phải là đất bảo-hộ, cũng không phải là đất chiếm-lĩnh. Như tôi vừa nói trên kia, Đông-Pháp là gồm cả bấy nhiêu thể, Đông-Pháp thực là một cuộc liên-bang.

Đông-Pháp đương có cái khuynh-hướng thành một cuộc liên - bang hoàn-toàn. Hiện nay thì mới là một thể liên-bang không có hiến - pháp, người ta thường lẫn với thể thuộc-địa, mà thuộc-địa không có cốt-cách gì, thế mà vẫn cưỡng ép theo các thuộc-địa khác mà thi-hành những phép-tắc trái ngược với cái chế-độ riêng của các bộ-phận trong cuộc liên-bang ấy.

Như vậy thì phải theo cái phương-pháp thế nào?

Phương-pháp ấy là ở ngay trong các điều-ước kiêm - tính, các hiệp - ước ngoại-giao. Cứ theo như đấy thì xứ nào có địa-vị xứ ấy, xứ nào có phạm-vi xứ ấy, cứ địa-vị cứ phạm-vi ấy mà tuần-tự tiến-hóa. Như vậy thì mỗi xứ sẽ được tận-lực phát-siển mà hoàn-toàn giúp cho cuộc liên - bang được phú-

cường. Bấy giờ thì phủ Toàn-quyền không phải lo việc chính-trị riêng của mỗi xứ nữa, có thể tận-lực mà chăm những việc cốt-yếu cùng chủ-trương thống-trị cho cả toàn-cuộc liên-bang.

Quan Toàn-quyền không những là người thay quyền cho quốc-gia chúa-tể, không những là người bênh-vực quyền-lợi của thuộc-địa đối với mẫu-quốc, lại là cái dây liên-lạc trong các liên-bang, nhân đó mà quyền của quan Toàn-quyền, tức là quyền của nước Pháp, phải cho mạnh-mẽ và phải cho tuyệt-đối, phải thi-hành ra được mà không bị trở-ngại, tôi nói là không bị trở-ngại chứ không phải là không bị kiểm-soát. Quan Toàn-quyền phải thật được toàn-quyền, đó là điều thứ nhất.

Điều thứ nhì là nhân chính-thể, chủng-tộc, trình-độ các xứ không giống nhau, thì cách hành-chính của mỗi xứ cũng phải khác nhau, nhưng trái lại thời về đường tài-chính, về đường kinh-tế cần phải cho thống-nhất, vì có thế thì cái công kha i-hác cõi Đông-Pháp mới có thể tiến-hành phát-đạt được.

Như vậy thì cái phép chính-trị tôi vừa kể ra đó, có thể gọi là « chính-sách thích-dụng » (*politique d'adaptation*), hay là chính-sách hợp-tác cũng được, nay xin tóm-tắt đại-cương làm 19 điều như sau này, mỗi điều muốn cho tường thì còn cần phải thuyết-minh dài lắm mới được.

I.—Chủ-quyền nước Pháp phải tuyệt-đối, không thể để cho dị-nghị được.

II.—Đông-Pháp ngày nay là họp mấy nước lại mà thành ra, nay phải tổ-chức cho thành một cuộc liên-bang hẳn-hoi.

III.— Cái chủ-quyền tuyệt-đối của nước Pháp là cần để làm cái giây liên-lạc các bộ-phận trong cõi Đông-Pháp, về đường chính-trị, đường hành-chính, đường chủng-tộc không giống nhau, mà trình-độ tiến-hóa cũng không bằng nhau, bởi thế nên các phương-pháp chủ-trương, các phép-tắc hành-chính, phải mỗi xứ một khác cho thích-hợp, xứ này thì dùng cách trực-tiếp cai-trị, xứ kia thì dùng cách gián-tiếp bảo-hộ, v. v..

IV.—Mỗi xứ trong cõi Đông-Pháp phải giữ y-nguyên cái thể-chế riêng về chính-trị hành-chính, bởi thế nên phải dùng phép phân-quyền, nghĩa là tùy mỗi xứ mà cách cai-trị phải khác nhau, không thể đem cùng một thể-lệ mà thi-hành cho cả các xứ, như Nam-kỳ là xứ thuộc-địa, Trung-kỳ là một xứ bảo-hộ hẹp, Bắc-kỳ là một xứ bảo-hộ rộng, Ai-lao là một xứ chiếm-lĩnh, vân-vân. Nhưng trái lại thì về đường hành-chính và kinh-tế phải dùng phép tập-quyền cho được thống-nhất trong đoàn-thể liên-bang.

Khoản này cần phải giải-thích cho rõ. Đối với những xứ có văn-minh cổ, đã từng ký điều-ước với chúng ta, thì tôi quyết chủ-trương cái lối bảo-hộ, vì duy có lối này là còn giữ được cái thể-thống quân-chủ triều-đình hợp với những lý-tưởng cố-hữu của các dân-tộc ta bảo-hộ, khiến cho dân-tâm có chỗ qui-phục mà được yên-ổn, ngăn được những cái phong-trào cực-đoan về bên tả hay về bên hữu, vì cái thể-thống đó là để *duy-trì* cho chúng ta *hành-động*. Tuy-nhiên đối với những dân-tộc còn dã-man mà ta mới thu-phục về dưới quyền ta, thì tôi lại quyết chủ-trương cái lối trực-tiếp cai-trị.

Năm trước hồi tôi làm Khâm-sứ ở Trung-kỳ, tôi đã có làm một tờ chu-tri kể rõ cái chính-sách đối với các thổ-dân ở miền sơn-lâm xứ ấy. Những thổ-dân này chưa có văn-minh cũ đáng tôn-trọng gì, còn sinh-hoạt một cách khốn-nạn ở trong vòng vật-chất, chúng ta phải ra tay mà cứu cho họ ra ngoài cái trình-độ thấp hèn ấy.

Các thổ-dân ấy còn man-mọi lắm, không có sức mà chống lại với những dân văn-minh hơn, nên ta muốn khai-hóa cho họ thì không cần phải dùng ai làm môi-giới cả, ta có thể trực-tiếp mà hành-động ngay được.

Ở Đông-Pháp này duy có chúng ta mới có đủ tư-cách để đối với các dân kém hèn ấy thi-hành một cái chính-sách quảng-đại, hợp với nhân-đạo, vì phải có lòng thành-thực, có lòng kiên-nhẫn, có trí phán-đoán, có lượng bao-dung, có bụng công-bằng. Thứ nhất là ta không nên quên rằng ta đến các xứ đó là ta đại-biểu cho tổ-quốc ta đó, người các xứ ấy biết đến nước Pháp là chỉ biết ở công việc làm của chúng ta mà thôi.

V. — Trong đoàn-thể Đông-Pháp, mỗi cá-nhân do ta đào-tạo ra, ta phải cho một cái địa-vị xứng-đáng với cái trình-độ trí-thức của họ, địa-vị ấy tuyệt-đích là ở cái địa-vị người «công-dân trong cuộc liên-bang Đông-Pháp» (*citoyen fédéral indochinois*) mà phải qua một bậc dưới nữa mới lên tới được, là một bậc công-dân Việt-Nam, công-dân Cao-miên, công-dân Ai-lao, công-dân Thổ, công-dân Mường, công-dân Mọi nữa.

VI. — Cho người công-dân ấy được quyền tham-dự vào các công việc trong bản-xứ mình, quyền này dần dần mỗi ngày mở rộng ra cho; nhân tham-dự vào việc bản-xứ rồi cho hiệp-lực với người Pháp để chủ-trương cả các việc lớn trong đoàn-thể liên-bang.

Bởi thế nên cứ ý riêng tôi tưởng rằng trước khi đặt ra hội-nghị chung Đông-Pháp, cần phải đặt ra các hội-nghị riêng cho người Pháp và người bản-dân ở mỗi xứ đã. Tất phải qua bậc ấy trước đã, rồi mới lập thành được đoàn-thể liên-bang.

VII. — Về sự học thì không có hạn-chế gì cả: Người bản-dân có sức thông-minh học được đến đâu thì cũng được khoa-danh bằng-cấp ngang bằng với người Tây cả.

VIII. — Nhân đó, phàm các ngạch quan-lại mở rộng cả cho người bản-xứ cũng được vào, chỉ trừ những chức-quyền nào là đại-biểu cho chủ-quyền nước Pháp hay là công-quyền dân Pháp mà thôi.

Quan Toàn - quyền VARENNE hồi tháng 2 năm 1926 đã ký nghị-định mở rộng các ngạch tây thuộc về các sở chuyên-môn bản-xứ cho người bản-dân cũng được vào, thế là đã công-nhiên cải-cách theo về phương-diện đó rồi.

IX. — Phải ban-bố sự học trong dân-gian, nhưng học phải cho thích-hợp với sự yếu-cần trong bản-xứ, có thể thì mới có thể cải-lương được dân-tâm phong-tục.

X. — Phải khuếch-trương việc y-tế cho phổ-cập, để cải-lương chủng-tộc cho người bản-dân, và khiến cho thân-thể được hoàn-toàn phát-đạt.

XI. — Phàm luật-lệ phong-tục phải nên để cho người dân tình-nguyện xin hẳng cải-cách, đừng nên tự-ý ta can-thiệp.

XII. — Sự cải-cách về chế-độ tư-pháp là kết-quả tất-nhiên (nhưng chỉ là kết-quả mà thôi) của sự biến-cải về phong-tục, về dân-trí, bởi cái công giáo-dục vệ-sinh về thân-thể, về tinh-thần, bởi sự phát-đạt trong xã-hội nhân sự biến-cải về kinh-tế mà thành ra; nghĩa là nhân-tâm xã-hội phải biến-cải trước đã rồi phép tư-pháp mới tùy đó mà cải-cách sau, chứ không nên vội-vàng đổi chế-độ tư-pháp trước khi phong-tục chưa thay đổi.

XIII. — Mở-mang các lợi-nguyên tài-sản trong xứ cùng với người bản-dân, phải để cho người bản-dân hiệp-lực không những về phương-diện nhân-công, mà lại về cả phương-diện tư-bản nữa.

XIV. — Nhân vì mục-đích đó, phải thi-hành một cái chính-sách về tài-chính kinh-tế thế nào cho quyền-lợi của ta với quyền-lợi của dân bản-xứ được mật-thiết liên-lạc với nhau.

Hiện nay ở Nam-kỳ thường thấy có kẻ nhờ ơn thái-bình của Đại-Pháp làm ăn được giàu có, lại xoay ra phản-đối với nước Pháp.

Nào là các ông thân-hào điền-chủ, mỗi năm hoa-lợi kể biết bao nhiêu, thóc nhiều bạc lắm, thường mơ-màng cho được có quyền có thế, vậy khi nào chúng tôi mời các ông cũng chung phần vào công việc với chúng tôi, thì bấy giờ các ông sẽ làm người bạn hợp-tác với chúng tôi, và nhân đó các ông sẽ sẵn lòng thừa-nhận cho chúng tôi ở nước các ông là vĩnh-viễn và chính-đáng. Bởi vậy nên các tư-gia gần đây đã có nhiều nhà đồn-điền Pháp mời các tay điền-chủ An-Nam chung vốn mà cùng làm với nhau, cái sáng-kiến ấy thật đáng khen lắm. Những người ấy đáng khen là bởi đã hiểu rõ cái mối lợi-quyền cao-thượng, biết vui lòng mời những tay thượng-lưu bản-xứ vào ngồi cùng với mình ở ban hội-đồng trị-sự các công-ti ; đã từng gặp nhau ở ban hội-đồng công-ti, cùng nhau bàn tính lợi-hại, thì đến khi ra nơi nghị-trường nghị-viện bàn-bạc việc nước không đến nỗi coi nhau như kẻ cừu-thù vậy.

XV. — Thi-hành một cái chính-sách về nông công thương thế nào cho gây nên được một cái nền «tín-dụng» trong cõi Đông - Pháp (*crédit indochinois*) chắc-chắn và vững-vàng, khiến cho kẻ cá-nhân và các đoàn-thể bản-xứ biết dùng các cách giao-dịch bằng ngân-hàng và biết hùn-họp lập ra các hội buôn, các công-ti theo như thương-luật dân-luật của Đại-Pháp.

XVI. — Nhờ đã có một nền tín- dụng chắc-chắn, lại nhờ thiên-hạ đã công-nhiên thừa-nhận cho các mối chính-trị, kinh-tế, xã hội lập thành ra đoàn-thể liên - bang Đông - Pháp là kết - hợp kiên - cố rồi, thời bấy giờ phải mở công-thái để lấy tiền mà chỉnh-bị các kinh-tế-dụng-cụ cùng khai-thác các lợi-nguyên trong xứ.

XVII. — Nhờ các tài-sản chung đã tăng-tiến lên, thì sự phong-phú riêng cũng tăng-tiến theo, vậy các khoản kinh-phí của Nhà-nước cũng phải tùy đó mà tăng lên.

XVIII. — Về việc nội-trị trong mỗi xứ thời xứ nào dùng người bản-dân xứ ấy. Nghĩa là phải thi-hành một cái chính-sách thuộc về chủng-tộc (*politique des races*), điều đó là điều tối-cần.

XIX. — Việc quân-phòng trong cõi Đông - Pháp thời dùng đều cả các giống người phải gánh vác chung.

∴

Tôi thật đã lạm-dụng cái sức chú-ý của các ngài, vậy mà cái vấn-đề về chính-sách nước Pháp đối với bản-dân Đông-Pháp là một vấn-đề quan-trọng vô-cùng, còn nhiều điều nên nói nữa.

Hồi này là giữa hồi ở Á châu có lắm cái nguyên-nhân khủng-hoảng, nhưng đối với tương-lai tôi vẫn giữ cái chủ-nghĩa lạc-quan, tôi muốn được rộng thì - giờ hơn nữa mà kể rõ những lẽ lạc-quan ấy để các ngài nghe.

Vẫn biết rằng những nguyên-nhân khủng-hoảng kia, không nên bỏ qua không chú-ý đến. Phải biết cho tường, phải xét cho kỹ, phải cân nhắc cho biết nặng nhẹ thế nào, nhưng mà nếu đem trí suy-nghĩ, tính sổ hai bên, thì đối với những cái hiểm-tượng ấy còn có những cái hiện-tượng tốt đẹp rỡ-ràng biết bao nhiêu, chỉ vì nó hiển-nhiên quá, nên ta thường không chú-ý đến, nhưng thực đủ khiến cho ta vui lòng hởi dạ vậy.

Cái chủ-quyền của ta vẫn phải là tuyệt-đối, nhưng không nên dùng cách cưỡng-chế mà bắt người ta theo, cho nên vẫn phải lấy cái chính-sách khoan-dung mà thi-hành, hoặc cũng có khi rượu tự-do làm cho người ta đến say-sưa, cần phải hạn-chế lại cho khỏi sinh ra nhiễu-loạn, nhưng thực cũng nhờ sự khoan-dung của ta đó mà các năng-lực của bản-dân có thể nở-nang phát-đạt ra được một cách tốt-đẹp biết dường nào.

Tôi không biết rằng trong một bài lý-thuyết như thế này có thể khiến cho nhiều người hiểu được không rằng hiện nay ở Đông-Pháp cần phải thi-hành một cái chính-sách vừa mềm-mại mà vừa quả quyết, đủ làm cho người ta hiểu mà theo mình, nghĩa là biết thu-phục lấy tâm-trí người bản-dân, ấy là cách diệu hơn cả.

Hoặc-giải nói : Việc gì mà phải khó-nhọc nghiên-cứu những giống người, những tư-tưởng, những trí-não trong mấy nghìn năm đã theo những đường-lối khác hẳn với ta như thế; việc gì mà phải gia công cố sức giảng-dụ cho những người cái óc người ta không hiểu được những lẽ tiến-bộ theo như tư-tưởng của ta ? Bất-nhược mình đã có sức mạnh ở trong tay, lại có cái lòng tin rằng phép tiến-hóa của các dân-tộc đời nay phải như thế mới được, thì họ không theo, mình cũng cứ cưỡng bắt cho họ phải theo, thế chẳng phải dễ-dàng hơn ư ?

Muốn trả lời câu hỏi đó, không gì bằng cứ thuật lại những công việc và lời nói của các nhà chính-trị đã cầm quyền chúa-tể các thuộc-địa và thứ nhất là cõi Đông-Pháp từ xưa đến nay.

Từ quan Toàn-quyền Doumer đến quan Toàn-quyền Varenne, qua các quan Toàn-quyền Beau, Klobukowsky, Roume, Long, Merlin, những người như tôi đây đã được cái danh-dự đi đến các đất nước khác, ở cùng các giống người khác, mà theo như lời của nhà văn-sĩ Anh Kipling phải mang cái gánh nặng của giống da trắng (*le fardeau des Blancs*) đối với người dị-chủng, thời mới biết rằng phàm sự-nghiệp người ta phải có do một tấm lòng cao-thượng vô-tư-kỷ, phải có bởi cái công-phu am-hiểu cảm-tình với người ta, thời kết-quả mới được tốt-đẹp mà không để chút di-hận gì.

Ấy cả chính-sách của nước Pháp là ở đó ; tôi chẳng qua là chỉ tập-hợp lại để phô-diễn ra cho có đầu-đuôi mành-mối những việc làm cùng tư-tưởng của các quan đã từng giữ cái trọng-trách phải thi-hành chính-sách ấy ở Đông-Pháp từ xưa đến giờ. Hồi tháng 3 năm 1914, hội Công-thương Đông-Pháp ở *Paris* họp hội-đồng, ông nghị-viên Deloncle làm chủ-tọa, bấy giờ quan Sarraut đương làm toàn-quyền Đông-Pháp, ngài diễn-thuyết có nói rằng:

« Chính-sách ấy không phải mới xướng ra tự nay, chính-sách ấy không phải là của riêng tôi. Tôi lại lấy làm một điều danh-dự cho tôi là tôi không lấy ý-kiến riêng mà thi-hành một cái chính-sách riêng. Tôi chỉ theo con đường thẳng đã vạch từ trước, các nhà đã có kinh-lịch về việc Đông-Pháp cũng chứng-nhận cho thế. Ngay như ông Deloncle đây, hồi năm 1905 đã nói một câu gần đây tôi thường nhớ mà đọc lại nói rằng :

« Chính-sách của ta ở Đông-Pháp phải là cố-kết người Việt-Nam, người Cao-miên, người Ai-lao với chúng ta, cho quyền-lợi vận-mệnh đôi bên liền hẳn với nhau. » Lại cùng một năm 1905 đó, tới nay đã ngót 10 năm rồi, ông Clémentel làm tổng-trưởng bộ thuộc-địa, đã phác-họa ra một cái chương-trình chính-trị cho các thuộc-địa rất rộng-rãi và dự-liệu được cả việc tương-lai. Hai ông Clémentel và Deloncle chẳng qua cũng là thuật lại

mà biểu-dương lên cái chính-sách cố-hữu của nước Pháp ở Đông-Pháp từ xưa đến giờ, chính-sách đã thuộc về lịch-sử rồi, vì từ hồi đầu chúng ta giao-thiệp với nước Nam đã từng tuyên-bố rằng sẽ một lòng thành-thực hiệp-tác với người bản-xứ, tôn-trọng những chế-độ phong-tục của dân bản-xứ, chính-sách ấy tuy cũng có sai-lầm, không khỏi do-dự, nhưng tự đấy đến nay thật đã cải-tạo hẳn cõi đất này; nói tóm lại chính-sách này là chính-sách tự hồi mới bắt đầu đã được những tay đại-chính-trị như ông PAUL BERT và ông JULES FERRY chủ-trương vậy. »

Các ngài đến nghe cuộc diễn-thuyết này chắc có ý mong đợi rằng tôi sẽ trình-bày để các ngài nghe những lý-thuyết mới, những tư-tưởng lạ, hay là một cái chương-trình xưa nay chưa ai nghĩ tới. Tôi xin các ngài thứ cho tôi thật đã làm cho các ngài không được mãn-nguyện.

N.-P. *dịch*

KHẢO VỀ SÁCH XUÂN-THU TẢ-TRUYỆN

I

Khảo-nguyên

Cái mục-đích của sự học-vấn là phải lấy phép thực-nghiệm mà xét tìm cho kỳ đến chốn chân-lý có thể căn-cứ được mới thôi; đã thấy chân-lý thì dù điều gì xưa nay người ta vẫn khinh thường, mình cũng tôn lên mà tin theo. Bằng chưa thấy chân-lý thì dẫu điều gì xưa nay người ta vẫn sùng chuộng mặc lòng, mình cũng đành hoài-nghi mà bỏ lại.

Tôi viết bài khảo-nguyên sách *Xuân-thu Tả-truyện* này, không phải cố làm cho phản-đối với bao nhiêu người học *Xuân-thu* từ xưa đến nay, để khoe mình cao-kiến gì, chẳng qua cũng là muốn tìm cho đến chốn chân-lý đó mà thôi. *Xuân-thu* là sách tàn-khuyết sai-suyễn và nhiều môn-phái nhất trong các sách nho tìm ra ở đời nhà Hán. Nay muốn tìm cho đến chỗ thuần-túy chân-chính của sách *Xuân-thu*, không có thể tóm-tắt một vài câu mà được, vậy nên phân-tích ra từng phần mà khảo xét như sau này.

Tên sách Xuân-thu. — Tên sách tức là cái biểu-hiệu tính-chất của một quyển sách, *Thi* 詩 là sách có những thơ; *Dịch* 易 là sách nói về lẽ biến-dịch, vậy *Xuân-thu* là sách gì? Từ Hán đến nay, các hậu-nho đều nhận *Xuân-thu* là sách chủ về kinh-học chứ không phải chủ về sử-học, bởi vì có cái nghĩa tôn-sùng gọi *kinh* là sách của thánh-nhân làm ra. Lại một nghĩa nữa, *kinh* là sách đối với *sử*, nên người ta tưởng *kinh* là sách của thánh chỉ dạy về đạo-lý, mà đạo-lý chỉ là lý-luận cho xuôi thì thôi, chứ không cầu gì sự thực.

Nhưng mà nghĩ thế là lầm, phải biết sự-thực là thể, đạo-lý là hồn, có thể mới có hồn, có sự-thực mới có đạo-lý được. Bởi thế bắt đầu bài này, tôi phải cắt nghĩa cái tên sách bằng hai chữ *Xuân-thu* 春秋, để định biết tính-chất của sách mà lấy làm trụ cho sự luận bàn.

a) Đỗ Dự 杜預 nhà Tấn có giải nghĩa hai chữ tên sách *Xuân-thu* rằng

« Năm có bốn mùa, nên lấy hai mùa cách nhau mà gọi. » Thế là Đỗ Dự cho Xuân-thu là một năm đó. Nay xem Quản Trọng cũng nói: « Mỗi tiết xuân-thu đến chịu vương mệnh 節春秋來承王命. » Lại sách *Hán-kỷ* kể tuổi vua còn trẻ cũng nói: « Xuân-thu đỉnh-thịnh 春秋鼎盛 » Vậy hai chữ xuân-thu là chỉ nghĩa về tuế-thời cả.

b) Từ trước khi sách *Xuân-thu* này của Khổng phu-tử chưa ra đời thì các sách về sử-loại đều gọi là *Xuân-thu*, như *Hạ Ân Xuân-thu* 夏殷春秋, *Bách-quốc Xuân-thu* 百國春秋 và *Án-tử Xuân-thu* 晏子春秋, v. v..

Cứ hai nghĩa trên ấy thì *Xuân-thu* là cái tên chung của sách sử đời bấy giờ mà nghĩa bóng thì là tuế-thời niên-đại vậy. Duy từ khi có sách của phu-tử thì hai chữ *Xuân-thu* mới thành ra cái tên riêng mà đời cũng lấy cái thời-đại 242 năm trong sách phu-tử mà gọi là thời Xuân-thu.

Xuân-thu đã là sách sử, vậy không chủ về sự-thực về sử-học, thì còn chủ về sự gì. Không có sự-thực, đạo-lý ngụ vào đâu, thế mà từ Hán đến nay, chỉ vì một cái kiến-giải thiên về hình-thượng quá, bỏ cả sự-thực, thành ra giảng-giải ngày càng xuyên-tạc, bông-lông vô-bằng, mà cái học *Xuân-thu* cũng ngày càng mờ-ám mãi đi.

Sách nguyên-thư Xuân-thu thế nào? — Từ đời Chiến-quốc, ông Mạnh-tử đã khen sách *Xuân-thu* rằng: « Khổng-tử sợ mà làm sách *Xuân-thu* 孔子懼而作秋春 » và nói rằng: « Dấu vương-chính hết mà sách *Thi* mất, sách *Thi* mất mà sách *Xuân-thu* ra đời 王迹息而詩亡。詩亡而春秋作。». Xem thế thì biết phu-tử có làm sách *Xuân-thu* thực mà chính ông Mạnh-tử cũng đã được đọc rồi.

Song, vì bây giờ tôi hỏi rằng: Thế thì nguyên-thư sách *Xuân-thu* chính của phu-tử soạn ra thì đâu? Tất ai cũng chỉ vào tập kinh-văn *Xuân-thu* ngày nay mà nói rằng: chính sách *Xuân-thu* của phu-tử soạn ra đấy.

Tôi cũng biết từ Hán đến nay ai cũng công-nhận như thế rồi. Song nay đem mà xét lại thì cả tập kinh-văn này mới là một bộ-phận đầu óc yếu-ước, chứ chưa phải là toàn-thể cả quyển sách. Vì trong phần kinh-văn này, mỗi đoạn từ một chữ đến một câu, năm ba câu chẳng hạn, đều còn là tính-chất đầu bài, tính-chất đề-mục cả, chưa lọn nghĩa độc-lập thành sách được. Hợp cả tập kinh-văn lại thì thành một cái biểu ký-sự 242 năm về lịch-sử cận-thế của phu-tử mà thôi.

Đọc cái biểu kinh-văn này chẳng khác như người đọc mục điện-tín các nước ở trên tờ nhật-báo hằng ngày mà chỉ đọc qua những đề-mục thôi, nếu không xem tường xuống dưới nữa thì không tài nào phán-đoán được việc gì.

Vậy thì còn một bộ-phận thân-thể tường-bị của sách *Xuân-thu* nữa thì đâu? Muốn giải-quyết cái vấn-đề ấy, không gì bằng cứ hỏi xem phần kinh-văn này tìm thấy ở đâu. Từ Hán đến nay, nhờ ở đâu mà hiểu được phần kinh-văn ấy thì mới biết đường mà tìm xét được.

Mã Đoan-Lâm 馬端臨 nói rằng: « Từ Hán mới trích lấy những câu kinh-văn ở trong ba bộ truyện ra, hợp làm một tập cổ-kinh mà gọi là chính-kinh. » Ba bộ truyện tức là truyện *Công-dương*, truyện *Cốc-lương* và truyện *Tả-thị*. Truyện nào cũng có hai phần là kinh-văn với truyện-văn. Kinh-văn là phần của phu-tử viết, truyện-văn là phần của ba nhà tức là họ Công-dương, 公羊 họ Cốc-lương 穀梁 và họ Tả-thị 左氏, làm ra để diễn-giải phần kinh-văn, nên cùng đội cái tên *Xuân-thu* mà gọi là: *Công-dương Xuân-thu* 公羊春秋, *Cốc-lương Xuân-thu* 穀梁春秋 và *Tả-thị Xuân-thu* 左氏春秋

Thế là sau khi nhà Tần đốt sách nho rồi, nhà Hán tìm ra chỉ được có ba bộ truyện ấy mà thôi.

Lại hai quan Thái-sử là Nam-tuyền 南泉 và Lương-phố 莨圃 đã từng khảo-cứu kỹ mà nói rằng: « *Xuân-thu* chưa viết thành sách, phu-tử chỉ giảng miệng cho học-trò, học-trò về lại giảng miệng cho học-trò mình mà sai dần đi. Tả-thị thì chép sự thực ra làm truyện. Còn Công-dương với Cốc-lương thì mãi về sau cái lối dạy truyền-khẩu đã thành thói quen rồi mới viết ra sách.»

Cứ mọi lẽ trên ấy thì biết rằng sách *Xuân-thu* ở đương-thời phu tử bấy giờ, cụ đã kết-cấu hoàn-toàn ở trong bụng rồi. Nhưng cụ chỉ mới viết ra có cái biểu đề-mục lịch-sử 242 năm, để làm cái chuẩn-đích có thứ-tự, tiện giảng dạy cho học-trò mà đời sau tôn gọi là kinh-văn đó. Còn khi giảng dạy thì mỗi cái đề-mục lại phải giảng miệng ngoài ra bao nhiêu sự-thực và lý-luận nữa. Những sự-thực và lý-luận giảng miệng ở ngoài ấy mới là chính bài, là toàn-văn mà về sau ba nhà chép lại cũng có khác nhau ít nhiều.

Vậy thì quyết rằng sách *Xuân-thu* ở đời phu-tử có hai phần, phần đề-mục (đầu bài) đã viết rồi, còn phần toàn-văn (chính bài) thì chưa viết, hoặc mới thảo mà chưa hợp lại, vẫn còn giảng miệng mà thôi. Đến đời Hán tìm ra thì lại đã phân ra làm ba họ, đều chép thành sách cả rồi; kinh-văn tức là phần đề-mục ngày trước, truyện-văn tức là phần giảng miệng chép lại sau, chứ thực không có sách *Xuân-thu* toàn-thư của phu-tử soạn bao giờ.

Xem ông Phật ở Ấn-độ, ông SOCRATE ở Hi-lạp đều không từng viết sách mà đạo-học vẫn lưu-truyền, thì Khổng phu-tử dạy sách *Xuân-thu*, phần toàn-văn chỉ giảng miệng mà thôi, cũng không lấy gì làm lạ vậy.

Ba truyện truyền-thụ hư thực thế nào? — Ba bộ truyện tìm ra ở đời nhà Hán thì truyện *Công-dương* với truyện *Cốc-lương* được công-bố trước.

Công-dương Xuân-thu thì chỉ thấy nói từ Đổng Trọng-Thư 董仲舒 nhà Hán đã được học, rồi tư-truyền xuống bốn đời học-trò nữa mới được học-quan công-nhận.

Cốc-lương Xuân thu thì chỉ thấy nói từ Thân-công 申公 nhà Hán dạy cho Giang-công 江公, rồi lại tư-truyền xuống mấy đời học-trò nữa đến Tiêu Vọng-Chi 蕭望之 mới được học-quan công-nhận.

Tả-thị Xuân-thu công-bố sau nhất mà cái uyên-nguyên truyền-thụ từ trước còn nhờ được cả là Tả-thị thân học ở phu-tử rồi viết ra sách ngay từ bấy giờ. —Có người ngờ hay là Tả Khâu-Minh 左邱明 đã có tên ở sách *Luận-ngữ* chăng. Nhưng xét bản-truyện chỉ nói Tả-thị (họ Tả) chứ không nói tên thì cũng bất-tất là họ Tả nào. — Tả-thị dạy cho Lỗ Thân 魯申, Thân dạy cho Ngô Khởi 吳起, Khởi dạy cho Đạc Tiêu 鐸椒, Tiêu dạy cho Ngu Khanh 虞卿, Khanh dạy cho Tuân-Huống 荀況, Huống dạy cho Trương Xương 張蒼, Xương dạy cho Giả Nghị 賈誼 nhà Hán, rồi từ đấy lại cứ tư-truyền đến tám đời học-trò nữa mới được học-quan công-nhận.

Nay đem cả hai phần kinh-văn, truyện-văn của ba truyện so-sánh với nhau xem truyền-thụ dị đồng hư thực thế nào.

Về kinh-văn. — Về phần này, ba truyện đại-đề có mấy chỗ khác nhau, còn thì tương-đồng cả. Những chỗ khác nhau, như:

Tả-thị viết :... 會于蔑 *Hội vu Miệt* = Hội ở đất Miệt.

Công-dương với *Cốc-lương* viết :... 會 于 眛 *Hội vu Mễ* = ... Hội ở đất Mễ.

Tả-thị viết : 君 氏 卒 *Quân thị tốt* = Họ vua (mẹ vua) mất.

Công-dương với *Cốc-lương* viết : 尹 氏 卒 *Doãn-thị tốt* = Họ Doãn (quan Đại-phu) mất.

Lại sách *Tả-thị* thì kinh-văn có câu 仲 尼 卒 *Trọng Nhiệt tốt* = Ông Trọng Ni mất.

Sách *Công-dương* với *Cốc-lương* có câu : 孔 子 生 *Khổng-tử sinh* = Ông Khổng-tử sinh.

Lại sách nào cũng có những chỗ kinh-văn khuyết nghĩa như : « 郭 公 *Quách công* », cả đoạn chỉ có hai chữ như thế, không ai biết là nghĩa gì. Có người đoán hay là « 郭 亡 *Quách vong* = nước Quách mất » mà viết lầm, v. v..

Xem hai câu : « *Trọng-Ni tốt, Khổng-tử sinh* » thì ba nhà sao-lục kinh-văn, tại mình hay tại học trò về sau, không những sai-suyễn mất-mát mà lại còn phụ thêm ra nữa. Song dù thế mặc lòng, cứ lấy những chỗ phần nhiều giống nhau thì có thể tin được là cùng sao-lục ở một nguyên-bản cả.

Về truyện-văn. — Phần này thì *Công-dương* với *Cốc-lương* về một phái, còn *Tả-thị* thì riêng ra một phái, đây trước xét về hai truyện Công Cốc, sau sẽ xét về truyện *Tả-thị*.

Hai truyện *Công Cốc* tự-sự đều sơ-lược quá, chỉ chuyên giải về cái nghĩa chép những câu kinh-văn, cho rằng mỗi câu kinh-văn thêm bớt một hai chữ là có ngụ-ý bao (khen) biếm (chê) cả. Việc gì có chép ngày là khen, chỉ chép mùa và tháng, không chép ngày là chê, người nào chép tước là khen, chép tên là chê, thậm-chí kẻ có tội thì khử họ đoạt tước đi, v.v.

Song chỗ nào cũng chỉ nói đại-khái thế là khen hay là chê đấy, chứ không có dẫn đủ sự thực đầu đuôi ra thế nào, đan-cử một câu kinh-văn sau này, còn sẽ suy ra thì biết, như :

無 駭 帥 師 入 極 *Vô-Hãi suất sư nhập cực* = Ngươi Vô-Hãi đem quân vào nước Cực.

Công Cốc đều giải rằng : Tên họ của Vô-Hãi là *Chiền* 展. Vì y đem quân diệt nước Cực là đồng-tính của nước Lỗ, nên biếm mà khử họ đi. Lại nói : chính là « *diệt* » nước Cực mà chép là « *vào* » và không chép là *Đại-phu*, là để kiêng cái ác cho nước Lỗ đó.

Cái chứng thực thế nào là « *diệt* » chứ không phải là chỉ đem quân thẳng « *vào* », thì hai nhà đều không dẫn đủ mà chỉ nói thế là chê, thì không lấy gì làm định-án cả. Phải biết rằng phàm sự gì chứng-thực đã đủ, thì phải trái khen chê tự rõ ra đấy, kẻ làm ác mà càng chép đủ họ đủ tước ra lại càng là chê lắm, chứ ai còn nhận là khen được bao giờ.

Vả chính là « *diệt* » nước người ta mà lại chép là « *vào* » thì sao gọi là tín-sử, bảo rằng kiêng cho bản-quốc thì sao là công-bằng. Việc đem quân đi diệt nước người ta, quan Đại-phu tự quyền thế nào được, chỉ trách một Vô-Hãi cũng là thiên. Vả đã kiêng mà chép « *vào* » thì ác cũng không lấy gì làm nặng lắm!

Nhưng so với truyện *Tả-thị* thì lại nói sau khi Vô-Hãi chết, vua Lỗ mới đặt cho là họ « *Chiền* » thì lúc sinh-bình Vô-Hãi chưa có họ riêng, đó là cái tục cổ-giả, ngành thứ nhà vua sẽ được nhận cái tên hiệu của mình hay tên phong ấp mà đặt họ riêng, tức như họ Chiền của Vô-Hãi cũng là nhận cái tên hiệu vậy. Như thế thì *Công-Cốc* nói khử họ đi chưa chắc đã đúng, chỉ vì *Công Cốc* thấy mọi chỗ chép người đều có họ có tước, nay Vô-Hãi họ là

Chiến, chức là quan đại-phu, mà chỉ chép tên, bèn đoán phỏng mà cho rằng phu-tử biếm Vô-Hãi mà khử họ với tước đi.

Như tôi thì tôi cho rằng phàm những chỗ kinh-văn không rõ nghĩa hay không theo lệ thường như thế, hoặc là lời sử cũ tự-nhiên, hoặc là sách-vở rách nát, sao-lục mất-mát đi mà thôi, chứ nếu chỗ nào như thế cũng cố xuyên-tạc phụ-hội ra cho có nghĩa mà bảo là có ngụ-ý bao biếm cả thì thật là vô-lý quá.

Vẫn biết lịch-sử là cái sở tài-phán của thế-giới, sự tài-phán đó phải lấy công-lý làm cốt-yếu, nhưng công-lý phải bằng-cứ vào chứng-thực mới định được. Phu-tử là một nhà soạn sử, cái nghĩa-vụ là phải tìm đủ chứng-thực mà bày tỏ ra, chứ phu-tử có quyền gì mà tự chế ra hình-luật để thực-hành kết những cái án khử họ đoạt tước kẻ ác-nhân đã thiên-cổ. Ví phu-tử mà quả dụng-ý như thế thật thì chả hóa ra phu-tử cũng hay nghĩ tủn-mủn và thích làm sự giả-trá dư. Song bất-quá cũng là bởi các nhà ấy giữ cái quan-niệm mê-tín như bọn giáo-đồ tôn-sùng ông giáo-chủ mà vu cho phu-tử đó thôi.

Cho nên ông Chu-tử nhà Tống nói rằng : « Sách *Xuân-thu* là phu-tử cứ việc chép thực, phải trái hay dở đã có công-luận đời sau, dù có khen chê cũng chỉ ở cái ý ngoài lời nói mà thôi, chứ lấy một vài chữ để ngụ cái nghĩa bao biếm thì không có lẽ thế. » Coi đó thì biết cái học của Công Cốc không thể lấy làm căn-cứ cho sách *Xuân-thu* được. Hai quan Thái-sử là Nam-tuyền và Lương-phố trên kia cho hai truyện *Công Cốc* là đến khi cái thói truyền-khẩu đã quen mới viết ra sách. Nghĩa là đã quên mất cả sự thực, chỉ còn « nhớ-lứng » câu được cái chăng đó thôi.

Có người hỏi tôi rằng : « Sách *Xuân-thu* mà không phải là ngụ-ý bao biếm thưởng-phạt, thế thì ông Mạnh-tử nói: « Cụ Khổng-tử làm sách *Xuân-thu* mà kẻ loạn-thần tặc-tử sợ, » và dẫn lời phu-tử rằng : « Kẻ biết ta chỉ tại sách *Xuân-thu*, kẻ bắt tội ta cũng có ở sách *Xuân-thu* chăng ; » những lời ấy sẽ chỉ về nghĩa gì ?

Tôi trả lời rằng: Ở về thời-đại quân-quyền chuyên-chế, câu chuyện giết vua là câu chuyện kiêng, sử các nước tuy có chép để ghi sự biến-cố, song cũng còn là bí-sử, nay phu-tử đem những việc giết vua cứ thực công-bố ra sách học để-giảng bàn hằng ngày ; những kẻ loạn tặc ở đời Xuân-thu, làm sự thí-nghịch, bị tru-lục cũng nhiều, mà được hiển-đạt cũng có. Kẻ dưới làm sự thí-nghịch đáng tội đã đành, mà kẻ trên tự gây nên vạ cũng không ít. Phu-tử đem công-bố cả ra như thế, người biết thì hiểu được cái thâm-ý ấy, còn kẻ gian-ác thì đọc đến mà sợ, hoặc sinh lòng ghét là nghĩa thế, chứ nhà làm sử hà-tất cứ phải ra tay truất họ khử tên kẻ có tội mới là bao biếm đâu.

Thế nhưng mà hậu-nho thì lại lấy cái nghĩa bao biếm thuyết-lý bông-lông vô-bằng ấy làm tinh về kinh học mà xô nhau theo. Năm Đạo-quang nhà Thanh xuất-bản sách « *Xuân-thu tập-truyện đại-toàn*, » nghĩa là hợp tất cả các nhà bàn nghĩa kinh-văn *Xuân-thu* từ Hán đến bấy giờ lại làm một bộ sách, tính được 92 nhà, trừ ông Chu-tử ra, hầu hết theo về phái bao biếm thuyết-lý cả. Có sách Hồ-truyện tức là sách « *Xuân-thu giải nghĩa* » của Hồ An-Quốc người nhà Tống làm ra, in chữ to, đứng tiếp với kinh-văn làm chủ cho nghĩa kinh. Còn ba cổ-truyện là *Công-dương*, *Cốc-lương*, và *Tả thị* thì thỉnh-thoảng trích lấy một đoạn, in làm tiểu-chú cũng như các bài của hậu-nho ấy cũng chỉ vì người đời đã cho *Xuân-thu* là kinh-học, là cái học thuần về thuyết-lý chứ không cần gì

sự-thực, nên ai giải nghĩa kinh-văn cho xuôi tai được thì thiên-hạ theo ngay, mà Hồ-truyện mới ắt được cả ba cổ-truyện đi là thế.

Nay xét ra họ Hồ chính là học-trò của phái Công Cốc, bấy giờ Trung-quốc về đời nhà Tống đang suy yếu, bị rợ Kim vào lấn cướp, họ Hồ bèn làm ra sách *Xuân-thu giải-nghĩa*, lấy bao biếm làm căn-bản, lấy « tôn-quân thảo-tặc » làm chủ-nghĩa, rồi viện-dẫn phụ-hội cho lời nói có văn-vẻ hơn cả tiên-nho, sách dâng lên vua Cao-tôn nhà Tống, vua lấy làm khen ngợi lắm, từ đó ai học *Xuân-thu* đều theo thuyết của họ Hồ gọi là Hồ-truyện.

Kẻ Hồ đối với tổ-quốc cũng đã khổ-tâm, nhưng mượn cổ-kinh để cổ-động nhất-thời thì lầm, bởi vậy đến đời nhà Thanh, vua Đạo-quang bèn lợi-dụng cái thuyết « tôn-quân thảo-tặc » của Hồ, in sách *Xuân-thu đại toàn*, biểu-chương Hồ-truyện để cổ-hoặc người Trung-quốc nên ở yên dưới quyền chuyên-chế của mình.

Đó là cái học *Xuân-thu* về phái Công Cốc, thuyết-lý vô-bằng, đã hơn hai nghìn năm nay vậy, kỳ-thủy thì tưởng mượn cái danh-nghĩa bao-biếm thi-hành cho người trên lịch-sử mà giết cái lòng ác của kẻ đương-thời, nhưng mà cái gốc đã giả nên cái quả cũng bất-chân, gây thành một cái phong chuộng danh-nghĩa giả bấy nhiêu lâu, người trên lấy danh-nghĩa giả buộc người dưới, người dưới lấy danh-nghĩa giả thờ người trên, kẻ ngu tin danh-nghĩa giả là thánh-thần, kẻ gian dùng danh-nghĩa giả làm mặt nạ.

Về sử-sách thì nhà Mạc đuổi vua Lê vào Thanh-hóa cai-trị gần khắp nước Đại-Việt hầu 60 năm, đến nay các vấn-đề chính-trị, xã-hội, học-thuật, bang-giao trong 60 năm ấy, hay dở thế nào, tuyệt không còn ghi lại điều gì, mà danh-nghĩa trên lịch-sử vẫn liên-tiếp đế-thống nhà Lê.

Về thực-tế thì chúa Trịnh cướp hết quyền vua Lê mà vẫn lấy danh-nghĩa vua Lê giá-ngự người trong nước, sĩ-phu bấy giờ thì đều là tôi-tá chúa Trịnh, có khi bênh chúa Trịnh ức vua Lê, thế mà danh-nghĩa để đời vẫn là thi đỗ với nhà Lê, chịu chức tước của Lê-đế.

Ở Trung-quốc cũng vậy, đời Tam-quốc Ngụy, Ngô giữ hầu hết nước Tàu, Thục chỉ có một hạt Tứ-xuyên, mà cái vấn đề « *Thừa-tướng xuất-sư* » hay « *Gia-Cát nhập khấu* » vẫn cãi nhau trên sử sách. Thậm-chí đời nhà Thanh, bọn họ Tăng phù người Mãn diệt người Hán mà vẫn là danh-nghĩa « tôn-quân thảo-tặc, » tư-tưởng lầm lẫn thế có chết không ! Lời Tây-ngạn nói rằng : « Có học-thuật mới có tư-tưởng, có tư-tưởng mới có thực-dụng ». Vậy học-thuật có phải là việc khinh thường được đâu.

Nay lại xét đến truyện Tả-thị. — Tả-thị cũng có giải cái nghĩa bao biếm như Công Cốc mà không biện-thuyết bằng, đến như tự-sự thì rất tinh-tường, mỗi một đề-mục kinh-văn với một bài truyện-văn, như đầu-hợp với mình làm một toàn-thể, mạch-lạc quán-thông, khiến người ta dủ xét mà phán-đoán lấy. Cho nên ông Chu-tử nói rằng : « Đọc *Xuân-thu* phải đọc bộ *Tả-truyện*, hiểu thấu ý-tứ đầu đuôi, mới biết được việc đương-thời và ý phu-tử chép sử ». Và nói rằng : « Tả-thị đã từng trông thấy bản *sử-ký* mà phu-tử lấy để soạn ra sách *Xuân-thu*, chứ Công Cốc thì không trông thấy bản *sử-ký* ấy bao giờ. » Lại ông Tô Tử-Do dạy học trò học *Xuân-thu* chỉ dạy bằng sách *Tả-truyện* mà thôi. Vậy thì biết rằng từ Hán đến nay, hậu-nho tuy ngoài thì chủ-trì cái cách thuyết-lý của Công Cốc để tự-cao là phái kinh-học giảng-cầu đạo-lý, mà thực thì vẫn phải lấy sự-thực của *Tả-truyện* để so-sánh ngầm. Vậy thì biết

Tả thị với *Xuân-thu* là một chứ không phải là hai.

Bốn cái tinh-thần-sử-học. của Xuân-thu Tả-truyện.

Ngày xưa người ta nói *Xuân-thu* thì chỉ là cái phần kinh-văn mà thôi. Bài này xét đến đây, đã giải-quyết rằng *Xuân-thu* với *Tả-truyện* là một. Vậy từ đây trở xuống, nói *Xuân-thu* tức là *Xuân-thu* của phái Tả-thị mà kinh-văn của phu-tử hợp với truyện - văn của *Tả-thị* chép lời giảng của phu-tử lại, mới thành sách *Xuân-thu* hoàn-toàn.

Kinh-văn với-truyện văn *Tả-thị* hợp lại thì thấy có bốn cái tinh-thần sử-học như sau này :

1º *Chủ-nghĩa.* — Phàm sách sử về lịch-đại là sử phổ-thông, mà sách *sử* nào chỉ chép có một cuộc thế-biến đặc-biệt thì là *sử* có chủ-nghĩa riêng. Sử *Xuân-thu* chính là sử có chủ-nghĩa riêng đó. Nhà Châu từ khi thiên sang Đông - đô gọi là Đông-Châu, cho đến hiện-thời Khổng-phu-tử, là một cái thời-kỳ đại-biến-cách trên lịch-sử Trung-quốc chưa từng có. Thiên-tử nhà Châu thì hèn yếu, vua các nước chư-hầu tranh nhau bá-quyền, xâm lấn đánh dẹp, không ngày nào ngơi, nước nào mạnh thì lên, nước nào yếu thì diệt, cái chế - độ phong-kiến dần đổi ra cái thế liệt-cường cạnh-tranh, đó là một sự đại-biến.

Các nước tứ-di dần thịnh, vào lấn cướp các nước Trung-hoa, nhất là ba nước, Sở-Ngô-Việt ở nam-phương mà Trung-quốc vẫn khinh-bỉ, nay lần lượt vào làm minh-chủ ở trung - nguyên, cái giới-hạn hoa-di đổi ra cái chiến-trường dân-tộc, đó là hai sự đại-biến.

Đại-thần các nước chuyên giữ quốc-quyền, chính-thể quân-chủ dần đổi ra chính-thể quí-tộc, đó là ba sự đại-biến.

Nhân ba cái đại-biến ấy mà các việc xã-hội, chính-trị, luân-lý đều thấy canh-cải dị-thường, phu-tử yết lên một cuộc thế-biến 242 năm ấy, để cho đời nhân cái dấu quá-khứ, đoán biết cái ảnh - hưởng tương-lai, mà chỉnh-đốn lấy cuộc hiện-tại, cho nên trong sách từ quốc-tế, quốc-gia, dân-tộc, đến cá-nhân, xã - hội, không một vấn-đề nào không nói đến, lại bàng - cập đến cả các vấn-đề về thiên-nhiên để làm tài-liệu cho các nhà bác-vật nghiên-cứu, thật là phong-phú thay.

2º-*Thể-tài.* — a) *Xuân-thu* là thể-sử liệt-quốc chứ không phải là thể-sử một nước Lỗ, xem nhiều việc của nước khác không can-thiệp gì đến nước Lỗ mà cũng chép, thì tài - liệu cũng phải tìm rộng chứ không phải chỉ nhân có một Lỗ-sử như các hậu-nho tưởng lầm, duy Lỗ là tổ-quốc của tác-giả, nên lấy Lỗ làm kinh-tuyến mà các nước làm vĩ-tuyến, việc đều theo về số năm của Lỗ. Ngày nay những sử giáo-khoa về toàn-châu, như Đông-dương-sử, Tây-dương-sử cũng thấy dùng lối sử này.

b) Cứ mỗi việc, câu kinh-văn tức là đầu bài mà truyện-văn *Tả-thị* tức là bài, chính là lối sử chia chương phân tiết ngày nay, chỉ khác có sự ngày nay thì việc quan-hệ mới ghi ngày tháng và ghi xuống dưới bài, sử *Xuân-thu* thì ghi ngày tháng lên đầu bài mà ghi nhiều quá, tựa như sổ nhật-ký vậy; còn những chỗ có mùa có tháng mà không có việc, tưởng cũng là khuyết-văn chứ chẳng có nghĩa gì.

Ở Trung-quốc, sau sách *Xuân-thu* thì lối sử phân chương-tiết này thất-truyền. Tư-mã Thiên soạn bộ *Sử-ký* làm ra lối liệt-truyện, không theo thể *Xuân-thu Tả-truyện*, đến Tuân Duyệt làm bộ *Hán-kỷ* mới phục cổ, bắt chước lối biên-niên của *Xuân-thu* lại đến Chu-tử nhà Tống làm ra bộ sử *Cương-mục*, *cương* tức là bắt chước kinh-văn, *mục* tức là bắt chước *Tả - truyện*, song cách viết đều chưa được chỉnh - đốn như sử tây bây giờ.

3° *Nghĩa-lệ.* — Phàm diễn một khoa học nào, trước cũng phải định lấy nghĩa cho những chữ dùng làm công-lệ. Về sử-học cũng thế, những chữ nghĩa-lệ sách *Xuân-thu* rất tinh-vi. Ông Mạnh-tử dẫn lời phu-tử nói rằng: «Văn thì vốn của sách *sử*, nghĩa thì tôi mới đặt riêng ra. 其文則史其義則邱竊取之也.» Nghĩa mới đặt riêng ra tức là những chữ công-lệ có minh-văn ở trong những câu đề-mục đó, những chữ ấy trước kia thì nghĩa nó, cũng thông-dụng hàm-hồ, nay định cho nó một cái nghĩa mới duy-nhất, để dùng làm lệ chung mà chỉ về cái trạng-thái tính-cách hành-động của việc gì, đến khi gặp những chữ ấy, nhớ cái nghĩa-lệ của nó, tức là hiểu cách hành-động của việc ấy thế nào, hiểu cách hành-động của việc ấy thì phải trái khen chê đã bày ra đấy, ai cũng phán-đoán ngay được, ấy sách *Xuân-thu* mà phải giảng nghĩa, chỉ có những chữ nghĩa-lệ có minh-văn ấy, và cũng chỉ có những chữ ấy là cái định-án khen chê mà thôi. Còn cái thuyết «bao biếm» mà không thấy có minh-văn thì lấy gì làm bằng. Thí-dụ ba chữ nghĩa-lệ sau này:

滅 *Diệt* = Đánh chiếm lấy thổ-địa, nhân-dân, chính-quyền, và khử quốc-hiệu nước ấy đi mà giữ làm thuộc-địa là *diệt*

殲 *Tiêm* = Chết tiệt, bị giết hết cả bọn là *tiêm*.

人 *Nhân* = Người, việc nước mà chép *nhân* (người) thì việc ấy bởi công-chúng làm. Như câu kinh văn:

齊人滅遂 *Tề-nhân diệt Toại* = Người Tề *diệt* nước Toại.

Đã biết nghĩa-lệ chữ *nhân* (người), chữ *diệt* trên kia rồi, thì hiểu ngay việc *diệt* Toại này là bởi cả công-chúng nước Tề mà cách hành-động ấy là thế nào.

Kế đó đến câu kinh-văn: 齊人殲于遂 *Tề nhân tiêm vu Toại* = Người Tề *chết tiệt* ở nước Toại.

Đã biết nghĩa chữ *tiêm* (chết tiệt) là bị giết hết cả bọn, thì hiểu ngay việc hành-động của dân vong-quốc Toại là thế nào, và bọn người Tề ở thuộc-địa Toại bị thảm-trạng là thế nào.

Đọc hai câu này, hiểu được hai việc này, thì biết cái nghĩa-lệ ở đó mà công-lý cũng ở đó, cái «án sắt» phải trái khen chê đã yết ra đấy, chẳng còn phải giảng cho người ta mới biết, còn sự thực thế nào đã có truyện-văn. Thế mà ba nhà Công-dương, Cốc-lương và Tả-thị đối với những chữ nghĩa-lệ có minh-văn và tinh-vi nghiêm-nhặt ấy, tuy cũng có giảng nghĩa qua, nhưng không lấy làm khẩn-yếu lắm, lại ân-cần chú-trọng về cái nghĩa «bao biếm» bông-lông vô-lý vô-bằng kia, thật là cái lầm thiên-cổ.

4° *Văn-pháp.* — Văn *Xuân-thu Tả-truyện* rất có phép-tắc nghiêm-chỉnh, những nghĩa-lệ đầu bài đã nói trên rồi, còn bài truyện-văn thì tự-sự tinh-tường lắm, việc gì cũng có đầu có cuối, có nhân có quả, lời giản mà nghĩa rõ, mạch-lạc tiếp-tục quán-thông nhau, đến như những lời từ-mệnh thì lại càng cổ-kính, hùng-hồn mà thâm-thúy, từ lời đàn bà đến đàn ông, từ lời kẻ hèn đến người sang, trong khi ứng-đối thành ra những lời danh-ngôn cả, đối với kinh như một giọng văn vậy. Trung-quốc từ *Xuân-thu Tả-truyện* về sau, làm ra nhiều thể sử, nhiều lối văn sử mà không nhà nào sánh được với *Xuân-thu Tả-truyện*, thật cũng là tuyệt-tác.

Hợp kinh-văn với *Tả-truyện* mà xét bốn cái tinh-thần như trên ấy thì mới biết *Xuân-thu* là một sách *sử-ký* kết cấu rất hoàn-toàn, một khoa sử-học rất tinh-vi, ra đời sớm nhất trong thế-

giới vậy. Vương An-Thạch nhà Tống chê sách *Xuân-thu* làm vụn-vặt. Một nhà văn-sĩ nước Pháp ngày nay cho sách *Xuân-thu* là một quyển sổ nhật-ký ở trong vương-cung, đều là chỉ xét ở phần kinh-văn mà vội phán-đoán cả.

Những chỗ biệt-điểm của Tả-truyện. — Tuy-nhiên, văn *Tả-truyện* không phải là được toàn hay cả, những chỗ hay đã nói như trên, còn những chỗ dở cũng nhiều, hình như hai người viết, về giảng-nghĩa thì câu-chấp cái thuyết «bao biếm», cũng như *Công Cốc* đã đành mà lời lại vụng, không biện-thuyết được như *Công Cốc*.

Về tự-sự trong một bài, đang một giọng cổ-kính, hùng-hồn, thâm-thúy, pha ngay vào vài câu phê-bình kém quá. Những lời phê-bình ấy, hoặc dẫn sách *Thi* sách *Thư*, hoặc đặt ra lời người quân-tử. Lời *Thi Thư* thì không mấy chỗ đúng nghĩa, lời người quân-tử thì vừa non vừa loãng. Hậu-nho đều công-nhận như thế cả. Chu-tử nói: « Văn *Tả-thị* thật là ý-tứ tung-hoành, chỉ phải cái bệnh hay lấy sự thành-bại nghị-luận người ta. » Lại nói: « Phàm chỗ *Tả-thị* đặt ra lời người quân-tử nói, đều chẳng có ý-tứ gì ». Coi đó thì biết văn *Tả-thị*, chỗ hay là chỗ sở-đắc của thầy, nhờ được đúng lời giảng, còn chỗ dở là chỗ tự ý mình thêm vào.

Văn-lý *Tả-thị* đại-đề như thế, còn những chỗ kinh có đề mà truyện không có bài, hoặc truyện có bài mà kinh không có đề, chắc là bị thất-thoát đi. Lại truyện có bài từ năm trước đến năm sau kinh mới có đề, hoặc kinh có đề từ năm trước đến năm sau truyện mới có bài, chắc là sao-lục lầm-lẫn thứ-tự đi, chớ như hậu-nho bảo như thế đều là tự Tả-thị làm ra mà cho là hay cả, thì chẳng có nghĩa gì.

Cách văn-dịch. — Kể ra thì *Xuân-thu* là một khoa sử-học kết-cấu hoàn-toàn và tinh-vi sớm nhất trong thế-giới thật. Song không được thoát-cảo thành sách ngay một lúc, ở đời phu-tử mới viết được phần đề-mục mà phần toàn-văn thì còn khẩu-truyền, đó là thời-kỳ thứ nhất của sách *Xuân-thu*. Từ Hán tìm ra được ba truyện, vừa tàn-khuyết sai-suyễn, lại phân ra làm hai học-phái là lý-luận với sự-thực, cùng phản-đối nhau; người ta không biết phái nào là phải, đó là sách *Xuân-thu* ở thời-kỳ thứ hai. Từ Tống đến gần đây, Hồ-truyện thịnh-hành, phái lý-luận đắc-thắng, đó là sách *Xuân-thu* ở thời-kỳ thứ ba. Tóm lại ba thời-kỳ thì sách *Xuân-thu* vẫn có sách mà vẫn chưa thành sách, thời-kỳ thứ nhất, tác-giả vừa dọn sách vừa dạy học, văn với nghĩa không sai, nên sách sớm có ảnh-hưởng và giá-trị to lắm; còn từ thời-kỳ thứ hai trở đi, tam sao thất bản, chỗ hiểu cũng học, chỗ ngờ cũng học, thành ra bao nhiêu người đọc *Xuân-thu* là bấy nhiêu nhà bác-cổ chưa phán-đoán cả; song chịu hoài-nghi còn khá hơn là phán-đoán một cách bông-lông vô-bằng thì lại càng di-hại nhiều.

Ngày nay nhân có sử tây, phép thực-nghiệm của tây, chúng ta quay về tìm lại cổ-thư, mới biết sách *Xuân-thu* là một khoa sử-học tinh-vi, cổ-nhân mình đã sở-đắc sớm lắm rồi, chỉ vì lưu-truyền thất-chân, mà người sau không biết chọn-lọc xếp-đặt lại đó thôi.

Xuân-thu là thời-kỳ trung-tâm về học-thuật tư-tưởng của người Á-Đông, muốn biết gốc nguồn tiến-hóa, phải đọc lịch-sử đời Xuân-thu, mà đời ấy chỉ có một bộ sử của *Xuân-thu Tả-thị* này còn truyền lại mà thôi. Từ Hán trở đi, làm sử về thời Đông-Châu đều căn-cứ ở đấy, chính bộ *Sử-ký* của Tư-Mã Thiên, về phần Đông-Châu liệt-quốc là lấy ở *Tả-truyện* cả, vậy khoa sử-học Đông-Á ngày nay không có *Tả-truyện* không được cho nên học-qui Nhật-bản bây

giờ, lớp trung-học cũng phải đọc *Tả-truyện*, thế thì học-giới Việt-nam ta há không nên có một bộ *Xuân-thu Tả-truyện* bằng dịch-văn để bổ khuyết cho khoa sử-học về thời thượng-cổ dư,?

Song le trong sách nguyên-thư *Xuân-thu Tả-truyện*, kinh với truyện, phần nào cũng có những chỗ tàn - khuyết sai-suyễn, nếu cứ câu-nệ như xưa, y nguyên-thư mà dịch thì không học được. Vậy trước phải lập lấy một cái chương-trình, sau định cho có phép-tắc, quyền nguyên-thư để làm sách khảo-cổ, quyền dịch-thư thì lược bớt những nghĩa ngờ việc nhỏ mà lọc lấy những nghĩa rõ việc to, những chỗ thứ-tự điên-đảo thì xếp đặt lại sao cho kinh với truyện đều được tịnh-hành, không sai - lạc nguyên-văn mà càng thêm thuần-túy chân-chính, thì mới là có ích.

(Còn nữa)

NGUYỄN TRỌNG-THUẬT

TÙNG-ĐÀM

MỘT DÂN-TỘC RẤT KHOÁI-LẠC (1)

Người ta đương lúc buồn-bã không vui, thường phát-sinh ra lòng cảm-tưởng, một là thương đời người ta ngắn-ngủi, hai là nghĩ đến cõi đời người ở vất-vả khó-khăn, xem thấy đàn kiến bọ nó sinh-hoạt một cách vui-vẻ, thì lại tưởng-tượng ra một cái trạng-huống sinh-hoạt ở trên một trái hành-tinh nào, bấy giờ tự-nhiên lòng người ta quên hết cả sự đời đi được. Từ khi phát-sinh ra trận Âu-chiến đến giờ, loài người ta ở đâu cũng bị phải biến-động rất lớn, ta thử ngó ra bốn phía đâu cũng thấy cảnh buồn mà khó lòng sinh ra cái quan-niệm lạc-quan được. Đương lúc ấy giá có một dân-tộc nào cùng ở một trong thế-giới này, mà không từng nghe biết cái trận chiến-tranh ghê-gớm ấy, không mắc phải một tí ảnh-hưởng chiến-tranh gì của các dân-tộc vẫn tự cậy là văn-minh, chúng ta há chẳng muốn nghe chuyện cái dân-tộc ấy ra làm sao ư? Dân-tộc ấy ở đâu? Chính là dân-tộc ở lánh về phía cực-bắc châu Bắc-Mĩ và những nơi cù-lao Cách-lâm-lang, tên là Ái-ti-ki-mã (Eskimo) dân-tộc.

Nguyên có Lôi - đằng - thị (Mr. Christian Leden) là một nhà thám-hiểm tuổi trẻ ở nước Na-uy, từng sang lưu - ngụ ở xứ Ái-ti-ki-mã đã lâu năm. Lôi-thị đã từng xem xét kỹ-càng mới

(1) Nguyên hán-văn của Nhận-sơ dịch bài của Gregory Mason người nước Mĩ, đăng trong *Đông-phương văn-khố*.

biết ra rằng dân-tộc Ái-ti-ki-mã là một dân-tộc rất sung-sướng vui-vẻ ở trong thế-giới đời nay, mà lại là một dân-tộc văn-minh rất cao hơn cả đời nay, nghe nói thế ai chả lấy làm lạ. Ai chẳng bảo rằng ở cái cõi đời gấm-vóc vẻ-vang thế-kỷ thứ hai mươi này, há chẳng phải là cái hoa văn-minh của người giống trắng ta ư? Nào là chính-trị quang-minh, vật-chất tiến-hóa, khoa-học phát-minh, cái hạnh-phúc của loài người ta tăng-tiến biết chừng nào, há chẳng phải là cái quả văn-minh của người giống trắng ta ư? Có lẽ nào lại có một dân-tộc thứ hai nào nữa hay vượt hơn lên được chăng? Xin sẽ xem sau này thì biết.

Lôi-thị bắt đầu từ năm 1909 đi sang khảo-sát cái trạng-huống sinh-hoạt của dân-tộc ấy, phàm dân-tộc Ái-ti-ki-mã đã từng trải qua người giống trắng tìm thấy, thì ông ấy đều xem xét kỹ-lưỡng cả. Lôi-thị khi trở về Gia-nã-đại có báo-cáo ra những điều gì đều là mắt trông thấy và thân mình đã trải qua cả, chứ không phải như những người chỉ nghe lỏm đâu. Cái mục-đích thám-hiểm của Lôi-thị, khác với những nhà thám-hiểm về phía bắc-cực, nghĩa là ông ta không những là một nhà thám-hiểm về thổ-địa mà lại là một nhà nghiên-cứu về nhân-chủng nữa. Lôi-thị tìm thấy được một dân-tộc xưa nay chưa trông thấy người giống trắng nào đến qua, lấy làm mừng-rỡ lạ thường, như là tìm thấy được một cõi đất nào ở nơi băng-lãnh không có thứ cây cỏ nào mọc cả thì mừng biết là chừng nào!

Lôi-thị có nói rằng: — Người ta thường cho cõi đời này đến cái chỗ rừng rậm là cùng-tận, và tự chỗ bắc-cực rậm-rạp là khởi-thủy. Ái-ti-ki-mã dân-tộc thì bảo rằng cõi đời này đến cái chỗ băng-kết là cùng và cái chỗ rừng rậm là khởi-thủy. Thử xem cái kết-quả mỗi đàng xét về một phương-diện, thì biết Ái-ti-ki-mã dân-tộc thực là văn-minh rất cao hơn thế-giới đời nay. Lại xét như những việc sau này: Ái-ti-ki-mã dân-tộc xưa nay trong đồng-chủng không có tranh-chiến với nhau bao giờ, trong óc dân-tộc ấy hình như tuyệt hẳn không có cái dã-tâm lấy một nước mà đi đánh nhau với nước khác. Song bọn dân ấy cũng có khi khởi ra cái mối tranh cá-nhân với nhau, nhưng cũng chẳng có mấy khi. Giả mà có tranh nhau thì cái cách bài-giải cũng buồn cười, như là hai anh Giáp Ất tranh cãi không chịu nhau, thì hai anh tất sinh ra đánh nhau, vì như anh Giáp đánh vào vai anh Ất, thì anh Giáp lại nhường cho anh Ất đánh vào vai mình, anh Ất nếu đánh vào đầu anh Giáp, thì anh Ất cũng nhường cho anh Giáp đánh vào đầu mình, đợi cho đến khi nào một người xin thôi thì thôi. Cái cách bài-giải như thế cũng giống như cách cạnh-tranh về đường vận-động, để quyết-định xem người nào hay chịu đánh được đến độ chừng nào. Còn như cái tranh cãi nhau xoàng, thì lại giải-quyết một cách khác. Ví như hai người đều muốn tranh thắng nhau, nếu đã đến phép quan phân-xử, thì đều phải bằng lòng chứ không dám tranh nhau nữa. Còn như giết hại người giống khác thì dân-tộc ấy coi là làm càn vượt ra ngoài phạm-vi. Ta thường thuật chuyện trận Âu-chiến cho họ nghe, thì họ lấy làm kinh-hãi lạ-lùng mà kêu lên rằng: « Chúng tôi lấy làm khiếp sợ lắm. » Nếu đem chuyện Âu-chiến mà thuật cho người tri-thức trong dân-tộc ấy nghe, thì họ bảo rằng: «Chỉ có người giống trắng làm như thế, chứ chúng tôi thì tuyệt không có làm thế, hay là người giống trắng không phải hoàn-toàn là loài người, trong huyết-quản ý chừng còn có lẫn huyết giống khác chăng!»

Lôi-thị có xét về cội rễ dân-tộc

Ái-ti-ki-mã nói rằng: Người đời luận về cỗi-rễ giống dân-tộc Ái-ti-ki-mã có hai thuyết: Một thuyết bảo giống ấy là một giống người Mông-cổ, từ trên đại-lục rồi thiên mãi đến đảo Cách-lâm-lan; Một thuyết thì bảo rằng giống dân-tộc ấy là những kẻ di-dân ở bắc-bộ châu Mĩ. Sóng Lôi-thi xét về âm-nhạc của giống người Ái-ti-ki-mã, thì tin chắc rằng dân-tộc ấy là người giống đen ở châu Mĩ, chứ không phải người Mông-cổ.

Lôi-thị lại cực khen cái cách sinh-hoạt và ăn-ái trong gia-đình của dân-tộc Ái-ti-ki-mã. Cái cách gia-đình sinh-hoạt của họ tuyệt-nhiên không giống người giống trắng. Trai gái giống người ấy có thể đổi vợ đổi chồng cho nhau được, nhưng không phải là cái chế-độ lấy nhiều vợ, chỉ là một vợ liên-tục lấy nhau mãi, Người giống ấy rất là tôn-trọng đàn-bà, nếu người chồng không được người vợ đồng-ý thì không được đổi vợ cho người. Cái thói đổi vợ ấy người ta lo thay cho rằng sợ quên nhãng mất cả con-cái, nhưng người giống ấy thì không thế. Nếu có người nào bỏ rẽ con-cái đi, thì dân giống ấy coi là một tội đại-nghịch, hoặc là thấy con-cái của người khác mà không chịu trông nom giúp-đỡ, thì cũng bắt phải tội nặng. Vì ở đất ấy nhiều giống dã-thú hay ăn thịt người, vậy nên cái sự hộ-vệ cho con-cái thực là một cái thiên-chức tất là phải thế.

Lôi-thị lại bảo rằng chúng ta cứ tự-đắc rằng văn-minh rất cao song người giống trắng chúng ta nghe những lời của giáo-sĩ tuyên-giảng về đạo-đức, thì không mấy người hay thực-hành làm theo, vì với dân-tộc Ái-ti-ki-mã thì mới biết rằng là còn kém xa. Nguyên chốn ấy vẫn có các giáo-sĩ đi truyền-bá đạo-giáo, nhưng các người ấy không biết được cái thực-trạng của dân-tộc ấy. Lôi-thị có thuật chuyện lại một việc của người giáo-sĩ rất là lý-thú: nguyên có một người giáo-sĩ muốn làm cho người giống Ái-ti-ki-mã phải tin cái thuyết ma-quỉ, song người ấy thủy-chung vẫn cự-tuyệt những cái việc ma-quỉ thần-quái mờ-mịt. Giáo-sĩ cố bắt ép phải tin nghe, đã toan dùng đến võ-lực để cố-ép, người ấy kêu lên rằng: «Khốc-hại thay! Cõi đời nào lại ti-bỉ như thế kia, lại sinh ra cái truyện thầy tu đánh người thế kia! Ta bị phải mày thúc-bách thì ta phải tin cái thuyết mày vậy.» Đầu đuôi cái truyện ấy là bởi một người giáo-sĩ ở tự đảo Cách-lâm-lan trở về thuật chuyện lại cho ông trưởng-lão ở Đan-mạch.

Lôi-thị lại thường tập tiếng nói giống người Ái-ti-ki-mã, vì phần nhiều các giáo-sĩ chỉ tại không thuộc tiếng nói, nên cái chí mình muốn làm đạt đến, đều không ăn thua gì cả. Mấy năm trước kia có mấy người giáo-sĩ nước Anh sắp muốn mở một cái hội tuyên-giảng tôn-giáo bằng tiếng Anh ở đất Gia-nã-đại thuộc về dân-tộc Ái-ti-ki-mã, hiện đã thông-cáo hết cả dân-chúng đến họp, song chí-kỳ chỉ có đôi ba bà lão già và ba bốn đứa trẻ con đến hội mà thôi.

Người giống Ái-ti-ki-mã không có chữ-nghĩa để làm ra sách-vở gì cả, cho nên không có văn-học, chỉ có những câu ca-dao từ đời cổ truyền lại, mà toàn là nhớ thuộc lòng cả. Giống dân-tộc ấy đàn bà hưởng thọ nhiều lắm, còn như đàn ông mà muốn tìm lấy một người râu tóc trắng xóa thì không thấy có mấy người, vì dân-tộc ấy chỉ quen thói du-liệp cho nên nhiều lúc bị nguy-hiểm.

Lôi-thị đã từng tiềm-tâm nghiên-cứu về âm-nhạc của người Ái-ti-ki-mã, muốn nhân thế để dò cho biết giống người Ái-ti-ki-mã cùng với giống người di-dân đời thượng-cổ lúc nguyên-thủy có khác nhau hay giống nhau thế nào. Lôi-thị có nói rằng: «Tôi đã nghiên-cứu về âm-nhạc người Ái-ti-ki-mã, tôi dám đoán quyết chắc rằng: giống dân-tộc ấy cùng

với người giống đen ở Bắc-Mĩ thực có quan-hệ mật-thiết, vì âm-nhạc ở Bắc-Mĩ với âm-nhạc của Ái-ti-ki-mã thực là giống nhau, chỉ có hơi khác mà thôi ».

Lôi-thị lần cuối cùng đi xem xét về bắc-cực, thì chuyên chú-ý xét về các thứ xuất-sản ở chốn ấy. Lôi-thị tin chắc rằng bắc-bộ đất Gia-nã-đại và các đảo ở Bắc-cực thực là sản-xuất rất nhiều những loài trân-cầm dị-thú và khoáng-vật nếu mà khai-thác ra thì tất là hay cung cho thế-giới đủ dùng.

Lôi-thị nói rằng: « Ở các đảo bắc-cực có các khoáng-vật và các thứ dầu, lông mao, da thú, thịt-cá, hiện đương lúc Âu-chiến thì các thứ da thú, dầu thịt, giá đắt vô-chừng. Nếu lúc ấy mà mở-mang ra đem tầu vận-tải về được thì thực là một mối đại-lợi. Ta nghe ở Hắc-chân-hải-loan (Hudson Bay) và các nơi gần đấy, về khi cuối mùa hè thường trong ngày chủ-nhật bắt được giống hải-mã và giống bạch-kềnh đến hơn 500 con, còn bắt được những giống hải-báo hải-cẩu thì không biết bao nhiêu mà kể. Hiện nay da con hải-mã mỗi một bạng trị-giá ba bốn giác (tiền Mĩ) mà mỗi một tấm da con hải-mã nặng đến trên dưới 500 bạng. Chỉ cứ kể một cái lợi về da con hải-mã thì mỗi một năm có thể được lợi là 75.000 đồng (tiền Mĩ), lại còn như thứ hải-mã-nha và dầu thì cũng lợi lắm. Nếu ta hay mở được sở buôn-bán và xưởng trang-hóa ở Hắc-chân-hải-loan thì năm thứ nhất cứ kể được lợi về loài da thú, dầu, lông mao, cả thịt đến 400.000 đồng (tiền Mĩ), nhu-phí đi mất tám chín vạn đồng là đủ. Sau này nếu cứ theo ven Hắc-chân-hải-loan mãi cho đến Gia-nã-đại, Cách-lâm-lan và các đảo ở bắc-cực đều mở ra các chi-xưởng, thì mỗi năm có thể được lợi đến hàng trăm vạn. Huống-chi những thứ da và dầu đương khi Âu-chiến thì giá rất cao, chắc rằng sau khi đình-chiến rồi lại còn cao nữa. Ta muốn sưu-họp được phần nhiều các nhà thám-hiểm ở bắc-cực mà lục ra những lời báo-cáo về các thứ xuất-sản ở các nơi ấy, để giúp về đường thực-tế sinh-lợi, thì tưởng rằng người đời ai cũng thích. »

Người đời vẫn chê những người đi thám-hiểm về nam-bắc-cực, chỉ là một cách đi chơi săn ở trên chốn bất-mao, chứ không có quan-hệ gì đến cuộc văn-minh đời nay. Song như Lôi-thị thì thực là một nhà giỏi nhất ở trong bọn người thám-hiểm, không những làm lợi cho những nhà du-hiệp, nhà lý-tưởng, nhà khoa-học đời nay, mà lại làm lợi cho những nhà thực-nghiệp đời nay nữa.

Đ.-Cn. *dịch*

TƯ-TƯỞNG ĐẸP

...Si donc, parmi les actions vertueuses, celles de la vie publique et de la guerre l'emportent par la beauté et la grandeur, il leur manque cependant le repos de l'âme (indispensable au vrai bonheur), et on les veut pour autre chose, et elles ne sont pas d'elles-mêmes des vertus. L'activité de l'intelligence, au contraire, présente cette particularité distinctive importante elle: est spéculative et ne poursuit pas d'autre fin qu'elle-même, elle s'accompagne d'une joie parfaite et bien à elle, et qui accroit encore sa vigueur,

... Trong các việc công-đức ở đời, việc trị dân đánh giặc vẫn là những việc lớn-lao hiển-hách, tuy-nhiên không làm cho tâm-hồn được bình-tĩnh (mà tâm-hồn có bình-tĩnh mới là hạnh-phúc chân-chính), người đời ham những việc ấy là vì lẽ khác, những việc ấy vốn không phải là việc công-đức. Đến như sự tác-dụng về trí-tuệ thì lại khác hẳn, có cái đặc-tính như sau: là thuộc về lý-tưởng, mục-đích là ở mình,

elle se suffit à elle-même dans un loisir sans fatigue, autant du moins qu'il est permis à l'homme, elle semble enfin réunir toutes les conditions du bonheur. C'est donc elle qui serait le parfait bonheur de l'homme, si toutefois elle remplissait la durée totale de la vie, rien d'inachevé ne pouvant constituer le bonheur. Une telle vie serait trop belle pour être une vie humaine ! Si l'homme peut vivre ainsi, ce n'est pas en tant qu'il est homme, mais en tant qu'il y a en lui quelque chose de divin ; et autant cette partie diffère du composé humain, autant son activité diffère de celle des autres vertus. Si donc l'intelligence est divine par rapport à l'homme, la vie selon l'intelligence est divine en comparaison de la vie humaine. Par suite il ne faut pas, comme on nous le conseille, étant homme avoir des pensées humaines, mortels des pensées mortelles, mais autant qu'il est possible nous rendre immortels, et faire tout pour vivre selon ce qui dans notre vie est le meilleur ; ce meilleur tient, sans doute, peu de place, mais par sa puissance et sa dignité, il est tellement au-dessus de tout !

ARISTOTE

. . .

— Si quelqu'un se tenant près d'une source limpide et douce, l'injurie, elle ne cessera point de faire jaillir son eau ; et s'il y jette de la boue, du fumier, elle aura vite fait de la dissiper, de la laver, et n'en sera nullement souillée. Comment auras-tu donc en toi une source intarissable ? En te maintenant, à toute heure, dans la liberté, avec bienveillance, avec simplicité, avec modestie.

MARC AURÈLE

mà kết-quả là một cái khoái-lạc riêng, lại làm cho trí-tuệ mạnh-mẽ thêm lên nữa, có cái vẻ ung-dung khoan-khoái, không phiền nhọc gì, nói tóm lại là gồm được cái hạnh-phúc hoàn-toàn. Vậy nếu trí-tuệ làm cho đầy đủ được cả đời người, thời trí-tuệ tức là sự hạnh-phúc hoàn-toàn của người ta. (vì nếu không được đầy-đủ thời chưa phải là hạnh-phúc). Đời người mà được như thế thì tốt đẹp quá, không phải là đời người nữa. Người ta mà sống được như thế, thời không phải là tự cái nhân-tính mà được, thực là nhờ có một cái mối thiêng-liêng gì thuộc về thần-tính ở trong người vậy; thần-tính khác nhân-tính thế nào, thời sự tác-dụng cũng khác các đức-tính khác như thế. Trí-tuệ đối với người ta đã có cái tính-cách thiêng-liêng như thế, thời sự sinh-hoạt của trí tuệ đối với sự sinh-hoạt của người đời cũng có cái tính-cách thiêng-liêng như thế. Vậy thời không nên nghe lời những kẻ khuyên ta rằng làm người phải có cái tư-tưởng làm người, ở cõi phàm-trần phải có cái tư-tưởng phàm-trần ; không nên nghe họ như thế, mà phải cố cho siêu-việt ra ngoài cõi đời, phải lấy cái hay nhất trong đời người làm mục-đích cho cuộc đời : vẫn biết rằng cái hay nhất ấy nó không là bao, nhưng nó tôn-nghiêm, nó mãnh-liệt, nó siêu-tuyệt biết dường nào !

. . .

— Có người đứng cạnh một cái suối nước trong và ngọt, chửi mắng cái suối, cái suối nó cứ vẫn chảy hoài ; ném bẩn xuống suối, nó dánh phăng, nó rửa sạch đi ngay, không còn chút bợn gì. Này ta làm thế nào cho trong lòng ta cũng có một cái suối vô-tận như thế? Nên lúc nào cũng giữ lấy sự tự-do của mình, mà tập lấy cái đức khoan-nhân, giản-dị, khiêm-nhường.

Núi Kính-chủ ở Hải-dương

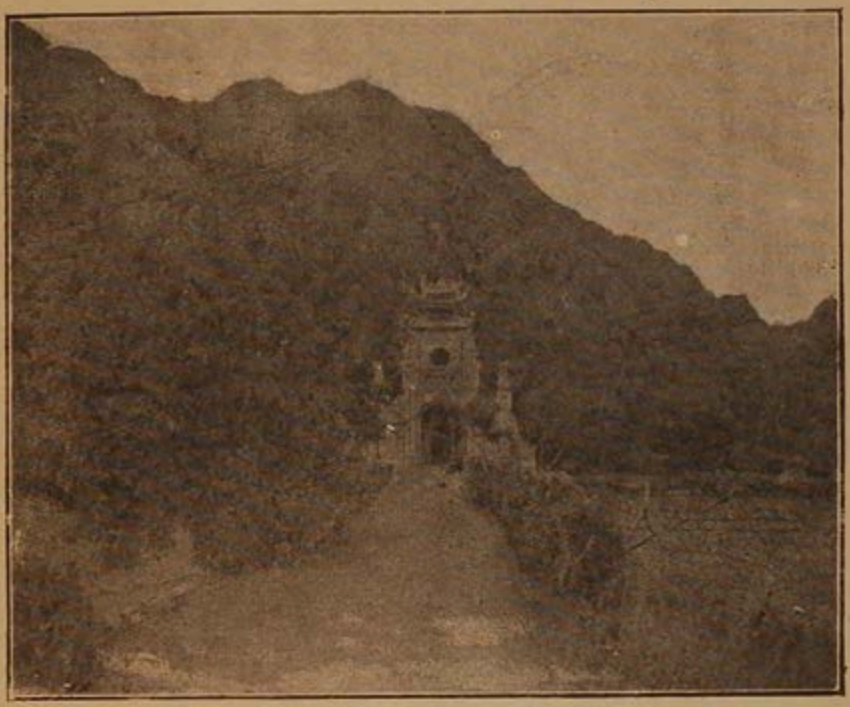

Kính ảnh T.-C.-Khuyến

LƯỢC-KÝ VỀ LỊCH-SỬ NƯỚC TÀU (1)

III

Chế-độ và học-thuật

Nước Tàu khi xưa là một chính-thể phong-kiến, đời nhà Châu 周 lấy các đời trước làm gương mà sửa-sang lại, nên văn-vật rất đủ. Toàn-quốc chia làm chín châu, kinh-đô nhà vua ở trung-ương, ngoài ra đều phong cho các nước chư-hầu, chia tước làm năm bậc: Công 公, Hầu 侯, Bá 伯, Tử 子, Nam 男. Lại đặt ra các quan Khanh 卿, Đại-phu 大夫, Sĩ-Thứ 士庶, vua tôi trên dưới đều có thống-thuộc. Lại có nước nhỏ là nước phụ-dung thì phụ theo với nước chư-hầu. Nước chư-hầu càng gần thì càng lớn, càng xa thì càng nhỏ; nước ở gần thì năng vào chầu, nước ở xa thì thưa vào chầu. Những nơi hình-thế hiểm-trở, núi to chầm lớn, thì không phong cho các nước. Lại khiến quan đại-phu ra làm giám-sát ở nước phương-bá, tước quan đại-phu thì tỉ bằng vua một nước vừa, lộc quan đại-phu thì lấy tại nước phương-bá. Lộc của vua nước chư-hầu thì gấp mười lộc quan Khanh, từ quan Khanh trở xuống thì cứ theo thứ bậc mà kém bớt dần. Ruộng khẩu-phần của mỗi một quan Phu là một trăm mẫu, thì phân ra có ba bậc, bậc thượng-nông-phu đủ nuôi được chín người, trung-nông-phu nuôi được bảy người, hạ-nông-phu nuôi được năm người. Lộc của kẻ hạ-sĩ và kẻ thứ-nhân làm việc ở chốn quan-phủ cũng coi bằng bậc hạ-nông. Theo bậc mà tăng lên thì lộc của hạ-sĩ nuôi được chín người, trung-sĩ nuôi được mười tám người, thượng-sĩ nuôi được ba mươi sáu người, hạ-đại-phu nuôi được bảy mươi hai người, trung thượng-đại-phu lộc cũng bằng thế. Vua thiên-tử đi đến nước chư-hầu, thì gọi là đi tuần-thú, mười hai năm mới đi một lần; mỗi lần đi tuần-thú thì sai quan thái-sư chép nhặt lấy những bài ca-dao thơ-từ hiệp vào âm-nhạc mà tâu lên, để xem xét chính-hóa hay hay dở. Lại khiến quan điền-thị khai tường vật-giá, và những đồ cần-dùng, đồ xa-xỉ thứ nào đắt thứ nào rẻ, để xét xem phong-tục xỉ hay kiệm. Lại xét điển-lễ, định giờ ngày, chính lại luật-độ, lễ-nhạc, và những qui-chế cửa nhà, xe cờ, xiêm áo. Nước nào đổi bỏ chế-độ, đổi sắc áo mặc thì phải trách-phạt; vua nước nào có công-đức với dân thì được phong thêm đất, tiến thêm tước. Thời-thường sai quan Tiểu-hành-nhân đi biện xét chính-sự các nước và những điều lợi hại của muôn dân, những việc thuận nghịch về chính-trị, đều làm ra thành sách rồi phục-mệnh lại triều-đình. Nước chư-hầu nào có việc tốt thì sai sứ đến mừng, việc tang thì phúng, việc hung-hoang thì trần-tuất, việc quân-dịch thì khao-thưởng, việc tai-vạ thì viếng thăm. Trong triều thiên-tử có quan Chủng-tể, quan Tôn-bá, quan Tư-đồ, Tư-mã, Tư-khấu, Tư-không, gọi là lục-quan. Lục-quan thì Chủng-tể đứng đầu, sáu quan đều thống-suất các kẻ thuộc-lại, gọi là quan-liêu. Cũng có chức không phải quan-liêu mà cũng đều liên-thuộc cả, như là những việc quân túc-vệ, việc tế-tự, việc tân-khách, việc tang-lễ, việc cơ-hoang, việc quân-lữ, việc

(1) Xem Nam-Phong từ số 125, 126.

đi săn, đi thu-liễm, đi chẩn-thi, những việc ấy thì sai khiến các kẻ thuộc-quan khác, tham coi về những chính-sự ấy, nên không có cái tệ trái mất chức quan, lìa bỏ vị-thứ, mà cũng không có cái lo chia ra phe-đảng nữa. Lại có quan Tam-công ban-thứ ở trên ngôi Chủng-tể, cốt để giúp đỡ mình vua, làm sư-phạm cho các quan. Đến như các tiêu-thuộc hầu trong cung nhà vua, dẫu đến những việc coi cửa rất hèn, cũng đều dùng những kẻ sĩ-đại-phu hiền-tài trông coi, chớ không cho kẻ gian-tà lọt vào đấy. Có sai kẻ quần-thần đi sứ ra bốn phương thì tất thăng chức lên cho. Khi nào có sứ-giả là khách nước khác đến thì sai chức hoàn-nhân 環人 đi đưa đón, ra tận ngoài cửa quan cho đến khỏi cõi. Vua thiên-tử cung-kiệm, tiếp-đãi kẻ dưới có lễ, thiên-tử có tiếp quan đại-phu các nước không có gọi tên. Làm chính-trị đều theo ý dân-chúng, ở ngoại-triều thì coi hết muôn việc, mà cứ theo lễ thì trước nhất phải hỏi ý dân. Phàm lúc nào có những việc điển-lễ lớn, những điều nghi-nạn lớn, thì nhà vua tất ngự ra ngoài cho vời cả muôn dân đến, có quan Tiểu-tư-khấu ra thừa-tiếp cho thứ-tự tiến lên mà hỏi, để giúp cho trí nghĩ mà định mưu, như hỏi về những lúc nước nguy-biến, lúc thiên-đô, lúc lập vua mới. Lúc trong nước có binh-tranh việc lớn thì đến nhà học-hiệu bàn để định mưu, các tướng phải vâng theo cái định-mưu ở nhà Học. Nghị-định đã quyết rồi cũng phải cáo với đấng tiên-thánh; lúc kéo quân về lại làm lễ diện kính cáo để dâng nộp thủ-quắc. Cái qui-chế về việc học thì mỗi nhà có một nhà Thục 塾, làng có nhà Tường 庠, châu có nhà Tự 序, trong nước thì có nhà Đại-học 大學. Quan Tư-đồ cứ lệ ba năm một lần sát-hạch học-trò, những kẻ tú-sĩ ở nhà hương-học dâng văn-thư lên vua mà được thăng-tuyển lên thuộc về quan Tư-đồ, thì gọi là bậc tuyển-sĩ 選士; quan Tư-đồ khảo-thí lại một lượt, nhắc lên cho làm kẻ lại ở chốn hương-tụy; lại còn những kẻ tuấn-tú thì xét-hạch cho thăng lên nhà Đại-học gọi là kẻ tuấn-sĩ 俊士. Qui-chế nhà Đại-học thì có quan Đại-học-chính dạy học-trò, những kẻ sĩ-tuấn tuyển trong nước và thái-tử nhà vua, nguyên-tử vua các nước chư-hầu, đích-tử các quan khanh đại-phu, quan nguyên-sĩ, đều đến nhà học thụ-nghiệp, cứ kể tuổi làm hơn, chứ không kể chi kẻ sang người hèn. Công-khóa thì dạy cả lễ, nhạc, xạ, ngự, thư, số (phép tính); về mùa xuân hạ thì dạy tập giáo mác, mùa thu đông dạy múa vũ-thược, cứ theo công-thứ mà cấp cho áo mặc lương ăn cho đến bốn mươi tuổi. Nhà Đại-học lại xét những kẻ tuấn-tú lên tâu vua, rồi thăng lên thuộc về quan Tư-mã gọi là bậc tiến-sĩ 進士. Quan Tư-mã lại kén chọn lấy kẻ tài bổ ra làm quan ở triều-đình, làm quan giỏi thì được phong tước, phẩm-tước định thì được hưởng lộc.

Quân-chế thì cứ theo cái khu quốc-đô vuông nghìn dặm, chung quanh phân ra trăm dặm là một giao, mỗi giao có sáu hương; hai trăm dặm là một châu, mỗi châu có sáu toại. Mỗi hương đều có một vạn hai nghìn năm trăm nhà, sáu hương sáu toại tính gồm lại là mười hai vạn nóc nhà, mỗi nhà, phải ra một suất lính. Sáu hương là chính, mà sáu toại là phó, chia ra chỉ lấy một nửa ra lính, còn một nửa lưu-thủ. Các tướng thì mệnh cho sáu quan khanh. Quân vẫn không lộ là quân đều ẩn ở trong sáu hương, tướng vẫn không lộ là tướng đều ẩn ở sáu chức quan khanh. Mà điểm-kiểm quân-ngũ thì thống cả ở quan tư-đồ, quân-lễ thì giữ ở quan đại-tôn-bá, quân-pháp thì phải theo quan sĩ-sư. Quan Tư-mã tuy rằng là chức thống-binh mà không dám tự-chuyên. Cho đến những quân túc-vệ,

quân quốc-tử hồ-bôn, đều có hệ-thuộc riêng cả để cho phân binh-quyền ra.

Phép chia ruộng thì cứ vuông một dặm là một *tỉnh* 井, mỗi tỉnh chín trăm mẫu, ở giữa là một trăm mẫu công-điền, còn mỗi một phu thì được riêng một trăm mẫu tư-điền, cùng cày giúp cho công-điền để cung làm thuế ruộng. Trong một *tỉnh* thì khoi ra ngòi rãnh ngang dọc, chia vạch ra bờ cõi, để giữ-gìn cho chỉnh-tề, không cho xe ngựa chạy giông; mỗi ba trăm phần ruộng đất thì bỏ đi một phần làm đường thủy-đạo để lấy nước tưới cho ruộng đất. Giới-hạn phân-minh, mỗi một dân-đinh được một phần đất ở năm mẫu, chung quanh nhà ở phải trồng dâu, để nuôi tằm lấy tơ mà mặc. Những kẻ không có chức-sự thì phải chịu thuế phu-dịch. Những chỗ núi chầm thì có từng mùa nghiêm-cấm không được phá, phải theo phép giữ-gìn chớ không đánh thuế, dương lúc mùa cây cỏ mọc tươi tốt thì không được dùng đến búa rìu, không được đốt núi rừng; chuôm chầm không được đánh thuốc độc, ao chuôm không được dùng lưới mau đánh cá. Những chỗ chợ búa cấm bán những đồ xa-xỉ, cấm làm những đồ giả-dối. Phàm những đồ ngọc khuê-bích, áo chương-phục, đồ tế-khí nhà tôn-miếu, và các đồ nhung-khí binh-xa, đều không được đem bán. Chỗ cửa quan-ải xét hỏi các đồ hóa-vật chở vào, đồ hóa-vật nào không do cửa quan mà đem vào lậu thì bắt thu lấy. Quan giữ tiền hễ thấy khi nào có đồ hóa-vật bán ế thì chiếu nguyên-giá mà mua lấy, để dành bán cho người khác. Người mua hóa-vật có khi cứ tính ra giá tiền, xem cái đồ mình dùng đáng giá bao nhiêu thì cứ trả dần mà chịu lãi, như mua những đồ tơ bông vải lụa, mỗi một vạn đồng thì ăn tiền thưởng được năm trăm đồng. Nếu gặp năm mất mùa, gặp lúc tang-lễ thì ở chợ cho làm vải mà không đánh thuế. Dân tiêu tiền sợ khinh rẻ quá thì lại làm thứ tiền trọng-tệ, nếu không dùng được tiền trọng-tệ, thì lại làm thứ khinh-tệ để thông-hành. Khi mất mùa đói kém thì cửa quan bờ đầm không đánh thuế, núi chầm cũng không đánh thuế. Vua mặc áo vải, bữa ăn không có dâng thức ngon, ngựa không được cho ăn thóc, vua ngự ra đường không bắt dọn-dẹp, tế nhà miếu không có treo chuông trống, quan khanh ra đong thóc ở nước ngoài, quan đại-phu không ăn thức ngon, không chế làm xe, kẻ sĩ uống rượu không vui đùa. Nghề bách-công thì có quan công-sư định ra chương-trình hàng ngày đốc-thúc, nhưng cấm không được làm đồ dâm-xảo để cho mê đắm lòng người. Hằng năm đến tháng mạnh-đông thì hiến công, tất so-sánh các đồ-vật để dâng công, rồi ghi lấy tên người thợ, nếu công người thợ nào không xứng-đáng thì phải phạt.

Phàm dân những kẻ quan-quả cô-độc đều có cấp cho lương ăn. Người già năm mươi tuổi không phải đi phu-dịch, sáu mươi tuổi không phải đi lính, bảy mươi tuổi không phải ra tiếp khách, tám mươi tuổi thì một người con được miễn-dịch, chín mươi tuổi thì cả nhà được miễn-dịch, kẻ tàn tật phải nhờ người nuôi thì cho một người được miễn-dịch. Những người còng lưng, kẻ trỡn ngực, câm điếc què lê, đui mù lùn-thấp, người nào cũng cho giữ một việc để nuôi thân.

Việc chi-dùng trong nước thì do quan chủng-tề chế-định, cứ xét trong một năm giống ngũ-cốc thu vào được bao nhiêu chia làm bốn phần thì để dành lại một phần. Khi nào gặp phải việc tang ba năm, cứ hội tính cái số để dành trong ba năm ấy chỉ dùng đi một phần trong mười phần. Quan chủng-tề phải xét xem sổ-sách của quan tư-cối tính-toán có đích-đáng không, rồi

giao cho quan Nhạc-chính, quan Tư-khấu, quan Tư-thị đều đem sổ sách cùng với quan Tư-cối lên trình vua. Vua và sáu quan Khanh nhận lấy sổ để dự-toán cái số chi-xuất sang năm, rồi báo ra cho biết.

Vua thiên-tử tự mình giữ tiết-kiệm, khi nào hội-yến uống rượu, đã có quan Tửu-chính tính sổ cung-đốn, cứ phép thì vua cũng không được tự-chuyên lấy dùng. Bày tôi ngồi hầu vua ăn yến, uống đến quá ba chén thì là vô-lễ. Lại đặt ra quan giám quan sứ để xét-nét phạt những kẻ uống rượu say thất-nghi. Trên dưới đều nghiêm-trang có trật-tự. Vua thiên-tử không có kể chi nhiều hay ít, vua chư-hầu không có tính đến lợi với hại, đã làm vua trong một nước thì không nuôi trâu để riêng, nhà quan đại-thần không nuôi gà lợn, nhà quan khanh không chứa tiền của, nhà quan đại-phu không làm vườn-tược, từ quan sĩ trở lên đều xấu hổ không nói đến điều lợi, không muốn tranh nghề nghiệp với dân. Kẻ sĩ thì đến họp chốn nhàn rảnh, kẻ công thì đến làm việc chốn quan-phủ, kẻ thương thì đến ở chốn thị-tỉnh, kẻ nông thì ra cày ngoài đồng nội, còn những kẻ tạp-hộ du-dân thì không được ở lẫn với kẻ nông-công để làm loạn mất phong-hóa. Những kẻ nào đi chơi đêm, đua đàn đi uống rượu đều bị phạt không được tha. Việc hình thì có năm : *mặc* 墨 là hình thích chữ vào mặt, *tị* 劓 là hình sẻo mũi, *phỉ* 剕 là hình chặt chân, *cung* 宮 là hình thiến, *đại-tích* 大 辟 là hình chém, ấy là năm hình. Người nào bị tội nặng thì bêu ra ở ngoài đồng, người nào bị tội nhẹ thì yết ra ở trong triều. Tội bắt đi đầy là để khoan cho năm hình, tội bắt đánh đòn là phép quan-hình 官 刑, tội bắt đánh roi là phép giáo-hình 教 刑, tội cho chuộc tiền là phép thục-hình 贖 刑, còn những kẻ nào lầm-lỡ thì tha cho, kẻ nào cố-ý làm ác thì phải giết. Kẻ nào tội còn ngờ thì khép án nhẹ, kẻ nào công còn ngờ thì thưởng cho hậu. Hình-phạt không có bắt tội đến con cháu, tước thưởng thì thưởng cho đến đời sau. Khi hỏi kiện kết án, thì dụng thực tình mà tra hỏi, để xét nghĩ cho kỹ và rộng hỏi những lời khen chê của kẻ lại-dân, để định tội khinh trọng. Khi nào có án tử-hình thì các quan cứ phép mà nghĩ án, quan sĩ-sư cân nhắc thăng-bằng, rồi đến quan tam-công thẩm xét lại tâu lên vua, vua còn ba lần bảo tha cho, lại bảo rằng hoặc kẻ có tội quên lầm chăng, rồi sau mới định án. Những người già tám chín mươi tuổi và những đứa trẻ tự bảy tuổi trở xuống dẫu có tội cũng không bắt chịu hình. Kẻ đàn bà bị tội thì không bắt giết ở chợ. Họ nhà vua và những người có quan tước, có tội cũng không đem chém ở chợ. Quan đại-thần có tội thì cho tự-tử, chứ không đem làm nhục. Những người hiền người tài và người có công-lao, người tân-khách khi bị tội cũng có nghị giảm. Những lúc gặp năm hung-hoang và khi tang-chế thì đều khoan xá hình-phạt. Mùa hè thì đem kẻ trọng-tù ra mà cấp thêm lương cho ăn. Phàm những kẻ dân nào làm hại ở chốn làng xóm thì bắt gọt đầu không cho đội mũ mà phải đi phu-dịch. Tội nặng thì phải phục-dịch một năm, vừa thì chín tháng, thứ nữa đến bảy tháng, hoặc năm tháng, tội nhẹ thì phải phục-dịch ba tháng, khi nào có làng xóm bảo-lĩnh cho thì được tha, nếu không thì vẫn phải để ở trong ngục, bắt làm việc mà dạy bảo, hễ biết đổi lỗi thì tha cho về, nhưng dân làng vẫn không thèm kể đến người ấy. Nếu ba năm mà không biết đổi lỗi lại vượt ngục ra thì phải giết. Kẻ sĩ-phu mà phải tội đồ thì khác, ở riêng một nơi không được ở lẫn với người thiện. Những kẻ bị tội đại-nghịch thì phải phá nhà đi làm thành ra ao để chứa

nước. Những học trò ở nhà Quốc-tử-giám, thụ-giáo chín năm, nếu không tùng-giáo thì phải ruồng đuổi ra ngoài phương xa suốt đời không kể đến nữa. Những con nhà thường-dân vào học nhà Hương-học một năm, ở bên hữu học một năm lại di sang bên tả, bên tả lại di sang bên hữu, nếu không biến đổi tính-chất thì phải đuổi ra ngoài cõi giao, mà vẫn không biến đổi thì lại đuổi ra ngoài cõi tonj, vẫn không biến đổi nữa thì lại ruồng đuổi ra ngoài phương xa, suốt đời không kể đến nữa. Cứ lệ chín năm một lần khảo-duyệt. Những lúc xử kiện thì có quan sử để ghi chép lấy, tùy chỗ lường đất xa gần định kỳ hỏi kiện, trong kỳ mới hỏi đến, còn ngoại - kỳ thì thôi. Những người nào đi kiện thì phải nộp tiền, rồi mới tâu vào trong triều phải nộp một bó tên kẻ nào có oan ức thì được tự kêu lên, ở tòa quan Tư-khấu thì có hòm phế-thạch để đựng giấy, quan Thái-bộc thì có trống để cho những người đến khiếu oan đánh. Kẻ trai gái bị kiện thì hỏi ở nền xã-tắc của một nước vong-quốc, nhưng không tuyên lộ cái tội ra. Những người mệnh-phu mệnh-phụ thì không phải giam trói trong ngục. Cuối năm sai các quan xét lại những sổ kiện cáo án-từ, rồi dệ lên tòa Thiên-phủ. Ấy đại-khái cái pháp-chế trị nước là như thế còn các chế-độ trăm điều đều hay cả, có thể truyền được đến muôn đời, nhưng cũng nhiều điều sinh tệ.

Các vua đời tam-đại có đặt ra phép dạy thế-tử, lúc mới đẻ ra đã dạy lấy lễ, quan hữu-tư phải trai-giới rồi dẫn đến bái kiến Thượng-đế ở nền Nam giao. Bà nhũ-mẫu thì nuôi vú ba năm, nhưng lại chọn vợ quan sĩ hoặc thiếp quan đại-phu để giúp đỡ, phải chọn người nào có tính khoan-dung, từ-huệ, cẩn thận, ma ít nói, để làm thầy cho thế-tử, đều ở luôn với thế-tử, còn người khác thì không được vãng-lai. Khi đã lập lên làm thái-tử rồi thì lấy tên đem cáo tổ-tông xã-tắc và các thần sơn-xuyên. Các quan quí-thích đại-thần và trai gái trăm họ không ai được đặt trùng tên với thái-tử. Khi thái-tử đã có tri-thức rồi thì cho ra ở ngoài, mười tuổi trở lên thì tới nhà ngoại - phó để học tập, đã có quan thái-phó, quan thiếu-phó để nuôi dạy điều hay cho thế-tử, lại có quan thái-bảo để giữ-gìn, quan thái-sư để dạy-dỗ. Khi thế-tử đã lớn thì cho vào nhà Thái-học để cùng học, lại phải kén những kẻ sĩ đoan-chính trong thiên-hạ, người nào có nết hiếu-đễ, học rộng và có học-hạnh ấy thì được cùng cư xử ra vào với thế-tử. Khi thế-tử có lỗi thì trách-phạt những người cùng ở ấy để làm răn. Lại có quan sử để ghi điều lỗi, quan tể để coi cơm nước. Lại có cờ tinh để dâng điều thiện, có bảng gỗ để viết lời phỉ-báng, có trống để báo sự can-ngăn. Lại có quan cồ đọc những bài thơ, kẻ công đọc những lời trầm, đều là để sửa chữa những chỗ thế-tử còn thiếu-thốn. Khi thế-tử lên ngôi thì dẫn ở trong cung cũng rước ra ngoài, lại khiến quan đại-thần đi đón rước về để lập lên, các vua chư-hầu và các quan khanh-sĩ đều ở ngôi để giúp-đỡ. Khi thế tử chết thì tất lập người em cùng mẹ lên thay, nếu không có người em cùng mẹ, thì lập người lớn tuổi, tuổi đều nhau thì chọn người hiền hơn, nghĩa bằng nhau thì hễ bói được ai thì lập lên.

Phép lập bà hậu-phi, thì tất chọn lấy những dòng giống con nhà tiên-thánh nước chư - hầu lớn, không thì chọn lấy ở nước họ ngoại con nhà cậu; khi cưới bà phi lại có chị em họ đồng-tính cùng theo về gọi là đẳng-thiếp 媵妾. Vua nước chư - hầu lấy bà phu-nhân cũng như lễ trên. Bà chính-đích mà mất đi thì bà thứ-phi nhiếp coi nội-sự, rồi thăng lên ngôi bà hậu, bà phu-nhân.

Trong cung lại còn hàng nữ-ngự là những kẻ cung-tần để hầu nhà vua. Các chúng-thiếp thì cứ sớm tối vào hầu. Lại có quan nữ-sử để ghi công ghi quá. Về mùa tằm thì bà vương-hậu dòng-đã các kẻ mệnh-phụ trong ngoài phải ra chăn tằm ở ngoài cõi bắc. Cấm đàn bà con gái không được trang sức quá, mà phải chăm việc tằm-tang. Cuối năm thì cho các bà dâng công, người nào làm tốt thì thưởng, xấu thì phải phạt.

Phép tôn-tộc thì thiên-tử phong cho các nước chư-hầu đều cho lấy tính-thị. *Tính* 姓 thì cứ theo cái dòng của mình sinh ra, *thị* 氏 thì cứ theo cái tên phần đất của mình mà gọi. Vua chư-hầu thì lấy tên tự mà đặt cho các quan đại-phu, nên về sau cứ theo cái tên thụy của tiên-nhân mà chia ra từng *tộc* 族. Người nào làm quan đã mấy đời có công thì thành ra một quan-tộc. Trong các làng cũng phân ra từng họ, có họ đại-tông, họ tiểu-tông. Họ đại-tông thì tuy cách xa đến trăm đời vẫn còn có trở, họ tiểu-tông để trở đến năm đời thì thôi, từ ông cao-tổ trở lên là hết thân, lại biệt ra một tông thì không còn có phục nữa. Người trong họ công-tộc mà mắc tội thì ba lần xét để tha, nếu không tha được mới phải tội, vua cũng thương mà mặc áo trắng, đổi biến lễ thường mà ra ở ngoài, tùy kẻ thân sơ mà tặng cho đồ phúng, nhưng không đến thăm. Lễ tang thì để trở cha mẹ phải mặc áo tư-thôi, ăn cháo, tự vua thiên-tử cũng phải như thế. Kẻ sĩ-thứ mà có tang cha mẹ, khi mới mất, thì hàng xóm nấu cháo đưa đến cho ăn, chớ không dám ăn thịt nống rượu. Lúc tế thì tùy cái lộc của người sống mà làm, lúc táng thì phải theo cái phẩm-tước của người chết mà cất đám chớ không được tùy ý làm đám ma cho hậu. Những đồ tre đồ sành, dân cầm dàn sắt, kèn sáo, đều làm bằng đồ giả gọi là minh-khí, nghĩa là đồ của thần-minh, không dám phí của mà làm bằng đồ thật. Việc tế-lễ thì vua thiên-tử tế trời đất, vua chư-hầu tế thần xã-tắc. Nhà vua thì thân coi giết con sinh để tế giao tế đế, bà hậu thì thân coi giã gạo tế, dệt áo tế. Vua thiên-tử tế tiên tổ dựng ra bảy nhà miếu, vua chư-hầu được dựng năm nhà miếu, bốn mùa đều tế ở các nhà miếu ba năm thì hợp-tế ở nhà thái-miếu. Còn các lễ-nghi về việc lớn việc nhỏ đều sửa-sang đủ cả, trí-công đã hòa-hiệp mới làm ra nhạc-ca, gọi là nhã-nhạc, không để cho những dâm-thanh tục-nhạc làm loạn được nhã-nhạc, mà tính-tình đều cảm về điều chính-đáng cả, thực là lo-liệu cho thiên-hạ đời sau rất là sâu-xa.

Từ đời Châu 周 đến nay, quốc-thống các đời nối nhau được là hai mươi ba triều, theo giữ cái chính-thể quân-chủ chuyên-chế, chia trong nước làm quận-huyện. Khi trị khi loạn bất-thường, mà chính-pháp phong-tục thì các đời sau đều không bằng đời Tam-đại. Đời Tam-đại trở về trước thì đạo-đức tu-minh, có những các bậc hành-nhân ra đời, đạo chấp-trung của vua Nghiêu 堯, vua Thuấn, 舜, thì rất là trung-chính, truyền đến các vua Vũ 禹, Thang 湯, Văn 文, Võ 武, Châu-công 周公, Khổng tử 孔子. Từ Châu-công trở lên đều hết lòng vì vua cho nên chính-sự tốt, Châu-công trở xuống đều hết lòng vì dân cho nên luận-thuyết hay. Vua Nghiêu gọi ông Thuấn mà bảo rằng: « Thuấn kia, lịch-số trời trao ở thân người, người phải tin giữ lấy đạo trung ». Ông Thuấn cũng đem đạo trung ấy bảo ông Vũ rằng: « Nhân-tâm thì nguy-hiểm lắm đấy, đạo-tâm thì huyền-vi lắm đấy, phải tinh-vi, phải nhất-trí mà giữ vững lấy đạo trung ». Vua Vũ nói rằng: « Làm vua không dễ, hết được đạo làm vua là rất khó, làm tôi không dễ, hết được đạo làm tôi cũng rất khó, phải sửa-sang chính-trị, để

cho lê-dân theo đức-hóa cho nhanh. » Vua Thang nói rằng : « Trời phú tính cho kẻ hạ-dân, ai ai cũng có tính lành, mà về phần giáo-dục thì phải nhờ về vua » Võ-vương nói : « Dân trông đến thì trời cũng trông đến, dân nghe theo thì trời cũng nghe theo. Dân mà có lỗi là lỗi tại vua. » Châu-công nói : « Người quân-tử lúc nào cũng không dám giong chơi, phải biết việc nông-tang là khó nhọc, mà nhân-dân đều trông nhờ về đấy cả. » Vua Nghiêu, vua Thuấn, vua Hạ Vũ, Văn-vương, Châu-công, đều là bậc thánh vốn tính tự-nhiên, vua Thang, vua Võ còn phải sửa lại mới giữ được bản-tính. Khổng-tử thì tập-đại-thành để làm phép cho muôn đời, thiên-hạ đều tôn, ngài có nói rằng : « Từ vua thiên-tử cho đến kẻ thứ-dân, đều phải lấy tu-thân làm gốc. » Lại nói rằng : « Đạo ta chỉ có một lẽ mà suốt cả, là điều trung điều thứ mà thôi. » Lại rằng : « Người nào hay trị bỏ lòng riêng, mà giữ lấy lẽ công, thì tức là nhân. Đã là người vô tư-dục mà hay hoàn-toàn thiên-lý thì thiên-hạ đều khen là người nhân. Làm điều nhân tại mình chớ có tại người đâu. Lúc nào cũng phải giữ cung-kính, khi ra cửa như là gặp quan khách, khi sai dân như là vào tế thần, phải có ý kính-cẩn. Điều gì mình không muốn thì không nên bắt người phải chịu. » Lại nói rằng : « Người quân-tử xử việc thiên-hạ, không chuyên-chủ hẳn, không cự-tuyệt hẳn, cứ theo nghĩa phải mà làm. » Lại nói rằng : « Người ta sinh ra bẩm-tính vốn ngay thẳng, những kẻ lừa dối mà sống được là may. Nếu sớm ngày được nghe điều phải mà buổi chiều chết cũng cam. » Lại nói rằng : « Khâu này kỳ-đảo đã lâu, nếu ở trái đạo mà phải tội với trời thì còn kỳ-đảo gì nữa. » Học trò cửa Khổng có thầy Nhan Hồi là rất hiền, nhưng phải chết non. Khổng-tử có khen rằng : « Thầy Hồi không có giận người nọ lại lây đến người kia, đã lầm lỗi lần trước không đến nỗi lại lầm lỗi đến lần sau nữa » Khi Khổng-tử mất rồi thì học trò tan đi các nơi, chỉ duy thầy Tăng-tử 曾子 là hay truyền được đạo. Thầy Tăng có nói rằng : « Người quân-tử cốt nhất là phải giữ ba điều : Dáng dấp cử-động đừng có thô-bạo khinh-mạn. Nhan-sắc phải cho chỉnh-đính thực-thà. Từ-khí phát ra đừng có thô-bỉ trái ngược. » Tăng-tử truyền đến Tử-Tư 子思 là cháu Khổng tử. Tử-Tư có làm ra sách *Trung-dung* nói rằng : « Mệnh trời phú cho thì gọi là tính, noi giữ lấy cái bản-tính ấy thì gọi là đạo, phải sửa-sang tu lấy cái đạo ấy thì gọi là giáo. Đã gọi là đạo thì không thể một lúc nào lìa bỏ đi được, nếu còn lìa bỏ đi được thì không phải là đạo. Vậy nên người quân-tử ở chỗ người ta không trông thấy cũng phải răn giữ cẩn-thận, chỗ người ta không nghe biết cũng phải sợ hãi lo nghĩ. Tuy rằng ẩn dấy nhưng mà thực là lộ, vi dấy nhưng mà thực là rõ, vậy nên người quân-tử lúc ở một mình cũng phải cẩn-thận. » Lại nói rằng : « Tự-nhiên chân-thành là đạo trời, phải cố gắng giữ lấy chân-thành là đạo người. Tự lẽ thành-thực mà suy sáng mãi ra ấy là bản-tính, tự suy sáng mới rõ lẽ thành-thực ấy gọi là giáo. Đã thành thì tất là sáng, đã sáng thì tất là thành. Thành là chung-thủy cho mọi việc, đã bất-thành thì không ra việc gì cả. Vậy nên người quân-tử phải lấy thành làm quí. »

Thầy Tử-tư truyền đạo đến thầy Mạnh Kha 孟軻. Thầy Mạnh làm ra sách bảy thiên, có nói rằng : « Người sĩ phải thượng-chí, phải giữ cái chí mình cho vững mà đừng bạo-động cái khí lên. Ta phải khéo nuôi lấy cái khí hiệu-nhiên của ta, cái khí hiệu-nhiên thì khó lấy lời nói mà hình-dung ra được. Nhưng tất phải chăm-chủ hàm-dưỡng dần-dà, chớ đừng vội mong mà dướng nó lên vội » Lại nói rằng : « Những điều không học mà đã hay là lương-

năng của người ta, không nghĩ mà đã biết là lương-tri của người ta.» Lại nói: «Bàn về tính thì theo như cũ, cho tính là bản thiện thì thuận mà phải hơn. Tính người ta ai cũng thiện, cũng như nước thì nước nào cũng chảy chỗ trũng.» Lại nói rằng: «Lẽ muôn vật đều đủ cả ở thân ta, ta xét lại thân ta mà hành-thực thì vui gì bằng. Cố giữ lấy lòng thứ mà làm, thì cầu đến đạo nhân dễ.» Mạnh-tử mất đi rồi thì không mấy người truyền được đạo-học. Tuy cũng có nhiều bậc thác-học đáng khen, nhưng cũng không thoát khỏi cái phạm-vi của cổ-nhân.

Đời Tây-Hán có Đổng Trọng-Thư 董仲舒 là bậc thuần-nho, thường nói rằng: «Cái gốc lớn đạo là bản tự trời, trời bất biến thì đạo cũng bất-biến.» Đời Đông-Hán có Hoàng Hiến 黃憲 hoi giống như ông Nhan Hồi 顏回. Những người danh-hiền là Lữ Trần Phồn 呂陳蕃 bảo nhau rằng: «Trong khoảng độ hàng tháng mà không được gặp Hoàng-sinh, thì trong tâm mình lại sinh bỉ-lận bẩn lắm!» Quách Thái 郭泰 nói rằng: «Ông Thúc-Đô 叔度 độ-lượng mông-mênh như nghìn dặm sóng, khuấy lên không thấy đục, để lặng cũng không thấy trong, không biết đâu mà lường được.» Đời nhà Tùy có Vương Thông 王通 thường đáng mười hai bài sách thái-bình, vua không dùng, ông bèn về dạy học ở trên sông Hà-phần, kẻ đệ-tử từ phương xa đến học đông như kiến, dạy được nhiều người hào-kiệt, về sau khởi lên giúp nhà Đường, thành được thịnh-trị năm Trinh-quan, năm Khai-nguyên. Đời Đường lại còn Hàn Dũ 韓愈, Lục Chí 陸贄 đều khen là bậc đại-nho. Hàn Dũ có nói rằng: «Rộng yêu ấy là điều nhân, làm mà đáng phải ấy là điều nghĩa, cứ theo một đường phải mà đi ấy là đạo, học-thức đủ ở mình mà không dợi ở ngoài ấy là đức.» Đến đời nhà Tống có Châu Đôn-Di 周敦頤, nhân-phẩm rất cao, hung-hoài sái-lạc như là gió mát trăng trong. Thường làm ra sách *Thái-cực-đồ thuyết* 太極圖說 nói rằng: «*Vô cực nhi thái-cực*». 無極而太極 Người học-giả lấy lời nói ấy làm rất phải, bảo là hay nối được thầy Mạnh-Kha mà truyền được đạo-học. Học trò là Trình Hiệu 程顥, Trình Di 程頤 là hai anh em mà cùng học giỏi. Thầy Trình Hiệu thì có công ham-dưỡng chín-chắn, suốt ngày ngồi nghiêm-trang như ông bụt đất, thế mà cái khí hòa-nhã tinh-túy hiện ra nét mặt, học trò và các bạn giao-du, thường cùng qua lại, và mươi năm trời không thấy lúc nào nổi nét mặt giận-dữ. Ông thường nói rằng, «Tính vốn là lẽ trời, lẽ phải thì tự vua Nghiêu vua Thuấn đến người đi đường cũng đều một lẽ cả.» Khi ông mất tên thụy là Minh-đạo. Trình Di là người phương-chính giữ lễ cùng với học trò là Trương Tái 張載, Tạ Hiền-Đạo 謝顯道 đều nổi tiếng một thời. Lại còn Thiệu Ung 邵雍 là người cao-minh mà hồn-hậu, không lộ khuê-giác, người nào chơi với ông lâu lại càng tôn tín ông. Trình Di khen ông có cái học nội-thánh ngoại-vương. Văn-vận đương lúc bấy giờ rất hưng-thịnh. Đến đời Nam-Tống có ông Chu Hi 朱熹 là người học-vấn sâu-xa, học cốt cùng-lý trí-tri, thực-hành thực-tiễn, mà lấy điều kính làm chủ, kẻ học-giả tôn theo nhiều lắm. Bạn ông Hi là Lã Tổ-Khiêm 呂祖謙 cũng đều nổi tiếng với ông Hi, khi ông mất rồi tên thụy là Văn-công. Người đời sau bàn rằng: «Từ khi nhà Châu dời sang bên đông thì có đức Khổng-tử sinh ra, nhà Tống dời sang bên nam thì có ông Văn-công sinh ra.» Đồng-thời với ông Chu Hi lại có Lục Tử-tĩnh 陸子靜 là người rất mực thông-minh, chê ông Hi học chi-li quá, có nói rằng: «Việc trong vũ-trụ đều là việc phận-nội của mình, việc phận-nội của mình đều là việc

trong vũ-trụ ». Lại nói rằng : « Đông-hải có sinh ông thánh ra, nếu cùng một tâm thì đều cùng một lý cả, cho đến Tây-hải, Nam-hải, Bắc-hải có ông thánh-nhân sinh ra cũng đều cùng một tâm-lý ấy cả. Trên trăm nghìn năm có ông thánh-nhân sinh ra, đồng thử-tâm đều là đồng thử-lý ; dẫu đến sau trăm nghìn năm có ông thánh-nhân sinh ra, đều cùng một tâm-lý ấy cả. » Lại nói rằng : « Người ta có tai có mắt thì vẫn có thông-minh, thờ cha thì phải hết đạo hiếu, thờ anh thì phải hết đạo đễ, vốn không khiếm khuyết được, mà cũng không phải đi cầu ở đâu, chỉ tại mình tự-lập mà thôi ». Học-trò theo học rất nhiều. Sau lại có Trần Lượng 陳亮 chỉ suy-tôn Vương Thông bảo rằng sau thầy Mạnh-tử chỉ có Vương Thông mà thôi. Lại nói rằng : « Đi học thì phải suy cùng nghĩa-lý tinh-vi, biện-bác cổ-kim đồng-dị, xét tâm mình cho cẩn-thận, so-sánh nghĩa-lý từng li từng tí, phải tích-lũy dần mà hàm-dưỡng lâu, rồi sau phát-hiện ra nét mặt tự-nhiên hòa-nhã, học đến như thế thì ta còn kém. Còn như trận bày đường-chính, gió mưa sấm chớp phát-sinh, rồng rắn hổ beo biến-hiện, mà tâm-hung vẫn bao-la thiên-cổ, tri-dũng hay khuynh-đảo một đời, ta cũng hơi học được như thế ! » Ông có ý bài bác ông Chu Hi và ông Lã Tổ-Khiêm. Song đại-đề học trò đời Tống đều tôn-trọng ông Chu Hi và ông Lục Tử-Tĩnh, đua nhau giảng bàn tâm-tính. Đời Nguyên có Hứa Hành 許衡 khéo dạy người, bảo rằng người ta nhân có giác thì mới rõ được điều thiện, nhân hiểu rõ được điều thiện mới khai được điều ngu. Tiết Tuyên 薛瑄 dạy học trò bảo trước phải lực-hành rồi sau mới đến văn-nghệ, mà để lòng về chốn cao-minh. Trần Hiến-Chương 陳獻章 có công học hàm-dưỡng rất thuần-thục, nói rằng : « Phải bỏ những điều phiền đi mà cầu lấy điều ước, cứ ngồi yên lặng ít lâu thì tự-nhiên xét thấy cái tâm-thể của mình ẩn-nhiên trình-lộ ». Vương Thủ-Nhân 王守仁 học cũng giống như Lục Tử-Tĩnh, mới xướng lên cái thuyết lương-tri bảo rằng : « Tri-hành hợp-nhất, đã tri thì tất là hành được, chứ không khi nào biết mà không làm được bao giờ. » Lại rằng : « Đạo của thánh-nhân đủ cả ở trong bản-tính người ta, nếu hiếu-sự nói bày vẽ ra thì không phải, mà cứ xét lẽ ở các sự-vật thì đều lầm cả. » Thiên-hạ đều tin theo cái thuyết ấy. Cái tâm-pháp tương-truyền về đạo-học càng suy cùng thì càng tinh mãi ra, nếu mà lại lập ra môn-hộ khác thì không đủ kể nữa. Nói rút lại học-thuyết từ ông Mạnh-tử trở về sau thì các học-giả chỉ giảng bàn về những chương-cú văn-tự và tâm-pháp tương-truyền mà thôi, chớ còn như cái đạo an-dân tế-thế của đấng tiên-vương thì đều không bàn đến cả : cũng có người giảng bàn đến cái thuyết ấy, nhưng lại phụ-hội xuyên-tạc, không hay châm-chước để thi-thố ra cho hợp-thời, chỉ than rằng đời sau không khi nào kịp được cổ-nhân, nếu có người khá thì mới làm được chính-sự hay, không có người khá thì chính-sự hay cũng vứt đi. Than ôi ! Từ đời Châu đến đời nay cũng cùng một thế-giới, sao đời kim không bằng đời cổ, thực khá thương thay. Đại-lược Trung-quốc lịch-sử là như thế, tôi tóm-tắt lại đây không dám ví với các bậc tiền-bối. Nhưng so với các sách ở Tây-phương dịch ra thì cũng có phần yếu-ước hơn.

(Còn nữa)

ĐÔNG-CHÂU *dịch*

THIÊN-NAM BẢO-LỤC DIỄN-CA (1)

III

敬宗懦弱。鄭松殿前。
東津計謀。內殿夠查。

Vua Kính-tôn chịu bề thế bức,
Chúa Trịnh Tông càng nhức uy [thiêng ;
Ngang đường súng nổ tự-nhiên,
Đông-tân kế lộ trong đền hỏi tra.

神宗繼承。平安追寵。
升穴見蓋。曾無哀痛。

Vua Thần-tôn dựng ra thừa-tập.
Chúa Bình-an tôn lập tin yêu :
Hang sơn thấy ngải hun vào,
Từng không đau-đớn lại theo tôn-sùng.

文階參贊。謀貴居多。
中興績奏。靖難寵加。

Nguyễn Văn-Giai mản nhung kẽ sách,
Việc quân-cơ tính vạch rất nhiều ;
Giúp nên giữa dấy công cao,
Sức an giúp nạn ân trao công-thần.

阮實清醇。事君盡道。
諫納玉衍。尊加國老。

Nguyễn Thực tính thanh-thuần- [chính-trực,
Lòng thờ vua rất mực trung-thành ;
Liền can nạp ả Ngọc-Hành,
Gia ngôi quốc-lão nên danh cao-hiền.

眞宗受禪。鄭柱持綱。
神宗復辟。明帝封王。

Vua Chân-tôn chịu truyền ít tuổi,
Chúa Trịnh Tráng noi nối tước [vương ;
Thần-tôn trở lại ngôi hoàng,
Minh-triều mới cải quốc-vương phong [tiền.

柱掌兵權。明求象騎。
明封別王。柱益得志。

Chúa Trịnh giữ quốc-quyền tổng- [chưởng,
Nhà Minh cầu binh-tượng giúp sang ;
Gia ban sắc ấn phó-vương,
Mình nay phong Trịnh Trịnh càng vinh- [hoa.

玄嘉襲位。鄭柱持衡。
設座御右。贊拜不名。

Vua Huyền đến vua Gia trị nước,
Chúa Trịnh là chúa Tạc phù đời ;
Bên vua đặt ghế sánh đôi,
Vào chầu không lạy dâng lời không tên.

熙宗晉光。鄭琛裁決。
克復高平。播除莫孽。

Vua Hi-tôn thừa truyền nghiệp thịnh,
Chúa Trịnh Côn tài-đình chính to ;
Cao-bằng được lại bốn châu,
Quyết trừ rễ Mạc tôn-phù họ Lê.

裕宗受禪。政出鄭楫。
右碑立府。制度更張。

Truyền mối lớn trao về vua Dụ,
Cầm quyền to lại có chúa Cương ;
Cổ bi mới lập phủ-đường,
Binh-dân tài-phú mở mang thi-hành.

阮遮神明。爲政簡易。
擒伏發奸。山西作記。

Nguyễn Mại-Tượng thần-minh thính- [đoán,
Làm việc dùng thanh-giản khoan- [nhân ;
Tài hay vạch giấu móc gian,
Bài ghi đức-chính lưu miền Sơn-tây.

(1) Xem Nam-Phong từ số 125.

士遜廉概。無二直臣。
鄭遁內謀。十事啓陳。
Bùi Sĩ-Tiêm thẳng ngay khẳng hốt,
Bậc trực-thần có một không đôi;
Trịnh mưu đổi dựng nhường ngôi,
Mở bày mười việc can thôi một chiều.

永慶先傳。鄭杠遂廢。
再立純宗。肆行專制。
Vua Vĩnh-Khánh đổi vào dựng trước,
Chúa Trịnh Giang chứng thác bỏ liền;
Thuần-tôn Giang lại dựng lên,
Phúc-uy chuyên giữ chính-quyền ở [trong.

懿宗虛位。鄭杠假封。
貫登雷降。穴地爲宮。
Vua Ý giữ đỗ không an-tọa,
Chúa Giang làm sắc giả man-phong;
Tội đầy sét giáng hư không,
Huyệt hang tĩnh-địa làm cung thưởng- [chi.

鄭檀變封。貫懇請敕。
擇賢補之。藉其福力。
Lũ Qui-Cảnh xin tùy đế-sắc,
Chúa Trịnh Doanh tập đặc vương- [quyền;
Muốn cầu hiền-đức tôn lên,
Nương nhờ phúc lớn vững bền quyền [thêm.

顯宗兆應。鄭檀脅扶。
掃清亂略。拔用文儒。
Vua Hiển-tôn ứng điềm mộng khác,
Chúa Trịnh Doanh định tháp phù lên;
Cáo rừng chuột núi dẹp yên,
Cất dùng nho-nhã giúp nên thanh-bình.

吳仕文臣。諒山出鎮。
流民勞招。荒田闢墾。
Quan Ngô-Sĩ dương-danh văn-mạc,
Trấn Lạng-sơn nhiệm chức tuần- [tuyên;
Tùy phương điều-tễ dân an,
Triệu đoàn dân tán vỡ miền ruộng [hoang.

廷重儒將。追變逆梁。
乂安督率。士民立祠。
Phạm Đình-Trọng tài lương nho- [tướng,
Bắt giặc Cầu khao thưởng đại-quân;
Nghệ-an đốc-suất như thần,
Địa-phương an tĩnh thổ-dân lập đền.

鄭森專權。因悖無道。
絕謁殺儲。廢長立少。
Chúa Trịnh Xâm chuyên quyền rỏm- [rỡi,
Càng hung-hăng trái lối đạo thường;
Dứt triều-lễ giết trữ-hoàng,
Bỏ con đích trưởng dựng hàng thứ-chi.

惡浮操懿。睥睨皇闈。
上求封表。嘲武紹扶。
Quá Tào Tháo hơn Tư-mã Ý,
Phụ ác-danh ngấp-nghé đỗ hoàng;
Cầu phong dâng cần biểu-chương,
Dặn-dò Võ Thiệu tùy phương hộ-thành.

詞庭表焚。靖王事泯。
果若程言。奉佛喫餒。
Võ Thiệu đến Đông-đình đốt biểu,
Trịnh-vương thôi đành chịu tắc-ư;
Lời Trình-công nói chẳng hư,
Bụt thờ thì cúng oản thừa thì ăn.

鄭桧偏立。三府兵圍。
脅扶鄭楷。阮惠破之。
Trịnh Cán bè tư-tính lập chủ,
Gặp phải quân ba phủ phá ngang;
Tôn-phù Trịnh Khải chủ-trương,
Tây-sơn đánh đuổi Nguyễn Trang bắt [liền.

愍帝登光。鄭棧臨莅。
阮翹逐之。鄭家滅矣。
Vua Mẫn-đế cải-nguyên Chiêu-thống,
Trịnh Phùng ra cư chống vây thành;
Vua vời Nguyễn Chỉnh về Kinh,
Chỉnh ra đuổi đấy Trịnh đành mất tai!

鄭十二主。擅執國權。
非帝非伯。二百餘年。
Trịnh truyền tập mười hai đời chúa,
Giữ quốc-quyền cung-phủ thảnh-thơi;

Chẳng để bá cũng nghiêng trời,
Hai trăm ngoài lẻ bốn mươi năm trường.

既 盤 威 揚。西 山 霞 起。
黎 帝 北 奔。黎 基 南 墜。
Đến Nguyễn Chỉnh uy-dương lừng-
[lẫy,
Đề Tây-sơn phấn dậy gớm-ghê ;
Gặp Tôn-Sĩ-Xác thơ đề,
Vua Lê ra trốn nghiệp Lê sa cùng.

蘇 臺 中 露。羈 靮 相 隨。
黎 所 維 案。曰 黎 陳 輝。
Buổi Yên-đài ở trong sương-tuyết,
Cương-cường cùng một tiết trung-
Lê Duy-Ân với Lê Hân, [quân ;
Nguyễn Viết-Triệu với Lê Văn-Trương
[cùng.

黎 允 文 張。黎 松 黎 式。
阮 允 阮 恭。如 松 啓 德。
Lại Lê Doãn, Lê Tùng, Lê Thức,
Trần Huy-Phấn Khải-Đức hiệp-đồng;
Bế Nguyễn-Doãn, Bế Nguyễn-
[Cung,
Lê Qui-Thích, Phạm Như-Tùng theo
[sang.

國 棟 貴 適。益 曉 廷 龢。
逕 衡 令 凱。黎 灝 文 涓。
Nguyễn Quốc-Đống cùng Hoàng Ích-
[Hiều,
Đinh Nhạ-Hành, Lê Hiệu tâm kiên ;
Đinh Lệnh-Dận, Nguyễn Đình Miên,
Mã-đồng là Nguyễn Văn-Quyên hết lòng.

黎 倜 嘉 猷。鄭 憲 黎 值。
四 人 同 心。髮 不 肯 薙。
Lê Quỳnh mưu hợp-đồng Lê Trị,
Trịnh Hiến gan cùng Lý Gia-Du ;
Bốn người cùng một tình-u,
Tóc dài chẳng gióc gan to vẫn bền.

黎 朝 前 後。二 十 六 傳。
歷 祚 三 百。五 十 七 年。
Xem lịch-số Lê tiền Lê hậu,
Ngôi truyền hai mươi sáu đời vua ;
Lịch-niên trải ba trăm thu,
Lại năm mươi bảy niên-chu vững bền.

午 日 當 天。阜 元 持 統。
兆 協 靈 謠。光 平 勳 業。
Câu « Ngọ-nhật đương thiên » hát
[thồng,
Tiếp « Phu nguyên trì thống » liền-
[thanh ;
Ứng điềm trẻ hát linh-linh,
Tây-sơn dậy đất Quang-Bình nổi quân.

一 舉 滅 鄭。再 舉 破 清。
君 權 整 頓。國 統 持 撑。
Thứ trước nổi một lần đánh Trịnh,
Thứ sau ra một trận phá Thanh ;
Anh-hùng vụt dãy tung-hoành,
Giữ bền mối nước dựng thành quyền vua.

光 中 紀 元。武 人 得 志。
催 集 鋒 民。圖 恢 淪 地。
Quang-trung mới cải đổ nhuận-vi,
Võ-nhân càng đắc-chí thịnh-danh ;
Bắt khai tên bạ ruộng binh,
Rắp thu đất hãm vào Thanh những
[ngày.

光 纘 襲 位。景 盛 改 元。
僞 西 二 世。綿 十 四 年。
Quang-Toản nối ngôi nay sa sút,
Cảnh-thịnh xưng hiệu phút biến rời ;
Ngụy-tây truyền-tập hai đời,
Trước sau sẩy được vừa mười bốn niên.

本 朝 肇 基。鎮 順 廣 始。
拓 東 浦 疆。開 占 城 地。
Bản-triều khởi gây nền đế bá,
Tự Quảng-nam Thuận-hóa dãy ra ;
Cõi bờ dẹp mở rộng xa,
Dẹp vào Đông-phố mở ra Chiêm-thành.

豪 傑 歸 附。土 宇 保 安。
兵 強 財 富。二 百 餘 年。
Ngoài hào-kiệt hiệp-tình qui-phụ,
Trong đất dân vui thứ hi-phong ;
Hai trăm hai mươi năm ròng,
Quân rèn mạnh mẽ của dùng giàu thay.

世 祖 龍 興。富 春 鼎 定。
日 月 光 華。山 河 明 聖。
Vua Thế-tổ rồng bay bệ thánh,
Kinh Phú-xuân vạc định thành vàng;

Mặt trời tỏ mặt trăng quang,
Bể càng êm sóng núi càng lạnh mây.

越南改號。嘉隆建元
版圖經畫。十有八年。

Việt-Nam định đổi thay hiệu nước,
Gia-long tôn dựng trước kỷ-nguyên;
Bản-đồ sửa vạch vẹn tuyền,
Trị vì mười tám năm liền quang hoa.

大定云初。諸臣功最。
宗性文誠。與宗室會。

Xưa chân-chúa dấy ra đánh dẹp,
Các tướng-thần hội-họp kinh-doanh;
Vũ Tôn-Tính Nguyễn Văn-Thành,
Cùng Tôn-Thất Hội tòng-chinh hiệu cần.

左軍文悅。贊理陳常。
右軍黃德。中軍文張。

Lê Văn-Duyệt tả-quân tài trí,
Đặng Trần-Thường tán-lý đảm-đang,
Nguyễn Hoàng-Đức hữu-quân [cương,
Trung-quân là Nguyễn Văn-Trương [tài lành.

聖祖振興。憂勤庶政。
改號大南。紀元明命。

Vua Thánh-tổ nghiệp bình đức dấy,
Việc lo siêng ngày thấy tinh-hoa;
Tân-quân tân-chính đổi ra,
Kỷ-nguyên Minh-mệnh nước là Đại- [Nam.

經理清乂。保護高綿。
神功聖德。二十一年。

Cõi Thanh Nghệ sửa làm qui-củ,
Nước Cao-miên bảo-hộ an-hòa;
Thần-công thánh-đức bao xa,
Trải hai mươi mốt năm ra thanh-bình.

公著營田。開荒立邑。
鎮海金山。二縣別立。

Nguyễn Công-Trứ kinh-doanh điền sứ,
Chiêu lưu-dân về ở khai-hoang;
Dựng ra hai huyện tân-cương,
Một đường Tiền-hải, một đường Kim- [sơn.

憲祖嗣位。紹治紀元。
修文振武。守成七年。

Vua Hiến-tổ triều ban ngự-vị,
Cải-nguyên là Thiệu-trị thánh-quân;
Nhức việc võ sửa việc văn,
Bảy năm xưng trị muôn dân nức lòng.

傳帝翼宗。紀元嗣德。
改憲式遵，民風敦飭。

Truyền đến vị Dực-tôn đăng-cực,
Dựng ra năm Tự-đức kỷ-nguyên;
Hiếu-văn giữ nghiệp dựng nên,
Nhân noi phép cũ vạn-toàn thói dân.

崇信儒學。察舉英賢。
歐西和好。三十六年。

Dốc một mực tin cần nho thuật,
Đặt mười điều xét cất hiền-tài;
Âu-tây thông-hiếu hòa-hài,
Trải ba mươi sáu năm dài ung-dung.

傳祚簡宗。改元建福。
成宜慶應。宗臣寄憂。

Truyền nghiệp lớn Giản-tôn tự-tục,
Cải-nguyên năm Kiến-phúc canh-tân;
Vua Hàm-nghi bước gian-truân.
Vị tôn-thần phải mông-trần long-đong,

景宗承緒。同慶紀元。
睦隣守國在位三年。

Nối dựng vua Cảnh-tông thụ-mệnh,
Đổi ra năm Đồng khánh kỷ nguyên;
Thanh-bình ngự vị ba niên,
Giao-hòa nước lớn giữ-gìn dân đen.

成泰登尊，國家興旺。
十有九年。深宮安養。

Vua Thành-thái tôn lên vặc-vặc,
Hồi quốc-gia dấy đức rầm rầm;
Trị vì mười lại chín năm,
Tôn như ông ngôi báu yên nằm cung sâu.

皇上受禪。維新建元。
保護施設。政策完全。

Ngôi hoàng-thượng nối sau thụ-thiện,
Hiệu Duy-tân sáng kiến kỷ-nguyên;
Trên ơn Nhà-nước giúp nên,
Sửa sang chính nước chu-tuyền việc [dân.

火車火輪。鐵橋鐵路。
開文字塵。著生死簿。
Hỏa-xa với hỏa-luân kiên-cố,
Thiết-kiều cùng thiết-lộ chỉnh-trang;
Duyệt văn-tự ở sử đường,
Giá-hôn sinh-tử khai tường ba quan.

設會議院立審案廳。
定學試法。數格致科。
Hội Nghị-viện họp bàn lợi ích,
Thẩm-án-tòa thẩm-thính công đang;
Phép thi phép học cải-lương,
Dạy khoa cách-trí mở đường đồng-
[mông.

教學普通。耕農技藝。
官吏章程。兵丁條例。
Phép dạy học phổ-thông đã thế,
Cuộc canh-nông kỹ-nghệ mở-mang;
Chương-trình quan-lại định tường,
Đặt điều quân lính phân hàng đỏ xanh.

置局文館。開闢巧場。
郵政商局。醫院福堂。
Đồng-văn-quán nhật-trình ấn xuất,
Đấu-xảo đường di vật bày ra;
Nhà bưu-điện cục thương-nha,
Dựng lên y-viện đặt ra phúc-đường.

百事恢張。九年稱治。
啓定承傳。國家護理。
Trên trăm việc mở mang phấn phát,
Trong chín năm ngợi hát hưng-long;
Truyền vua Khải-định thiên-thông,
Được Nhà-nước giúp mở công-ích nhiều.

金錢通鑄。泉貨充盈。
土田擴度。租稅公明。
Tiền đồng đúc thông tiêu tiện lợi,
Của báu nhiều tấn-tới tranh đua;
Xa gần ruộng đất trích đo,
Cõi bờ minh bạch thuế tô công-bằng.

開設水溝。入與農事。
堵築河堤。提防泛水。
Mở máng nước nước hằng dồi dào,
Tiện mùa nông nông thấy phong-
[nhương;

Năm năm bồi đắp đê đường,
Phòng ngừa nước lụt giữ giàng việc
[nông.

會同設置。風俗改良。
衛生傳播。合濟開張。
Đặt tộc-biểu hội-đồng trừ nghĩ,
Đem dân-phong xa-phi cải-lương;
Vệ-sinh truyền khắp địa-phương,
Dựng nhà hợp-tế mở đường dục-anh.

登秩百神。覃恩列爵。
鹿續咸熙。十年多釐
Thông cả nước thần-linh phong sắc,
Khắp ba kỳ quan chức gia ân;
Nhiều đường ích nước lợi dân,
Mười năm chính-trị muôn phần tinh-hoa.

右言世次。略遵史書。
欲詳國事。須讀地輿。
Trở lên trước nói là thế thứ,
Noi từ xưa chép ở sử thư;
Muốn xem việc nước bây giờ,
Sử Nam nên biết địa-dư nên tường.

南國山河。天書定分。
地接楊荊。星分翼軫。
Ngẫm tự cõi Nam-bang phân đã,
Ở thiên-thư vốn đã định ra;
Trên tinh-tú dưới san-hà,
Sao là Dực Trần đất là Kinh Dương.

歷朝區畫。四至提封。
長於南北。短於西東。
Trải triều trước mở-mang mấy lớp,
Định cõi này tiếp-giáp bốn bề:
Hình như nhất cống nhi ký,
Dài về nam bắc ngắn về tây đông.

北廣雲疆。西牢蠻界。
南連羅灣東中國海。
Mặt bắc giáp cõi trong Vân Quảng,
Phương tây liền biên-khoáng Lao
[man;
Cõi nam đến Xiêm-la-loan,
Bể đông gần bể ngoài ven nước người.

地 卅 一 萬。千 百 箕 餘。
民 曾 餘 兆。人 物 頗 稠。

Mặt đất rộng ba mươi mốt vạn,
Một nghìn thêm trăm món kì-lô;
Quốc-dân nhân-số vả trù,
Hơn hai mươi triệu kể do tư thời.

國 分 三 圻。曰 中 南 北。
京 外 四 支。兩 畿 兩 直。

Nước nay định ba kỳ cương-vực,
Giữa là Trung ngoài Bắc trong Nam;
Kinh thành bốn mặt chia làm,
Tả-hữu-kỳ nọ bắc-nam-trực này.

中 十 二 省。面 海 背 山。
承 天 清 化。河 靜 乂 安。

Mười hai tỉnh ở nay trung giới,
Bề mặt tiền mà núi sau lưng;
Thừa-thiên Thanh-hóa giữa [chừng,
Một rằng Hà-tĩnh một rằng Nghệ-an.

平 定 慶 和。廣 南 廣 義。
平 順 富 安。廣 平 廣 治。

Khánh-hòa lại một bên Bình-định,
Bình-thuận nay cùng tỉnh Phú-an;
Quảng-nam Quảng-ngãi gần liền,
Kia bên Quảng-trị nọ bên Quảng-bình.

名 西 貢 者。號 南 圻 焉。
邊 和 巴 地 安 江 河 仙。

Vào trong ấy nhất danh Tây-cống,
Thuộc cõi kia hiệu thống nam cương;
Biên-hòa Bà-rịa đôi phương,
Hà-tiên một dải An-giang một vòng.

鞏 嶺 西 寧 龍 川 朱 篤。
朔 庄 北 邊。漫 芙 沙 的。

Tây-ninh thẳng đến trong Chợ-lớn,
Châu-đốc quanh vào mạn Long-[xuyên;
Sóc-trang cùng Bắc-liêu liền,
Kia miền Sa-đéc nọ miền Bến-tre.

新 安 嘉 定。定 祥 永 隆。
芹 苴 瀝 架。美 湫 瓜 公。

Tân-an giáp một bề Gia-định,
Vĩnh-tường nay ra tỉnh Vĩnh-long:
Kia Mĩ-tho, nọ Gò-công,
Qua vùng Rạch-giá sang vùng Cần-thơ.

一 是 綦 棊。二 十 一 者
外 圍 北 圻。舊 新 分 定。

Kỳ-trà mới đặt từ tân-định,
Gồm hai mươi mốt tỉnh cõi Nam;
Choài ra cõi Bắc nhận xem,
Chia xan cũ ấy đặt làm mới ra.

河 東 河 內。福 安 北 寧。
宣 光 富 壽。廣 安 寧 平。

Hà-đông ấy xưa là Hà-nội,
Phúc-an này gần cõi Bắc-ninh;
Tuyên-quang Phú-thọ liền quanh,
Quảng-yên hải-đảo Ninh-bình sơn-châu.

河 南 舊 南。北 江 前 北。
和 平 西 邊。海 寧 東 極。

Hà-nam trước cõi đầu Nam đó,
Bắc-giang xưa đất cũ Bắc đây;
Hòa-bình tỉnh mở phía tây,
Hải-ninh mới đặt ở rầy cực-đông.

太 原 北 滸。高 平 諒 山。
老 街 安 沛。山 西 永 安。

Thái-nguyên giáp liền vùng Bắc-kạn,
Cao-bằng bên trên mạn Lạng-sơn;
Sơn tây liền cõi Vĩnh-an.
Ngược lên Yên-bái thẳng hoàn Lão-nhai.

建 安 海 陽。太 平 南 定。
中 界 興 安。二 十 四 省。

Thái-bình giáp mặt ngoài Nam-định,
Kiến-an liền dưới tỉnh Hải-dương;
Hưng-yên cõi giữa trung-ương,
Hai mươi bốn tỉnh địa-phương Bắc-kỳ.

三 圻 山 嶺。一 帶 巉 巖。
溯 其 發 脈。皆 自 雲 南。

Ba cõi đột nguy-nguy đất núi,
Một giải cao vời-vợi trời nam;
Nhận từ mạch phát ra xem,
Đều là khởi tự Vân-nam dẫn hoàn.

廣 平 橫 山。慶 和 大 嶺。
廣 南 海 雲。乂 安 鴻 嶺。

Quảng-bình núi Hoành-sơn trung-[chính,

Khánh-hòa non Đại-đính chênh-vênh;
Quảng-nam Thiên-hiềm Hải-vân,
Vút cao Hồng-lĩnh đầu phần Nghệ-an.

安江臺美。嘉定婆丁。
邊和龜嶺。西寧西寧。

An-giang ngất một làn Đài-tốn,
Gia-đinh cao kia chốn Bà-đinh ;
Tỉnh Tây-ninh núi Tây-ninh,
Non là Qui-lĩnh cõi danh Biên-hòa.

藍山那山。清化岌藩。
轉出寧平。名爲三疊。

Núi Lam cùng núi Na kia nữa,
Tỉnh Thanh là tỉnh giữa cõi đây ;
Bắc-kỳ chuyền đến ngoài này,
Núi là Tam-điệp cõi nay Ninh-bình.

海陽安子。建安塗山。
太原三島。山西拿圓。

Hải-dương cảnh u-thanh Yên-tử,
Kiến-an mầu thú-vị Đồ-sơn ;
Núi Tam-đảo tỉnh Thái-nguyên,
Sơn-tây sơn-sắc Tản-viên tản-hình.

高廉該荆。諒山峻嶺。
綏山苑街。廣安絕頂。

Cao-liêm cùng Cai-kinh hai núi,
Tỉnh Lạng-sơn cao chói ngất trời ;
Nào Thao-sơn nào Mang-nhai,
Ấy là tuyệt-đỉnh ở ngoài Quảng-yên.

高平登峭。高察高臺。
老街岑岑。詞綿詞徐。

Cao-bằng đột Cao-sơn bát-sát,
Cao-hoàng cùng Cao-sát treo-leo ;
Lão-nhai hai ngọn cao-cao,
Kia non Từ-xô nọ đèo Từ-sang.

維河及江。分支別派。
洞公珥河，血脉最大。

Sông nước khắp địa-phương thông [đạo,
Dòng thứ từ thiên tạo phân ra ;
Mè công-hà với Nhị-hà,
Nguồn ra xa lắm mạch là lớn ghê.

中南圻界。有洞公河。
源西藏出。支派尚多。

Trung-kỳ đối Nam-kỳ giáp-giới,
Mè công-hà một dải xuyên ngang ;
Nguồn ra từ xứ Tây-tàng,
Chia dòng ngang dọc chuyền đàng gần [xa.

邊和福隆。廣義茶曲。
永隆新洲。安江朱篤。

Tỉnh Quảng-ngãi dòng Trà-khúc đục,
Xứ Biên-hòa dải Phúc-long sâu ;
Vĩnh-long sông Hậu Tân-châu,
Sông Tiền Châu-đốc cõi đầu An-giang.

柴棍嘉定。瀘江廣平。
藍江鳳父。馬江鳳清。

Ngon Sài-gòn giữa phương Gia-định,
Cửa Linh-giang trong tỉnh Quảng- [bình ;
Lam-giang tỉnh Nghệ cầu quanh,
Mã-giang dằng-dặc tỉnh Thanh dài dài.

北圻諸江。珥河爲大。
源出雲南。流通境界。

Xứ Bắc-kỳ mọi nơi giang độc,
Sông Nhị-hà là gốc đại-xuyên ;
Từ Vân-nam-xứ phát-nguyên,
Chảy thông trong cõi chuyền-truyền [các chi.

與安淥口。南定漆江。
沱流興化。瀘纔宣光。

Lạc-giang rẽ ngả đi Nam-định,
Lộc-khẩu phân dòng chính Hưng- [yên;
Lô là sông cả tỉnh Tuyên,
Sông Bờ Hưng-hóa hiệu nguyên sông [Đà.

太平鵬東。天德居北。
廣安白藤。北江日德。

Bắc-ninh nọ sông là Thiên-đức,
Hải-dương kia sông tức Thái-bình ;
Bạch-đằng ngoài Quảng-yên- [thành,
Này sông Nhật-đức phân ngành Bắc- [giang

六頭湊會。東海滿奔。
三圻海汛。百州七門。

Sông Lục đầu dọc ngang sáu ngọn,
Bể Đông-minh hợp hòn một dòng ;

Ba kỳ ngàn bể tinh-thông,
Trăm ba mươi bảy cửa trong cửa ngoài.

田土膏腴·農桑便利·
土貨富饒·物華秀美·

Ruộng đất khắp nơi nơi màng mỡ,
Lúa dâu liền thửa thửa mão-nùng;
Của trong vùng đất phú-phong,
Vật nuôi sinh lắm mầu trồng tốt ghê.

清化之桂·慶和之椅·
土蝦桂蠹·鐵木荔枝·

Nhân quế ấy thổ nghi Thanh-hóa,
Kỳ nam kia vật lạ Khánh hòa;
Nào quế đỏ nào thổ-hà,
Gỗ là thiết-mộc quả là lệ-chi.

花石琫璨·珍珠玳瑁·
植物成林·動物成隊·

Đá hoa nọ cùng thì chai sắt,
Ngọc châu kia cùng sắc đồi-mồi;
Thực-vật sầm-uất nên đồi,
Chứa-chan động-vật dẫy dồi ngày thêm.

承天香米·北寧香粳·
嘉定黑稻穀米有名·

Thừa-thiên có gạo thơm hương-mễ,
Bắc-ninh thì lúa gié hương-canh;
Nếp đen Gia-định thơm danh,
Những phường thóc gạo có danh tiếng đồn.

海陽之柑·香芹之橘·
宣光之膠·興化之漆·

Hải-dương trồng cam ngon có một,
Hương-cần trồng quít ngọt vô chừng;
Đồi sơn san sát tỉnh Hưng,
Dựa cây kia ở ngàn rừng Tuyên-quang.

錦麗錫荔·煙槍芳妍·
瑞英百姓·先朝牢煙·

Cẩm-lệ lại cùng phương Tích-lệ,
Lá thuốc thơm ngon kể chừng nào;
Thụy-anh Bách-tính Lãng-cao,
Cùng miền Tiên-lãng thuốc lào đâu hơn.

鍾山荏蔘·平順豈蔻·
廣南南珍·茶香香附·

Xâm-nhẫm xứ Chung-sơn đất nhuận,
Đậu khấu miền Bình-thuận hiện thần;
Quảng-nam có quả nam-chân,
Tốt thay hương-phụ đầu phần Trà-hương.

靈沼蔬菜·春長芥苞·
亭榜山蕎·卷山薯茅·

Cải bao đất Xuân-trường tốt dẻo,
Rau muống làng Linh-chiểu ngon ghê;
Quyền-sơn có giống cỏ thi,
Củ mài Đình-bảng thổ-nghi chợ Dầu.

嘉定絳珠·白鵝朱柿·
乂安檳榔·芳林紫蟻·

Gia-định quả giáng-châu rất quí,
Bạch-hạc dòng chu-thị không thường;
Nghệ-an đất sản tân-lang,
Vẻ màu cánh-kiến đồi Phương-lâm này.

宋山甘蔗·七溪芳梨·
藤樓苧泉·茴紇茄批·

Tống-sơn ngọt là cây cam-giá,
Thất-khê ngon là quả phương-lê;
Gai đay mây móc tốt ghê,
Hạt hồi cũng lắm cà-phê cũng nhiều.

慶協蜜蜂·柴山蝙蝠·
西湖參禽·山圍鯉鯛·

Làng Khánh-hiệp qui sao giống cáy,
Núi Sài-sơn tốt rậy loài giơi;
Sâm-cầm vật lạ hồ Đoài,
Béo sao cá chép ở ngoài Sơn-vi.

鵝江鸚鵡·靈潭過山·
動物最美·水產可·餐·

Cá Anh-vũ vật kỳ sông Hạc,
Cá Quá-sơn giống khác đầm Linh.
Tốt thay động-vật nổi danh,
Vả xem thủy-sản rõ rành vật ngon.

(Còn nữa)

NGUYỄN ĐÌNH-CHI

TỤC-NGỮ PHÚ

Dùng 100 chữ làm văn là : khôn giòn ra mặt, sự thật mất lòng, trong câu tục-ngữ, chẳng chữ nào sai, nhẩn nhủ ai ôi, nghe lời chuyện góp, họp đở thu hay, hay như phơi thóc, lọ là đàn độc, mới động tình vui, bao nhiêu khách chơi, phàm người có học, đúc văn rèn tiếng, đừng biếng bút nghiên, trên bậc quan-viên, dưới miền tổng-lý, cùng thầy nho-sĩ, với chi nữ-sinh, kính trình các đẳng, cả mọi tân-bằng, mở trí rộng ghi, nên vì sửa chữa, mà chớ chê cười, hậu thứ cho tôi, cảm-ơn vạn-bội.

1. *Văn khôn.* — Hiên sách khi buồn, họp tục-ngữ hề chép phương-ngôn ; năng nhặt chặt bị, nhiều cây rùm lại hề nên cồn Lời hay lời dở ; câu dại câu khôn. Bia miệng không mòn ; ngàn năm vẫn còn. Được hỏng tùy người, văn hay thì khen, văn hèn bịt mũi ; khuyên răn có ích, người khôn nói mánh, người dại đánh đòn. Kẻ khuôn mực ra, hai thưng cũng vào một đấu ; thôi đích-đáng cả, ba vuông sánh với bảy tròn.

2. *Văn giòn.* — Xét lời trần-ngôn ; nhiều câu ôn tồn. Có đầu có cuối ; vừa xinh vừa giòn. Chữ nghĩa lối-lăng, có học mới hay có đi mới đến ; chân tay ngoan-ngoãn, mài son đánh giặc mài mực ru con. Thử kỳ ngôn chi kiến ư nơi thành-thị chốn hương-thôn, giai phong-đạo chi tự-nhiên, nhi ngụ ý khôn, tiếng lành đồn. Rộng nhi chi ư cái ếch lếch-xếch bờ ao, gặp trận mưa dào chui vào hang lỗ ; con cò lặn lội bờ sông, gánh gạo đưa chồng nước mắt nỉ-non. Tắc hựu kỳ văn chi ôn-ôn - hồ sâu như bể cao như non. Ôi há như kẻ khôn thằng dốt, giàu lái buôn giả chi xuất ngôn vô-vị đồ - trí đánh rượu giức ồn. Lùng-nhùng như thịt bụng mỡ nây, nói lẩy xử xỏ ; hùng-hục chỉ ăn tục nói khoác, mặt nhăn ăn giòn. Kim thì hồn củ câu, hát phong-tục cùng lời vi-von ; trích lấy đại-lược mà chia vận chép luôn.

3. *Văn ra.* — Tắc kiến : khoẻ nô như quỉ ; xem bói ra ma. Xương vương vào nạc ; gân gần với da. Làm mãi chẳng nên cơm cháo ; nhà giàu lắm kẻ vào ra. Chạy ngược chạy xuôi, hết ông lớn đến ông bé ; bồng nhếch bồng nhác, yêu con người như con ta. Mặt rỗ tồ ga a, bóp tay trên hứng tay dưới ; miệng khôn trôn dại, vào lỗ hồng ra lỗ hà. Quan xa bản-nha thì gần, chán nước răng nhe cười ngựa ; học dốt đồ tốt lại muốn, ưa có tóc thả đuôi gà

4. *Văn mặt.* — Buồn mồm ăn vặt ; đi quanh về tắt. Có làm ẽo ăn ; không cấy không gặt. Ăn chát vất đi thời tiếc, xanh vỏ đỏ lòng ; nói khéo làm chẳng nên thân, vụng tay hay mất. Công-danh tại phận, khôn làm lại, dại ở nhà ; giỗ chạp nhà nghèo, có mời ông, không ai bắt. Lôi-thôi sôi đâu gấp đấy, ruột để ngoài da ; lẩy-nhẩy nay lấy mai đừng, sơn ăn tùy mặt.

5. *Văn sư.* — Mặt tạ rưỡi tro ; mắt gánh nặng nhử. Không có có không ; sự sinh sinh sự. Xơi no lại cho vào lòng ; ăn mày chẳng tầy giữ bị. Cái nết đánh chết cái đẹp, giềnh-giàng tốt mã giẻ cùi ; thằng dại làm hại thằng khôn, nhăn-nhó như mặt lợn ỷ. Bạc lối dài đen người khát nước, ngồi chờ tiếng được, chừng hậu hối-lùng ; cờ gặp bí như bị trời mưa, tính đến nước thua, xe cùng mã bỉ.

6. *Vần thật.*— Vui hơn xem chèo; nhọc như đánh vật. Chết kèn trống sống dầu đèn; tốt vàng son ngon mỡ mặt. Ăn chẳng hết thết chẳng đủ, biết xử thế nào; cắt thì đau để thì buồn, như trò cái tật. Hòn đất quăng đi hòn chì quăng lại, có đi có lại mới toại lòng nhau; gánh một thì xa gánh ba thì gần, nói gần nói xa chẳng qua nói thật. Mờ-mịt rừng xanh núi đỏ, biết đâu quê mẹ nhà trời; chánh-hoành làng lớn xã to, làm được đàn anh có đất.

7. *Vần mất.*— Uống rượu uống chè; đánh bài đánh bất. Vô tính vô tâm; bán đắc bán thất. Chả được mấy khi cùng gặp, anh em năm thuở mười thì; có phải hoa đâu mà đeo, công nợ nhất trả nhì khất. Thực thà là cha nói dối, cơm có bữa chợ có chiều; tiền của là chúa trên đời, người ăn còn con ăn mất. Bán hàng nói thách, làm khách trả rẻ, trăm người bán vạn người mua; kẻ cướp thành tiên, bà vãi gù liền, chín phương trời mười phương phật.

8. *Vần lòng* —Một dòng một thở; ba cọc ba đồng. Đi trưa về tối; đậu cao rỉa lông. Chẳng giỗ thì nếp còn đầy; có cỗ thì chợ cũng đông. Trăm nhát cuốc giật vào lòng, ăn no to bụng; một nửa miếng cũng không sót, nói nhau đau lòng. Nói quẩn nói quanh, buồn như châu-chấu; đâm so đâm rụi, rối như bòng-bong. Giận thì mắng lặng thì thương, cơn chi mà thiệt; đi chẳng đứt đứt chẳng đã, thế nào cho xong.

9. *Vần trong.*— Đắt như là thuốc; rẻ hơn rau rong. Gà tức nhau tiếng gáy, chim khôn cả về lồng. Cơm treo để mèo nhìn đói; thóc bồ thương kẻ ăn đong. Trăm mái chèo đi chẳng bằng một mái chèo lại; ba tháng trông cây chẳng tầy một ngày trông bông. Thuốc đắng dã tật, sự thật mất lòng, làm người nên biết phải; ở đưng chẳng lành, đọc canh phải tội, cơn chi nhảy vào chòng. Lia-lâu như thuyền sáu cái chèo, đi gật về lắc; lụng-bụng như nhà ba con ngọng, ăn có làm không. Bến xá ít đò, mười người thì đầy bảy người thì đợi; cờ bạc về sáng, một quan ngồi ngoài hai quan ngồi trong.

10. *Vần câu.* — Khéo co thì ấm; chẳng đánh mà đau. Vuốt mặt không nể mũi; được chân lại lân đầu. Chớ có rước lời, cơm sôi nên rập lửa; cũng đừng can khéo, lửa cháy đổ thêm dầu. Đang chỗ nọ xọ chỗ kia, ăn nó bỏ nó; làm không chúa múa không trống, chẳng đâu ra đâu. Nói thật hay mất lòng, cây ngay không sợ chết đứng; người khôn giỏn ra mặt, kim vàng ai nỡ uốn câu. Một câu nhịn là chín câu lành, ở nhũn là hơn, làm ơn không sợ thiệt; trăm cái tên nhằm một cái đụn, trời sinh ra vậy, một làng mấy kẻ giàu.

11. *Vần tục.* — Ăn uống phải mùi; chơi bời tùy tục. Oặt-oẹo như kim chỉ; ngập-ngừng như khóa hóc. Chồng như rổ, vợ như hom; con có cha nhà có nóc. Vô tác gác mỏ, việc nhà bác thì chăm; tham thực cực thân, ăn của dân có nọc. Chồng chung vợ lẽ, mỗi kẻ mỗi nơi; em có chị không, chịu tủi chịu nhục. Thủng-tha thủng-thỉnh, chán như con dĩ chơi trăng; bước thấp bước cao, ngại như bà già xuống giốc. Nói cho ngon miếng xôi trôi miếng thịt, lém-luốc ai hơn anh; chỉ chực mượn đầu cá vá đầu tôm, lạt-lẽo như nước ốc.

12. *Vần ngữ.*— Bạc chảy tiền dòng; gạo hừ cơm hứ. Trước lạ sau quen; nay kính mai sử. Ăn cả rắn thần-lần; còn vẽ con sư-tử. Có học thì có biết, không thầy đố mày làm nên; bằng mặt chẳng bằng lòng, đương lành lại bành ra dữ. Dục hà dục hĩ tùy sở thích, hữu-thỉnh hữu-lai; kiến thực bất thực vị chi cuồng, vô-tư vô-lự. Một người thì kín chín người thì trống, nói phải liệu lời mà ra; nồi năm chẳng đầy nồi bảy chẳng thừa, ăn biết thế nào là ngữ.

13. *Vần chẳng.*— Nết chẳng hiền-lành; bụng không ngay thẳng. Quỉ tha ma vồ; anh thôi tôi chẳng. Lừ-thừ như dáng vô tình; nhấm-nhẩn ra điều bất-khẳng. Đi chơi rơi khố, thang bắc lên hỏi ông trời; khỏi rên quên thầy, thuốc đâu mà chữa người lẳng. Mỗi tuổi mỗi khác, khôn đâu đến trẻ, khỏe đâu đến già; chẳng nói chẳng hay, mẹ bế thì khóc, ranh bế thì lặng. Đất không làm biếng, có công làm có công ăn; trời chả riêng ai, bỗng khi mưa bỗng khi nắng.

14. *Vần chữ.* — Bất-nghĩa bất-nhân; vô-ý vô-tứ. Chỉ quen những thói luông-tuồng; chẳng biết liệu đường cư xử. Ra đường hào-hoa, về nhà rỗng tuếch, nói ra phết giàu; trong lòng hũ đút, ngọn bút chỉ thiên, khoe mình lắm chữ. Giấy trắng mực đen làm then thiên-hạ, chẳng có hồ-đồ; chồng hít vợ hôn rằng con xứ đoài, đánh tiếng ứ-hự. Được miếng nào xào miếng ấy, thèm của trái chua, của ăn thừa ai thèm; dành cái khó bó cái khôn, cứ kẻ có tóc, kẻ trọc dầu ai cứ.

15. *Vần nào.* — Rồng leo cây nghệ; voi dỗ cành rào. Trống xuôi kèn ngược; chuông hồi mõ rao. Làm đã được thì được cả; so ra ai kém ai nào. Xa nhau ghét nhau, coi nhau như nước Tần nước Việt; chân dại miệng dại, nói dại đồ bên Ngô bên Lào. Chẳng oan chẳng kêu, oan kiến kiến bò, oan hồn hồn hiện; mỗi đời mỗi khác, đời cua cua máy, đời cây cây đào. Có bụng ăn chẳng bụng lo, hết bà đi lại đi bà thím; không quan trị thì quan nhậm, vắng ông trăng đã có ông sao.

16. *Vần sai.*— Đi thì đi cử: làm văn làm bài. Làm thầy có sách; chẳng ăn cũng hoài. Sách quên hơn hũ nút; dốt đặc như cán mai. Hết xứ đông lại giong sang đoài, nay chỗ này mai chỗ nọ; chừa đồ nghề đã đe hàng tổng, nói chẳng nghĩ ăn chẳng nhai. Đám kỳ này chẳng hội thì chay, tiếng trống ngày rằm tháng bảy; trời làm đói ăn khoai cùng rày, chớ mừng lúa giỗ tháng hai. Ở đời liệu xử với đời, kẻ dại ra tay, khôn hay miệng đầy; thế được chẳng thế cũng được, không răng hàm gậm, miếng nào chẳng sai.

17. *Vần nhẩn.* — Chẳng nói chẳng cười; hỏi căn hỏi vặn. Chữ xấu mèo cào; học nôn chó cắn. May ra gặp thì làm; biết thế nào kể chẩn. Trăm ơn chẳng bằng hơn của, được gia bán chơi; một mặt còn hơn mười bàn, mặc ai trách nhẩn. Khách đến nhà ra gốc chuối, xua quá xua ruồi; học chẳng biết viết không hay, đánh như đánh rắn. Mùa nào thức ấy, tháng ba ăn khoai tháng hai ăn cà; tính lại suy đi quan tám thì dài quan hai thì ngắn.

18. *Vần nhủ* — Tiếng kêu như bò; người đẹp hơn củ. Ăn chẳng biết ăn; nhủ rồi lại nhủ. Giận anh về đánh em; xẩy cha thì còn chú. Nhông-nhông như chó đường quai; thui-thủi như lợn ăn củ. Cảnh nhà nghèo được chăng hay chớ, gặp cháo ăn cháo gặp cơm ăn cơm; trò nhà hiếm bán sầu mua vui, có hoa mừng hoa có nụ mừng nụ. Thấy sang bắt quàng làm họ, cào-cào chấu-chấu giã gạo cậu xem; chẳng chơi nửa đời ra ma, ruộng ruộng trâu trâu cũng xâu và lọ.

19. *Vần ai.*— Người đứng sống lệch: chuyện nói ngỗ ngoài. Khôn chẳng nói nói dại; dầu không phải phải tai. Không công đẻ có công nuôi, mẹ nào chả là mẹ; phi bên nội tắc bên ngoại, ai coi cũng như ai. Ăn chẳng ra miếng, nói chẳng ra lời, nọ đồ chết rấp; chọc không nên lỗ, vỗ không nên đống, rành của sống hoài. Xách nón lẻ trôn vào, hàng chả chó ba đồng một gắp; dọa già cho trẻ hãi, ông bị quải ba bị chín quai

20. *Vần ôi.* — Khôn đừng khôn lỏi; tài chi tài loi. Con sông có khúc; bắc cầu mà noi. Ngay sừng-sững như chân voi đứng; đen thui-thủi như đầu chó thui. Dẫm dẫm dò dò, lò-dò như cò đói; ngơ ngơ ngác ngác, ngơ-ngạc như vạc lói. Chồng thảo vợ hiền, liễu yếu đào tơ đang độ; cha sinh mẹ dưỡng, xuân già huyên cỗi thương ôi. Lừ-thừ như từ vào đền, khoan chân nhẹ bước; lanh-chanh như anh hàng mã, nhanh miệng giòn môi. Nồi bảy quăng ra, nồi ba quăng vào, chỉ đánh no là thích; quan tám cũng ừ, quan tư cũng gật, thế nào xong thì thôi.

21. *Vần nghe.* — Việc làng việc nước; hàng giáp hàng phe, Ra giầy vào dép; đi ngựa về xe. Hút thuốc kêu sòng-sọc; đánh rượu dức be-be. Cậy thế cậy thần, mình khôn thì để ai dại; ra đầu ra cuối, kể nói còn có người nghe. Đất tổ quê cha, cáo chết quay đầu về núi; của khôn người hiếm, ngựa ai buộc ngõ ông nghè. Bán đi trả nợ cho chồng, và cân bông, dăm ba thúng thóc; đẹp duyên thì chớ nghe họ, một cành tre năm bảy cành tre. Mồng ba ăn rốn, mồng bốn ngồi không, ngày tết ngày nhất; thứ nhất nêu dài, thứ hai pháo nổ, năm mới năm me.

22. *Vần lời.* — Miệng nói chân bước; đầu lọt đuôi xuôi. Đem chuông đi đấm; đánh trống bỏ dùi. Vào mồng ba ra mồng bốn; đêm tháng năm ngày tháng mười. Ăn thì no, cho thì tiếc; vui xem hát, lạt xem bơi. Lý-nhí như chị bán dây khoai, đầu đuôi chẳng rõ; lăng-nhăng như thằng giăng bè muống, nói hay rậm lời. Có công có hơn, nhai kỹ no lâu cấy sâu tốt lúa; làm biếng làm nhác, ăn no ngủ kỹ, chồng tĩ lên trời; Công cha như núi cao, kính cha tấm lụa tấm là, trọng cha tấm qùa tấm bánh; thương con để trong dạ, ghét con cho bùi cho ngọt, yêu con cho vọt cho roi.

23. *Vần chuyện.* — Sinh kỳ tử qui; văn ôn vũ luyện. Tử-qui kêu hè; cóc già đớp kiến. Khuất lời vắng mặt, văn kỳ thanh bất kiến kỳ hình; thờ mẹ kính cha, xuất tất cáo phản hồi tất diện. Đồng tiền không chân chạy được, nhiều tiền là tiên cõi trần; có trầu môi em chẳng xanh, miếng trầu là dầu câu chuyện. Già được bát canh, trẻ được manh áo mới, thỏa cảnh già chăng; chị lấy ông nghè, em trở về lấy vua, nói cho chị biết.

24. *Vần góp.*— Nói xa nói gần; thẩm tha thẩm thỏm. Rửa mặt con láng diềng; điếc lỗ tai hàng xóm. Con ngươi coi long-sòng-sọc, mắt ra mắt bạc thau; lỗ miệng thời liến-liến-liến, chối như chối tiền góp. Đã hỏng nồi thì lôi lấy rế, lại còn chảnh-hoảnh râu trê; sẻn được xu nó thu đồng hào, thôi đừng câu-cóp cho cọp. Còn trời còn nước còn non, còn người còn trăng bạc, lo chi sự đời; bớt cơm bớt gạo bớt làm, bớt đồng bớt củ-lao, nói đến câu thóp.

25. *Vần họp.* — Chân bước lau-chau; miệng thở hoi-hóp. Trống thúc thùng-thùng; mõ khua đốp-đốp. Mặt coi sắc biến đi; nói thì hơi chẳng họp. Thông gia hai nhà cũng như một, nghĩ vẹn nghĩa ở đời; anh em bát máu xẻ làm đôi, như thể tre cùng khóm. Chẳng ưa nên dưa có bọ, lấy thì cũng khó bỏ thì cũng rầy; ô vậy trở dậy mà về, trái kia ai vo qủa này ai bóp. Khư-khư như ông sư giữ tay ấn, lòng nọ có dám rời; ngầm-ngầm như con gái đái gốc dâu, lau đến chốn chí-chọp.

26. *Vần giở.* — Mặt đỏ trái hăm; mắt trắng hoa sở. Nước chảy đá phải mòn; ăn không núi cũng lở. Bỗ công ngày đợi tháng chờ; phí sức đêm nằm năm ở. Cháu bà nội tội bà ngoại, gian-díu hay; mình nhà lính tính nhà quan, đài-các dở. Bé xé nên lớn, lè-nhè như chè thiu;

ít xít ra nhiều, lát-sát như bát vỡ. Nọ kẻ hay hèn nữa, cơm chẳng nhá cá chẳng ăn ; không kỳ tốt xấu chi, cá kẻ dầu rau kẻ mớ.

27. *Vần thu.* — Ông cả bà lớn ; bố dĩ thằng cu. Tiếng cả miệng rộng ; thịt bắp vai u. Đừng giở trò ở bạc ; làm gì được đồng xu. Trong nhà chưa tỏ ngoài ngõ đã hay, đi hóng đi hớt ; ra coi việc làng về sàng việc họ, quyền bồ quyền thu. Còn ông thì gọi bằng bà, mất ông thì gọi bằng da cái dồ, hay cũng tùy từng lúc ; vắng mặt cho là thằng ngô, có mặt thì lại cho là ông sứ, coi như thể quân thù. Bồ-nông cả mỏ khó kiếm ăn, dẫu to cũng đứng cậy; con cò vẽ lên trên thúng gạo, xóa đi chẳng được du.

28. *Vần hay* — Giấu đầu hở đuôi ; xầy vai xuống tay. Ngay như bụt mọc ; chửi quá hát hay. Trâu lành không ai mặc cả ; gà quê ăn quần cối xay. Đường chẳng đi đường còn lại ; lời không cánh lời hay bay. Giậu đổ thìm-bìm leo, chó cắn áo rách ; vận hùng tía-tô mọc, quỉ quấy nhà tray. Cơm ba bát áo ba manh, no lòng ấm cật ; nói một lời xơi một bát, vạc nhọn so tầy. Chim chích chực ghẹo bồ-nông, không sợ đến khi nó mổ ; bìm-bịp rình bắt gà trống, làm chi những thói cầu may.

29 *Vần bảy.*—Thấp luồn bé lủi ; trống đánh quân bảy. Uống nước thì phải chừa cặn ; ăn quả nhờ kẻ trồng cây. Nâng như nâng trứng, hứng như hứng hoa, nhà khó gặp bệnh trọng ; khách thì khách đông, sông thì sông rộng, con một đi đò đầy. Ăn lấy thời chởi lấy thì, gặp chăng hay chớ; bảo một đàng quàng một nẻo, giả dại làm ngây, Tần-mần như cua bò sàng, quanh đi quanh lại ; lúng-túng như ếch vào xiếc, rầy đó mai đây, Tí-hâu mà liệng cho tròn, mai gả cho mày con qué ; chuột nhắt sa vào chĩnh gạo, tha-hồ ăn phồng dạ dầy.

30. *Vần như,* — Xực-phân nhâm chầu, mông-xi me-sừ. Hỏi anh anh chối; bảo chú chú ừ. Lời nói chẳng mất tiền mua, sách có chữ nhất ngôn kỳ hứa ; cái nghèo mày theo tao mãi, nhớ đến câu vạn tội bất như. Dậy sớm thức khuya, trống canh một chưa nằm, trống canh năm đã dậy ; năm qua tháng lại, thiếu tháng tư mất đậu, thiếu tháng sáu mất ngư. Việc nọ chẳng việc kia, kéo con mẻ đẻ con ngẫu ; đống nào ra đống ấy, khôn như mại dại như lư.

31. *Vần phơi.* — Trứng khôn hơn vịt ; gáo dài quá chuôi. Nhiều vốn nhiều lãi ; có lẻ có loi. Trâu ho cũng bằng bò rống ; lươn ngắn lại chê chạch dài. Khôn cho rái dại cho thương, tre già măng mọc ; đi nẻo nào vào nẻo ấy, nước chảy bè trôi. Ít gạo cạo thêm khoai, nuôi người lấy việc ; đồng tiền liền khúc ruột, trôi trẻ gọt ngôi. Lục đồng thân, bán đồng sinh, diêm thì một đồng, thuốc pháo làm cho phải phép ; ba nong tằm năm nong kén, tơ mười chín nén, lay trời nắng cả tối phơi.

32. *Vần thóc.* —Ti-hí mắt lươn ; xù-xì da cóc. Mẹ hát con khen ; cha chung ai khóc. Đõng-đà đõng-đợt, dùi đục quăng chục nồi rang; nhúc-nhích nhúc-nha, trong nhà đóng ba cây thóc. Chiều người dễ, chiều ma thì khó, mơn như mơn cô hồn ; kẻ ngay ít, kẻ gian có nhiều, lừa như lừa miếng mộc. Kẻ phải người chăng nọ biết, mất thang-lác ra, đường hơn lẽ thiệt bảo nhau, nói xoắn-xoắn cộc. Thầy đồ thầy lễ, thầy về đun bếp, thầy gì thầy tầy ; học trò học troẹt, học hẹt ra mo, học là học chọc.

33. *Vần lọ.*— Dạy khỉ trèo cây ; trói voi bỏ rọ. Tránh lưới mắc dò, xầy lờ vào đó. Làm như vậy cũng hay ; còn thế kia chẳng lọ. Trâu ngã vạn kẻ cầm dao, ngựa đau cả tàu chê cỏ. Buôn đầu đường bán cuối chợ, tay xách nách

mang ; ăn xó bếp ngồi dống tro, mặt đen mày ủ. Rỏ nhà ai quai nhà ấy, chim có tổ người có tông ; ăn thì có ngó thì không, chó quen nhà ma quen ngõ. Quan thấy kiện như kiến thấy mỡ, lạy đất mất tiền ; của vào quan như than vào lò, bới bèo ra bọ.

34. *Vần là* — Tớ ruồi thầy mật, con mọn cha già. Há miệng mắc quai nón; vì thần nề cây đa. Của bụt lại thiêu cho bụt ; đa gà bọc lấy xương gà. Rút dây sợ động rừng, đây lõi không bao giờ đứt ; cái kiến bò miệng chậu, kiến đùn lâu cũng nên mà. Đạo vợ nghĩa chồng, tấm dạ đá vàng chẳng đổi ; cơm cha gạo mẹ, của anh nghiên bút thực là. Chó cậy nhà gà cậy chuồng, cậy là cây cậy ; trâu hà tro bò hà trấu, hà cái lỗ hà.

35. *Vần đàn.* — Lâu ngày dày kén ; quá ruộng xuống làn. Lấy chồng xem họ ; làm dĩ có gan. Trâu chậm uống nước đục ; chó khôn chớ cắn càn. Quan chi còn hơn quan tiền, kim-ngân phá lề luật ; ông nào chẳng bằng ông của, danh-lợi bất như nhân. Đi rất chóng bóng rất nhanh, thoang-thoáng như ngựa vía ; đun chẳng đi ghì chẳng lại, sừng-sững như voi nan. Trồng khoai ưa lạ, gieo mạ ưa quen, ruộng tư đất mãi ; câu ca cũng chát, tiếng hát cũng giỏi dịp phách cung đàn.

36. *Vần đọc.* — Nở ngọn xanh ngành ; đào cây đánh gốc. Chanh chua thì khế cũng chua ; hủng mọc tía-tô cũng mọc. Kẻ đánh còn người đỡ, xin đừng ném đất giấu tay ; chị ngã có em nâng, khác nào như giậu nương cọc. Tay có ngón dài ngón ngắn, đố ai nắm tay thân ngày ; mắt tỏ kẻ hay kẻ hèn, rõ rành con mắt có ngọc. Hay ở dở bước, biết đâu là tổ chuồn-chuồn ; cầu được ước nên, làm cho đứt đuôi nòng-nọc. Tay buộc chỉ rãy đi chửa đứt, làm ơn nên oán, đánh bạn thiệt mình ; lưới không xương lắt-léo nhiều điều, đàn lỗi tay pha, câu ca miệng đọc.

37. *Vần mấy.* — Mật ít ong nhiều ; rau nào sâu ấy. Sự dở cũng thường ; người hay chẳng mấy. Nợ ngày mòn con ngày lớn, tiền ngắn mặt dài ; mặt tầy rá má tầy mâm, ăn cắn nói bậy. Miệng câm tai điếc hỏi chẳng nói gọi chẳng thưa ; chân chậm mắt lòa, bói không ra sả không thấy. Miệng ăn không bằng lời nói, ăn đã vậy múa gậy làm sao ; trống người lại ngẫm đến thân, người làm sao chiêm bao thế vậy. Sống cũng bởi làng sang cũng bởi họ, xin đừng lên mặt vác mày ; khôn chẳng qua lẽ khỏe chẳng qua lời, chớ có khoe mình cậy mầy.

38. *Vần động.* — Bồ-nhìn coi dưa ; dưới-ươi giữ ống. Gươm kề cổ chẳng long ; súng bắn bên không động. Ông-à ông-ợt, như trò cồng-cộng vái trời ; thập-thà thập-thò, đừng thói ba-ba ấp bóng. Vẽ mặt cho ma, ma nát trả, khỏi tròng cong đuôi ; nào ai hãi mày, mày hãi người, nóng nước đỏ gọng. Bà chẳng ra bà, nhãi chẳng ra nhãi, bà gì bà dẫn ; ông cũng dở ông, thằng cũng dở thằng, ông là ông ồng. Học đã chẳng hay, cày lại chẳng biết, còn khoe học ít hành nhiều ; đường đi hay tối, nói dối hay cùng, chớ có ăn cắn nói xồng.

39. *Vần tình.* — Nhà giàu mở đám ; thất nghiệp nằm đình. Ngựa hồ qua cửa sổ ; cóc chết có minh-tinh. Con gái xem chèo, chuột leo vào lòng, chị nào vô-ý ; bà cốt đánh trống, ong đốt âm-hộ, câu nói hữu-tình. Cha già quyền con, cha chỉ làm cột cái cho dựa ; trai giàu về vợ, vợ không như phản gỗ long đanh. Gái có chồng như gông đeo cổ, trai có vợ như lỗ tiền chôn, chồng đẹp vợ đẹp ; anh yêu em mà lúng đồng tiền, em yêu anh râu liền quai nón, anh xinh em xinh.

40. *Vần vai.* — Dày mặt chịu chửi ; to đầu khó chịu. Cha con Khả làm ngã bia

tớ ; anh em rề đánh nhau xề dùi. Được đàng chân lân đàng đầu, mía ngọt toan đánh cả cụm ; bắt được tay ray được tóc, mít như pháo nổ tịt ngòi. Chắc dâu mà lên mặt lên râu, vọt yếu chỉ quật vào cẳng ; dẫu dại cũng là cha là mẹ, dao sắc không gọt được chuôi. Bụng đói dạ thèm, ếch chết về miếng ; tham ăn,tục uống, chả mắc vì mồi. Chị cậy của chị, em cậy của em, chẳng thà đừng có của ; già vui đạo già, trẻ vui đạo trẻ, làm trò ai giấu vui.

41. *Vần bao.* — Người ốm đánh vật ; thằng xầm trông sao. Cắm sào đợi nước ; bắc bậc làm cao. Phải gai lại lấy gai nhể, đâm lao lại phải theo lao. Em chiếu manh anh tàn vàng, lạy trời làm cho cả gió ; vào vườn hoa sa xuống giếng, thân em như hạt mưa dào. May gặp nơi thanh-nhàn, vợ bán thóc chồng văn-chương dân độc ; sinh ra cùng bác-mẹ, chị áo manh, em quấn quanh lụa đào. Chân dạp đất, dầu đội trời, to đầu càng to cái dại ; thức thâu đêm, ngủ trừ bữa, lắm ngủ thì lắm chiêm-bao.

42. *Vần nhiều.*—Biết người biết của ; đủ ăn đủ tiêu. Đánh cao gào thấp ; bán xã mua nhiều. Xương dầu chép, mép cá trôi, người khôn nhá được ; dạ bò he gan cóc tía, ai đặt nên điều. Cất gánh đi buôn, một tiền gà mất ba tiền thóc ; nuôi lợn lỗ vốn, năm đồng cám là tám đồng bèo. Anh lấy em về, có nồi cơm nếp và đệp bánh chưng, lại lưng hũ rượu ; trai chơi cho trải, học đánh tổ-tôm, uống chè Chính-thái xem nôm Thúy-Kiều.

43. *Vần khách.*—Người đứng xủ-xủ ; chân đi lách-tách. Phụ-tử tình-thâm ; quan dân lễ cách. Biết dâu chiều hết cả, được ông trăng mất ông sao ; tính ở vẫn không thường, vắng mặt ngô có mặt khách. Mấy anh lòng bất-trắc, gân mặt lông chân ; chúng bạn chẳng chơi cùng, thối tai hôi nách. Ở gần nhà giàu đau răng ăn cơm, không lọ cầu-kỳ ; làm bạn kẻ khó nối khổ người khôn, chẳng còn chọc-chạch.

44. *Vần chơi.* — Mượn mỡ rán bánh ; bắt sống ăn tươi. Đi buôn ăn lãi ; cho vay lấy lời. Đưa đến tận mồm, ăn chẳng biết ăn thì thiệt ; đóng cọc lỗ đít, đốt sao mà đốt có chuôi. Miếng khi đói bằng gói khi no, mặt xanh nanh nhọn ; nói thế này tay làm thế khác, miệng gia dạ buồi. Giàu thì nhà có vạn, nghèo cả góc chạn cũng nghèo, ai mà chẳng có phận ; khôn từ thuở lên ba, dại thì đến già còn dại, thực vậy chẳng phải chơi.

45. *Vần phàm.* — Ăn chuột bao-tử ; nói chuyện dã-đàm. Chân gioe chữ bát ; đứng gẩy đàn tam. Có tiếng không có miếng ; hay ăn chẳng hay làm. Lấy em thờ mẹ cha, tan cửa nát nhà ai lấy ; tham anh về ghiên bút, ao liền ruộng cả chẳng tham. Mất ít trả nhiều của bụt xin đền chửa lấy ; sa chân lỡ bước, đào tiên đã bén tay phàm. Khôn khéo là cái méo để ra ngoài, thua thằng vận gấc ; lon-son hồ vo tròn lại bóp bẹt, thương kẻ khăn tràm.

46. *Vần người.* — Bắt mũi chưa sạch ; giở thói trêu ngươi. Hươu trở là ngựa ; đỉa cũng như rươi. Nhất nọ nhị kia, được làm vua thua làm giặc ; tam khoanh tứ đốm, suy bụng ta ra bụng người. Đông có mây tây có sao, mười người giùm một ; khôn ăn cái dại ăn nước, chín bỏ làm mười. Chân nam đá chân chiêu, rề-rà như dân bà đi chợ ; tay sốt đồ tay nguội, lồng-cồng như mẹ chồng đơm xôi. Văn ông Thủ, thi phú ông nghè, tiếng khen lầm cõi đất ; bệnh nhà giàu, đau đầu nhà khó, động tí kêu ồn trời.

47. *Vần có.* — Nọ giống dầu trâu ; kia phường bọ chó. Làm chả ra mèo ; thanh như thể thỏ. Con cò mày đò

trên cây, tao đón dưới gốc mày bay lối nào ; cái kiến mày nghiện củ khoai, mày chê tao nghèo lấy ai cho có. Giơ cao đánh sẽ, mèo vật đống rơm ; tiền mất tật mang, voi uống thuốc giò. Coi hào bạc bằng liếp, còn toan lấy thịt đè người ; lấy đồng tiền làm lào, lại chực đếm dầu bồ sở. Bảo chẳng nghe vọt tre vào đít, cậy là cậy củ tre ; coi lỗ-mỗ như gỗ trôi sông, nói chỉ nói sẹo gỗ.

48. *Vần học.* — Bò đẻ ra bò ; ốc mang mình ốc. Lếu-láo bố cu nhăng ; nhếch-nhác con mẹ mốc. Nói chẳng hở hàm răng ; xe không lọt cái tóc. Bài đấu mười rút hai thiếu một, chín nhịn mười ăn ; khách bến vạn buôn trăm bán nghìn, năm lừa bảy lọc. Ba năm hai mươi bảy tháng, kể ngày là bao ; của đời ba vạn nghìn tư, ngắn cánh khôn móc. Ăn chửa no lo chửa đến, khôn trải mùi đời ; buôn có bạn bán có phường, liệu đường mà học.

49. *Vần đúc.* — Sên chuối lẫy-nhẫy ; bọ mẻ lúc-nhúc. No cơm tấm ấm ồ rơm ; đỏ nước vang vàng hoa cúc. Chả đi lấy gì làm bữa, nay cất gánh trà em ra Hà-nội, mai cất gánh ổi, em về tỉnh đông ; trông mặt mà đặt được tên, tay nhẫn như đá, là bà hàng nem, mặt nhem như ranh, là anh lò đúc. Nghe ba tiếng cồng, cậu lồng xuống lỗ, cậu ơi là cậu, cậu đậu trái cà ; một trăm gánh ốc, đổ thốc vào cô, cô gì mà cô, cô lô cô lốc.

50. *Vần văn.* — Răng long đầu bạc ; mặt nhọ tóc quăn. Bụng phồng hơn bong-bóng ; nắm dẫy như tần-mần. Đến đâu cũng giở dáng, chửa làm dã chực ăn. Ở nhà chẳng bảo con, cha mày béo cùn béo cụt ; về chợ kêu ngang dạ, mẹ còn đau vẫn đau văn. Trước xa nay ta về gần, có nhân nhân lại mọc ; số khó làm có sao được, cấy lúa lúa ra năn. Cái khó bó cái khôn, dạ thì đói cật thì rét ; kẻ no gò kẻ thiếu, đít không khố đầu không khăn.

(*Còn nữa*)

PHẠM NHƯ-MÔN

VŨ-TRUNG TÙY-BÚT
雨中隨筆

VII

Việc tế-tự

Kinh *Thư* rằng: « Có lúc tế thần Thượng-đế. » Lại rằng: « Duy hoàng Thượng-đế 惟皇上帝 ». Kinh *Thi* rằng: « Thần Thượng-đế vẫn soi xét đến luôn ». *Truyện* rằng: « Hoàng hoàng hậu-đế 皇皇后帝 ». Nghĩa là vị thiên-thần rất tôn thì gọi là Thượng-đế, nói về nghĩa tôn hơn cả thì gọi là *thượng* 上, nói về nghĩa chủ-tể khắp cả thì gọi là *đế* 帝, đã tôn không ai hơn thì chỉ có một đế mà thôi. Nhưng về Đạo-giáo với Thích-giáo thì không thế. Đạo-giáo thì ngoài vị Ngọc-hoàng thượng-đế 玉皇上帝 ra, lại còn vị Tử-vi đại-đế 紫微大帝, Phù-tang đại-đế 扶桑大帝, Trường-sinh đại-đế 長生大帝, Chân-võ đại-đế 眞武大帝, Đông-hoa đế-quân 東華帝君; những vị đi trên này đều đứng về bậc dưới vị Tam-thanh thiên-tôn 三清天尊, Thích-giáo thì có vị Thiên-đế 天帝, Đế-thích 帝釋, Phạm-vương thiên-tử 梵王天子, Nhật-nguyệt thiên-tử 日月天子, kể số-mục ra thì nhiều lắm, đều đứng về bậc thứ hai dưới vị Tam-thế 三世 (quá-khứ, hiện-tại, vị-lai). Ôi, lấy cái nghĩa che trùm khắp cả thì gọi là thiên 天 chủ-tể khắp cả thì gọi là đế 帝, thế mà lại còn có vị tôn hơn thiên, hiệu tôn hơn đế, như thế thì ra ngoài trời lại có trời, trên đế lại thêm bậc đế nữa, vì thế lại bịa ra những thuyết cửu-thiên, tam-thập-tam thiên, tứ-đế, ngũ-đế, chư-tôn thánh-chúng, đều là cái thuyết dị-đoan hoang-đường cả. Nhưng chúng ta lấy là người trần mắt thịt mà muốn biện-biệt những việc trên trời không tiếng không hơi, nếu không viện được lẽ gì mà bàn cãi, thì chỉ là bộ-phong chóc-ảnh, mơ-màng không sao đích-thực được, vì thế nên đức Khổng-tử mới không bàn đến việc quỉ-thần.

Đền Đế-Thích

Đền Đế-Thích ở làng Liêu-xá huyện Đường-hào, nguyên là thờ một vị Đế-Thích trong ba vị phật ba vị thần. Những sự linh-dị chép ở trong sách *Tiếp-kỷ* của Võ-công Phương-Đề, tưởng cũng không phải là vô-kê cả. Nhưng vị ấy đã hiệu là *sư* mà sao lại giữ trong một ấp? Giáo ấy đã gọi là *Thích* mà sao lại có hai bà phi? Lẽ ấy thực không thể lường biết được. Ý-chừng làng ấy có một vị thần thân tức về lời rỏi anh Trương Ba thách đánh cờ mới hiển-linh lên để đối-thủ, lên thế-tục mới gọi liền ngay là Đế-Thích chăng?

Gần đây cái thói thượng-quỉ lại càng tệ lắm, những kẻ tăng-đạo thuật-sĩ bịa-đặt ra nhiều sự bất kinh. Ta thường đi qua các đọc đường thấy các nhà dân-gian bày ra đàn tray kỳ-đảo, thì ban trên nhất là để cúng phật, thứ hai bày một vị mặc áo cổn mũ miện giấy vàng là để cúng Đế-Thích, thứ ba đến nai vị áo cổn mũ miện xanh và vàng là để cúng Thiên-đế và Địa-kỳ, còn các ban dưới thì cứ thứ-tự bày các vị từ Chân-võ-đế trở xuống. Ôi! bày ban cúng phật

(1) Xem Nam-Phong số 121

ở trên trời thì sự quái-đản ấy ai cũng biết không cần phải biện-bác nữa. Còn như bảy vị Đế-Thích ở trên vị Thiên-đế thì thực là bất-thông đáng tức cười. Đã bảo rằng Đế-Thích là một vị thiên-thần rất tôn, thì sao vị ở dưới lại còn hiệu là Thiên-đế, chẳng hóa ra lại tiếm hiệu hơn ư? Đã bảo rằng Thiên-đế là một vị thiên-thần chủ-tể hết cả, thì sao lại còn vị Đế Thích ở trên, để thường ở vượt ra ngoài bầu trời che trùm chăng? Không những thế mà thôi; từ năm kỷ-dậu Thiệu-thống, dân-gian thường phát chứng tật-dịch, chỗ nào cũng thấy dựng ra rạp để cúng tế trời, bày ra đàn trai cúng, đặt ra vị cồn miện, gọi là đàn tray cúng trời đất. Ôi! trời đất rộng lớn thế kia, mà còn tất phải cần đến đồ cúng thức dùng của dân-gian, rồi mới giáng phúc cho dân, như thế thì sao hay vận-hành được bốn mùa, phát-sinh được muôn vật. Người đời không biết nghĩ thế mà chỉ mê-hoặc như thế kia, chẳng hóa ra khinh trời mà mạn thần lắm ru! Sở-dĩ thánh-nhân đời xưa phải cần cho biết thấu đạo trời đất mới được.

Thần hổ

Làng Ngọc-cục 玉局 ở huyện ta, khi xưa truyền rằng vẫn thờ yêu-hồ, phải bắt lấy người làm muông hi-sinh để cúng. Cứ mỗi năm trong làng phải một người làm tế đám, người ấy phải lừa dỗ những kẻ hành-khách nào đi một mình bắt lấy đem giam ở hầm dưới đất và đem mài da gọt chân cho mỏng đi, đến khi tế thần thì đem giết người ấy, thái nhỏ chộn lẫn với thịt trâu, thịt bò đem cúng tế, rồi thừa-huệ cùng ăn, người nào gặp được miếng thịt người thì hí-hởn lấy làm mừng, cho là cái triệu năm ấy được thuận-lợi. Sau có một người tế-đám, đem giam người ở hầm dưới đất, thế nào người ấy nhân lúc chủ nhà đi vắng trốn ra được, song gót chân bị mài mỏng không thể đi được, phải bò khúm-núm mà trốn đi, lên đến trấn-thành mách tỏ sự ấy, người làng ấy phải lên chạy-chọt đút lót quan trấn-tướng, thì sự ấy mới yên. Từ đấy trở đi, tế thần phải giết trâu bò để thay, nhưng nếu bắt được người nào đi một mình cũng tất đem giết đi để tế thần, đó cũng như cái tục Nhân Ngao tế thần sương-cuồng vậy. Từ năm canh-thân trở về sau, cái thói ấy mới bỏ đi, nhưng hành-khách đi qua làng ấy vẫn lấy làm rằn sợ.

Thần trẻ con

Làng Dương-xá 楊舍 ở tổng ta khi xưa có đứa trẻ con bị đàn ngỗng nó đuổi, rồi ngã xuống hố mà chết. Sau hiển linh làm thần làng ấy, nên tục làng ấy vẫn nghiêm-cấm không nhà nào được nuôi ngỗng, ý là sợ phạm phải vía thần. Cuối năm Cảnh-hưng trong làng ấy có một nhà nuôi ngỗng, thì bỗng thấy trong làng người sinh ốm đau không được yên, người làng đều qui-cữu cho nhà nuôi ngỗng, bắt phải giết ngỗng đi, rồi đón thầy cúng về cúng-cấp, đem rước kiệu võng đi chung quanh các gò đống ngoài làng để đón thần về. Ta nghe thấy truyện ấy lấy làm buồn cười. Đời xưa cúng tế ngoài các vị thiên-thần địa-kỳ ra, thì chỉ người nào có công-đức mới thờ làm thần, hay vị nào có cứu giúp được đại-tai đại-hoạn cho dân thì mới được lập đền thờ. Còn như những người nào chết đuối, chết chẹt hay sợ quá mà chết thì không cần đến thăm viếng, huống-chi lại còn cả làng đều thờ làm thần ư? Cái người khi sống đã không hay chống-chọi với muông cầm muông thú nó nhờn mình, thì khi chết sao hay giáng phúc cho dân được. Ôi, cái lễ-giáo của đấng tiên-vương khi xưa đã mất đi rồi, thế-tục sinh ra lắm điều mê-tín, nào có những một làng ấy thờ thần trẻ con đâu.

Miếu bà chúa ngựa.

Về vùng huyện Cẩm-giàng Gia-phúc có miếu thờ bà chúa ngựa. Tục truyền rằng bà chúa vốn là một người đàn bà, có tính cực-dâm, hễ gặp đàn ông là tư-thông, mà không ai xuể được lòng dục. Sau đến tại quan, quan mới bắt đan một cái rổ hình như con ngựa cái, nhét người đàn bà ấy vào trong, để cho thông-dâm với ngựa đực, rồi người đàn bà ấy chết mà thành thần, kỳ-đảo được nhiều điều linh-nghiệm, những người đến cầu cúng thường lấy lõi quả mít làm hình dương-vật để cúng. Ôi! Lấy là một đứa dâm-phụ như thế, mà lại được hương-hỏa thiên-thu, thì có khác gì như đền Phạm Nhan ở Đông-triều, thực là quái-đản. Các quan bộ Lễ nếu không hay xét mà triệt bỏ đi, thì sao không tâu lên mà sức cấm tiệt đi, đừng để cho làm mê-hoặc kẻ ngu-dân mới phải.

Đền thờ Cao tướng-công

Làng Minh-luân 明倫 tổng ta có đền thờ quan Nhập-nội thượng-thư Cao tướng-công tên là Y 高依, ngài ở về đời vua Thần-tôn nhà Lý, có công làm đến chức Thái-bảo, khoảng năm Thuần-phúc đời nhà Mạc lại được bao-phong chép ở trong tự-điển, thường khi kỳ-tinh đảo-vũ rất là linh-ứng. Phía tây làng Minh-luân gần xã Bình-đê 平堤, có một nơi cố-trạch quan thừa-tướng, truyện quốc-ngữ tiểu-thuyết truyền rằng đó là nơi chàng Đặng Xuân 鄧春 đọc sách, nàng Ngọc-Châu 玉珠 dệt cửi.

Xét Đặng Xuân có ngôi mộ mẹ ở núi Bảo-lâm huyện Quế-dương, nguyên ông ấy vốn là người Kinh-bắc, đời truyền rằng Đặng-công đăng-khoa tự đời nhà Lý, thế thì quan thừa-tướng là người đời nhà Lý, không còn phải ngờ gì nữa. Vả lại quan thượng-thư Cao tướng-công làm phúc-thần làng Minh-luân, nay không còn xét thấy di-tích gì cả. Mà quan thừa-tướng có nơi cố-trạch ở Bình-đê, thì không rõ quan-tước là thế nào. Nhưng cũng là người đời nhà Lý cả, biết đâu quan thượng-thư kia chẳng cùng với quan thừa-tướng cũng là một người. Còn như gọi là thừa-tướng chẳng qua là kẻ lái-tục họ suy-tôn đấy mà thôi. Cũng như trong truyện tiểu-thuyết quốc-ngữ họ thường gọi là ông trưởng-giả vậy. Thế-đại đã xa không biết đâu làm đích, hãy ghi chép lại đây để đợi người thức-giả

Nền cố-trạch quan thừa-tướng ở làng Minh-luân, địa-thế sảng-khải, có cái ao bán-nguyệt, và ao sen là nơi di-tích. Ta khi nhỏ thường đi du-lãm bồi-hồi thăm viếng, muốn tìm nhận lấy cái di tích chỗ nào là buồng học của Đặng Xuân và nơi nào là buồng dệt của Ngọc-Châu, song bể bụi đảo cuộc thay đổi khác đi, sân-thềm biến-thiên không biết đích là chỗ nào. Khoảng năm bính-ngọ đinh-mùi Nhữ Công-Trân có đến thăm nơi cố-trạch có câu thơ rằng:

閥閱舊傳丞相女,
風流長屬狀頭人。

Phiệt duyệt cựu truyền thừa-tướng nữ,
Phong-lưu trường thuộc trạng đầu nhân.

Nghĩa là : *Thừa-tướng gái xưa dòng phiệt-duyệt,*
Trạng-nguyên người cũ truyện phong-lưu.

Đó là theo cái sự-tích trong truyện tiểu-thuyết quốc-ngữ mà vịnh ra như vậy.

Phạm Trấn, Đỗ Uông.

Người làng Lam-cầu, huyện Gia-phúc là Phạm-công Trấn 范鎮, lúc bình-sinh lực học không bằng ông Đỗ Uông 杜汪 người làng Đoàn-tùng, đến khi vào thi đình đối-sách thì ông Phạm Trấn lại đỗ đầu, làm quan đến Thừa-

chính-sử. Đỗ Uông thì làm đến Thị-lang đời nhà Mạc, sau lại qui-thuận nhà Lê, làm đến Thượng-thư phong phúc-thần. Người ta cho là tạo-hóa thừa-trừ cũng khéo. Nhưng ta không cho làm phải, học-thức của Đỗ Uông tuy có hơn Phạm Trấn thật, nhưng nếu hay theo cái nghĩa cầu-chí hành-đạo của cổ-nhân, mà hay tị-trọc dãi-thanh như ông Phùng Khắc-Khoan ở Thạch-thất và ông Lương Hữu-Khánh ở Hoằng-hóa thì hay lắm. Nếu không được như thế thì cứ chăm học mà giữ lấy cho phải đạo được như Nguyễn-công ở Vĩnh-lại, và Trần-công ở Đông-ngàn, thì cũng không đến nỗi phụ sở-học. Nhưng ông lại không làm được như thế, rồi phải mắc đến tai vạ. Thế thì so với ông Phạm Trấn hay sạch mình tự-thủ không làm điểm-nhục đến khoa-danh, thì biết là ai hơn?

Đời truyền rằng khi ông Phạm Trấn ở Lam-cầu đỗ Trạng vinh-qui về, có đắp một con đường từ phía nam làng Minh-luân thẳng suốt đến làng Lam-cầu, nay vẫn còn truyền là con đường Trạng-nguyên. Sách *Tiệp-ký* của Võ-công Phương-Đề có chép cái truyện Phạm Trấn và Đỗ Uông khi đỗ về vinh-qui ganh nhau đi trước, khi đến cầu Phú-cốc 富 穀, có thi nhau làm bài thơ « *Cô Lan bán hàng cầu Cốc* ». Thiết-tưởng đó là cái việc sau khi đã đỗ rồi, chẳng thế thì trước khi Phạm Trấn chửa đắp con đường mới ấy, phía tây cầu Phú-cốc, vẫn sẵn có một con đường đi thẳng đến Cầu-lam, việc gì lại còn phải qua cầu Phú-cốc nữa. Lại trong truyện *Tiệp-ký* có chép cái việc Phạm Trấn có tặng cho cái nhà mới người làng Minh-luân một câu thơ cổ rằng: « *Nhật nhật thọ vinh hoa* 日日壽榮華 ». Chữ *thọ* 壽 nguyên là chữ *thụ* 受, về sau mới kiêng chữ thụ-tử 受死 đọc trạnh ra là chữ *thọ* 壽, sách *Tiệp-ký* cứ nhân theo thế mà không đổi.

Bùi Thế-Vinh

Các bậc tiên-triết làng ta thì chỉ thấy truyền có Bùi-công Thế-Vinh 裴世榮 từ đời nhà Mạc trở về sau, còn từ đấy trở về trước thì không nghe thấy nói có người nào cả. Ta khi nhỏ thấy các bậc trưởng-giả nói lại rằng làng ta còn có Quỳnh quận-công 瓊郡公, Vân quận-công 雲郡公, theo đi đánh nước Chiêm-thành có công, nhưng không xét rõ được tên họ là gì. Đến khi ta lớn lên đọc sách *Tiền-triều thực-lục* thì thấy đầu năm Quang-thuận có những bậc Tĩnh-mạn công-thần, khoảng năm Hồng-đức có các quan ngũ-phú đại-thần, cứ theo chế-độ hồi Lê-sơ thì được phong huyện-hầu, hương-hầu, đình-hầu, ấp-hầu, quan-phục-hầu, chứ chửa có người khác họ nào được phong đến quận-công cả, mới nghi đời truyền thế là không phải. Sau đọc đến sách *Ô-châu cận-lục* 烏州近錄 thấy chép ở Thuận-hóa có Thanh quận-công 清郡公 theo Vua Thánh-tôn đi đánh Chiêm-thành, có công cũng được phong tước, thế thì những các quan dị-tính lúc bấy giờ cũng được gia phong tước, tiếc rằng sách-vở bỏ sót không biết tra xét đâu cho đích-xác được.

Bùi-công Thế-Vinh người làng ta đỗ tiến-sĩ đời nhà Mạc, bà thủy-tổ tỉ họ bản-tôn ta là về dòng họ ấy. Đấng tiên-đại-phụ ta đã phụ chép hành-trạng ngài vào gia-phổ, còn sự-trạng đại-lược lúc bình-sinh ta cũng đã chép vào sách *Tang-thương ngẫu-lục*. Khi ngài mất chôn ở phía đông-nam làng ta, người ta vẫn gọi là lăng quan Tự-khanh. Sau người làng ta là An-bình Võ-hiệu-quan lập trường giảng-học ở đấy, bóng thông luống đất không còn di-tích gì cả. Ông ngoại-cữu ta là Thượng-thư Võ-công lại lập sinh-phần ở chỗ đất ấy, về sau lập ra nhà thờ, đắp ra vườn trại, bản-lai diện-mục chỗ đất ấy lại

càng làm sai-lạc mãi đi. Ôi! Ngài là bậc tiên-đạt làng ta, cách nay mới độ hơn hai trăm năm, thế mà nơi lăng mộ xây đắp không được cẩn-thận để đến sai-lạc đi, thì người sau không thể chối-từ được cái trách ấy. Song tỉnh Hải-dương ta từ đời Lê trung-hưng trở về sau, loạn-lạc luôn mãi, những lăng-tẩm của các bậc tiền-hiền mai-một đi mất nhiều, không những là một lăng-mộ của Bùi-công Thế-Vinh, vậy nên cổ-nhân đã có cái qui-chế lập ra thiên-biểu mộ-chí phải xây đắp cho kỹ-càng cẩn-thận.

Võ-công Thạnh

Người làng ta là Võ-công Thạnh 武公晟, tổ là Hồng-Tính-hầu làm ưu-thủ xứ Hải-dương, phụ là quốc-tử-sinh Võ-công khi nhỏ nhà rất nghèo, cha con không thể nuôi nhau được. Người làng đắp lũy bắt đi phu-dịch, nhưng sức ông yếu không thể kham nổi, phải bỏ đi ra ở chùa Báo-thiên huyện Thọ-xương, rồi vào thụ-nghiệp trường quan Võ-công người Mộ-trạch. Trường quan Mộ-trạch khi ấy ở về ngõ Thừa-tứ phía đông nhà Thái-miếu. Cậu con quan Võ Mộ-trạch vẫn có tiếng hay chữ. Khi ông vào nhập-môn làm mấy kỳ văn đều đệ-nhất cả. Cậu công-tử ghen tức, dặn anh em đồng-môn cứ buổi sớm đón eo ở trước ngõ nhà ông, thường làm quấn-nhục ông luôn, ông phải lẩn đi đường khác, mà cũng thường bị phải học-trò làm khốn-khổ, sau phải bỏ học không dám đi nữa. Quan Mộ-trạch hỏi ra mới biết, từ bấy giờ cậu công-tử không dám ghen tức nữa. Ông học-nghiệp càng ngày càng tấn-tới, hơn mười tuổi đỗ hương-nguyên trường Phụng-thiên (thuộc Hà-nội). Đến hơn hai-mươi tuổi đỗ thám-hoa, làm lên đến Tự-khanh được vào bồi-tụng phủ-đường, chúa Trịnh lấy làm luyến-ái lắm. Một ngày kia, gặp bữa ngự-thiện nhà chúa xơi cá chẳm rất ngon, chúa mới sai lấy một khúc cá dọn cơm với ông vào cho ăn ở trước mặt. Ông ăn cơm mà để cá lại, nhà chúa lấy làm lạ mới hỏi. Ông thưa rằng: « Xin để dành đem về cho mẹ ». Chúa lấy làm khen, lại sai lấy khúc cá khác ban cho mẹ ông. Đến khi lấy ra thì chỉ còn khúc đuôi cá, ông mới ăn khúc đuôi cá mà để nguyên khúc trước đem về cho mẹ. Nhà chúa lại càng lấy làm kính-trọng lắm. Chửa được bao lâu, vì can-ngăn về sự nữ-sắc trái ý chúa Trịnh, phải bãi quan về, mới mở trường dạy học ở trại Hào-nam huyện Quảng-đức (tức là làng Thanh-hào huyện Hoàn-long bây giờ). Học trò trường ông thành-đạt đến hơn bảy-mươi người. Ông cùng với Nguyễn-công Đình-Trụ 阮廷柱 người làng Nguyệt-áng huyện Thanh-trì đều là bậc sư-phạm cho kẻ học-giả. Một hôm nhà ông có giỗ, các học trò làm quan tại triều, đều về họp cả ở nhà ông, chợt khi ấy Trịnh-phủ cho đòi các quan vào hầu, mà không có một người nào chực hầu cả. Chúa Trịnh mới hỏi, kẻ lại-phòng mới nói thực là các quan về lễ giỗ nhà ông thầy ở Hào-nam. Chúa Trịnh cũng cho xong việc rồi thì sẽ vào hầu. Em ông là Huyên 暄, con ông là Huy 暉 đều đỗ tiến-sĩ đồng-khoa. Ngày hôm vinh-qui, ông có câu đối rằng:

Đồng triều tam tiến-sĩ,
同朝三進士。
Nhất nhật lưỡng vinh-qui.
一日兩榮歸。

Người ta vẫn còn truyền-tụng. Sau ông mất ở làng Hào-nam, chôn ở xã Quang-liệt huyện Thanh-trì, đến nay phong-thanh vẫn hãy còn. Những người hành-khách đi ngoài quan-lộ qua làng ta thường trỏ bảo rằng: « Kia là làng cũ quan Võ Thám-hoa đấy! »

Văn-thể

Từ đời Lê trung-hưng trở về sau, văn-thể càng ngày càng ti-nhược, đã

bản rõ ở trong tập *Cát-xuyên tiệp-bút* 吉川捷筆 của Trần Công-Tiễn 陳公琟. Ta thường xét về văn-hiến nước ta, văn đời Lý thì cổ-áo xương-minh, phảng-phất như văn đời nhà Hán, xem như bài chiếu vua Lý Thái-tổ thiên-đô Long-biên, bài hịch vua Lý Thái-tôn kể tội Vương An-Thạch, và bài di-chiếu của vua Nhân-tôn thì biết. Đến văn đời Trần thì lại hơi kém đời Lý, nhưng cũng còn điển-nhã hoa-thiệm, nghị-luận phô-bày đều có sở-trường cả, so với những văn các nhà danh-gia đời Hán Đường, cũng phần nhiều còn tương-tự. Giản-hoặc cũng có đôi ba bài giả dễ lẫn vào trong tập văn Hán Đường cũng không khác gì, chửa dễ mấy người đã biện ra được.

Đời Tiền-Lê từ năm Thuận-thiên trở về sau, các bài văn còn truyền lại cũng nhiều, duy có văn ông Nguyễn Trãi 阮廌 như bài *Vĩnh lăng thần-đạo bi*, bài chế *Hạ giá Vệ quốc trường-công-chúa*, và văn ông Võ Vĩnh-Trinh 武永貞 như bài chế tiến-phong Sung-viên phụng-sự lăng vua Thái-tôn. Tuy rằng công-phu sức-lực không đều, nhưng cái thể-tài khí-phách cũng còn theo gót được cổ-giả. Còn như bài *Bình Ngô đại-cáo* năm Thuận-thiên, những bài sớ của các quan đài-gián năm Thiệu-bình, bài chiếu *Nam-chinh Chiêm-thành* năm Hồng-đức những bài ấy đều là tay đại-thủ-bút khi bấy giờ thảo ra cả, nhưng khí-lực không được bậu, mà lập thể văn lại chuộng mới, cũng còn có từng câu từng chữ không được ổn-thỏa, hoặc trước sau đầu đuôi có chỗ tinh-thô thuần-tạp không được chải-chuốt đều nhau, so với văn đời Lý đời Trần hình như đương ở trên núi mà xô xuống dưới bờ bấp, kể ra còn nhiều, xem đại-khái đó thì biết.

Khoảng năm Minh-đức Đại-chính, khí-thế càng ngày càng kém, những kẻ tao-nhân văn-sĩ đều đua nhau theo lối văn khinh-phù, so với đời Tiền-Lê lại càng kém lắm. Song sĩ-tập còn chửa đến nỗi hủ-lậu, vậy nên học-vấn, văn-chương, chính-sự, công-nghiệp, cũng không kém gì cổ-nhân mấy, vì là học-hành cũng không đến nỗi mếch-lệch hủ-lậu sai-lầm lắm. Đến đời Lê-trung-hưng thì cái danh-nghĩa khôi-phục tuy rằng chính-đáng thật, nhưng quyền về Trịnh suy-phủ, những người thân-sĩ Thanh Nghệ phần nhiều được chiếm-cứ nơi yếu-tân, cái phong-thanh khí-tập có khác với cái thói khoan-hòa bình-dị đất Tứ-Tuyên (1) ta. Vả lại cái đức-chính của đời Minh-đức Đại-chính nhà Mạc vẫn còn cố-kết nhân-tâm chửa đã quên hết. Vậy nên vận trời đã về nhà Lê mà nhân-tâm hướng theo nhà Mạc vẫn chửa về hết, những kẻ thông-nho văn-sĩ đời bấy giờ còn nhiều người náu hình giấu bóng không chịu ra, mà những kẻ ra ứng với đời thì ít kẻ bác-học mà nhiều phường bỉ-lậu. Các người học trò Thanh Nghệ thì trải qua buổi loạn-lạc không được học mấy, đến khi ra làm quan chiếm-cứ được nơi yếu-tân coi giữ việc công, thì chỉ tự-dụng ý mình muốn thắng hơn tiền-nhân, những khi giảng học và thi học trò, thì phàm những đại-nghĩa Kinh Truyện và nguồn gốc trị loạn đắc thất cổ kim, không mấy người để ý đến để khảo xét cho tinh, chỉ chuyên học những bài chú-thích, bài nghị-luận của các nhà hậu-nho, và nhặt lấy những câu đầu để biểm-hóc để ra văn cho hay. Những kẻ hòng lấy công-danh thì chỉ theo đòi hóng gió, nhặt lấy những chữ bã mía của tiền-nho, tập làm cái lối văn-chương chi-diệp chớ không có căn-bản gì cả, cái ý

(1) Đất Bắc-kỳ khi xưa về đời Lê chia làm bốn trấn Thừa-tuyên, nên gọi là Tứ-Tuyên.

lập-giáo tác-nhân của đời Lý đời Trần khi xưa vì thế mà biến đổi hết sạch, tích-tập quen đi đã lâu thành ra những kẻ học cử-tử chỉ đem những bài chính-văn trong Kinh Truyện cắt đứt ra từng đoạn từng câu, chuyên học thuộc lòng những bài tiểu-chú để làm văn, mà nhất là những bài bàn luận trong sách *Sử* thì lại càng phải học thuộc lòng lắm. Đến khi may mà đỗ đạt, phải đương đến đại-sự, bàn đến đại-lễ, thì chỉ cầu-thả vơ-vào làm cho xong việc thì thôi, còn đến như chế-độ văn-vi tặt-vặt cũng lắm điều khó coi lắm. Sĩ-tập như thế mà mong làm được công việc kinh-bang tế-thế để giúp cho nhà nước sao được.

Phép thi

Từ đời Lê trung-hưng trở về sau, đình-thí 廷試 thì thi bài chế-sách, hội-thí 會試 hương-thí 鄉試 cũng toàn thi lấy văn-chương cả, những kẻ vu-nho khúc-sĩ chỉ biện-nạn lém-lỉnh mấy câu khẩu-dầu, cách thi-cử như thế thì sai mất cả cái sơ-ý đời xưa lâm-hiên sách-sĩ. Còn như bài phán-văn 判文 là một lối văn phán-đoán lý-sự, ta thường thấy thì khoa Đông-các có ra một bài phán về việc « dụ đức-giáo cử di-sĩ », ông thám-hoa là Phạm Khiêm-ích 范謙益 có làm bài phán ấy mà thể văn không hợp cách-thức, thực là buồn cười. Ôi! Cái việc tuyên-dụ đức-giáo, cử lấy kẻ di-sĩ, thì có phải trái khúc trực gì mà phải phán-đoán, ra dầu bài như thế thì dầu bậc Hàn, Liễu, Âu, Tô, cũng không thể lý-hội ra thế nào mà làm được, không những là Kim-sơn Phạm-công mà thôi.

Đời nhà Hán có đặt ra khoa hiền-lương phương-chính, thực là một thịnh-điển để đãi kẻ phi-thường mà cầu lấy người tài. Đời Đường, đời Tống có đặt ra chế-khoa, chia ra có năm bậc, ân-điển trọng lắm, lại khoa tiến-sĩ. Ông Bạch Cư-Dị 白居易 đời Đường, ông Tô Thức 蘇軾 đời Tống, lấy là bậc cao-tài thạc-học mà chỉ đỗ đến bậc thứ hai. Từ năm Gia-hựu trở về sau, chế-khoa đệ-nhất-danh vẫn để không, không lấy ai đỗ đến bậc ấy, là để cho trọng-vọng. Nước ta từ đời Lê trung-hưng mới mở ra thi Chế-khoa, ông Nguyễn Văn-Giai 阮文階 đỗ nhị-giáp đứng đầu khoa thi ấy, sau làm bậc danh-tướng đời trung-hưng. Đầu năm Chiêu-thống lại mở ra thi Chế-khoa, tòa Bình-chương các quan hội lại ra đầu bài văn sách, khi bấy giờ Bằng-quận-công là Nguyễn Hữu-Chỉnh 阮有整 làm quan Đại-tư-mã, các quan văn hội ra đầu bài, soạn xong rồi đem trình Nguyễn Hữu-Chỉnh, Chỉnh xem rồi cười mà rằng: « Tôi là võ-thần dâu dám vọng-nghị, nhưng Chế-khoa là cốt tuyển-cử lấy bậc hiền-lương phương-chính, mà bài chế-sách lại ra như thế ư! » Các quan nín lặng không trả lời. Sau đem dầu bài ấy tiến lên ngự-lãm, rồi cho học trò thi, thì khoa ấy lấy đỗ được hai ông là: Trần Bá-Lãm 陳伯覽 và Nguyễn Gia-Cát 阮嘉吉.

Thể văn kinh-nghĩa

Đời Lê trung-hưng thể văn kinh-nghĩa thì chia ra có bảy tiết, từ câu phá câu thừa đến đoạn khởi-giảng khai-giảng, trung-cổ, hậu-cổ, thúc-kết là hết; trong bài văn thì cứ phải theo nghĩa đại-chú mà làm, chứ không được cầu-kỳ làm mới ra, nên học trò chỉ chuyên học lấy nhớ nghĩa chú-thích là đủ, như thế thì không phải là cái chế-độ minh-kinh thí-sĩ của người đời xưa. Về sau này lại cứ quen dùng dầu bài cũ, học thuộc lòng lối văn cũ là được, nên càng ngày càng sai-lạc mãi đi. Khoảng năm Chính-hòa Bảo-thái ông Nguyễn Công-Hãng 阮公沆 sang sứ Tàu xét hỏi được bên Tàu có thi khoa minh-kinh, khi trở về vào làm tuông có khởi-nghị muốn đặt ra khoa minh-kinh để thi học trò,

nhưng sau lại thôi. Trong sách *Kiến-văn tiểu-lục* 見聞小錄 của ông Lê Quí-Đôn 黎貴敦 đã thường bàn đến lối văn bát-cổ có dẫn lời dụ-chỉ của vua nhà Thanh nói rằng: «Lối văn bát-cổ không có quan-thiết gì đến trị-thể cả.» Ý là ông ấy không muốn đổi theo phép thi đời nhà Minh. Ôi, lối văn bát-cổ tuy rằng không có quan-thiết gì đến trị-đạo, nhưng tập làm được lối văn ấy không phải người học quán-suyến cả kinh truyện thì không hay ha-bút mà viết đi được. Thế thì lối văn bát-cổ đời nhà Minh so với văn kinh-nghĩa cựu-thể của nước ta chỉ y-dạng họa-hồ, lại chẳng còn hơn ư? Lời vua nhà Thanh mà nói như trên kia là trỏ những lối văn phá-toái liệt-diệt đương lúc đời nhà Thanh, chứ không phải chỉ-trích gì đến những văn hùng-hồn bác-nhã của ông Vu Khiêm 于謙, Hồ Sĩ-Trinh 胡士貞, Vương Ngao 王鏊, Vương Thế-Trinh 王世貞, Hùng Đình-Bật 熊廷弼. Khoảng năm canh-tí đời Cảnh-hưng có bàn cải-định lại thể văn kinh-nghĩa, khi bấy giờ ông Nhữ Công-Trân 汝公璡 lấy là chức phiên-liêu được dự vào soạn-định văn-thức, mới đem những bài đại-chú tiểu-chú trong sách cứ theo thứ-tự chắp nối lại sửa sang cho thành ra một bài văn-thức, rồi đem niêm-yết ra ngoài phủ-đường và các học-đường, để làm qui-thức cho học trò cứ thế mà theo. Nhưng thể-văn ấy lại vụn-vặt phù-hoa không bằng thể văn cũ là hơn. Cuối đời nhà Lê ông Ngô Thời-Nhiệm 吳時任 lại thích lối văn bát-cổ mà cử ông Nguyễn Hiến 阮憲, ông Trần Văn-Vĩ 陳文偉 ra làm trưởng-giáo nhà Thái-học để dạy học trò, quan trưởng-giáo đã không thiếp-phục sĩ-vọng, nên học trò lúc bấy giờ chỉ quen tập lối văn sáo cũ, không hay giảng-minh được đại-nghĩa Kinh Truyện, những bài văn-nghệ làm ra, chỉ nhặt nhặnh những cái thuyết nông nổi hoang-đường để cùng khoe-khoang mà thôi.

Thể văn tứ-lục.

Lối văn tứ-lục 四六 là một biến-thể của lối cổ-thi. Lối cổ-thi có *phong* 風 *nhã* 雅 *tụng* 頌 *phú* 賦 *tỉ* 比 *hứng* 興 sáu nghĩa, mà phần nhiều là thể tỉ thể hứng. Lối văn tứ-lục thì chỉ dùng câu biền-lệ mà chuộng làm cho điêu-chác dụng công. Đời nhà Hán thể văn tứ-lục rất hùng-hồn không có kể gì thanh-luật cả, đó là một lối văn tứ-lục cổ-thể. Đời nhà Đường mới bắt theo vào thanh-luật, văn-từ rất là hoa-lệ. Người đời nhà Tống cứ nhân theo lối văn ấy, nhưng khí-lực hơi kém. Từ đời vua Tống Nhân-tôn trở về sau, có nhà họ Tô Đông-pha mới sáng-nghĩ ra một thể-cách mới, trong bài văn tứ-lục không chuộng khắc-hoạch lấy lời hoa-diễm, chỉ cốt làm những câu đối-ngẫu cho nhất-khí, thành ra một lối văn riêng một nhà, phần nhiều là thể phú chứ ít câu theo thể tỉ thể hứng, đó cũng là thể văn tứ-lục nhất-biến. Từ đời Nguyên đời Minh trở về sau, thể văn tứ-lục ý-tứ hàm-súc không bằng đời Đường, thể-cách hùng-hồn không bằng đời Tống, tưởng cũng là khí-vận xui nên thế vậy.

Thể văn tứ-lục nước ta thì theo thể văn đời Nguyên đời Minh, khoảng năm Hồng-đức những bài văn tứ-lục chép trong *An-bang thi-lục* đã từng được người Tàu khen ngợi, xem đó cũng đủ biết được một phần. Ta thường xét những bài văn tứ-lục từ đời Lý, đời Trần, đời Mạc, và những bài biểu-chương chế-sách đời Lê, thì biết rằng trong khoảng trước sau đời Đoan-khánh chính là một đại-cơ đương lúc thuần ly thăng giáng. Từ đời Đoan-khánh trở về trước, những bài văn tứ-lục có nhiều câu cảnh-cú, mà lập-ngôn đại-ý thông-thiên có khí-phách, không mấy bài kém lắm. Từ năm Đoan-khánh trở về sau, thì văn tứ-lục đã thiệp về lối khinh-phù sơ-tán, đến

đời Lê trung-hưng lại càng tệ lắm, hoặc chỉ đặt câu-kỳ từng câu một, mà ít thấy bài nào xen-xẻ thêm bớt cho đắc-nghi.

Thể thơ

Nguyên ủy thơ như thế nào, thì các tiên-nho xét đến thơ đã phân-phúc bàn nói kỹ cả rồi không cần phải kể ra đây nữa. Đến đời Hán lấy bốn chữ năm chữ làm ra thơ tứ-ngôn ngũ-ngôn, lại còn lối thơ theo đúng thanh-luật mà hiệp vào đàn sáo, tùy từng xoang-điệu có câu dài câu ngắn sâm-si khác nhau, thì gọi là thơ *nhạc-phủ* 樂府. Thơ thất-ngôn thì phần nhiều hiệp theo vần bằng mà làm trúng vào âm-luật, thì gọi là *ca* 歌, đó cũng là chi-lưu lối thơ *nhạc-phủ*. Còn những bài phô-tự bằng-phẳng, đặt ra nhiều câu, mỗi câu nhiều chữ, hoặc trước lung lên mà sau giồn lại, hoặc giống như bài ca mà cũng gồm cả lối thơ, thì gọi là bài *phú* 賦. Đến như những bài *tụng* 頌 *tán* 贊 *châm* 箴 *minh* 銘, cũng là chi-lưu về lối *phú*. Từ đời Ngụy Tấn trở về sau, lối văn *thi ca phú lục* từ-điệu càng hay bao nhiêu thì khí lại càng kém. Đến hồi thiên-đô Giang-tả lại lẫn thêm thuyết hư-vô mà lưu về đường tỉ-nhược, cũng là thế-vận xui nên thế vậy. Đời Lý-Đường khởi lên, thì thơ ngũ-ngôn chia ra có cổ-thể, cận-thể, và ngũ-ngôn luật, ngũ-ngôn bài-luật, ngũ-ngôn tuyệt-cú. Thất-ngôn cũng chia ra có cổ-thể cận-thể, và thất-ngôn luật, thất-ngôn bài-luật, thất-ngôn tuyệt-cú, cùng là lối trường đoản ca hành 長短歌行. Các thể thơ thì có thể tỉnh-thi, phủ-thi, ứng-chế ứng-giáo, thư-hoài, tức-sự, tặng-đáp, phú-vịnh và những bài họa-vần, bài liên-cú. Ấy cái thể-tài âm-luật của các nhà làm thơ đến thế đã đủ kỹ lắm rồi, mà cái phép thi học-trò từ đó cũng mới lấy thơ làm trọng. Tỉnh-thi phủ-thi thì chuyên dùng lối thơ ngũ-ngôn bài-luật, ứng-chế ứng-giáo thì kiêm dùng cả lối thơ ngũ-thất-ngôn-bài-luật. Tựu-trung cũng có bài quan-vận 關韻 là hạn dùng một vần gì đó, hoặc đề-vận 題韻, là lấy một chữ đầu đề mà hạn vần. Còn các bài *nhạc-phủ thi-vận*, *tụng tán châm minh* và các thể *phú*, thể văn nào cũng đều chia ra có điều-tự, rỡ-rệt thành-chương, vậy nên học trò thời bấy giờ người nào cũng cắp hòn châu, chứa ngọc bích, đua tài với đời Tấn Ngụy, dẫo bước lên bậc phong-tao, thực là thịnh-mĩ không đời nào hơn vậy. Thơ đời nhà Tống thì cũng có nhiều câu cảnh-cú, nhưng phú-vịnh thì thiệp về lối thô-sơ, tỉ-hứng thì mắc về đường chương-tế, so với thơ đời Đường gần theo kịp được kinh Thi ba trăm thiên thì đời Tống không bằng. Người đời Nguyên thì khéo làm từ-khúc hay, nhưng mà thơ thì ủy-mĩ. Người đời Minh thì chỉ chuộng làm thời-văn cho giỏi, mà thơ thì tiêm-mĩ quá, ý cũng muốn học theo thơ Đường mà sai-lạc đi vậy.

Nước ta, thơ đời Lý thì cổ-áo, thơ đời Trần thì tinh-diễm thanh-viễn, đều có sở-trường hay cả, cũng như là thơ đời Hán đời Đường bên Tàu vậy. Từ đời hai họ Hồ trở xuống, năm Thái-bảo trở lên, cũng còn giữ được cái mối thừa của đời Trần, nhưng mà thể-tài khí-phách càng ngày càng kém. Từ năm Quang-thuận cho đến năm Diên-thành thì lại theo học lối thơ người đời Tống; lối thơ đời Lý đời Trần đến đó là một hồi nhất-biến. Thơ đời Lê trung-hưng thì chỉ nệ về hành-sích, hưu về ty-bỉ, không kể làm gì. Trong khoảng năm Vĩnh-hựu Cảnh-hưng các bậc tiền-bối danh-công cũng có nhiều ông lưu-ý về thi-luật, mà Nguyễn-công Tôn Khuê 阮宗奎 thực là một tay lĩnh-tụ về thời ấy, thứ hai đến Nguyễn-công Huy-Oánh 阮輝瑩, rồi đến Hồ-công Sĩ-Đống 胡士棟, cùng kế-khởi lên mà đều tự-lập làm một nhà danh-thi. Ta

lại thường xem xét thơ của các bậc tiền-bối, như thơ của Phúc-khê-công 福溪 thì tinh-tiêm đẹp-đẽ mà có phần vụn-vặt quá, Lai-thạch-công 萊石 thì vị-trí thanh-cao, nhưng mà vẫn ra cỡ ý mô-phỏng. Thơ của Hoàn-hậu-công 完厚 thì chủ lấy khí-phách, không thêm lấy điêu-khắc vẽ-vời làm khéo ; thi-học đến đời ấy đã trung-hưng lên được, nhưng so với các nhà thi-gia đời Lý đời Trần, thì cũng chưa thể sánh bằng được.

Còn đến như lối thơ trường-ốc của các cử-tử. thì từ đời Tiền-Lê trở lên, tuy chưa bằng được cổ-nhân, nhưng cái ý mệnh-đề cũng còn phảng-phất. Đến đời Lê trung-hưng thi-cử chuyên dùng lối thơ thất-ngôn-luật, có câu phá-đề, nhập-đề, câu thượng-trạng hạ-trạng là hai câu tam tứ, câu thượng-luận hạ-luận là hai câu ngũ lục, rồi đến hai câu thượng-kết hạ-kết ; quan-vận thì tất phải áp vần vào câu nhập-đề thứ hai, câu-nệ cục-súc quá, xưa nay không có thế bao giờ, vậy nên những bài thơ cử-tử, đều là cẩu-thả su-thời, toàn là bỉ-lái cả. Thiết-tưởng trong khoảng đời Lê hai trăm năm, những bậc cao-tài thạc-học xuất-hiện ra ở đời cũng nhiều, mà chỉ ách về trình-hạn, nên không được mấy bài thơ truyền-tụng. Ứng-chế đông-các thì dùng lối thơ trảng-thiên ngũ-ngôn bài-luật, bài dài thì có đến bảy mười vần, ngắn thì năm mươi vần hoặc ba mươi vần, quan-vận thì phải áp vần vào câu đầu,đầu đề đã khó mà vần thơ lại ngặt-ngòi cố làm bó buộc để cho khó khăn. Ta thường xem những đầu đề và vần thơ về thi hội thi hương thì rất khó ; đến khi ta xem sách *Cát-xuyên tiệp-bút* thấy có câu thơ ứng-chế mà viết liều rằng : « *Thời hân phùng trị-trị* 時欣逢至治。*thần nguyện thú tam thê* 臣願娶三妻。thì ai cũng phải bật cười !

Thể văn sách

Sách *Châu-quan* chép rằng : Lời của nhà vua phát ra gọi là *sách* 策,tức như những lời *sách-mệnh* 策命 lời *điển sách* 典策,chép ở trong các truyện ký. Đến đời Hán vua thiên-tử mới lấy bài sách thi học trò, kể ra có hai thể sách. Một là thể chế-sách 制策, là đem cái nguồn gốc trị loạn cổ kim và những điều chính-sự đắc-thất hiện đương thi-hành lập ra đầu đề để hỏi học-trò, học-trò cứ lấy sở-kiến mà điều-trần đối-đáp, gọi là đối-sách, trước nhất có những bài văn đình-đối của Đổng Trọng-Thư 董仲舒, Công-Tôn Hoằng 公孫弘. Đời Đường thì có Lưu Phần 劉蕡 vì đố sách nói thẳng qúa mà phải hạ-đệ, đời Tống thì có Diệp Tô-Hợp 葉祖洽 đối sách a-dua mà được đỗ đầu. Tô Đông-Pha 蘇東坡 có soạn bài đối-sách ngự-thi tiến-sĩ đem tiến trình. Đời Nam-Tống có bài văn đình-đối của ông Văn Thiên-Tường 文天祥, các quan độc-quyền phải khen quyền văn đình-đối ấy : « Cổ-nghị như qui-giám,trung-can như thiết-thạch». Cũng là những bài văn sách thi trạng-nguyên đời gần đây, đều là thể văn đối-sách cả. Còn như Chế-sách tức là đầu đề bài đối-sách, như là vua Võ-đế nhà Hán ngự ra ngoài hiên ra ba bài sách thi học trò. Đời Nam-triều nhà Lưu-Tống có ra năm bài sách thi kẻ tú-tài, nay đều chép ở trong sách *Chiêu-minh văn-tuyển*. Cũng là những đầu bài chế-sách của nhà vua ra khi đình-thí. Hai là thể văn thi-sách 試策 là khi ở ngoài quận-quốc có cử những người học trò minh-kinh lên, thì hoặc thiên-tử thân ra bài sách hay là quan Thái-thường bộ Lễ ra đầu bài, thì chỉ chuyên hỏi về đại-nghĩa trong một kinh của mình học-tập và những nghĩa trong sách *Hiếu-kinh Luận-ngữ* đặt ra đầu đề mà hỏi gọi là thi-sách. Người nào chuyên học kinh nào thì cứ lấy cái thuyết của

mình sở-học mà đem ra đối-đáp, lối văn ấy thì chỉ cốt ghi nhớ những điều truyền-thụ, chứ không phải làm cho điêu-chác, gọi là lối văn xạ-sách.

Sách Hán-thư : Vua Hà-gian Hiến-vương vào chầu, vua Vũ-đế có ra bài sách hỏi ba mươi điều, Hiến-vương đều hay đối-đáp được cả. Vua Vũ-đế xuống chiếu khen rằng : « Xưa kia vua Thang khởi lên từ bảy mươi dặm đất, vua Văn khởi lên từ một trăm dặm, nay vương nên học cho cố gắng lên ! » Hiến-vương từ khi trở về nước lại vui chơi uống rượu quá mà mất.

Đời Đường ông Dương Duy 楊 維 xin đổi cái phép thi khoa minh-kinh và những lối ra năm bài sách hoặc ba bài sách. Đời Tống ông Phạm Thuần-Nhân 范 純 仁 khi vào thi gặp bài sách hỏi về Tử Sản có bốn điều đạo quân-tử là những gì ? Ông đáp lại rằng : « 1º Trị mình phải cung, 2º chấp-sự phải kính, 3º lấy điều nghĩa sai khiến người, 4º lấy điều huệ yêu dân. » Ấy đại-khái cái thể-văn thí-sách, xạ-sách là như thế. Từ đời nhà Minh trở về sau mới hợp nhà học-hiệu và việc khoa-cử làm một, đến khi tuyển người vào chốn công-triều thì chỉ lấy khoa tiến-sĩ làm định-thức để tuyển người, lúc thi đình thì kiêm cả thể văn chế-sách và thí-sách mà ra một bài chế-sách để hỏi, đến khi học trò làm văn đối-đáp thì kiêm cả thể văn đối-sách và xạ-sách, gọi là thể văn đối-sách. Làm như thế là để cho những người học chuyên-kinh không những chỉ thiên về học huấn-hỗ mà thôi, mà những người học kinh-thế thì không đến nỗi hư-phù thành ra lông-bông quá, cái ý ấy thực là hay. Nước ta đời Lý đời Trần những bài sách thi học trò ta chưa được trông thấy. Đời Tiền-Lê thì học-qui thi-pháp chép đủ cả ở trong thực-lục, mới chuyên lấy văn-sách để làm qui-thức thi hương, thi hội, thi đình, đó cũng là theo phép nhà Minh mà châm-chước lại. Ta thường thấy năm Hồng-đức thứ hai mươi mốt có ra bài chế-sách rằng : « Từ đời xưa các đấng minh-vương thánh-chúa trị trong cõi đời, đều phải lấy cử-thanh sich-trọc, lý-tài khử-tham làm việc đầu trước nhất, v.v... » Đầu bài văn sách ước độ hai trăm chữ đại-lược trước hỏi về những sự đắc-thất của đời xưa rồi thứ đến những việc thi-hành đương-thời bấy giờ. Hỏi ra một cách hồn-dung rộng rãi, không phải người học quán-xuyến cổ-kim thì không thể hạ-bút mà viết đi được, vậy nên đắc-nhân thinh lắm, không phải những đời gần đây kịp được. Từ năm Diên-thành trở lên cái phong-thói ấy hãy còn, đến năm Quang-hưng trở về sau, thì người ra đầu bài chỉ chuyên hỏi về những câu hiểm óc khó khăn, mà người đối-sách thì chỉ cốt ghi nhớ được văn cũ là hơn. Trong một bài thi-sách có đến và mươi mục, mỗi một mục có đến ba bốn đoạn gọi là mục văn-sách. Người nào xem rộng nhớ nhiều thì mỗi đề trả lời lại được mười sáu mười bảy đoạn, mỗi đoạn chỉ nhớ được vài ba mươi chữ chứng-thực ở trong sách thì có thể đoạt-giáp tranh-khôi được, làm văn như thế thì sao hay thương-xác việc cổ-kim, bình-luận sự đắc-thất, để cho tỏ cái sở-học ra được. Gần đây đầu bài văn-sách lại chỉ chuyên hỏi về một mục, bài nào dài thì độ và mươi đoạn, ngắn thì độ hơn mười đoạn, ít ra thì độ bốn năm đoạn, chỉ đem những nghĩa vặt trong kinh truyện sử sách rồi vặn-vẹo hỏi đi hỏi lại, gọi là văn-sách đề-án. Kẻ đối-sách thì chỉ khiên-cưỡng ý-nghĩa tùy theo từng chỗ giải-thích mà trả lời, chỉ cầu cho trúng ý khảo-quan là được, còn đến như ý nghĩa tinh-vi của cổ-nhân thì không rồi xét đến nữa. Vậy nên kẻ đỗ-đạt làm quan thì ít kẻ công-chính mà nhiều người thiên

lệch. Đến lúc trí-sĩ về ở nhà, hoặc là phải giải-chức thôi làm quan, thì ngày thường vô-sự, chỉ xui giục kẻ kiện cáo điêu-toa, đó cũng là thời-vận xui nên thế vậy. Khoảng năm giáp-thìn ất-tị đời Cảnh-hưng, nhà Giám-trụ (văn-miếu Ha-nội) thường khi trước ngày sóc ngày vọng họp học trò lại bình văn, các quan văn đều đến hội-họp, người đến nghe bình-văn vòng trong vòng ngoài đông như kiến. Khi ấy có một người đàn bà đến trước cửa nhà Giám muốn xin vào chiêm-yết, lính canh đuổi ra không cho vào. Người đàn bà ấy mới đứng trông vào trước nhà Giám vái lạy mà rằng : « Chẳng hay khi xưa ông thánh-nhân lập-giáo thế nào mà nay các quan hễ hạ ngòi bút xuống phán-đoán một lời, thì là không còn kêu vào đâu được nữa. » Người đàn bà ấy vừa lạy vừa khóc mà đi. Ôi ! kẻ đàn-bà hạ-ngu ấy chẳng trách làm chi, nhưng các ngài lấy là bậc văn-học làm nên quan mà để cho dân đến nỗi thế, thì nỡ lòng nào !

(*Còn nữa*)

ĐÔNG-CHÂU *dịch*

MẠNH-TỬ QUỐC-VĂN GIẢI-THÍCH (1)

孟子國文解釋

XIX

滕文公章句下

THIÊN ĐẰNG-VĂN-CÔNG HẠ

凡十章

(*Phàm 10 chương*)

I

陳代曰。不見諸侯。宜枉尺而直尋。以一宜曰。則大然。吾未之聞也。枉尺而直尋者。以利言也。如利之可言。則雖枉尺而直尋。且猶可爲。是亦足以有爲者。若是乎從者之不直也。

Dịch-âm. — *Trần-Đại viết* : « *Bất-kiến chư-hầu, nghi nhược tiểu nhiên ; kim nhất kiến chi, đại tắc dĩ vương, tiểu tắc dĩ bá.* » *Thả Chi viết* : « *Uổng xích nhi trực tầm* ». *Nghi nhược khả vị dã* ».

Dịch-nghĩa. — Trần-Đại nói rằng : « Nhà thầy chẳng đi yết-kiến các vua chư-hầu, điều đó dường như là tiết nhỏ vậy. Nay một đi yết-kiến để thi-thố cái đạo mình, lớn thì nên được nghiệp vương, nhỏ thì nên được nghiệp bá. Vả sách Chi có nói rằng : « Khuất cong một thước mà hay thẳng ruỗi được một tầm. » Sự yết-kiến chư-hầu, dường như nên làm vậy. »

Chú giải. — *Trần Đại* = Học - trò thầy Mạnh. *Chi* = Sách chép những lời thông-tục nói thường. *Tầm* = Tám thước. *Uổng-xích* = Khuất cong một thước. Trỏ về sự yết-kiến chư-hầu. *Trực tầm* = Thẳng ruỗi một tầm 8 thước. Trỏ về sự nên nghiệp vương-bá.

Đây là Trần-Đại khuyên thầy Mạnh không nên chấp-nệ quá, vì điều mình phải khuất mà

(1) Xem Nam-Phong số 126.

yết kiến là việc nhỏ, mà điều mình thân được nêu nghiệp bá vương là sự-nghiệp lớn.

. . .

而 往 取 忘 忘 至 田。孟
往 也。焉。爽 在 將 招 子
何 如 取 其 溝 殺 虞 曰。
哉。不 非 元。壑。之。人 昔
待 其 孔 勇 志 以 齊
其 招 子 士 士 旌。景
招 不 奚 不 不 不 公

Dịch-âm. — *Mạnh-tử viết : « Tích Tề Cảnh-công điền, chiêu Ngu-nhân dĩ tinh, bất chí, tương sát chi. « Chí-sĩ bất vong tại câu-hác ; dũng-sĩ bất vong tảng kỳ nguyên ». Khổng-tử hề thủ yên ? thủ phi kỳ chiêu bất vãng dã. Như bất đãi kỳ chiêu nhi vãng, hà tai.»*

Dịch-nghĩa. — Thầy Mạnh nói rằng: « Ngày xưa vua Cảnh-công nước Tề đi săn, lấy cờ tinh vời kẻ Ngu-nhân, Ngu-nhân không đến, vua Tề toan giết Ngu-nhân. Ông Khổng khen rằng : « Kẻ chí-sĩ thường nghĩ dành ở chốn ngòi hang mà không hận, kẻ dũng-sĩ thường nghĩ chết đến mất đầu cũng không sợ, kẻ Ngu-nhân chính tự giữ được như thế. » Ông Khổng khen về lẽ gì ? Khen về điều Ngu-nhân biết tự-thủ không phải cái đồ vời mình thì không đi. Ngu-nhân còn thế, nữa là quân-tử, nếu chẳng đợi chư-hầu vời mình mà mình đi yết-kiến sao nên ?

Chú-giải. — *Ngu-nhân* = Một viên-chức coi giữ vườn-được cho nhà vua. *Tinh* = Lệ thường, vua vời quan đại-phu thì lấy lá cờ tinh, vời quan Ngu-nhân thì lấy cái mũ da. *Bất vong* = Không quên, thường để lòng nghĩ đến mà không sợ hãi không ân-hận. *Nguyên* = Cái đầu. *Chí-sĩ* = Trỏ người cố gia-giữ lúc cùng-tùng dẫu chết ở ngòi hang cũng đành. *Dũng-sĩ* = Trỏ người coi khinh sự chết. *Hề thủ* = Khen về lẽ gì ?

Đây là thầy Mạnh biện rõ ra cái ý không nên đi yết-kiến chư-hầu.

. . .

爲 而 枉 如 以 而 且
與。利。尋 以 利 直 夫
亦 直 利。言 尋 枉
可 尺 則 也。者。尺

Dịch-âm — *« Thả phù uổng-xích nhi trực tầm giả, dĩ lợi ngôn dã. Như dĩ lợi, tắc uổng tầm trực-xích nhi lợi, diệc khả vi dư ?*

Dịch-nghĩa. — « Vả lại khuất một thước mà thân một tầm đó, là kể về phần lợi mà nói vậy. Nếu kể về phần lợi, thì khuất một tầm thân một thước mà lợi, cũng nên làm dư ?

Chú-giải. — Đây là thầy Mạnh biện-chính cái lời uổng-xích trực-tầm là không phải.

. . .

矢 之 可。也。朝 或 不 昔
如 詭 曰。簡 而 以 獲 者
破。遇。吾 子 獲 告 一 趙
我 一 爲 曰。十 王 禽。簡
不 朝 之 我 禽。良。嬖 子
貫 而 範 使 嬖 良 爲 使
與 獲 我 掌 奚 曰 反 王
小 十。馳 與 反 請 命 良
人 詩 驅。女 命 復 曰 與
乘。云。終 乘。曰。之。天 嬖
請 不 日 謂 天 彊 下 彥
辭。失 不 王 下 而 之 乘。
其 獲 良。之 後 賤 終
馳。一。良 良 可。工 日
舍 爲 不 工 一 也。而

Dịch-âm. — « *Tích giả Triệu Giản-tử sử Vương Lương dữ Bế Hề thặng, chung nhật nhi bất hoạch nhất cầm. Bế Hề phản mệnh viết : « Thiên-hạ chi tiện công dã. » Hoặc dĩ cáo Vương Lương, Lương viết : « Thỉnh phục chi » Cưỡng nhi hậu khả, nhất chiêu nhi hoạch thập cầm. Bế-Hề phản-mệnh viết : « Thiên-hạ chi lương-công dã ». Giản-tử viết : « Ngã sử chưởng dữ nhữ thặng ». Vị Vương Lương. Lương bất khả, viết : «Ngô vị chi phạm ngã tri-khu,*

chung nhật bất hoạch nhất ; vị chi quỉ-ngộ, nhất chiêu nhi hoạch thập ». Thi vân : « Bất thắt kỳ trí, xả thỉ như phá ». Ngã bất quán dữ tiểu-nhân thặng. Thỉnh từ ».

Dịch-nghĩa. — «Xưa kia Triệu Giản-tử sai ngươi Vương Lương ngự xe cho Bế Hề đi bắn, suốt ngày mà chẳng được một con chim. Bế Hề trả lời với Giản-tử rằng: « Vương Lương là anh thợ đánh xe kém nhất trong thiên-hạ vậy. » Hoặc có kẻ đem lời ấy bảo Vương Lương, Lương nói rằng: « Xin lại ngự xe lần nữa ». Cưỡng bách Hề, rồi sau Hề mới nghe. Một buổi sớm mà được mười con chim. Bế Hề trả lời với Giản-tử rằng : « Vương Lương là thợ đánh xe khéo trong thiên-hạ vậy ». Giản-tử rằng :« Ta khiến Vương Lương chuyên-chủ ngự xe cho mày ». Bảo với Vương Lương. Lương chẳng nghe, nói rằng : « Ta vì kẻ ấy theo khuôn-phép ta giong ruổi, thì suốt ngày chẳng được một con chim, vì kẻ ấy chạy quanh-co đón gặp loài cầm, thì một buổi sớm mà bắt được mười con. Kinh *Thi* có nói rằng : « Người ngự xe chẳng sai phép giong ruổi, mà người bắn cứ phóng tên ra đều tin như phá » Ấy mới là chính-phép ngự xe, ta chẳng quen lối ngự xe cho kẻ tiểu-nhân. Xin cáo từ.»

Chú-giải — Triệu Giản-tử = Quan đại-phu nước Tấn. *Vương Lương* = Kẻ giỏi về nghề ngự xe. *Bế Hề* = Kẻ tôi-tớ yêu của Giản-tử tên là Hề ; *bế* nghĩa là yêu. *Thặng* = Ngự xe. *Chưởng* = Chuyên giữ. *Qủi* = *Quanh-co chạy không thẳng đường*. Thi = Thơ *Xa-công* 車攻 trong thiên *Tiểu-nhã*

Dẫn lời kinh *Thi* để chứng rằng người ngự xe vẫn theo chính-pháp mà người tài bắn vẫn bắn được tin, chớ không có quanh co quỉ-quyệt như kẻ tiểu-nhân vậy.

...

者 未 過 彼。如 丘 得 射 御
也。有 矣。何 枉 陵。禽 者 者
能 枉 也。道 弗 獻。比。且
直 已 且 而 爲 雖 比 羞
人 者 乎 從 也。若 而 與

Dịch-âm. -- « *Ngự giả thả tu dữ xạ giả ti, tị nhi đắc cầm thú, tuy nhược khâu lăng, phát vi dã. Như uổng đạo nhi tòng bỉ hà dã. Thả tử quá hĩ, uổng kỷ giả vị hữu năng trực nhân giả dã.* »

Dịch-nghĩa. — « Kẻ ngự xe còn xấu-hổ cùng với kẻ bắn tên a-dua mà được chim muông, tuy nhiều như gò-đống, chẳng thèm làm vậy. Huống người quân-tử vốn lấy đạo giữ mình, nếu khuất cái đạo mà theo kẻ kia, sao lại thế được. Vả lời ngươi nói là lầm, kẻ dã cong mình, không có thể chính được người vậy. »

Chú-giải.— Ti = A-dua theo ý. *Bỉ* = Kia, trỏ các vua chư-hầu.

Đây là thầy Mạnh nói người quân tử nếu khuất đạo mà theo người, thì so với kẻ ngự-giả lại không bằng, để rõ ra rằng cái sự không đi yết-kiến chư-hầu, chính là tiết lớn không nên coi là tiết nhỏ vậy.

II

天 安 靖 一 丈 不 張 公 景
下 居 俠 怒 夫 誠 儀 孫 春
熄。而 懼。而 哉。大 登 衍 曰。

Dịch-âm. —*Cảnh Xuân viết : « Công-tôn Diễn, Trương Nghi, khởi bất thành đại-trượng-phu tai ! Nhất nộ nhi chư-hầu cụ, an cư nhi thiên-hạ tức ».*

Dịch-nghĩa — Cảnh Xuân nói rằng : « Ngươi Công-tôn Diễn, ngươi Trương Nghi, há chẳng thực là kẻ đại-trượng-phu thay ! Một nổi giận mà chư-hầu sợ-hãi, ngồi yên thì thiên-hạ im lặng.»

Chú-giải. — Cảnh-Xuân = Người thời bấy giờ. *Công-tôn Diễn, Trương Nghi* = Đều là người nước Ngụy, giỏi về nghề đi du-thuyết các chư-hầu, thường xui nước nọ đánh nước kia. *Đại-trượng-phu* = Đàn ông thông-thường gọi là trượng-phu, đàn ông đặc-biệt hơn người gọi là đại-trượng-phu. *Tức* = Lửa tắt, việc rối-loạn yên lặng ví như lửa tắt.

Đây là Cảnh Xuân ở đời Chiến-quốc thấy những kẻ thuyết-khách có cái khí-diễm hách-dịch thì khen là kẻ đại-trượng-phu.

∴

妾婦之道也。夫子之以順爲正者。家。必戒之。門。必戒之。也。必戒之。父命之。母命之。女子之行。遂之。禮乎。夫家之女。大丈夫之居。孟子曰。是謂大丈夫。

Dịch-âm. — *Mạnh-tử viết : « Thị yên đắc vi đại-trượng-phu hồ. Tử vị học lễ hồ, trượng-phu chi quán dã, phụ mệnh chi ; nữ-tử chi giá dã, mẫu mệnh chi, vãng tống chi môn, giới chi viết : « Vãng chi nhữ gia, tất kính tất giới, vô vi phu-tử. » Dĩ thuận vi chính giả, thiếp-phụ chi đạo dã. »*

Dịch-nghĩa. — Thầy Mạnh nói rằng : « Người ấy sao được là kẻ đại-trượng-phu ! Ngươi chửa học Lễ đấy ư ! Lễ có dạy rằng : Đàn ông khi làm lễ đội mũ thì cha dạy cho ; con gái khi làm lễ gả chồng, thì mẹ dạy cho, mẹ đi đưa con gái ra cửa, răn con gái rằng : « Mày đi về nhà chồng mày, phải kính phải răn, chớ trái mệnh chồng. » Xem lời mẹ răn con gái ấy, thì biết rằng lấy sự thuận tòng làm chính-đáng đó, là cái đạo đàn bà vậy.

Chú-giải. — *Quán* = Lễ ngày xưa con trai đến hai-mươi tuổi, thì làm lễ đội mũ lên đầu, tỏ ra rằng đến thời-kỳ thành-nhân, gọi là lễ *Quán*. *Phu-tử* = Lời tôn-kính gọi chồng. *Thiếp-phụ* = Thiếp là lẽ mọn, phụ là vợ cả hoặc nàng dâu ; *thiếp-phụ* là lời tóm-tắt gọi kẻ đàn bà.

Đây là thầy Mạnh cho rằng người Diễn người Nghi chỉ chiều-nịnh cái lòng yêu ghét của các vua chư-hầu, a-dua phụ theo để lấy trộm quyền-thế, là cái đạo thuận-tòng của kẻ đàn bà đấy thôi, không phải cái sự-nghiệp đàn ông vậy.

∴

謂武貧道。不得行立居
大不賤富得志天天天
丈能不貴志與下下下
夫。屈。能不獨民之之之
此移。能行由大正廣
之威淫。其之。道。位。居。

Dịch-âm. — « *Cư thiên-hạ chi quảng cư, lập thiên-hạ chi chính vị, hành thiên-hạ chi đại-đạo, đắc-chí dữ dân do chi, bất đắc chí độc hành kỳ đạo ; phú-quí bất năng dâm, bần-tiện bất năng di, uy-vũ bất năng khuất, thử chi vị đại-trượng-phu* ».

Dịch-nghĩa. — « Ở về chốn rộng trong thiên-hạ, đứng về ngôi chính trong thiên-hạ, đi về đường lớn trong thiên-hạ ; đắc-chích thì cùng dân cùng noi, chẳng đắc-chí thì một mình giữ-giữ đạo mình ; phú-quí không thể đãng được tâm, bần-tiện không thể biến được tiết, uy-vũ không thể nén được chí ; bậc người ấy mới gọi là đại-trượng-phu.

Chú-giải. — *Quảng-cư* = Rộng rãi bao-dung, trỏ về điều nhân. *Chính-vị* = Chính-đáng, không thiên lệch, trỏ về điều lễ. *Đại-đạo* = Đường rộng lớn công bình, trỏ về điều nghĩa. *Đắc-chí* = Được kiến-dụng ở đời. *Dữ-dân do-chí* = Đem những điều nhân-nghĩa lễ, mà công-hành ra với dân. *Bất-đắc-chí* = Không được dùng ra với đời mà phải ẩn náu ở ngôi dưới. *Độc-hành kỳ-đạo* = Giữ-gìn những điều nhân nghĩa lễ, mà sửa riêng lấy mình. *Dâm* = Dâm-đãng. *Di* = Biến đi. *Uy-vũ* = Những sự người ta lấy cường-quyền áp-chế mình. *Khuất* = Tỏa-chiết, khuất-chịu.

Đây là thầy Mạnh tỏ ra cái khí-tượng bậc đại-trượng-phu, bậc ấy đạo-đức thì thuần-túy, hành-động thì quang-minh chính-đại cương-cường, khác với đạo đàn-bà, để rõ ra người Nghi người Diễn không đủ khen là đại-trượng-phu.

III

月曰。載如無曰。孟之周
無古質。也。君。孔子君將
君之公出則子曰。子問
則人。明疆臯三仕。仕曰。
弔。三儀必臯月傳乎。古

Dịch-âm. — *Chu-Tiêu vấn viết : « Cổ chi quân-tử sĩ hồ » ? Mạnh-tử viết : « Sĩ ». Truyện viết : « Khổng-tử tam nguyệt vô quân, tắc hoàng-hoàng như dã, xuất cương tất tái chí ». Công-Minh Nghi viết : « Cổ chi nhân, tam nguyệt vô quân tắc điếu ».*

Dịch-nghĩa. — Chu Tiêu hỏi rằng : « Đấng quân-tử đời xưa có muốn ra làm quan không ? » Thầy Mạnh nói rằng : « Sao lại chẳng ra làm quan. » Truyện có chép rằng : « Ông Khổng-tử ba tháng không có vua mà thờ, thì áy-náy không yên ; đi ra cõi nước, tất đem đồ chí-kiến. » Ông Công-Minh Nghi nói rằng : « Người đời xưa, ba tháng không có vua mà thờ, thì người ngoài lại yên-ủi hỏi thăm. »

Chú-giải. — *Chu Tiêu* = Người nước Ngụy. *Xuất-cương* — Ra khỏi cõi, khi mất ngôi quan ở nước mình mà đi sang nước khác. *Tái-chí* = Đem lễ-vật để yết-kiến, như người sĩ thị dùng chim trĩ để làm lễ yết-kiến vua nước khác, là có ý muốn gặp được vua để lại ra làm quan. *Công-Minh Nghi* = Người hiền ở nước Lỗ ngày xưa. *Điếu* = Thương kẻ bất-đắc-ý mà viếng thăm yên-ủi.

. . .

急不則無三
乎。以弔。君月

Dịch-âm. — « *Tam nguyệt vô quân tắc điếu, bất dĩ cập hồ ?* »

Dịch-nghĩa. — Chu Tiêu hỏi rằng : « Ba tháng không có vua mà thờ, mà đã viếng thăm, thì chẳng là kịp lắm ư ? »

Chú-giải. — *Dĩ* 以 = Thông dùng với chữ *dĩ* 已 là đã.

. . .

宴。備。不敢粢繅。耕之曰。
亦不祭。以盛以助。失士
不敢牲祭。不爲以國之
足以穀惟潔。衣供家失
弔祭。器士衣服。粢也。位
乎。則皿無服犧盛。禮也。
不衣田。不牲夫曰。猶
敢服則備。不人諸藩
以不亦不成。蠶侯侯

Dịch-âm. — *Viết : « Sĩ chi thất vị dã, do chư-hầu chi thất quốc-gia dã » Lễ viết : « Chư-hầu canh-trợ, dĩ cung tư-thình ; phu-nhân tàm tao dĩ vi y-phục. » Hi-sinh bất thành, tư-thình bất khiết, y-phục bất bị, bất cảm dĩ tế. « Duy sĩ vô điền, tắc diệc bất tế. » Sinh sát khí mãnh, y-phục bất bị, bất cảm dĩ tế, tắc bất cảm dĩ yến, diệc bất túc điếu hồ. »*

Dịch-nghĩa. — Thầy Mạnh nói rằng : « Người sĩ mất ngôi quan, cũng như chư-hầu mất quốc-gia vậy ». *Lễ* có nói rằng : « Vua chư-hầu cày ruộng tịch-điền, dân giúp cho vua trọn-vẹn mẫu ruộng, để cung-cấp đồ tư-thình về việc tế-tự ; bà phu-nhân chăn tằm ươm tơ, để chế làm đồ y-phục về việc tế-tự. » Chư-hầu đã mất quốc-gia, thì đồ hi-sinh không thể nên được, đồ tư-thình không thể sạch được, đồ y-phục không thể đủ được, thì không dám cử hành việc tế-tự. *Lễ* lại nói rằng : « Duy người sĩ không có ruộng tế thì cũng không dám tế. » Người sĩ đã mất ngôi quan thì muông sinh-sát đồ khí-mãnh và đồ y-phục không đủ, thì không dám cử-hành việc tế-tự ; chẳng tế-tự thì trong lòng chẳng được yên, thế thì chẳng đủ viếng thăm ư. »

Chú-giải. — *Canh-trợ* = Giúp đỡ cày cấy, nguyên vua chư-hầu đặt ruộng tịch-điền trăm mẫu, tự mình cầm chuôi cấy cày trước để làm phép, rồi dân thì giúp sức cho vua, để trọn-vẹn công việc trăm mẫu ấy ; khi gặt trăm mẫu lúa ấy về, thì chứa ở kho vua, để cung-cấp về việc tư-thình nhà tôn-miếu. *Tàm-tao* = *Tàm* là tằm, *tao* là ươm kén ra tơ. *phu-nhân* là vợ vua chư-hầu sai vợ các quan chăn tằm ở chỗ vườn dâu công, khi được kén, đem hiến phu-nhân để ươm, phu-nhân ba lần dúng tay vào nồi ươm, để làm phép cho sự ươm tơ ; khi được tơ, nhà vua nhà quan đều dùng, chế làm mũ áo tế, để tế đấng tiên-vương tiên-công. *Tư-thình* = Gạo thứ tốt thổi thành xôi gọi là *tư* ; đựng xôi, vào mâm gọi là *thình*, *thình* nghĩa là đựng. *Hi-sinh* = Con vật đem giết để tế tự, như trâu dê lợn vân-vân. *Sinh-sát* = Con vật đem giết tươi. *Khí-mãnh* = Cái đồ để dùng gọi là *khí*, cái nắp để đậy cái đồ gọi là *mãnh*. *Yến* = yên.

Đây là giải ra cái nghĩa kẻ sĩ ba tháng không được gặp vua thì đáng nên viếng thăm. Vì trong một năm có bốn mùa, bốn lần tế tiên-tổ, nếu kẻ sĩ mất ngôi quan thì không đủ lễ tế, mà lâu đến ba tháng thì khiếm-khuyết mất một lần tế thì lòng không yên, cho nên đáng viếng thăm.

. . .

也。質。必 出
何 載 疆

Dịch-âm. — « *Xuất cương tất tái chi, hà dã ?* »

Dịch-nghĩa. — Chu Tiêu hỏi rằng : « Đi ra khỏi cõi nước, tất đem lễ chi-kiến, ý muốn kịp gặp vua, là cớ sao ? »

. . .

哉。其 出 夫 耕 農 仕 曰。
未 疆 豈 也。夫 也。士
耜 不 爲 農 之 猶 之

Dịch-âm. — *Viết : « Sĩ chi sĩ dã, do nông phu chi canh dã ; nông-phu khởi vi xuất cương, xả kỳ lỗi chĩ tai ».*

Dịch-nghĩa. — Thầy Mạnh nói rằng : « Người sĩ làm quan để thi-thố cái đạo, cũng như người nông cày ruộng để mưu tính sự ăn. Người nông há vì xa khỏi cõi nước, mà bỏ cả cái cày cái bừa đi hay sao ? »

Chú-giải. — *Lỗi* = Cái đồ để cày ruộng. *Chĩ* = Cái đồ để bừa cỏ.

Đây là nói người sĩ đi đến đâu cũng đem lễ chi-kiến để ra làm quan, cũng như người nông đi đến đâu cũng không bỏ cày bừa được.

. . .

鑽 惡 皆 穴 有 生。也。其 曰。
穴 不 賤 隙 之。而 曰。急。昏
隙 由 之。相 不 願 丈 仕 踰
之 其 古 窺。待 爲 夫 如 亦
類 遺。之 踰 父 之 生。此 仕
也。不 人 牆 母 有 而 其 國
由 未 相 之 家。願 急。也。
其 嘗 從。命。父 爲 君 未
道 不 則 媒 母 之 子 嘗
而 欲 父 妁 之 有 之 聞
往 仕 母 之 心。室。難 仕
者 也。鑽 言。人 女 仕。如
與 又 人 鑽 皆 子 何 此

Dịch-âm. — *Viết : « Tấn quốc diệc sĩ quốc dã, vị thường văn-sĩ như thử kỳ cấp, sĩ như thử kỳ cấp, quân-tử chi nan sĩ, hà dã ? » Viết : « Trượng-phu sinh, nhi nguyện vị chi hữu thất, nữ-tử sinh, nhi nguyện vị chi hữu gia ; phụ-mẫu chi tâm, nhân giai hữu chi, bất đãi phụ mẫu chi mệnh, môi-chước chi ngôn, toàn huyệt-khích tương khuy, du tường tương tòng, tắc phụ mẫu quốc-nhân giai tiện chi. Cổ chi nhân vị thường bất dục sĩ dã, hựu ô bất do kỳ đạo, bất do kỳ đạo nhi vãng giả, dữ toàn huyệt-khích chi loại dã. »*

Dịch-nghĩa. — Chu Tiêu hỏi rằng : « Nước Tấn cũng là một nước nhiều kẻ sĩ đến làm quan, chửa từng nghe cầu sự làm quan kịp như thế ; sự làm quan nếu kịp như thế, người quân-tử sao lại ngần-ngại khó lòng không chịu ra làm quan, là cớ sao ? » Thầy Mạnh nói rằng : « Con trai sinh ra, mà cha mẹ muốn vì con dựng vợ ; con gái sinh ra, mà cha mẹ muốn vì con gả chồng ; cha mẹ ai cũng đều sẵn có lòng ấy. Nhưng nếu người con chẳng đợi cái mệnh mẹ cha, cái lời mối-lái, khoét lỗ hổng dòm nhau, trèo qua tường theo nhau, thì cha mẹ và người trong nước đều khinh-bỉ nó. Người đời xưa chửa từng chẳng muốn ra làm quan, lại ghét về sự chẳng noi theo cái đạo chính-đáng ; chẳng noi cái đạo chính-đáng mà đi cầu làm quan đó, cũng là cái loài khoét lỗ hổng vậy. »

Chú-giải. Tấn = Một nước lớn đời Xuân-thu, đến đời Chiến-quốc chia ra Hàn, Triệu, Nguỵ, ba nước. Chu Tiêu người Nguỵ, cho nên đem sự Tấn mà nói. *Thất-gia* = Con trai có vợ là thành-thất, con gái có chồng là thành-gia. *Toàn huyệt khích* = Khoét lỗ hổng.

Đây là thí-dụ về sự dựng vợ gả chồng tuy là sở-nguyện, nhưng khi đi lấy vợ lấy chồng, phải nên theo về đường chính-đáng ; để giải ra nghĩa làm quan tuy là cần-kíp, nhưng khi ra làm quan, cũng nên theo về đường chính-đáng, không nên cẩu-thả mà khuất mình đi cầu-kiến người.

IV

泰 不 則 可 其 以 以 十 彭
乎。以 舜 受 道。泰 傳 乘，更
爲 受 於 則 乎。食 從 問
泰。堯 人。一 孟 於 者 曰。
子 之 如 簞 子 諸 數 後
以 天 其 食 曰。侯。百 車
爲 下。道。不 非 不 人。數

Dịch-âm. — *Bành Canh văn viết : « Hậu xa sồ thập thặng, tụng giả sồ bách nhân, dĩ chuyển thực ư chư-hầu, bất dĩ thái hồ. » Mạnh-tử viết : « Phi-kỳ đạo, tắc nhất đan tự bất khả thụ ư nhân ; như kỳ đạo, tắc Thuấn thụ Nghiêu chi thiên-hạ, bất dĩ vi thái, tử dĩ vi thái hồ ? »*

Dịch nghĩa. — Bành Canh hỏi rằng: « Nay có người đi đâu thì xe theo sau vài mươi cỗ, kẻ đi hầu vài trăm người, cứ lần từng trạm đi ăn ở các nước chư-hầu, chẳng là xa-xỉ lắm ư ? » Thầy Mạnh nói rằng : « Quân-tử ở đời giữ cho phải lẽ, nếu chẳng phải đạo-lý, thì một rỏ cơm chẳng nên chịu nhận ở người ; nếu phải đạo-lý, thì vua Thuấn chịu nhận thiên-hạ của vua Nghiêu, chẳng cho là xa-xỉ, người cho sự đi như thế đã làm xa-xỉ lắm ư ? »

Chú-giải.— Bành Canh = Học-trò thầy Mạnh. *Chuyển* = Cung trạm ở đường, lần lượt nước này sang nước khác. *Đan* = Cái đồ đựng cơm làm bằng trúc.

Thầy Mạnh khi ấy đi lịch-sinh ác nước chư-hầu xa mã đồ-đệ rất nhiều, đồ cung-cấp rất phong-hậu, cho nên Bành Canh ngờ là thái-xỉ mà hỏ.

.·.

可 食。事 士 曰
也。不 而 無 否。

Dịch-âm. — *Viết : « Phủ, sĩ vô sự nhi thực, bất khả dã. »*

Dịch nghĩa. — Bành Canh nói rằng: « Không phải ý thế. Trộm nghĩ rằng người sĩ không làm việc mà ăn không, thì không nên vậy.

.·.

爲 子 之 悌。此 匠 有 補 曰。
仁 何 學 守 有 輪 餘 不 子
義 尊 者。先 人 輿 布。足。不
者 梓 而 王 焉。皆 子 則 通
哉。匠 不 之 人 得 如 農 功
輪 得 道。則 食 通 有 易
輿，食 以 孝 於 之 餘 事。
而 於 待 出 子。則 粟。以
輕 子。後 則 於 梓 女 羨

Dịch-âm. — *Viết : « Tử bất thông công dịch sự, dĩ tiện bổ bất-túc, tắc nông hữu dư túc, nữ hữu dư bố ; tử như thông chi, tắc tử tương luân dư giai đắc thực ư tử. Ư thử hữu nhân yên, nhập tắc hiếu, xuất tắc đễ, thủ tiên-vương chi đạo, dĩ đãi hậu chi học-giả, nhi bất đắc thực ư tử. Tử hà tôn tử tương luân dư, nhi khinh vi nhân-nghĩa giả tai. »*

Dịch-nghĩa. — Thầy Mạnh nói rằng: «Ngươi chẳng giao-thông công việc đổi chác sự làm, đem đồ thừa bù cho đồ chẳng đủ, thì người nông có thóc bỏ thừa, người nữ-công có vải bỏ thừa. Ngươi nếu giao-thông đi, thì người thợ mộc người thợ xe đều được ăn lộc ở ngươi. Bây giờ có người, vào thì hết lòng hiếu, ra thì theo đạo đễ, giữ cái đạo đấng tiên-vương, để đợi về sau làm phép cho kẻ học-giả, mà lại chẳng được ăn lộc ở ngươi. Ngươi sao tôn-trọng người thợ mộc thợ xe, mà khinh rẻ người làm điều nhân-nghĩa thế ».

Chú-giải. — Thông-công dịch-sự = Đổi chác công việc mà làm, người nào làm việc có công thì đều được ăn lộc cả.

Đây là kể ra cái công người sĩ rất to, đáng tôn đáng trọng gấp mấy người thợ mộc thợ xe, để giải cho cái lời ngờ rằng người sĩ không làm việc gì mà ăn không.

∴

乎。食有何將之將曰。
食之功以以爲以梓
功矣。於其求道求匠
乎。且子。志食也。食輪
曰子可爲輿。其也。輿。
食食食哉。曰。志君其
志。志而其子亦子志

Dịch-âm. — *Viết* : « *Tử tượng luân dư, kỳ chí tương dĩ cầu thực dã ; quân-tử chi vi đạo dã, kỳ chí diệc tương dĩ cầu thực dư ?* » *Viết* : « *Tử hà dĩ kỳ chí vi tai, kỳ hữu công ư tử, khả tự nhi tự chi hĩ, thả tử tự chí hồ, tự công hồ?* » *Viết* : « *Tự chí.* »

Dịch-nghĩa.— Bành Canh nói rằng : « Người thợ mộc người thợ xe chí họ toan để cầu ăn vậy. Người quân-tử làm việc đạo, cái chí cũng toan để cầu ăn đấy dư? » Thầy Mạnh nói rằng : « Ngươi kể chi đến cái chí làm gì nữa, người quân-tử có công với ngươi, nên nuôi thì nuôi đấy mà thôi. Vả, ngươi nuôi người có chí cầu ăn, hay nuôi người có công? » Bành Canh nói : « Nuôi cái chí. »

∴

功食然乎。則以墁。此。曰。
也。志則曰子求其毀有
也。子否。食食志瓦人
食非曰。之也。將畫於

Dịch-âm. — *Viết* : « *Hữu nhân ư thử, hủy ngõa hoạch man, kỳ chí tương dĩ cầu thực dã, tắc tử tự chi hồ?* » *Viết* : « *Phủ.* » *Viết* : « *Nhiên tắc tử phi tự chí dã, tự công dã.* »

Dịch-nghĩa.— Thầy Mạnh nói : « Có người ở đó, làm vỡ ngói, vạch nát tường, cái chí họ toan để cầu ăn đấy, thì ngươi nuôi họ chăng?» Bành Canh nói : « Không nuôi .» Thầy Mạnh nói : « Thế thì ngươi không phải là nuôi cái chí», là nuôi cái công vậy. »

Chú-giải— *Man* — Nét trang-sức chỗ tường vách.

Đây là giải rõ ra cái nghĩa nuôi người chí trọng về có công, mà công người sĩ lại to hơn công anh thợ mộc thợ xe, để cho Bành Canh hiểu đường khinh - trọng, đừng vội chê người sĩ vô-công mà ăn không vậy.

V

之之。惡政。將國曰。萬
何。則而齊行也。宋章
如伐楚王今小問

Dịch-âm. — *Vạn-Chương vấn viết* : « *Tống tiểu quốc dã, kim tương hành vương-chính, Tề Sở ố nhi phạt chi, tắc như chi hà ?* »

Dịch-nghĩa. — Vạn - Chương hỏi rằng : « Nước Tống là nước nhỏ, nay toan làm chính-sự tam-vương, nước Tề nước Sở ghét mà đánh mình, thì làm chính-sách như thế nào ?»

Chú-giải. — *Vạn-Chương* = Học trò thầy Mạnh. Khi ấy Tống-vương tên là Yển từng diệt nước Đằng đánh nước Tiết, muốn làm bá cả trong thiên-hạ, nước Tề nước Sở đố-kỵ mà muốn đánh nước Tống.

∴

仇畫有爲不之。以不盍
餉。白酒之祀。又供祀。子
此以食耕。曰不犧湯曰。
之黍黍老無以牲使湯
謂肉稻弱以祀。也。人居
也。餉。者饋供湯湯問亳。
殺奪食。桑又使之與
而之。葛盛使遺曰。葛
奪不伯也。人之何爲
之。授率湯問牛爲隣
書者其使之羊。不葛
曰。殺民。亳曰。葛祀。伯
葛之。要衆何伯曰放
伯有其往爲食無而

Dịch-âm. — *Mạnh-tử viết* : « *Thang cư Bạc, dữ Cát vi lân. Cát-bá phóng nhi bất tự. Thang sử nhân vấn chi, viết* : « *Hà vi bất tự ?* » *Viết* : « *Vô dĩ cung hi-sinh dã.* » *Thang sử dụy chi ngưu-*

dương. Cát-bá thực chi, hữu bất dĩ tự. Thang hựu sử nhân vấn chi, viết : « Hà vi bất tự ? » Viết : « Vô dĩ cung tư-thình dã. » Thang sử Bạc chúng vãng-vị chi canh, lão-nhược quĩ tư. Cát-bá suất kỳ dân, yêu kỳ hữu tửu tự thử đạo giả đoạt chi, bất thụ giả sát chi. Hữu đồng-tử dĩ thử nhục hướng, sát nhi đoạt chi. Thư *viết* ; « *Cát-bá cừu hướng.* » *Thử chi vị dã.*

Dịch-nghĩa, — Thầy Mạnh nói rằng : « Vua Thang ở đất Bạc, cùng nước Cát làm láng-diềng. Tước Cát-bá phóng-túng mà chẳng tế-tự tổ-tiên. Vua Thang sai người hỏi Cát-bá rằng : « Làm sao chẳng tế-tự ? » Cát-bá trả lời rằng : « Không lấy gì cung-cấp làm đồ hi-sinh. » Vua Thang sai đem cho Cát-bá trâu dê. Cát-bá ăn thịt trâu dê lại chẳng đem cúng tế gì cả. Vua Thang lại sai người hỏi Cát-bá rằng : « Làm sao chẳng tế-tự ? » Cát-bá trả lời rằng : « Không lấy gì cung-cấp làm đồ tư-thình. » Vua Thang sai dân đất Bạc đi cày giúp, kẻ già yếu đi đưa cơm. Cát-bá đem dân mình đón dân vua Thang kẻ nào có rượu cơm lúa thử lúa đạo thì cướp lấy, kẻ nào không cho thì giết đi. Có kẻ đồng-tử đem cơm và thịt để đưa ăn. Cát-bá giết đi mà cướp lấy. Kinh Thư nói rằng : « Cát-bá thù kẻ đưa cơm. » Chính là sự ấy vậy. »

Chú-giải. — *Hi-sinh tư-thình* = Nghĩa đã thích ở chương trên. *Quĩ-tự* = Đưa cơm. *Bất thụ* = Không trao cho. *Hướng* = Đem lương-hướng, cũng như chữ *Quĩ*. *Thư* = Thiên *Trọng-hủy chi cáo* 仲虺之誥 trong sách *Thượng-thư*.

. . .

婦 爲 富 內 之。童 爲
復 匹 天 皆 四 子 其
讐 夫 下 曰。海 而 殺
也、匹 也、非 之 征 是

Dịch-âm. — « *Vị kỳ sát thị đồng-tử nhi chinh chi, tứ hải chi nội giai viết « Phi phú thiên-hạ dã, vị sất phu sất-phụ phục thù dã.* »

Dịch-nghĩa. — Vua Thang vì Cát-bá giết đứa đồng-tử ấy mà đi đánh Cát-bá. Trong bốn bể đều nói rằng : « Vua Thang chẳng phải là tham thiên-hạ đâu, là vì kẻ sất-phu sất-phụ báo thù đấy. »

Chú-giải — *Phú thiên hạ* = Chữ *phú* nghĩa là lợi, lấy thiên-hạ làm lợi mà tham muốn lấy được.

. . .

后 降。誅 歸 望 狄 征 而 湯
來 民 其 市 之。怨。酉 無 始
其 大 君。者 若 曰 夷 敵 征。
無 悅。弔 弗 大 奚 怨。於 自
罰。書 其 止。旱 爲 南 天 葛
曰。民。芸 之 後 面 下。載。
徯 如 者 望 我。而 東 十
我 辰 不 雨 民 征 面 一
后。雨 變。也、之 北 而 征

Dịch-âm. — *Thang thủy chinh, tự Cát tái, thập nhất chinh nhi vô-địch ư thiên-hạ, đông-diện nhi chinh tây-di oán, nam-diện nhi chinh bắc-địch oán, viết hề vi hậu ngã. Dân chi vọng chi, nhược đại-hạn chi vọng vũ dã ; qui thị giả phất chỉ, vân-giả bất biến ; tru kỳ quân, điếu kỳ dân, như thời-vũ giáng, dân đại duyệt.* Thư *viết* : « *Hề ngã hậu, hậu lai kỳ vô phạt.* »

Dịch-nghĩa. — Vua Thang bắt đầu đi đánh tự phen đánh nước Cát trước. Đánh mười một nước, mà thiên-hạ vô-địch. Đi đánh mặt đông thì tây-di mong, đi đánh mặt nam thì bắc-địch mong, kẻ mong ấy nói rằng ; « Làm sao vua Thang đến đánh nước ta sau. » Dân thiên-hạ mong vua Thang, như lúc đại-hạn mong mưa vậy. Kẻ về chợ cứ việc về chợ, kẻ vơ cỏ ruộng cứ việc vơ cỏ. Vua Thang đến đánh giết những vua tàn-ngược, thăm những dân bị khốn-khổ, như trận mưa phải thời đổ xuống dân thiên-hạ bằng lòng cả. Kinh Thư nói rằng : « Mong đợi vua ta, vua ta lại thì không bị ngược-chính trách phạt nữa.

Chú-giải.—Tái 載 = Cũng như chữ *thủy* 始, nghĩa là mới bắt đầu *Oán* = Oán-vọng, nghĩa là mong, mỏi quá mà dường như oán hận *Bất chỉ* = Chẳng thôi cứ việc đi về. *Bất biến* = Chẳng biến sợ, cứ việc làm. *Hề* = Mong đợi.

Đây là thầy Mạnh kể sự vua Thang làm vương-chính đi chinh-phạt trừ kẻ tàn-bạo mà dân đều mong đợi hoan-nghênh.

.·.

已水以子。玄子我厥有
矣。火迎其黃大周士牧
之其小于邑王女。不
中。小人匪周。見匪爲
取人。簞以其休。厥臣。
其救食迎君惟玄東
殘民壺其子臣黃。征
而於漿君實附紹綏

Dịch-âm. — « *Hữu du bất vị thần, đông chinh tuy quyết sĩ nữ, phỉ quyết huyền hoàng, thiệu ngã Châu-vương, kiến hưu, duy thần-phụ vu đại ấp Châu. Kỳ quân-tử thực huyền-hoàng vu phỉ dĩ nghênh kỳ quân-tử, kỳ tiểu-nhân đan-tự hồ tương dĩ nghênh kỳ tiểu-nhân, cứu dân ư thủy hỏa chi trung, thủ kỳ tàn nhi dĩ hĩ.*

Dịch-nghĩa.— « Có kẻ nào theo vua Trụ làm ác mà chẳng làm tôi nhà Châu, thì Vũ-vương sang phương đông đi đánh, để yên cho kẻ sĩ nữ. Kẻ sĩ nữ đựng lụa huyền-hoàng vào cái phỉ, mà đón rước, nói rằng: Nay nối thờ vua nhà Châu ta mong nhờ ơn tốt, chỉ xin một lòng, thần-phục theo về ấp lớn nhà Châu. Quân-tử nhà Thương thì đựng lụa huyền-hoàng vào cái phỉ để đón người quân-tử nhà Châu, tiểu-nhân nhà Thương thì lấy rổ mang cơm lấy hồ mang nước để đón tiểu-nhân nhà Châu. Vì Châu Vũ-vương cứu dân ở trong nước lửa, bắt giết kẻ tàn-bạo mà thôi vậy.

Chú-giải — Du Quyết = *Du* 攸 cũng như chữ *sở* 所, *Quyết* 厥 như chữ *kỳ* 其 là chữ hư-tự, thường dùng làm đại-tự. *Tuy* = Yên. *Huyền-hoàng* = Lụa nhuộm mầu huyền mầu hoàng. *Phỉ* = Cái đồ đựng lụa làm bằng trúc. *Thiệu* = Nối, nghĩa là nối thờ, trước thờ vua Thương, sau thờ vua Châu. *Quân-tử* = Người có chức vị. *Tiểu-nhân* = Người dân quê.

.·.

有張。殺取之揚。我太
光。于伐于疆。佼武誓
湯用殘。則于惟曰。

Dịch-âm. — *Thái-thệ viết : « Ngã vũ duy dương, xâm vu chi cương ; tắc thủ vu tàn, sát phạt dụng trương, vu Thang hữu quang. »*

Dịch-nghĩa. — Thiên Thái-thệ nói rằng: « Việc vũ ta phấn-dương, lấn bờ cõi kẻ kia, bắt giết kẻ tàn-bạo, uy sát-phạt lừng lẫy, ví vua Thang càng sáng-sủa. »

Chú-giải.—Thái-thệ = Trong sách *Châu-thư*. Nói về việc vua Vũ-vương đánh vua Trụ ví với việc vua Thang đánh vua Kiệt lại có phần sáng-sủa.

Đây là thầy Mạnh dẫn kinh *Thư* mà kể ra sự vua Vũ-vương làm vương-chính đi đánh giết kẻ tàn-bạo mà dân đón rước.

.·.

何齊欲首之王云不
畏楚以而內。敢。爾。行
焉。雖爲望皆四苟王
大。君。之。舉海行政

Dịch-âm. — « *Bất hành vương-chính vân-nhĩ, cẩu hành vương-chính tứ-hải chi nội giai cử thủ nhi vọng chi, dục dĩ vi quân. Tề Sở tuy đại, hà úy yên.* »

Dịch-nghĩa. — «Nước Tống chẳng làm vương-chính đó vậy. Nếu làm vương-chính, thì trong bốn bể, đều cất đầu mà mong nước Tống, muốn thờ vua nước Tống làm vua, nước Tề nước Sở dẫu lớn có sợ gì.»

VI

楚。嶽 齊 楽 使 使 夫 王 孟
亦 之 也。楚 齊 齊 於 之 子
不 間。不 人 人 人 此。善 謂
可 數 可 咻 傳 傳 欲 與。戴
得 年。得 之。之。譖。其 我 不
矣。蹠 矣。蹠 曰 使 子 明 勝
日 引 日 一 楚 之 告 曰。
撻 而 撻 齊 人 齊 子。子
而 責 而 人 傳 語 有 欲
求 之 求 傳 譖。也。楚 子
其 莊 其 之。曰 則 大 之

Dịch-âm. — *Mạnh-tử vị Đái Bất-Thắng viết : « Tử dục tử chi vương chi thiện dư ? Ngã minh cáo tử. Hữu Sở-đại-phu ư thử, dục kỳ tử chi Tề-ngữ dã, tắc sử Tề nhân phó chư, sử Sở-nhân phó chư ? » Viết : « Sử Tề-nhân phó chi », Viết : « Nhất Tề nhân phó chi, chúng Sở nhân hưu chi, tuy nhật thát nhi cầu kỳ Tề dã, bất khả đắc hĩ, dẫn nhi trí chi Trang Nhạc chi gian, sổ niên, tuy nhật thát nhi cầu kỳ Sở, diệc bất khả đắc hĩ.*

Dịch-nghĩa. — Thầy Mạnh bảo Đái Bất-Thắng rằng; «Ngươi muốn vua nhà ngươi hay đấy dư? ta bảo rõ cho ngươi : Nay có quan đại-phu nước Sở ở đây muốn cho con mình học tiếng nước Tề, thì khiến người nước Tề dạy chăng, hay là khiến người nước Sở dạy chăng? » Đái Bất-Thắng nói rằng : «Khiến người nước Tề dạy đấy ». Thầy Mạnh nói rằng : « Một người nước Tề dạy-bảo, mà mọi người nước Sở làm huyên-náo, tuy hàng ngày đánh đập, mà cầu cho con nói tiếng nước Tề, không thể được vậy. Nếu đưa con mà để ở chỗ đất Trang Nhạc lấy vài năm, tuy hàng ngày đánh đập mà cầu lấy con nói tiếng nước Sở, cũng chẳng thể được nữa.

Chú-giải — Đái Bất-Thắng = Quan nước Tống. *Trang Nhạc* = Tên làng, thuộc nước Tề.

Đây là thầy Mạnh trước đặt ra lời thí-dụ sự học tiếng nói phải gần người Tề mà học chuyên lâu ngày, thì mới có công-hiệu, để hiểu ra cái lẽ muốn cho vua hay thì phải gần nhiều người khá.

州。淮 皆 王 王 卑 在 也。子
獨 與 非 所 誰 尊 於 使 謂
如 爲 薛 者。與 皆 王 之 薛
宋 善。居 長 爲 薛 所 居 居
王 一 州 幼 不 居 者。於 州
何。薛 也。卑 善。州 長 王 善
居 王 尊 在 也。幼 所。士

Dịch-âm. — « *Tử vị Tiết Cư-Châu thiện-sĩ dã, sử chi cư ư vương-sở, tại ư vương-sở giả, trưởng ấu ty tôn giai Tiết Cư-Châu dã, vương thùy dữ vi bất thiện, tại vương-sở giả-trưởng ấu ty tôn giai phi Tiết Cư-Châu dã, vương thùy dữ vi thiện ; nhất Tiết Cư-Châu độc như Tống-vương hà ?* »

Dịch-nghĩa.— « Ngươi cho Tiết Cư-Châu là kẻ thiện-sĩ, khiến người ấy ở chốn gần vua, kẻ ở chốn gần vua, người trưởng người ấu người ty người tôn đều là thiện-sĩ như Tiết Cư-Châu, thì vua cùng với ai làm điều bất-thiện. Kẻ ở chốn gần vua, người trưởng người ấu người ty người tôn đều chẳng phải là thiện-sĩ như Tiết Cư-Châu, thì vua cùng với ai làm điều thiện. Một mình Tiết Cư-Châu độc-lực khuông-chính vua Tống sao được ! »

Chú-giải.— Tiết Cư-Châu = Cũng là quan nước Tống, Đái Bất-Thắng tiến-cử lên khiến ở chốn gần vua, để khuông-chính vua.

Đây là nói vua gần kẻ tiểu-nhân thì nhiều, mà người quân-tử chỉ có một, thì không thành được cái công khuông-chính nhà vua, để hiểu cho Đái Bất-Thắng phải nên dẫn nhiều người khá để giúp vua mới được.

VII

臣 者 子 何 見 問 公
不 不 曰。義。諸 曰。孫
見。爲 古 孟 侯 不 丑

Dịch-âm — *Công-Tôn Sửu vấn viết : « Bất kiến chư-hầu hà nghĩa ? » Mạnh-tử viết : « Cổ-giả bất vi thần bất kiến.*

Dịch-nghĩa. — Công-Tôn Sửu hỏi rằng : « Chẳng đi yết-kiến vua chư-hầu là nghĩa gì ? » Thầy Mạnh nói rằng : «Đời xưa kẻ sĩ chửa từng đi làm tôi thì chẳng đi yết-kiến.

Chú-giải.— Bất vi thần — Chửa từng đi làm tôi, nghĩa là chửa làm quan với nước chư-hầu nào.

∴

矣，可 甚，是 而 柳 避 踰 段
以 迫，皆 不 閉 之。垣 干
見 斯 已 內。門 泄 而 木

Dịch-âm.— «*Đoàn Can-Mộc du viên nhi lị chi, Tiết Liễu bế môn nhi bất nạp, thị giai dĩ thậm; bách, tư khả dĩ kiến hĩ.*

Dịch-nghĩa.— « Ông Đoàn Can-Mộc vượt qua tường mà tránh vua Văn-hầu nước Ngụy, ông Tiết Liễu đóng cửa mà chẳng cho vua Mục-công nước Lỗ vào yết-kiến, hai ông ấy đều khi quá. Nếu ông vua cầu-kiến bách-thiết, thì nên ra yết-kiến vậy.

Chú-giải. — Đoàn Can Mộc = Người đời Văn-hầu nước Ngụy. *Tiết Liễu* = Người đời Mục công nước Lỗ.

Đây là dẫn sự hai người nên yết-kiến mà còn chang ra yết-kiến.

∴

貨 往 子 而 貨 家。於 惡 陽
先 拜 亦 饋 瞰 則 士。無 貨
豈 之。瞰 孔 孔 往 不 禮。欲
得 當 其 子 子 拜 得 大 見
不 是 亡 烝 之 其 受 夫 孔
見。時。也，豚。亡 門。於 有 子。
陽 而 孔 也，陽 其 賜 而

Dịch-âm. — « *Dương Hóa dục hiện Khổng-tử, nhi ố vô lễ. Đại-phu hữu tứ ư sĩ, bất đắc thụ ư kỳ gia, tắc vãng bái kỳ môn. Dương Hóa hám Khổng-tử chi vong dã, nhi quĩ Khổng-tử chưng-đồn ; Khổng-tử diệc hám kỳ vong dã, nhi vãng bái chi. Đương thị-thời, Dương Hóa tiên, khởi đắc bất kiến.*

Dịch-nghĩa. — «Ngươi Dương Hóa muốn ông Khổng lại yết-kiến mình, mà sợ người cho mình là vô-lễ. Nhân lễ có nói rằng quan đại-phu có đồ gì đem cho kẻ sĩ, người sĩ đi vắng mà chẳng được bái-nhận ở nhà mình, thì phải đến bái-tạ ở cửa quan đại-phu. Dương Hóa mới dòm ông Khổng lúc không có nhà, mà đem cho ông Khổng con lợn luộc chín. Ông Khổng cũng dòm ngươi Dương Hóa lúc không có nhà, mà đi bái-tạ Dương Hóa. Đương lúc ấy, ngươi Dương Hóa đưa lễ trước, ông Khổng không đi bái-kiến sao được.

Chú-giải — Dương Hóa = Quan đại-phu nước Lỗ. Khi ấy Khổng-tử là kẻ sĩ, mà Dương Hóa là quan đại-phu, cứ lễ thì quan đại-phu có cho kẻ sĩ cái đồ gì mà kẻ sĩ đi vắng không được đối trước mặt sứ-giả mà bái-tạ ngay, thì phải đến bái-tạ tận nhà quan đại phu. *Hiện* = Với đến yết-kiến. *Hám* = Dòm dình. *Vong* = Đi vắng.

Đây là dẫn sự ông Khổng tuy đi yết-kiến mà vẫn nhưng-nhiên không yết-kiến,

∴

可 君 由 由 色 同 畦，諂 曾
知 子 是 之 赧 而 子 笑，子
已 之 觀 所 赧 言，路 病 曰。
矣，所 之。知 然。觀 曰。于 脅
養 則 也，非 其 未 夏 肩

Dịch-âm. — *Tăng-tử viết : « Hiếp kiên siểm tiếu, bệnh vu hạ huề » Tử-Lộ viết : « Vị đồng nhi ngôn, quan kỳ sắc noãn-noãn nhiên, phi Do chi sở tri dã.» Do thị quan chi, tắc quân-tử chi sở dưỡng khả tri dĩ hĩ.*

Dịch-nghĩa. — Thầy Tăng nói rằng : « Xo vai nịnh cười, kẻ ấy nhọc hơn kẻ đi làm ruộng mùa hè, » Thầy Tử-Lộ nói rằng : « Cùng người chửa hợp mà gượng nói, xem cái sắc mặt, đỏ tấy thẹn-thùng, hạng người ấy chẳng phải Do này sá biết vậy, » Do hai lời ấy xem

ra thì người quân-tử bình-nhật hàm-dưỡng thế nào khả biết vậy. »

Chú-giải. — *Tăng-tử Tử Lộ* = Đều *bậc hiền-triết của Khổng. Huề* = Khổ ruộng. *Ba huề* = Là kẻ làm ruộng mùa hè. *Noãn-noãn* = Dáng bộ thẹn mặt đỏ. *Do* = Tên thầy Tử Lộ. *Sở dưỡng* = Hàm-dưỡng cái tâm chí của mình cho chính trực quang-minh từ lúc bình-nhật.

Đây là dẫn hai lời người hiền-triết lúc bình-nhật giữ cái đạo thẳng không chịu cầu-thả a-dua, để cho rõ rằng người quân-tử không khi nào chửa đợi lễ đến đón mà đã vội đi yết-kiến chư-hầu.

Toàn chương này là nói đấng thánh-nhân như Khổng-tử, khi xuất xử tiến-thoái đều hợp với lễ-nghĩa trung-chính. Còn như người hiền thì hẹp-hòi quá, thương về đường bách-thiết mà không được rộng lượng, kẻ tiểu-nhân thì dua-nịnh quá đắm về đường bèn hạ mà dáng xấu hổ.

(*Còn nữa*)

TÙNG-VÂN và ĐÔNG-CHÂU *dịch*

HỒ CÁI GIÀ (1)

(Nhật-ký sợ vợ)

IV

XII. — Nhục giữa đám đông

(Ngày 28 tháng 11)

Từ khi tôi bị cái đau-đớn thích chữ đến nay, hôm mai nức-nở, lúc nào vắng người, lại gào-khóc thảm-thiết, đêm hôm tuy cùng chăn chung gối, nhưng vợ tôi chưa hề có hỏi đến một câu nào, tôi mới biết rằng vợ tôi nó nhẫn-tâm khác hẳn mọi người vậy. Sáng sớm hôm nay, tôi thấy vợ tôi ăn mặc khác mọi khi, biết rằng lại sắp đi chơi, nhưng chưa biết là đi đâu, trang-sức xong, lại bơm nước hoa, bôi sáp bóng, nhìn hương ngắm-nghía, nhoẻn miệng cười thầm, tôi thấy vợ tôi có dáng vui mừng, y-như trận mưa đại-hạn, lòng riêng thú lạ. (*Ấy mới thiệt là thuốc không thể cứu được!*). Nghĩ bụng kẻ sĩ vì người tri-kỷ liều mình, con gái vì kẻ yêu mình làm dáng, nhìn xem con mắt sao sa, nét cười hoa nở, chả phải là yêu mình là gì, giá cho những người có lòng sắt đá, gặp cảnh ấy cũng phải nũng lòng, ta là người nào, mà như bậc thái-thượng vô-tình được du? (*Văn hay* !) Mới bước lại gần, tán-dương nịnh-nọt, hết dạ kính yêu, miệng cười hớn-hở rằng (*thật là đủ cả khóc cười!*) : « Người yêu của ta hôm nay ăn mặc lối mới đẹp lắm thay ! Mơn-mởn như phù-dung sương nhuận, mềm-mại như cành liễu gió đưa, mày không phải vẽ mà nhạt nồng đủ vẻ, tóc không phải uốn mà óng nuột đều nhau, thật chẳng khác gì Nam-uy Tây-tử đời xưa vậy. Vợ tôi » mới đền cho tôi một cái « liếc », một cái liếc này, từ hôm mới cưới cho đến hôm nay mới là hai bận, càng thấy mê hồn mấn phách, tôi lại hỏi rằng: « Người yêu của ta ăn mặc sang thế định đi đâu đấy, có thể cho tôi được biết không? » Vợ tôi nói: « Chào ! anh muốn biết việc của gái này làm gì ? Vả lại, nét mặt tôi đẹp, không phải chỉ hôm nay mới đẹp, dễ phải đợi lời tán ta đẹp mới

(1) Xem N. P. từ số 124.

được đẹp sao? dễ phải nhờ quần áo đẹp mới được đẹp sao? Thôi anh đừng lè-nhè nữa. (*Gãi lại gãi phải chỗ không ngứa.*) Song le, hôm nay tôi rất bằng lòng cho anh cùng đi.» Tôi nghe rõ hai tiếng cùng đi, sướng rũn cả người, nở mày nở mặt, toàn-thể tinh-thần đều cùng phấn-chấn, vội lại gần trang-đài ngọt-ngào hỏi rằng: «Người yêu của tôi ơi, mới rồi bảo cho cùng đi, là đi vào đâu, xin bảo rõ cho tôi biết.» Vợ tôi nói: «Làm gì mà vội lắm thế, tí nữa tự-khắc biết.» Tôi lặng yên không nói nữa, nghĩ đến sự được cùng đi, bất-giác mừng nở cả tim vậy. (*Chớ vội mừng, nhục ở sau đó!*) Vợ tôi ăn cơm sáng xong ngồi yên bảo tôi rằng: « Ngồi đấy tôi bảo... Bạn cùng học ngày trước với tôi là Vương-nữ-sĩ, tên tự là Huệ-phân, học thông cả Trung-Tây, giá quí ngang bằng ngà ngọc, lúc còn ở nhà trường, nốt thi bao giờ cũng hơn trăm điểm, khi tốt-nghiệp tên đậu hạng ưu, tình chơi với tôi trước rất nồng-nàn; khi tốt-nghiệp rồi, lại thường đi lại luôn, nói tóm lại cái ái-tình của hai người ta mặn-mà khăng-khít, không phải như đồ chồng hẳng-hờ như anh theo kịp được đâu! (*Nghe chuyện đáng tức chết!*) Nay chị ta cùng cậu học trò sư-phạm là Lục-quân làm lễ tự-do-kết-hôn, hôm kia đã viết thiếp cho tôi biết và mời tôi làm người giới-thiệu về phần danh-dự, hôm nay định-tình, tôi tất phải đi, cho anh cùng đi để cho con mắt tối mò trông thấy những cái nước mới-mẻ, mới biết phép mới văn-minh, không có cái xấu-hổ gục đầu rập mặt, như là ngựa trâu, ý anh thế nào?» Tôi vâng vâng xin đi, vợ tôi cũng y lời. Gần trưa sắp ra đi, vợ tôi lại soi gương ngắm lại một lát mới đi, chân vợ tôi khỏe lạ, đi bộ như bay, tôi hết sức theo vẫn lo không kịp, đi độ nửa giờ, xa trông thấy trong lầu cao kia thấp-thoáng có bóng cờ năm sắc phất-phới như cờ bài hàng rượu, vợ tôi trỏ bảo tôi rằng: « Chỗ có bóng cờ thấp-thoáng kia tức là nhà Lục-quân đó. » Vương-nữ-sĩ đã vào ở nhà họ Lục từ hôm qua rồi, ta chả cần phải vào nhà cô ta nữa.» Tôi nói rằng phải, đi theo vào trong phố, nghe thấy tiếng quân-nhạc vang cả tai, khi tới ngoài cửa, thấy đến hơn mười người đứng sắp hàng hai bên, ngực đeo thẻ bài là: «người tiếp khách», thấy có khách tới, cúi khom như tôm bể, bước vào trong thấy hoa tết treo cao, lắm cờ sắc lạ, trong nhà bày một cái bàn dài phủ khăn vải trắng, hai bên bày đầy những đàn tranh, dưới đất giải thuần thảm dệt bằng sợi gai trắng, hoành-phi treo cao có chữ rằng: «*Cổ-võ bình-quyền.*» Nhìn xem qua-loa, tức-thì có những người tiếp khách dẫn vào chái đông, tôi nhìn thấy năm hồng bảy tía, bất-giác mắt mờ thần mẩn, ngồi không yên chỗ. Vợ tôi vào trong nhà trong, tôi ngồi đến lúc quá trưa, thấy quân-nhạc lại rầm-rĩ, khách-khứa đầy nhà, gái trai lẫn-lộn không hẹn mà cùng đến tới hai ba mươi người, hai bên mé tường đều dán giấy, đề rõ là chỗ khách đàn bà ngồi, chỗ khách đàn ông ngồi, chỗ người giới-thiệu ngồi, chỗ người làm chứng ngồi, chỗ người chủ-hôn ngồi, đâu ra đấy cả, không có lẫn-lộn chút nào. Một thoáng, có người rung chuông boong-boong như những người xe dầu hỏa đi bán ở phố Thượng-hải, tiếng vang bốn phía, khách-khứa đều đứng cả lên, ai nấy đeo thẻ bài lớn, khí-khái nghênh-ngang, tôi sực thấy vợ tôi vào chỗ người giới-thiệu ngồi, mặt-mày hớn-hở, rồi thấy chú rể ra đứng bên tay phải, đội mũ lễ, mặc áo lễ, nét cười tươi-tắn, liếc gần nhìn xa, ra dáng vui mừng tự-đắc, khách xem ai nấy đều tấm-tắc khen đẹp, trong bọn khách đàn bà phần nhiều là các cô nữ-học-sinh áo quần xúng-xính đều nghé mắt nhìn chú rể, cũng có cô xôn-xao bình-phẩm nữa. Một thoáng, viên phù-dâu nghênh cổ nói một tiếng: «Cô dâu vào chỗ ngồi.»

Khách-khứa trong nhà im lặng, không ai dám huyên-hoa gì nữa. Cô dâu mắt đeo kính đen, mái tóc tết đầy hoa tươi, quần dài chấm đất, áo ngắn ngang lưng, giầy da trắng bóng, đế cao đến năm tấc, tôi nhìn kỹ cách ăn-mặc của cô dâu này thật chẳng khác gì lối vợ tôi vu-qui ngày trước; thoáng thấy viên giúp lễ xướng to rằng: « Cô dâu chú rể đứng đối mặt nhau cúi đầu vái ba vái, rồi vái người chủ-hôn hai vái, vái người giới-thiệu một vái.» Đàn nhạc âm-âm, người làm chứng đọc tờ làm phép cưới, người chủ-hôn ký tên, người làm chứng ký tên, người giới-thiệu ký tên, cô dâu chú rể đều ký tên, xong rồi, ấy là đại-điển hoàn-thành, lâm-li đến mực. Bốn bên vỗ tay như sấm, y như lúc thầy hề ở rạp hát lên đài, xong lại vặn đàn cử-nhạc, chú rể cô dâu, còn phải đứng đợi, không có đưa vào đỗng-phòng ngay. Viên giúp lễ lại xướng: « Người chủ-hôn ban lời dạy. » Tức-thì có người đại-biểu ra diễn-thuyết qua-loa mấy câu. Lại xướng: » Người làm chứng đọc văn.» Liền thấy có một chàng thiếu-niên ăn mặc tây ra đọc văn chúc. Lại xướng: « Chú rể cô dâu trả lời. » Chưa dứt tiếng đã nghe thấy có tiếng nói to rằng không ai được đại-biểu, nhìn ra người nói ấy là một cô nữ-học-sinh đứng chót-vót trên bàn, chúng lại vỗ tay ran cả nhà cửa, cô dâu tranh lên đàn trước, cúi đầu vái một cái rồi diễn-thuyết về cái lợi-hại sự tự-do-kết-hôn, vận cái miệng như thác chảy, lưỡi như sóng cồn, điệu giọng giang - giảng như giót vào tai, trong nhà muôn đầu chen-chúc, vỗ tay như pháo ran; cuối cùng nói về cái hại bó chân, cô dâu hiện thân thuyết-pháp, giơ chân cho khách xem. Lại tháo cả giầy ra để lên bàn nói rằng: « Chân tôi to lớn thế này, đi đường tiện-lợi mà đứng ngồi thư-thái biết bao, coi như kẻ gót sen ba tấc, đôi dép vòng cung, thì thật là thân tù gông trói, uổng phí mất đời người vậy.» Khách-khứa xì-xào, nói cười ầm-ỹ, cô dâu vẫn ung-dung tự-nhiên, nói hơn một giờ mới nghỉ. Chú rể thì rụt-rè không dám lên đàn, ai chế cũng đành nín thít. Một lát, người giúp lễ lại xướng: « Người giới-thiệu và khách-khứa đến mừng ra diễn-thuyết. » *(Đến lượt sư-tử hẳn!)* Liền thấy có một người nhảy lên trên đàn, nhìn ra chính là vợ tôi vậy, lắng nghe vợ tôi khẳng-khái tức-tối nói rằng: « Tôi xin nói về vấn-đề « sự so-sánh lễ cưới cũ và lễ cưới mới, » tiếng vang rậy bốn bên, khách khứa ai nấy đều hết lòng-chú ý, nghểnh đầu lắng tai, mắt nhìn tròng-trọc. Vợ tôi cũng hiện-thân thuyết-pháp đem những lễ cưới cũ ngày trước, nào sụp lạy thế nào, nào rập đầu thế nào, hình-dung hết cách, tôi nghe nói cũng hơi thèn-thẹn, núp vào xó nhà. Vợ tôi lại nói cái dã-man của gia-đình chuyên-chế những thế nào, mê-tín những thế nào, chẳng sót một tí; lại đem cả cái lịch-sử của tôi kể cho người biết hết; lại nói cả những cách - thức-dùng để đối-đãi với tôi, bảo rằng cái chủ-nghĩa nô-phu làm thật có hiệu. Nói rồi trỏ tôi bảo khách-khứa rằng: « Các ngài không xem cái người ẩn núp ở xó nhà như lợn, giống người mà không phải người kia, tức là cái công-phu tôi thực-hành cái chủ-nghĩa nô-phu mới ba tháng nay đã kết-qủa đấy.» *(Văn đột-ngột lạ - lùng thay!)*. Khách-khứa nghe nói quay cả mặt lại nhìn vào tôi tròng-trọc, mà một thân tôi mới thành ra cái « đích» cho muôn nghìn tia mắt chiếu vào, *(Bảng xấu thay!)* Bản - tâm tôi là định đến xem mặt cô dâu chú rể, mà nay cô dâu chú rể lại đưa hai con mắt lòi-lọi lại xem mặt tôi, bấy giờ tôi muốn lẩn mà không được, về phần tinh-thần xấu-hổ lạ-lùng, không sao nói cho thấu được. Nghe thấy vợ tôi lại nói rằng: «Về phần tôi đã thành-công như thế rồi đấy, trong hai vạn vạn nữ-đồng-bào ta có ai lo sợ sau này

bị chồng hà-hiếp thì lúc mới cưới, phải bắt-chước làm ngay, trong hôm trang-sức, phải để sẵn một cái côn, mu tay ông chồng, phải thích cho một chữ *sợ*». Bấy giờ khách-khứa đàn ông ai nấy đều tái mặt, nhìn chú rể mồ-hôi mướt trán, khách đàn bà thì lại vỗ tay chan-chát, cô dâu quên cả sự mình cũng vỗ tay cười sằng-sặc. Tôi thì sủ tay nép ở xó nhà, mặt như chàm đồ. (*Chớ có thò tay trái ra!*). Nghĩ nhẩm ra đời hai mươi năm trời nay, chưa có bao giờ nhục như hôm nay, thế chẳng sao được, đành mặc nó ngông-cuồng. Vợ tôi lại nói: « Bây giờ tân-học sáng rực, quyền gái lên dần, lời nói qui trai khinh gái, rồi đây cũng phá quang dần hết, mà xét ra bây giờ, những hạng tay hùm mắt vọ, coi vợ như là tôi-tớ cũng còn nhan-nhản, xét kỹ ra chỉ vì trong bọn nữ-đồng-bào ta, còn có nhiều người giàu lòng bồ-tát, (*nhẫn-tâm như cô thật hiếm lắm!*), tự làm mất uy-nghiêm của mình mà thôi! Than ôi! bên giường mình nằm, dễ cho ai ngủ, bạn đồng-chí ta phải nên tỉnh mau theo riết, lấy ngay tôi đây mà làm gương phản-chiếu cũng nên. Tôi nói đã nhiều lời rồi, xin cho tạm nghỉ, sau này gặp dịp, lại cùng trò-chuyện với các liệt-qui và bày tỏ cái công-phu thực-hành chủ-nghĩa nô-phu trong ba năm về sau kết-quả ra thế nào, chắc các liệt-qui cũng vui lòng nghe vậy ». Bấy giờ tiếng vỗ tay lại rầm-rầm, trong cuộc cũng có người hầm-hè mắng nhiếc là nói láo nói bậy, nhưng số ấy thì như râu rồng lông phượng, hiếm có lắm thay! Vì rằng những hạng bụng cho là xằng, nhưng không dám nói ra miệng, chỉ trừng mắt lườm vợ tôi, cũng đã là to gan lắm rồi. (*Oai sư đáng sợ thật!*). Tôi vì ai cũng nhìn tròng-trọc vào mình, không sao chịu được, đành phải nhắm mắt như sư cụ ngồi đàn, nghe vợ tôi nói đến đấy rồi cúi đầu bước xuống, bấy giờ chú rể thì đứng trơ như bù-nhìn, cô dâu thì vui mừng như phượng múa. Người giúp lễ lại xướng: « Đưa hoa tặng khách, phù dâu vào đồng-phòng. » Tôi nghe câu ấy, như người tội được tha, thần-trí yên yên một chút, trừng mắt thấy khách-khứa rì-rầm, đâu về đấy cả, tôi mới được tự-do hành-động, lủi vào chái trong. (*Duyệt-giả xem một chữ « lủi » có thể tưởng được cái cảnh khốn-nạn lúc bấy giờ là thế nào!*) Tìm chỗ kín ngồi, không ngờ họ lại theo chân vào xem tôi lũ-lượt, so với số vào trong buồng cô dâu có phần lại hơn không kém. Tôi thẹn quá, ngồi chết điếng chẳng nói gì, một chốc có người vào mời tôi ra tiệc uống rượu lòng tôi bàng-hoàng, nghĩ hai đường cùng khó, nếu không ra tiệc mà trốn về, lúc vợ tôi về nhà khó lòng khỏi cái cầu pháp-luật, mà ra dự tiệc ngay, thì về phần tinh-thần tất phải chịu sự kích-thích lạ-lùng. (*Thật là hai đường khó nghĩ*). Trong khi ngần-ngừ, người tiếp khách đến mời luôn mãi, tôi nghĩ rằng kích-thích về tinh-thần, may còn cố-nhẫn được, nếu không mà phải bị đau-đớn về phần xác, khó nỗi chịu qua; lập-tức theo người tiếp khách ra, đến nhà giữa, thấy cỗ-bàn đã dọn chỉnh-tề, khách-khứa ngồi yên chỗ cả, còn để một chỗ ngồi trên, chủ-nhân hòa-nhã vui cười dẫn tôi vào ngồi và nói rằng: « Ngài là người đại-biểu cho người giới-thiệu, nên ngồi chỗ này »(*Nguyên là nhờ cái phúc của phu-nhân!*) Tôi cố từ hai ba lần không nghe, đành phải đánh bạo ngồi xuống, trong nhà có ba cỗ, đông tới hơn ba chục người, lúc mới cầm đũa còn im lặng một chút, đến lúc chủ-nhân rót và tuần rượu rồi, khách-khứa đã ngà-ngà say, mặt đỏ lừng, trước còn nghị-luận rì-rầm, nghe không rõ tiếng, sau nghe nói tưởng lên rằng: «Số người hoạt-bát như phu-nhân diễn-thuyết mới rồi đây thật thiên-hạ không mấy ai đáng sánh bằng, mà hạng người sợ vợ như qui-khách ngồi nhất trong

tiệc này thật thiên-hạ cũng khó kẻ bằng vai! (*Không thể để lọt vào tai!*) Có kẻ nói rằng: «Quí-thường tái-thế». Có kẻ rằng: « Vạn-thạch phục-sinh ». Có kẻ lại trỏ tôi hỏi mọi người rằng: « Họ dễ là kẻ điếc không nghe thấy tiếng gì chăng? Sao mới rồi bà vợ mắng nhiếc tận-tử, thế mà họ vẫn giương mắt trừng-trừng nhìn người, dễ không biết giận ư? » (*Ta cũng nghĩ là điếc!*) Có người nói: « Không phải, tôi thấy hắn thấy người vui cũng vui, người cười cũng cười, tai sáng kia đó ». (*Không điếc*). Khách lại ngờ hỏi rằng: « Tôi thấy hắn mắt đờ miệng đớ, đứng ngẩn không nói gì, hay là anh câm chăng? » (*Ta cũng nghi là câm*). Có người nói: « Tôi nghe rõ hắn trả lời vâng vâng rất rõ kia mà sao, lại bảo là câm được? » (*Không câm*). Hốt-nhiên thấy một người khách ngồi nhổm dậy đập bàn nói rằng: «Các bác đừng nghi-luận tung-hoành làm gì cho lắm, hắn chả điếc chả câm gì đâu, chắc là hắn vẫn đè nén phu-nhân tệ, phu-nhân thừa-cơ, kể-lể hết nỗi, rồi về là nghiêm-trách phu-nhân bằng gậy đó! » (*Nói cũng hơi có lẽ*). Có người nói: « Anh biết đâu, tôi nghe người ta nói bàn tay trái hắn có thích chữ « *sợ* » kia, thế thì đủ chứng rõ rằng là sợ vợ chớ không phải là vợ sợ rồi! »Khách nói: « Thế thì anh thấy tay hắn bao giờ mà biết rõ thế? » Khách nói: « Bàn tay hắn kia, xem thì biết ngay. » Có người nói: « Thế thì bác ra vạch tay hắn xem nào? » Khách ra dáng e-lệ, cầm chai tự rót rượu uống. Bấy giờ tôi mặt khiếp như chuột, lòng rối như bông, ù cả tai thuần nghe những tiếng nói đến tôi, mà cả mắt thuần những ánh liếc vào tôi. Ôi! tôi tội-lỗi gì mà y như thằng tù đợi xử, như các đồ bày chơi, để cung cho khách-khứa nói cười, bình-phẩm ru! Song le, ai rắc vạ cho tôi, tôi không thể không đồ cả cho vợ tôi được; vợ tôi đứng ở giữa tiệc, tỉa-tót hết những sự ẩn-vi của tôi, kể-lể hết tội-lỗi của tôi, khoe-khoang hết cả những cung-cách đối-đãi với tôi, nhiếc tôi là giống người mà không phải người, để cho khách-khứa đều chú-mục vào tôi mà thêm vui câu chuyện, tôi cấm làm sao được mà trách lỗi làm sao được. Than ôi! Tôi ngồi trên nhất ăn cỗ to, còn nuốt trôi được nữa không! Chốc lát, cuộc rượu sắp tàn, lòng tôi mừng quá, hốt-nhiên thấy hai người khách lại ân-cần với tôi, một người bắt tay tôi xin lỗi, tôi vội-vàng nhún-nhường cảm-tạ và chìa tay phải ra bắt tay, khách ra ý vui-vẻ, nắm chặt không buông, một người bỗng thò tay vào túi móc thuốc lá ra đột-nhiên đưa cho tôi, chỉ cách nhau có một cái bàn, (*kế của khách khéo thật!*) đang lúc tôi vô-ý chìa ngay tay trái ra tiếp lấy, chữ thích lộ ra, bị khách trông thấy, vội-vàng rụt tay lại mà không kịp nữa, nhìn mặt khách ra sắc sợ hãi, ra cách độ mươi bước, nghe mang-máng tiếng khách nói rằng: «Chà! Anh nói đúng thật, tôi hẳng chịu anh một tiệc rượu đó, mai tôi sẽ trả anh một cuộc túy-lý ở lầu Xuân-hoa! » (*Xem sự thương-tâm của người ta mà đánh cuộc mua vui, khách cũng đa-sự lắm thay!*) Một người thì vui cười nhảy-nhót cùng khoác tay nhau mà đi, tôi bất-giác mê-mẩn cả người đi, tiệc vừa xong, trời gần gác núi, sực thấy vợ tôi đon-đả ở trong bước ra dắt tôi từ-tạ ra về, tới nhà đã mờ-mờ tối, lặng ngồi nghĩ bụng hôm nay bị cái nhục lạ-lùng thế này, cũng là tự ta rước lấy, lại còn oán ai! Mới rõ sự đời có vui tất có khổ, có vinh tất có nhục, khổ tức là cái nhân được vui, nhục tức là cái nhân được vinh, chẳng sai một mảy; đang lúc ngẫm-nghĩ, sực thấy vợ tôi hỏi rằng: « Bữa tiệc to hôm nay thích không? Phi gái này dắt đi thì anh chỉ chầy dãi nuốt không mà thôi! » Tôi nói: «Phải, người yêu, của ta yêu ta, cám ơn lắm lắm...»

XIII. — Nỗi ngày trừ-tịch

(Ngày 30 tháng chạp)

Tiếng pháo nổ ran, giá tan tuyết lở, một năm thấm-thoắt, lại hết mùa đông, hôm nay là hôm nào, mà trăm họ rước thờ thần Táo, ấy là ngày đại-trừ-tịch vậy. Chỉ một nhà tôi lạnh ngắt như tờ, nhân như sư cụ là sao? Vì rằng hết thảy những tục-lệ rước thờ thần Táo, đều đã bị vợ tôi cách-mệnh gia-đình rồi, những vị Táo-thần Trạch-thần đã hầu như quan đại-phu ở nước mất, trốn núp vào đỉnh núi Thủ-dương rồi! Mẹ tôi cũng không dám trái mệnh, chỉ chắp tay không niệm Phật mà cũng chỉ rì-rầm như tiếng dế, sợ rằng vợ tôi nghe thấy. Bóng đuốc khoe hồng, chén quỳnh năm sớm, vốn là sự vui thú đời người ta, huống-chi lại là vợ chồng mới, vui lại gấp mấy mươi! Nghĩ lại hôm nay năm ngoái, trong nhà chỉ chụi có hai mẹ con nói chuyện với nhau mà hôm nay thì trong tiệc lại thêm một mĩ-nhân như hoa như ngọc, còn gì vui thú hơn! Tôi nhìn mẹ tôi có dáng bứt-rứt không yên, mà không biết trong lòng toan tính sự gì, chúc mời uống rượu, cũng không thấy nguôi. Một lát tôi nghe thấy tiếng gõ cửa rất mạnh, mẹ tôi vội ra mở cửa, tôi thấy một người khách vào cầm cả sổ sách bàn tính lầm-nhầm với mẹ tôi mãi không thôi; hỏi ra mới biết là khách đòi nợ, mẹ tôi ân-cần tiếp-đãi, ước đến sang năm trả hết, khách cứ lắc đầu, ngồi giữa nhà không đi, một lúc lại thấy lần lượt kéo đến, đến hơn mười người, đòi hỏi rối-rít, vang cả làng diềng, mẹ tôi một miệng không sao đối lại được nhiều lời, vợ tôi thấy thế, bỏ ăn lẻn vào trong buồng, đóng cửa không ra nữa. (*Oai sư đề đâu!*) khách càng lên câu đay đi đay lại rằng: «Món ấy là nhà giá vay để cưới con dâu về, nay mẹ con nhà học trò nghèo mà nàng dâu thì giàu rồi, người đầu giường vàng ngọc đầy đầu, cầm một cái cũng đủ trả nợ người ta rồi, lại còn chối cãi làm gì nữa?» Mẹ tôi tắc lưỡi không sao trả lời được, bọn khách nợ càng rầy-rà riết, kẻ thì bảo mười một đồng nợ bắt lấy cái chạn, kẻ thì bảo nợ ba mươi đồng, sí lấy cái bàn, kẻ thì bảo nợ hơn mười đồng, bắt lấy cái hòm, giơ chân đập tay, toan làm thực ngay. Tôi thấy sự thế, sợ run cả người, liếc nhìn mẹ tôi thấy nhà sắp tan nát, gào khóc mất tiếng. Bỗng đâu có một người ở bên làng diềng đến giải-hòa, bảo lũ khách nợ rằng: « Các ông phá nhà cũng phải, nhưng xem tình bà cụ đáng thương kia thì cũng nên khoan cho hạn nữa, tôi xin làm chứng cho. » Bọn khách mới hơi bằng lòng. Mẹ tôi hẹn đến cuối tháng giêng sang năm, xin trả sòng-phẳng. Khách nói: « Nếu sai hẹn nữa thì ta mời người làm chứng sang quyết phá nhà giả chứ không nể nữa đâu! » (*Mới cởi được đoạn thứ nhất, người làng diềng thật là vị cứu-mệnh Bồ-tát.*) Nói rồi ầm-ầm cùng ra về, mẹ tôi mới yên lòng mà tôi cũng yên hồn định chí, mẹ tôi nói: « Tối hôm nay giá không có nhà làng diềng, thì nhà ta lập-tức tan-tành rồi, tính qua số nợ, dễ đến hơn ba trăm (*phí-tổn cuộc chơi mật-nguyệt!*); thấm-thoắt lại đến hẹn đây, mày có dám mưu tính với vợ mày không? » Tôi nhập-nhù thưa rằng: « Để con thử ướm xem may ra cũng được. » (*tất không xong, lại không dám nói!*) Bấy giờ đã canh khuya trăng xế, tôi từ mẹ tôi vào buồng, thấy vợ tôi đã ngáy khè-khè rồi! (*Sư ngủ thật vô lo vô lự!*) Cởi áo lên giường, vợ tôi sực tỉnh dậy trách tôi rằng: « Từ khi tôi ra đời đến nay chưa thấy có nhà nào nghèo-ngặt đến thế bao giờ, một bữa trừ-tịch, cũng không được yên, lại còn kêu gào khóc lóc, mất cả ngủ-nghê, nghèo như thế, thà cứ chịu một thân làm chú tiểu lân-la kiếm ăn có được không, còn có gì mà đi lấy tôi, anh lấy tôi thật là đầy-

đọa tôi, tôi ở yên nhà anh làm sao được. Nay tôi sở-dĩ còn ẩn-nhẫn, cũng vì có một cớ, anh có biết được đâu, lấy anh bốn tháng trời, một khối thịt đã làm chiếu trong bụng, nay đã cựa-cậy động rồi, (*kính mừng phu-nhân!*) tôi không tự-do được là vì đó (*nguyên-lai như thế*); anh đừng làm lỡ-làng tôi, có chịu chia rẽ nhau không?» Nói rồi trùm đầu ngủ, tôi nghe nói mà nửa thương nửa mừng, tự nghĩ vợ mình chê mình nghèo, không muốn cùng đẩy xe hươu với mình mà muốn cắt rẽ nhau như vợ Mãi-Thần, nghĩ như nhà mình cơ-nghiệp mỏng-manh, lấy gì mà lại lấy vợ khác, thế thì khỏi sao được cái cảnh ở trụi suốt đời, đáng thương xiết bao! Lại nghĩ lại vợ đã có mang, sau này oe-oe ra mà là trai thì Thạch-lân có giống, tôi dẫu làm anh chồng goá mà chết, cũng có thể yên-uỉ các vong-linh tổ-tiên ở nơi chín suối, không đến nỗi làm ma đói rồi. Nghĩ ngấm thâu đêm, ruột vò chín khúc, vừa mới chợp mắt, tiếng pháo nhà láng diềng đã nổ ran lên, sớm dậy bừng mắt ra thấy nhà nào nhà ấy, cành đào đỏ khé, khí-tượng mới-me, chỉ cái nhà gianh vách nát của tôi là y-nhiên như cũ thôi!....

Lời PHÊ-BÌNH. — *Phu-nhân vì có mang không tự-do được, không thì phượng đã đổi tổ rồi, thật là câu nói tâm-phúc, chàng Khâu nửa thương nửa mừng cũng là lẽ tất-nhiên.*

XIV. — Bỗng dưng bị chê

(Ngày 20 tháng giêng)

Gió thốc lều gianh, buốt như cắt thịt, chẳng khác gì phường thế-lợi ăn hiếp kẻ bần-hàn, coi như bác nhà giàu kia mặc áo cừu, sưởi lò lửa, ngồi giữa phòng lớn, tuy cửa kính bốn bề sáng quắc mà gió buốt kia vẫn loanh-quanh không dám hút vào, đành nhường bóng thiều-quang ấm-áp vào làm khách tri-âm! Ôi! Mẹ tôi nay lại thêm một tuổi là bảy-mươi-mốt rồi, khoác tấm áo bông cũ rách bươm, mặc mảnh quần vải gai bạc phếch, ngồi trong nhà nát, hút gió lạnh mà nấc mãi không thôi, nhìn nét mặt hình như có dáng lo-lắng lạ. Tôi vội lại gần yên-ủi, mẹ tôi cầm tay tôi nói rằng: «Con ơi! nay gần đến cuối tháng giêng rồi, khách đòi nợ sắp chen chân nối gót mà đến, con dùng kế gì mà nói với họ cho xuôi hử con?» Tôi lặng yên không trả lời được nữa. Mẹ tôi nói: «Con thử sang nhà Trương-ông bên mé tây nhà ta mà ngọt lời cầu-cứu xem, may ra cũng được». Tôi tức-thì từ mẹ tôi ra đi, đến cửa nhà ông, loanh-quanh mãi không dám bước vào, nghĩ lại đến chuyện vợ tôi phá hại nhà ông khi trước, hiềm ấy chưa hòa, còn mong-mỏi gì, cũng đánh bạo vào, thấy ông có dáng hòa-nhã mời tôi ngồi rồi pha nước uống, cười nói tự-nhiên. Một lát hỏi tôi rằng. «Tiên-sinh dễ quên những sự ngày trước ư, hôm nay lại đây đền trả những đồ tổn-hại phải không? Có phải thế để tôi gọi người nhà tính toán lại». Tôi vội-vàng đứng dậy tạ lỗi và rằng: «Xin khoan cho đến hôm khác». Ông ra ý không bằng lòng, gượng trả lời rằng: «Phải.» Bấy giờ sự đi vay của tôi đã gác ra mái ngoài rồi, không dám nói đến nữa, hàn-huyên một vài câu rồi chút lộ cái cảnh khốn khó qua ngày, sinh-nhai eo-hẹp. Ông cười nhạt nói rằng: «Như ông thật là phúc đẹp trời sinh, ai bì cho kịp, nếu sinh-nhai eo-hẹp, chỉ chịu khuất-tất với bà ấy một chút thì các xuyến vàng đỏ chói kia vào đến tay ngay, tiêu gì cho hết (*chế-nhạo khéo thay!*) việc gì mà đến nỗi khốn-khó qua ngày ru?» Tôi nghe lời ông nói, thẹn đỏ lừng mặt, lặng bặt không còn trả lời được một câu gì nữa, rốn ngồi một chút rồi từ-tạ ra về, không biết nói

với mẹ tôi thế nào, chỉ nhìn mà lắc đầu tỏ ý không xong mà thôi! (*Câm ăn phải đắng biết tỏ ai hay!*) Mẹ tôi nói: « Thế thì làm thế nào, hẳng để già này sang nhà dì một chút xem sao, nếu lại như thế, thì chỉ có chết mà thôi. » Tôi hết sức yên-ủi mẹ tôi, mẹ tôi ra đi, nửa ngày mới về, tôi nhìn thấy mặt có dáng mừng, biết sự đã xong, lòng riêng mừng thầm. mẹ tôi ngồi yên rồi bảo rằng: « Dì mày cũng không có gì, chỉ em Tần mày tích vốn riêng được trăm bạc, dì mày cũng không biết đến, nay đưa cho ta vay tất cả, của này là của nó để sau này làm tiền sắm cưới đấy, khi nào nó lấy chồng mày nên lo trả phân-minh mới được. » Tôi nghĩ Thu-Tần hiền-hậu làm sao, bỏ vốn riêng ra, giúp tôi cơn tùng-cực, mẹ còn giấu không cho biết, mà cam-tâm làm ơn cho tôi, so với vợ tôi thì thế nào? (*Khác gì mây với bùn!*) Nghĩ mà bất-giác nửa cảm nửa thẹn, chín cả người đi. Mẹ tôi lại bảo nay hẳng đem trăm bạc này chia ra trả mỗi chủ nợ một ít, còn đâu khất hoãn cũng được rồi. Than ôi! Không có Thu-Tần thì nhà tôi cũng nguy thay! Tôi thấy mẹ tôi có ý mừng, tấm lòng vui quá, từ-biệt mẹ tôi thong-thả đi vào buồng trong, bỗng nghe thấy có tiếng kêu đau, vạch màn ra nhìn, thấy vợ tôi ôm bụng mà kêu, thấy tôi nghiến răng nói rằng: « Mày lu-bù ở ngoài, không đoán đến nỗi ta kêu khóc ở nhà, lương-tâm để đâu? (*Oan uổng giết người!*) Ta trửa đã ba tháng rồi, bụng đau như cắt, mà mày bỏ mặc không nhìn đến nữa ư? » Tôi sợ cuống cả người, vội đấm bóp cho một lúc rồi nói với mẹ tôi đi mời thầy thuốc về xem mạch, xem xong bảo mẹ tôi rằng: « Kính mừng cụ, chả mấy ngày nữa đã có cái mừng bế cháu rồi đây. » Mẹ tôi mừng nở mặt nở mày, thân sắc thuốc an-thai, bưng vào yên-ủi mãi mới đi ra, tôi chực hầu bên giường trông nom vợ tôi, chỉ sợ không được hết sức thôi. Vợ tôi nôn mửa dầy cả giường chiếu, hôi thối rức mũi, tôi-đôi thấy là chạy trốn, tôi phải thân-hành mang ra ngòi giặt rửa, (*Có gặp ông già không? Trên trán có vết tím không?*) Suốt đêm không được ngủ, nằm ghé bên chăn tạm nghỉ, vừa mới thiu-thiu, thấy vợ tôi cựa cậy, liền dậy hỏi có yên không, bệnh vừa mười ngày mới khỏi mà mình tôi đã mỏi-mệt lắm rồi....

Lời phê-bình. — *Chẳng bị chê cười cũng là tự mình rước lấy, lời Trương-ông nói, ác độc lạ dường, mới biết cái thế-lợi bác nhà giàu khắc-bạc, nên cơ-nghiệp có khác người như thế!*

Thu-Tần hiền lắm thay! vốn riêng của mình, mẹ để còn không biết mà đem giúp mẹ chàng trong lúc lỡ-làng, thật là người kỳ-hiệp trong làng khăn yếm vậy, chàng lòng cảm-kích đến chảy nước mắt cũng là lẽ tự-nhiên. Chàng nôn ra máu, phu-nhân đuổi ra ngoài buồng, phu-nhân ốm đau, chàng hầu-hạ chỉ lo không hết sức, hai đàng so-sánh, khác gì trời với đất, chả biết trong lòng phu-nhân có động hay không?

XV. — Kịch thảm giết con

(Ngày mồng 4 tháng 4)

Xuân-quang hòa ấm, cảnh-vật chiều người, thế mà tôi đối cảnh-vật xuân-quang ấy lại càng thêm tơ sầu muôn mối, cũng không biết là tại làm sao! Chỉ thấy mẹ tôi thấy vợ tôi có mang, trong lòng mừng rỡ, gần đây thường mở miệng cười luôn, không có rầu-rĩ như trước, thì lòng tôi cũng khoan-khoan một chút. Vợ tôi ốm mười hôm trời, chi-phí thuốc men đến ngót trăm bạc, sống áo mẹ tôi, cầm cố hết ráo mà vẫn không oán-hận gì, thường nói rằng: « Sau này cháu hiền làm nên, già này chả lo gì đói rét nữa. » Than ôi! Mẹ tôi tuổi đã ngoài bảy-mươi, lại còn hi-

vọng hưởng cái hạnh-phúc của châu hiền, kể cũng thực-thà lắm thay! Mới tang-tảng sáng, trong bụng vợ tôi chộn-chạo, đau dữ kêu gào rầm-rĩ, mẹ tôi cuống-cuồng mượn cả các người đàn bà làm thuê hàng xóm láng-diềng đến chỉ bảo, đứa thì nấu nước, đứa thì thổi cơm, đứa ngồi sắc thuốc, đứa mời bà đỡ, đứa ôm lưng, đứa lau bần, túi-bụi suốt buổi sáng, vợ tôi đau nửa ngày, bỗng lại yên.(*Vội hão*). Mẹ tôi có ý yên tâm, cho các con ở về. Buổi tối, đồng-hồ đã đến canh ba, hốt-nhiên vợ tôi lại đau ngồi nhỏm dậy kêu. Mẹ tôi lại sợ hãi quá, vội-vàng ra cửa gọi các người đàn-bà làm thuê đến bảo làm như trước, các người làm thuê thì chịu khó không ngại đêm hôm lạnh-lùng, mà tôi thì đứng chăm-chẩm chực đợi, mãi đến lúc trăng tà gà gáy, vợ tôi lại yên không đau nữa,(*Lại vội hão*),rồi ra lúc đau lúc thôi như thế luôn, mà mẹ tôi chạy đã mệt lử người, các người làm thuê cũng nhược cả. Sáng hôm nay, mẹ tôi lẳng-lặng xuống bếp thắp hương qui khấn, lạy tạ lỗi trước, rồi lại ra trước tượng Bạch-y Quan-âm ở am Tĩnh-độ nguyện xin qui-y hương-hỏa. Vợ tôi suốt ngày chả động-tĩnh gì, mà mẹ tôi thì chạy ngược chạy xuôi, mỏi mệt hết sức.(*Đáng thương!*) Tôi khuyên mẹ tôi hãng vào yên nghỉ, bể có sự gì khác sẽ lại trình mẹ, mẹ tôi mới vào buồng nghỉ, tôi không được ngủ đã vừa mười hôm trời, dòm thấy vợ tôi đang ngủ say tiếng ngáy khè-khè, lòng tôi yên-ổn lắm, mới vào giường bên đề cả áo nằm. Bấy giờ đã tới nửa đêm, mỏi-mệt quá, vừa đặt mình đã thiu-thiu giấc ngủ, đang lúc mơ-màng, bỗng nghe có tiếng oe-oe, giật mình chồm dậy thấy vợ tôi đã bước xuống giường, đang mở nắp thùng đái, ngồi ở dưới nắp thở hồng-hộc.(*Đứa con đã bị tuyên-cáo tử-hình rồi!*) Tôi vội-vàng bước xuống, tưởng là đi đái mới xong, định đỡ lên giường, vợ tôi nhất-định không nghe, ngồi lỳ trên nắp thùng đái, lâu tới năm phút đồng-hồ,bỗng dưng ngất đi ngã nhào xuống đất, tôi sợ quá kêu la ầm-ỹ. (*Kêu la cũng vô-ích rồi!*) Con hầu đạp cửa chạy vào, mẹ tôi nghe tiếng cũng đến, tôi vội nâng lên để nằm trên giường, sực thấy nửa phần người dưới vợ tôi bẩn-thỉu mê-mết, nhìn nhau cùng thất-sắc, con hầu cầm đèn soi khắp bốn bên, thấy dưới đất cũng có huyết bẩn lênh-láng, mở thùng xem, bỗng thấy buông nắp đậy xuống, tái mặt chạy ra,mẹ tôi hỏi làm sao thế, con hầu cứng mồm không nói được nữa, tôi vào coi trong thùng xem, thấy cái oe-oe ấy đã chết từ bao giờ rồi, sợ mướt mồ-hôi, dẫm chân kêu gào, mẹ tôi vào nhìn thấy một cái, ngất quay xuống đất, con hầu ôm lên ghế trường-kỷ nằm. Tôi nghĩ cái oe-oe này đã chết rồi, thương cũng là vô-ích, hãng ra xem vợ tôi đã, thấy vợ tôi đã dần tỉnh dậy, trừng mắt hỏi rằng: «Ta còn sống ở trên đời nữa không?» (*Hỏi lạ-lùng thay!*) Tôi nói: «Sao mình lại nói thế, tôi đây mà, mình có biết không?» Vợ tôi nhìn tôi, bỗng nhoẻn miệng cười, nói rằng: «Thế thì ta chưa chết rồi phải không?» Tôi nói: «Mình không việc gì,cái oe-oe kia thực chết mất rồi, làm thế nào đây?» Vợ tôi nói: «Giống quái ấy ai cần cho nó sống! (*Lương-tâm đề đâu!*) Chính là ta cho nó chết đấy, mày tiếc làm gì!» (*Thương thay! nhẫn-tâm như thế, dễ không phải là loài người!*). Tôi bất-giác giật lùi mấy bước, ngờ rằng vợ tôi phát điên giết chết mất con, mà nhìn vợ tôi thì vẫn tự-nhiên, mẹ tôi vừa tỉnh, nghe vợ tôi nói lại ngất đi, con hầu sợ hãi cuống-cuồng, hâm nước gừng nóng đổ vào mới dần dần tỉnh lại, nhỏm ngay dậy, vén tay móc đứa bé trong thùng ra, lau mắt nhìn, nức-nở nói rằng: «Con trai mà . . . . . lạnh cứng rồi! . . » Vừa nói

vừa nước mắt chan-chứa.—(*Không nỡ đọc nốt, thương thay!*) Bấy giờ tôi cũng ứa nước mắt ra, không nỡ trông thấy nữa, cố khuyên mẹ tôi rằng : «Cháu đã chết mất rồi, mẹ còn thương làm gì nữa, cốt giữ lấy mình đã, đi ngủ đi thôi, lòng con nát cả rồi!» Mẹ tôi mãi mãi mới buông xuống, khóc rũ người ra. Tôi khuyên mẹ tôi đi ngủ, mẹ tôi cũng không nghe, chưa mấy chốc trời đã rạng đông, mẹ tôi lại toan vỗ-về đứa bé, tôi không nỡ trông thấy mẹ tôi lưu-luyến, mới bảo con hầu mang ra sau vườn chôn kỹ. Còi tàu toe-toe, mẹ tôi còn tưởng là cháu lại sống lại, oe-oe khóc ở trong vườn, than ôi, tham thay!...

Lời PHÊ-BÌNH. — *Mẹ chàng suốt ngày vất-vả, chạy ngược chạy xuôi, chỉ hi-vọng sự bế cháu thôi, ngờ đâu lại thành một giấc mộng hão, lẽ nào chẳng ruột như dao cắt, cất tiếng khóc là ngất ngay!*

XVI Tin đâu mất vía

(Ngày 3 tháng 5.)

Than ôi! Cái cảnh-ngộ của tôi bây giờ là thật ru! ảo ru! Chỉ yêu có vợ mà vợ lại giở mặt, chỉ mong có con, mà con lại thảm-thương! Nghĩ lại cái tiếng oe-oe nghe thấy trong lúc mơ-màng tôi hôm sinh con đến bây giờ, vẫn hình như còn ở bên tai, hồ nhắm mắt là nghe thấy ngay, mà mở mắt thì lại chẳng thấy gì, dễ là tại ảo ở lòng ra sao? May mà vợ tôi ở cữ vài ba hôm lại khỏe ngay. (*Chết còn chả tiếc còn may cái gì!*) ngồi dậy bảo tôi rằng : «Có thế rồi bây giờ mới khôi-phục được cái thân tự-do, không thì phải cái của oe-oe ấy nó làm lụy suốt đời, không được ngày nào yên nữa!» (*Nguyên lại nghĩ như thế, thật không đáng kể là loài người nữa, giá mọi người trong cõi đời ai cũng như thế, thì còn gì là nòi giống nữa!*) Tôi nghe nói trăm đường giao-cảm, không trả lời được nữa, nghĩ bụng nó đã tưởng như thế thì lấy mình làm trò gì mà mình lấy nó còn có ích gì nữa! Từ đấy cái ái-tình tôi đối với nó cũng nhàn-nhạt dần, nó tấm-tức về ngay nhà mẹ, tôi vào buồng mẹ tôi, thấy hai con mắt mẹ tôi sưng húp, sắc mặt xám xì, tinh-thần ủ-rũ, *đáng thương!*) hỏi con hầu nói rằng : « Đã ba hôm nay không ăn miếng gì cả?» Tôi ghé ngồi bên giường cố khuyên mẹ tôi rằng : « Mẹ đừng nghĩ quá làm chi, nếu số con có con, tự-khắc rồi có, nếu mà không có thì dẫu nuôi được đến lúc lớn-lao, cũng non yểu mất, mẹ thương xót mãi làm gì cho nhọc lòng.» Mẹ tôi nức-nở nói rằng : « Con ơi! Mẹ làm lầm con, con không có giống, mẹ lấy gì mà đối với cha con ở dưới suối vàng! (*Lời nói thương-tâm thay!*) Mẹ tự nghĩ cha con vốn là người ăn ở hiền-lành công-chính sao lại đến nỗi không có kẻ cúng giỗ chóng như thế ư!» Nói rồi khóc không ra hơi, tôi yên-ủi mẹ tôi một lúc, rồi ra nấu một bát cháo loãng bưng vào đưa mẹ tôi, mẹ tôi húp một tí rồi bỏ xuống nói rằng : «Không sao nuốt được, ăn làm sao!» Tôi lại cố khuyên mãi mẹ tôi mới hơi nguôi nguôi, quá trưa, hốt-nhiên thấy dì tôi dắt Thu-Tần lại thăm mẹ tôi, mẹ tôi thấy dì tôi lại thương khóc một lúc, dì tôi cũng nước mắt thánh-thót, Thu-Tần nghe chuyện nói rằng : « Chị ấy nhẫn-tâm làm sự độc-ác như thế, còn lương-tâm gì; người ta ai cũng có mệnh cả, quá thương làm gì.» Tôi gật đầu rồi nước mắt cũng ứa ra, dì tôi bàn-hoàn với mẹ tôi mãi đến chiều mới từ ra về. Trời mờ-mờ tối, thấy vợ tôi về, áo quần xúng-xính, trang-sức lại choáng như là tiên, con hầu làm cơm đem lên, ăn không vừa ý, đập mâm đập bát vang cả nhà cửa, lại đập bàn gào thét, oai-cái gớm ghê, lại chỗ mồm vào buồng mẹ tôi mắng rằng : « Rau cần cơm hẩm, ta chẳng quen ăn bao giờ, mẹ (con mày

gạo trắng thịt béo, ăn no ăn chán không hết mà lại đem rau muối cho ta ăn à? Ta thật không sao nhẫn được nữa, Mày đã không có tài sức cung-cấp ta, thì từ nay lìa rẽ nhau! » (*Phu-nhân đã định từ trước rồi!*) Mẹ tôi nghe nói thất-sắc, nắm tay tôi nói: « Cơ nhà ta bây giờ như thế này, không sao mà chỉnh-đốn lại được nữa rồi, ta tự nghĩ thật không có của đâu mà cung-cấp cho vợ mày nữa, nhưng nếu nó bỏ nó đi, già này lại không lấy gì mà lấy vợ cho mày lần nữa, về đường tử-tức tính thế nào, mày nên liệu lấy, già này không thể mưu cho mày được nữa rồi . . . » Tôi cố khuyên mẹ tôi lâu tới ngót giờ đồng-hồ mà lắng nghe vợ tôi vẫn gầm thét chưa thôi. Tôi lại tự buồng mẹ tôi ra, bước tới trước mặt vợ tôi, uốn gối qui xuống, (*lại qui lạy dưới bóng quần-hồng!*) nói rằng: «Khoan-khoan, người yêu của ta ơi, tôi biết lỗi rồi, mẹ tôi vì nỗi già ốm, không thì cũng lại khúm-núm tạ lỗi trước mặt người yêu của tôi ngay, từ nay trở đi xin theo những điều yêu-cầu của người yêu của tôi không dám xao-lãng một chút, để cho người yêu của tôi phải gắt. Người yêu của tôi ơi, mình mới sinh-nở, khí-huyết hư-suy, mà gắt đã nửa ngày rồi, xin nguôi đi thôi! » Vợ tôi thấy tình-trạng tôi, nghe lời nói tôi mới dìu-dịu dần, trở vào trong buồng, tôi cũng theo vào, vợ tôi ngồi trên ghế tréo thở hồn-ha hồn-hển không nói một câu gì nữa. Đồng-hồ vừa đúng canh ba, sực thấy con hầu hốt-hoảng chạy vào, tay thì trỏ về buồng mẹ tôi, mồm thì kêu-la ầm-ỹ, tôi vội chạy ra, thấy cửa buồng mẹ tôi đóng chặt, vội phá cửa vào, thấy mẹ tôi đã đút cổ vào ba thước lụa trắng lủng-lẳng ở trên sà nhà rồi, vội-vàng cởi dây ôm xuống, thấy hơi thở còn thoi-thóp, chân tay còn mềm, bụng còn hơi âm-ấm, tôi sợ quá, vội bảo con hầu lấy nước gừng đến, cậy hàm đổ vào, một chốc mới dần dần tỉnh lại, tôi toát mồ-hôi suốt cả người, hỏi mẹ tôi sao lại tính cái nước hạ như thế, mẹ tôi nói: « Sống không ngày nào được yên, thà chết còn hơn, con cứu mẹ làm gì?» Tôi vừa khóc vừa khuyên rằng: « Mẹ muốn như thế, con xin chết trước, nếu mẹ nghĩ lại, con cam lòng đi ăn xin nuôi mẹ, chết cũng không dám oán. » Mẹ tôi mới nguôi nguôi lòng, tôi ở lại hầu-hạ mẹ tôi suốt đêm, lòng vẫn áy-náy mà tuyệt không thấy bóng vợ tôi lại một lần nào, đang lúc muôn phần nguy-cấp, bỗng nghe thấy vợ tôi the-thé nhiếc rằng: « Đồ lẩn-cẩn giả cách thất cổ, ta có sợ gì, ta vẫn biết bọn đàn bà ngu dốt ở xã-hội nước Tầu này vẫn dùng bốn phép chân-truyền duy-nhất là: *khóc, nhịn đói, không ngủ, thắt cổ*, để làm cái phép hay dủ giận-ngự được chồng và dọa được người, ta có sợ gì! » Nói đi nói lại một mình mãi mãi mới thôi. Than ôi! Như vợ tôi thế phỏng còn có lương-tâm nữa không? Tàn-ác như thế, thật không có khác chi loài chim muông, (*thỏ chết cáo thương, giống muông còn hơn phu-nhân!*) Con hầu lại kể lại cho biết rằng mới rồi nó ở buồng bên nghe thấy trong buồng cụ bà có tiếng ghế đổ rất mạnh, rùng mình ghi sợ, ghé mắt dòm khe cửa vào thấy như thế, sợ quá, mới lại gọi tôi đến cứu. Than ôi! Chậm một chút nữa là mẹ tôi đến rồi mất, lòng tôi ngẩn như tương, càng nghĩ càng bàng-hoàng mãi! . .

Lời Phê-bình. — *Phu-nhân bảo cái của oe-oe ấy nó làm trở-ngại mất cái tự-do, cho nên hạ cái thủ-đoạn độc-ác ấy, ôi! tự-do như phu-nhân thật tuyệt-điểm trần-gian!*

Phu-nhân quyết định cái tôn-chỉ bỏ chồng, cố ý gây chuyện gia-đình không ngày nào được yên, mẹ chàng thật bất-đắc-dĩ tính nước hạ ấy, thế mà phu-nhân lại bảo là dọa mình, thật là không còn có tâm-can gì!

(*Còn nữa*) Lạc Khổ *dịch*

TIỂU-THUYẾT

CHỒNG TÔI

Phong-lưu diễm-sử

(Tiểu-thuyết Tàu *Dư chi phu* 余之夫 của TỬ TRẦM-Á)

IX

CHƯƠNG THỨ MƯỜI BẢY

Người xem sách trong cơn tật-bệnh, Khách nhắc trả bàn sự hôn-nhân.

Mi-quân, Tiếu-Sơn, Trúc-sĩ ba người ở trong Ức-lan-hiên, còn đương bàn nói chuyện Tử-Dã. Lại nhân vì thương Tử-Dã mà xúc-động ra mọi mối cảm-thương, người thì nhân lại thương đời mà tỏ ý thở-than, người thì nhân lại thương mình mà lã-chã hàng lệ. Trúc-sĩ bắt đầu cũng tỏ ý buồn rầu, cuối cùng cười lên một tiếng, nói rằng: « Thôi chúng ta bất-tất phát ra những tình-cảnh ô-hô vã ấy nữa, mau mau đi đến Hạc-hồn-quán thăm bác Tử-Dã. » Ba người đứng lên trở ra đi, khi đi đường, Mi-quân thong-dong hỏi đến sự Tiếu-Sơn, và có ý quái rằng sao Trúc-sĩ không tận-lực. Trúc-sĩ thở dài nói rằng: « Trong sự đó còn có nhiều điều ngang-trở. » — Mi-quân nói rằng: « Chỉ vì sự người anh Nhan-nữ-sử đấy chứ gì. » — Trúc-sĩ kịp nói rằng: « Chính thế, vì hắn làm ngạnh-trở, sở-dĩ tôi không dám khinh-suất nói ra, sợ rằng sự nếu chẳng thành, chẳng bỗ cho người khác xem khinh. Nay tôi muốn cùng thương-lượng với bác đã, rồi sẽ tiến-hành. » — Mi-quân ngẫm-nghĩ, rồi nói rằng: « Nhan-Ấu-Cầm nó chẳng qua là một kẻ ngu-xuẩn, nó cũng chẳng phá-hoại được cho đến kỳ-cùng. Nay chỉ dùng chút thủ-đoạn gì để lung-lạc nó, thì sự ấy chửa tất đã nhất-vị bất-thành. » —Trúc-sĩ lắc đầu nói rằng: « Bác nói dung-dị mấy! nó tuy là một kẻ ngu-xuẩn, nhưng lạ gì quân-tử có đảng quân-tử, tiểu-nhân có đảng tiểu-nhân; bọn nó thiếu gì giống hồ-quần cẩu-đảng, khác với bọn mình lắm. Chỉ sợ rằng bọn mình dùng hết tâm-cơ, phí hết miệng lưỡi, mà rút cục vẫn không bằng trong đảng nó gật với nhau một cái, nói với nhau một câu. » Mi-quân nói rằng: « Bác đừng nghĩ kỹ quá thế, sự ấy nên thực-hiện làm đi, thành, bất-thành bởi trời. » —Trúc-sĩ nói rằng: « Tạm gác sự ấy đấy, rồi sẽ bàn tính sau, bây giờ hãng kịp đi thăm bác Tử-Dã. »

Ba người cùng đi một chốc, chợt đã đến Hạc-hồn-quán. Thấy Tử-Dã một mình mặc cái áo cừu lông dê đen, ngồi ở ven cái giếng Thiên-tỉnh, trong tay cầm một quyển sách, đương ngỏ ra cúi mặt xem. Sịch nghe tiếng giầy ba người, ngửng mặt lên, trông thấy ba người, mở miệng cười, liền miễn-cưỡng chống tay đứng dậy vái chào, hỏi rằng: « Ngày nay ngọn gió thu đưa các bác lại đây đấy a? » Là ý mừng rằng bất-kỳ được trông thấy bạn. Ba người cùng hùm lại nắm tay đỡ nách cho Tử-Dã, thỉnh Tử-Dã ngồi yên. Rồi ba người cùng ngồi xuống một hòn đá phẳng ở ven chỗ Thiên-tỉnh, ân-cần hỏi « Bệnh

bác cận-trạng thế nào? «Tử-Dã gật đầu, rồi sẽ-sẽ nói rằng: « Bệnh tôi xưa nay vốn không có chứng gì khẩn-yếu, trong một năm ba trăm sáu mươi ngày có đến hai trăm mấy mươi ngày như thế, tôi với cái ma bệnh đã từng quen nhau. Chỉ cận-lai ăn không thấy ngon, uống không thấy thú, chỉ xem sách còn thấy vui mà thôi, bệnh-thế dường như lại có trầm-trọng hơn trước. Tôi vẫn miễn-cưỡng dùng tinh-thần để chiến-đấu với tật-bệnh. Duy mấy bộ lão-cốt của tôi, có điều chi-trì không nổi. Đại-khái đó là sự tiến-bộ về lão-cảnh, cũng chẳng hề chi. » Nhưng ba người trông Tử-Dã, thì tinh-thần đã thấy có phần tiêu-tác thê-lương khác thường, mà xương-cốt gầy-gùa, da thịt tiêu giảm, vừa nói có mấy câu đã thấy thở hồn-hển, tỏ ra tình-hình mỏi mệt. Ba người đều vì yên-ủi mấy lời, lại nhân nói qua sự Tiếu-Sơn cho Tử-Dã nghe. Tử-Dã nói rằng: « Mưu sự tại nhân. Vợ chồng bác Trúc-sĩ đã có hảo-ý, nên mau tiến-hành, tùy-cơ liệu sự sợ gì chướng-ngại. Nếu nhất-vị du-dì nhút-nhát, há chẳng làm mất cái hi-vọng của bằng-hữu, và cái tính-cách của trượng-phu. Tôi riêng nghĩ rằng sự đó không nên bàn đến thành-công hay là bất-thành-công. » — Trúc-sĩ nói rằng: « Sự ấy tôi định nhờ bà Dịch-lão phu-nhân Lý-thị làm địa-bộ tiến-hành trước. » Các người đều nói rằng chính phải, sự ấy nên thỉnh bà ấy làm người chủ. — Tử-Dã lại đối với Tiếu-Sơn nói rằng: « Bác là kẻ kỳ-tài trời phú cho, không nên bỏ phí cái tài ấy để mai-một ở trong đám thảm-vụ sầu-vân. Tương-lai chớ bắt-chước tôi cái dạng lão-hủ suy-phế, làm một con sâu vô-ích ở đời. Như vậy mới là lối hàm-dưỡng của con nhà thánh-hiền, lối hành-vi của bậc hảo-nam-tử. » Tử-Dã nói đến đấy, lại tỏ ra ý cảm-thương. Tiếu-Sơn kíp đứng lên ấm lấy tay Tử-Dã, tỏ lời lĩnh-giáo. Ba người lại khuyên Tử-Dã trân-trọng bảo-dưỡng lấy thân-thể tinh-thần, Tử-Dã ngỏ lời cảm-tạ cái hậu-ý của bằng-hữu. Ba người lại đàm-đạo với Tử-Dã một hồi. Trúc-sĩ thấy Tử-Dã có ý quyện, đối với hai người nói rằng: « Chúng ta trở về mưu-tính sự bác Tiếu-Sơn, sự ấy may mà thành, thì trong lòng chúng ta đều yên-hả cả. Tử-Dã khi ấy cũng chẳng lưu-luyến ba người, chỉ cười một tiếng mà rằng: « Lòng tôi cũng tưởng như vậy. Tử-Dã nhân lại nói rằng: «Tôi bình-sinh, trừ mấy vị lương-hữu như các bác, ngoài ra ở trên đời không có một người nào là phát-sinh mối quan-hệ với tôi nữa. » Khi nói thì một trận thương-tâm, đôi hàng lão-lệ, chan-hòa lã-chã, tuôn mãi chẳng thôi. Ba người thấy thế, cũng cầm không được giọt lệ, rồi trông nhau than-thở, nhân nói rằng: «Chúng tôi không khi nào dám bỏ bác, tất thỉnh-thoảng lại thăm bác, xin bác cứ yên tâm dưỡng bệnh. » — Tử-Dã nói rằng: «Suối lệ tôi không phải là vì cảnh lão cảnh bệnh mà tuôn ra, thực là vì cái hậu-ân hậu-ý của bằng hữu vậy ». Ba người lại trông nhau ngậm-ngùi một hồi, rồi đứng dậy cáo-từ.

Ba người ra khỏi Hạc-hồn-quán, cùng nhau chia lối, Mi-quân về Ức-lan; Tiếu-Sơn về Âu-mộng, Trúc-sĩ tiện đường đi vào ngõ Tử-ngọc, đến nhà họ Dịch, cầu yết-kiến bà Dịch-lão phu-nhân. Phu-nhân khi ấy đương sai bảo một lũ tì-bộc tưới-rội hàng trăm chậu hoa cúc ở trước sân, chợt trông thấy Trúc-sĩ, cười khanh-khách nói rằng: « Thầy Chung-quân, thầy lại chơi được may-mắn lắm! Tôi đương có một việc hay, muốn cầu-thỉnh với thầy đây » — Trúc-sĩ cũng cười nói rằng: «Ấy mới lạ thay! tiểu-diệt tôi cũng có một sự hay, lại cầu-thỉnh với bà-mẫu đây.» Nói xong, hai người cùng cười, phu-nhân dẫn Trúc-sĩ tiến vào trong mé tả hỗ một gian thư-thất nhỏ-nhỏ. Trúc-s

làm lễ chúc mừng mạnh khỏe, rồi tới chỗ ngồi. Đứa thị-tỳ bưng khay trà lên. Phu-nhân cười hỏi rằng : « Thầy vừa nói có một việc hay, là việc gì ? hãng nói trước tôi nghe. » — Trúc-sĩ thưa rằng : « Cháu muốn trình-tỏ về sự làm mối. » Trúc-sĩ nói chưa hết lời, phu-nhân đã mừng-rỡ cười nói rằng : « Thế thì lại lạ lắm ! Tôi cũng định bàn với thầy về sự làm mối đây, sao khéo-khéo vậy ! Duy chẳng biết thầy định nói với tôi về sự làm mối cho họ Giang đấy phải không ?» — Trúc-sĩ càng lấy làm lạ thưa rằng : « Quả là cháu muốn thưa với bá-mẫu về sự người tiểu-khế-hữu của cháu là Giang Tiểu-Sơn, cùng người lệnh-nghĩa-nữ của bá-mẫu là Nhan Tam-Cô. Hai người ấy tài-lang thục-nữ, trời khéo sinh ra, thật là tốt đôi, chẳng phải là hảo-sự đấy dư ! Cháu định lại thỉnh với bá-mẫu, để bá-mẫu ngỏ lời giáo-huấn cho, sao bá-mẫu lại hốt-nhiên có lời nghị ấy, cùng với chủ-ý cháu chẳng mưu mà hợp ? » — Phu-nhân gật đầu nói rằng : « Điều đó không phải là cái ý-kiến trong nhất-thời của tôi, tôi đối với cái cháu Nhan tôi, tôi để lòng đã kể có mấy năm trời. Tự khi sự-tình tên cháu họ tôi là Dịch Đồng-Hầu phát-sinh ra về sau, tôi đã biết rằng tên anh nó Nhan Ấu-Cầm không có cái tư-cách làm người anh, muốn đem em để làm một món đồ hàng. Vì thế cháu Nhan nó phải liệu đường trốn-tránh ra khỏi phạm-vi anh nó, tương-lai tên Ấu-Cầm không khỏi lại có phát-sinh sự ngang-trở về ý-ngoại. Tôi có nghĩ rằng trừ-phi đem cháu Nhan Tam-Cô gả cho người khác sớm đi, mới có thể tuyệt được cái tà-tâm vọng-tưởng của chúng nó. Tôi để lòng để dạ đã lâu, chỉ muốn sớm được tiếp-kiến thầy, thương-lượng với thầy về sự ấy. Thầy Giang Tiểu-Sơn làm người, tôi đã có trộm nghe tiếng, là một người kỳ-vĩ-nam-tử, đa-nghệ đa-tài. Cháu Nhan tôi được phối-ngẫu với người ấy, chắc cũng không phí mất đời người. Vả chăng thầy Chung-quân là kẻ đoan-chính quân-tử, thầy giao-du với người ấy, chắc cũng không sai. Hiện nghe người ấy còn chưa lấy vợ, chính là một dịp hảo-cơ-duyên. Tôi tính đàn-bà, khí nóng-nảy, tôi chẳng dợi thương-lượng với thầy. Tôi tưởng rằng đi thỉnh tên Ấu-Cầm lại, khuyên-bảo hẳn năm ba lời là xong. Ngờ đâu, thiên-hạ-sự lại không bởi ý người liệu-lượng được. Tôi mới đi dò xét sự-tình, từng cái tơ cái tóc, thì ra căn-nguyên bởi tên súc-vật Dịch Đồng-Hầu. » Dịch phu-nhân nói đến đấy, than thở một hơi dài, lại liền nói rằng : « Nó gian-giảo quá ! Tên Đồng-Hầu tự phen tôi trách mắng nó, cái tà-mưu của nó bất-toại, nó vẫn chơi thân-thiết với tên Ấu-Cầm như cũ. Nó lại khiến bè-đảng nó đánh bạc với tên Ấu-Cầm, Ấu-Cầm đánh bạc thua, bất-câu đa-thiểu, đều do tên Đồng-hầu cấp trả cho cả. Ngoài mặt thì nó vẫn nói giúp cho, không lấy lãi. Bề trong thì nó khiến người khuyên dỗ Ấu-Cầm rằng người ấy đã có hảo-tâm, nên có hảo-ý đối lại, cứ viết vài bức giấy, chiều theo gốc lãi lệ thường, đưa lại cho người ấy. Người ấy đã tri-kỷ, hẳn không thẳng-thúc gì. Nếu không thế, thì thứ sau có muốn nhờ vay, cũng khó mở miệng. Ấu-Cầm vốn là đứa ngu-xuẩn, trong tâm có phân-biệu lẽ gì, tự-nhiên cứ vâng vâng dạ dạ, bảo sao nghe vậy. Lại cho Đồng-Hầu là nghĩa cốt-nhục tử-sinh, cồ-nhân bằng-hữu chia vàng, lại thấy ở đời nay. Nghe nói trong một tháng gần đây, Ấu-Cầm thua bạc có đến hàng ba bốn nghìn, hoàn-toàn do một tay Đồng-Hầu trang-xếp cả. Ấu-Cầm đối với Đồng-Hầu, là kẻ có ân, và kẻ có uy. Đồng-Hầu đối với Ấu-Cầm, không chỉ ở tiền, mà chỉ ở sắc. Tựu-trung nó làm mưu-mẹo với nhau thế nào, không biết đâu mà rõ hết được.

Tôi nghe được tiêu-tức ấy, tôi thực như đã chết mất nửa người. Cái trái-khoản của Ấu-Cầm một ngày không trả được thanh, thì sự chung-thân của Tam-Cô vẫn một ngày ở về địa-vị nguy-hiểm. Tôi đã từng đường-đột nói với người bố tên Đồng-Hầu là Dịch Phủ-Khanh. Chẳng hay thằng con đã hiếu-sắc, người bố lại tham-tài, Phủ-Khanh không phải là người biết dạy con. Tôi nghĩ đi nghĩ lại, không có người nào đỡm-nhiệm với tôi về sự thân-thế Tam-Cô nữa. Vì thế tôi muốn thỉnh vợ chồng nhà thầy lại chơi, để thương-lượng cái phương-pháp làm ra thế nào. Cốt phá được cái tà-mưu của tên Đồng-Hầu, tỉnh được cái mê-mộng của tên Ấu-Cầm, thì một đoạn nhân-duyên ấy, mới có thể hi-vọng thành-toàn được. »

Trúc-sĩ thoạt tiên nghe Dịch phu-nhân nói, vẫn tưởng rằng Dịch-phu-nhân trong bụng đã tìm được phương-pháp gì hơi chắc-chắn một chút. Sau nghe mãi đến cuối cùng, mới biết rằng sự hôn-nhân ấy, chẳng qua là lời bàn còn thuộc về lý-tưởng, không phải là lời nói đã thuộc về thực-hành. Tấm hi-vọng của Trúc-sĩ khi ấy đã hoàn-toàn tiêu-tán, chỉ ngồi nín-lặng như si như ngốc một giờ lâu, mới nói lên rằng: «Sự Nhan Tam-Cô chẳng là trở-ngại lắm sao ! Cháu chẳng dám nói man với bá-mẫu, hôm nay cháu lại đây, chính là vì sự ấy. Cháu thiết-tưởng sự ấy, không những là cái lương-duyên thiên-sinh địa-tạo, mà vả lại cái cảnh-ngộ hai người, hợp thì hai người cùng hay, phân thì hai người cùng khổ. Tóm lại về thực-tế, thì sự ấy đã có cái thế không thành-toàn được, thì không ra phương-diện thế nào. » — Dịch-phu-nhân lại gật đầu nói rằng : « Há chẳng thực như vậy. Nhưng mà nếu bảo rằng thay cho Ấu-Cầm mà trả xong trái-khoản, thì có thể ngọc thành được hảo-sự, sự ấy cũng chẳng khó gì. Duy tôi lại nghe chúng nó đã từng đính-định cái điều-ước bí-mật với nhau thế nào đó, ở phương-diện Đồng-Hầu thì không những không cần Ấu-Cầm trả nợ, lại tiếp-tục trợ-cấp cho nhau, ở phương-diện Ấu-Cầm thì cảm-khích Đồng-Hầu mười phần quá mười một phần, biết mục-đích Đồng-Hầu ở Tam-Cô, tóm lại chỉ định duy-trì lấy Tam-Cô khiến chung-thân không lạc về tay người khác. Coi cái vấn-đề ấy, lại không phải là dùng hai chữ kim-tiền có thể giải-quyết được. Tôi định thương-lượng với thầy, tưởng thầy tất có phương-pháp gì cao-minh, có thể vãn-hồi được nguy-cục. Chẳng hay thầy lại nhờ tôi chủ-trì, thì sự ấy khó lắm, khó lắm ! » — Trúc-sĩ nghe nói, phát run-sợ một hồi lâu, chẳng nói một lời gì nữa. Dịch-phu-nhân ngỏ lời tán khen Trúc-sĩ đối với bằng-hữu có vẻ thâm-tình cao-nghĩa, liền yên-ủi mấy câu, nhân bảo Trúc-sĩ rằng: « Cổ-nhân thường nói mưu sự tại nhân, thành sự tại thiên. Có lẽ chúng ta vì một chút tỏa-chiết ấy, mà đã vội đem chủ-kiến ném bỏ đi ư ! » — Trúc-sĩ chỉ dạ-dạ, thưa rằng bá-mẫu dạy phải. Dịch-phu-nhân lại mời Trúc-sĩ ăn một bát canh lục-đậu tự tay nấu ra, rồi bàn nói qua mọi sự thường của đôi nhà. Trúc-sĩ khi ấy nét mặt buồn tênh, không còn thấy tình-thái gì cả, ngồi một chốc, rồi làm lễ cáo-từ đi về.

Trúc-sĩ nửa đêm mới về đến nhà, cũng không nói gì cho người nhà và Tiếu-Sơn biết cả. Đến ngày mai, Trúc-sĩ nhờ cậy một người đi đến chỗ Ấu-Cầm, thám-xét ý-kiến Ấu-Cầm. chỉ nghe Ấu-Cầm vẫn khăng-khăng nói rằng: « Sự con em Tam-Cô nhà tôi, đã có tôi là anh tác-chủ. Ngày trước sự Dịch Đồng-Hầu, đã bị vợ chồng anh Trúc-sĩ phá-hoại. Ngày nay ngỡ là loát-họp cho ai. Chứ anh Giang

Tiếu-Sơn là một kẻ giang-hồ lưu-lạc, lai-lịch bất-minh, gia-thế không biết đâu mà khảo-sát. Gia-chi-dĩ người ấy chỉ trơ có một thân cụ, không có một đồng tiền nào dính tay, em tôi mà lấy người ấy, há chẳng chắc chết đói đấy ư. Chuyện ấy, bất-tất phải đề-khởi đến nữa. Thằng Nhân-Ẩu-Cầm này, hễ chết thì thôi, chứ không khi nào đem em gả cho anh Giang Tiếu-Sơn. » Trúc-sĩ được tin về báo, liền phát một cơn uất-khí, dường như hồn mê. Được mấy hôm về sau, những lời kia chuyện nọ truyền vào trong tai Tiếu-Sơn. Tiếu-Sơn cũng chẳng biết nói ra sao, chỉ lúc nào vắng người, ngửa mặt lên trời, than dài một tiếng mà thôi.

CHƯƠNG THỨ MƯƠI TÁM

Gánh phong-nguyệt quảy về bắc-địa,
Làng yên-hoa gặp bạn cố-tri.

Lúc ấy khí trời đã thuộc về mùa thâm - thu, trong Song - thê - biệt - thữ nước chứa băng ngưng, chanh vàng quýt lục, mùa là mùa khói núi mai thưa-thớt, cảnh là cảnh mưa song gió lạnh-lùng, muôn cảnh tiêu-điều, đây đó đều đủ khởi lên mọi mối sầu-cảm của kẻ ở quê người đất khách. Tiếu-Sơn hằng ngày ở trong Ẩu-mộng-hiên, vô-liêu chi-cực, có ngâm một câu rằng :

Cách-trở quan-san lòng cố-quốc,
Thờ-ơ cửu-mã khách qua đường.

Ngâm xong, đầm-đìa tuôn rọt lệ. Lại than rằng : « Mênh-mang đất rộng, nhà cũ chốn nào ! Người đẹp bên trời, lòng ta đau-đáu ! Ta như chiếc thuyền lênh-đênh, không buồm không lái, lúc nào chốn nào mới được chỗ về đó nhỉ ! » Trúc-sĩ biết rằng cảnh là lữ-cảnh, tình là chí-tình, không dám ngỏ lời khuyên-giải. Tiếu-Sơn nhân ngỏ với Trúc-sĩ rằng : « Tôi bấy lâu đã tĩnh-cực, nay phải tư-động, xin tạm từ-biệt cây-cỏ bằng-hữu nước non này, trở về đất bắc. » Trúc-sĩ khi ấy cũng không vãn-lưu, chỉ vì Tiếu-Sơn đạo-đạt cái ý-tứ của Tiếu-Sơn cho Mi-quân, Tử-Dã biết.

Đến ngày hôm sau, về buổi thượng-ngọ, Tiếu-Sơn tinh-thần mỏi-mệt, nằm nghỉ ở trong hiên, thiu-thiu nhập-mộng. Đương lúc ngủ say, chợt bên tai có người gọi rằng : « Thầy trở dậy, Tề-tiên-sinh lại thăm. » Tiếu-Sơn dật mình tỉnh dậy, mở choàng mắt ra trông, nguyên là tên Kiểm-nô đánh thức dậy mà mách rằng Tề Mi-quân lại đó, hiện ở trong phòng Trúc-sĩ chờ-đợi thầy. Tiếu-Sơn hỏi bây giờ là bao giờ. Kiểm-nô nói : « Đã gần tới giờ ngọ. » Tiếu-Sơn vùng trở dậy, hỏi Kiểm-nô rằng : « Tề-tiên-sinh sao không thấy lại đây ? » Nói chưa dứt lời, thì đã thấy Mi-quân với Trúc-sĩ cùng nắm tay nhau, song-song tiến lại. Hai người trông thấy Tiếu-Sơn đều cười nói rằng : « Bác Tiếu-Sơn may lắm ! Hôm nay đi đường trường, lại có một người tuyệt-hảo làm bạn cùng đi. » Tiếu-Sơn nghe nói, vội-vàng lấy tay xoa gãi lên đầu, phát dật mình, cười nói rằng : « Các bác nói sự gì, tôi chửa minh-hiểu ra sao cả ! » Trúc-sĩ trỏ vào Mi-quân, vừa cười vừa nói rằng : « Bác ấy dính cùng đi với bác đấy. » Tiếu-Sơn không tin, nói rằng : « Há có sự ấy. » — Mi-quân gật đầu cười nói rằng : « Sự đó thật là kỳ-xảo ! Tôi chẳng nói dối bác đâu. Nguyên tôi vì một ông chú họ ở Thượng-hải bệnh đau nặng, chiều hôm qua tôi tiếp được tin, giục tôi tức-khắc ngày ấy phải đi ngay. Ông chú tôi ấy tuổi đã lão, nhà rất giàu, nhiều vợ nhiều con, con còn thơ-ấu cả. Phen này bệnh nặng, bình-nhật rất yêu tôi, biết tôi là người tin cậy được, có giấy thủ-thư, giao cho tôi chưởng-lý gia-chính. Tôi định chia gia-sản làm năm phần, một phần để làm học-phí cho các con, một phần để cấp-dưỡng cho các vợ, một phần tan ra

để cấp đỡ cho người nghèo khổ trong họ, một phần để kinh-phí về sự tống-táng và sự phần-mộ, một phần lưu lại để làm của hương-hỏa giỗ tết tế-tự chốn từ-đường. tương-lai tất tổ-chức thực-hành. Việc đó cũng là việc hệ-trọng, phân-phồn có lắm việc, phải có một vài ông bạn tốt tất-tâm giúp việc mới được. » — Trúc-sĩ nói rằng: « Cấp-dưỡng cho các bà vợ mà có một phần, thì hiềm rằng khí ít. » — Mi-quân nói rằng: « Tôi muốn khiến cho nhà chú tôi tư-cách đại-phú, dáng xuống làm tư-cách tiểu-khang, thì sau này mới khỏi chết đói. Nếu tài hèn sức mọn mà sẵn của, tọa-thực sơn-băng, thì sau này tất chết đói. » Hai người nghe nói, rất lấy làm thán-phục — Mi-quân nhân hỏi Tiểu-Sơn rằng: « Bác định ngày nay cử-bộ không? » — Tiểu-Sơn đáp rằng: « Ngày nay cử-bộ, có bác cùng đi, thật thú-xảo chi-cực, trong đường-trường, tôi với bác đều không đến nỗi tịch-mịch, tôi há có lẽ không cử-bộ ngày hôm nay. »

Lúc ấy, Mi-quân, Tiểu-Sơn, Trúc-sĩ ba người đều ở trong Âu-mộng-hiên lạo-thảo ăn bữa cơm trưa. Cơm xong, Tiểu-Sơn thu xếp đồ hành-lý, dặn-dò Kiếm-nô xong. Trúc-sĩ đem năm trăm lạng bạc làm đồ tặng-tống. Tiểu-Sơn từ-chối không chịu tiếp-nhận. Trúc-sĩ hai ba lần khuyên ép mãi. Tiểu-Sơn chỉ tiếp-nhận hai trăm lạng, và nói rằng: « Tôi là một kẻ bần-sĩ đi ngao-du, không dùng làm gì nhiều bạc. Đã hay bác có lòng khẳng-khái với bằng-hữu, nhưng tôi chỉ dùng bấy nhiêu là đã thừa đủ, làm chi cho nặng túi để khó nhẹ gót đó thay! » Trúc-sĩ bất-đắc-dĩ phải cầm lấy ba trăm lạng thu về. Đến qua giờ vị sang giờ thân, đã thuộc về buổi chiều, Trúc-sĩ thân-hành ra tiễn Mi-quân và Tiểu-Sơn đến bến đò Phạm-gia-thữ ngoài chỗ Tiểu-đông-môn, đứng bồi-hồi ít lâu, rồi tự mình về Song-thê-biệt-thữ.

Thuyền đi một lối ngược lên, Mi-quân với Tiểu-Sơn hai người tuy-nhiên đồng-hành, song người nào người ấy đều có tâm-sự riêng, cũng không cao-hứng đàm-luận gì cả, chỉ dùng mấy đoạn khôi-hài hoặc tiểu-thuyết để tiêu-khiển trong buổi hành-trình mà thôi. Kịp đi đến Thượng-hải, hai người cùng vào trọ ở nhà khách-quán đường Ngũ-mã-lộ ngủ một đêm. Sáng sớm mai, Mi-quân thu-nhặt đồ hành-lý, nhảy lên xe ngựa, kịp ruổi đến ngõ Tĩnh-an vào nhà người thúc-phụ. Lúc ấy, Tiểu-Sơn chỉ một mình hàng ngày ở chỗ Trương-viên, Ngu-viên, Hoàng-phố-than, Long-hoa-lộ, một giải địa-phương ấy tiêu-dao du-ngoạn, lần thăm đất cũ, phong-cảnh y-nhiên, tự-nhiên có nhiều mối cảm-tưởng. Một hôm Tiểu-Sơn đương ở chỗ Tứ-mã-lộ bộ-hành trở về, đi đến chỗ ngã ba đầu phố, chợt thấy một cỗ xe ngựa đi như bay tiến lại, người ngồi trong xe chễnh-chện là một chàng nam-tử trạc trung-niên. Tiểu-Sơn liếc trông, rõ-ràng là một người bạn giao-du cũ tên là Lục Giang-Hương. Tiểu-Sơn liền gọi lên một tiếng. Giang-Hương dừng xe lại, trông thấy Tiểu-Sơn, rất lấy làm mừng-rỡ, liền tự trên xe nhảy xuống, nắm tay tương-kiến, đứng nói mấy câu, lược-lược tự-tình ly-biệt. Giang-Hương liền quay xe theo gót Tiểu-Sơn đến chỗ tân-lữ-quán, thỏa-thích đàm-thoại nửa ngày. Tiểu-Sơn mới biết rằng Giang-Hương cận-lai ở Thượng-hải kinh-doanh thương-nghiệp cũng hơn phát-đạt. Tiểu-Sơn cũng đem hành-vi tung-tích của mình trong mấy năm nay cáo-tỏ cho Giang-Hương biết. Giang-Hương hốt-nhiên cười nói rằng: « Hiền-huynh phen này đến Thượng-hải, đã từng đi thăm qua bọn chị em trong đám hoa-lâu hôm nào chưa? » — Tiểu-Sơn thở dài nói rằng: « Ngu-đệ

trong mười năm nay, khác nào thầy Đỗ Mục-Chi cỡi phong-lưu đã chuyển vào cõi mộng-giác, còn tâm-tình nào mà lại tìm đường sinh-hoạt ở trong đám làng chơi ấy nữa. » — Giang-Hương cả cười nói rằng: «Hiền-huynh tương-biệt vơi tiểu-đệ đã lâu, cái cảnh-huống tiên-điều lại hơn ngày trước. Hiền-huynh nên biết rằng tiểu-đệ một lời hỏi ấy, là có thâm-ý ở trong. Tiểu-đệ bỏi hiền-huynh nhé, giả-sử ả Oanh-nương của hiền-huynh ở chốn này, hiền-huynh có ý lại nhất-kiến một chút đấy không? » — Tiếu-Sơn dật mình nói rằng: « Lục-huynh lời nói ấy, bằng-cứ vào đâu mà nói ra, có lẽ nào người ấy còn ở đất Thượng-hải này ru! »

Nguyên-lai, Oanh-nương với Tiếu-Sơn là bạn đồng-tâm cũ, nửa vời xa cách, Oanh-nương đã kết bạn cùng một người khách-thương, vì người vợ cả quá ghen, hiện đã phóng-xuất tự-do; sau này lại nối hiệu cờ hoa, làm nghề-nghiệp cũ ở Thượng-hải. Tiếu-Sơn vẫn không biết. Lúc ấy Tiếu-Sơn nghe Giang-Hương nói, trong tâm bồi-hồi cảm-động, liền bức-bách hỏi Giang-Hương rằng: «Hiện-trạng người ấy bây giờ thế nào? » — Giang-Hương cười nói rằng: «Oanh-nương bây giờ đích-xác ở đây, người ấy hiện đã đổi danh-hiệu đi rồi, không gọi Oanh-nương nữa. Hiền-huynh nếu bằng lòng thết tiểu-đệ một tiệc rượu ở nhà người ấy, tiểu-đệ sẽ bảo rõ cho hiền-huynh hay. » — Tiếu-Sơn hân-hỉ nói rằng: « Điều đó có khó gì, Oanh-nương nếu quả-nhiên ở đó, thì Giang-đệ này thế nào không lại thăm, hai người chúng ta một tiệc rượu có là bao. » — Giang-Hương cười nói rằng: « Đã đành thế, nhưng mà tiểu-đệ bất-tất bảo cho hiền-huynh biết trước, hiền-huynh cứ theo gót tiểu-đệ mà đi, tiểu-đệ có thể tức-khắc khiến hiền-huynh được thấy kẻ tâm-thượng-nhân. » — Tiếu-Sơn trong tâm rất lấy làm hoan-hỉ, liền thuận lời Giang-Hương, tức-khắc cùng Giang-Hương cùng nhảy lên xe ngựa, đến một chỗ, xuống xe. Chỗ ấy là chỗ Lạc-dư-lý Xán-lộ-dầu hàng tân-kỹ-viện mới mở. Thập-sắc ngũ-quang, đèn bách-hoa-đăng choáng lộn, nhà chị nào thì tên chị ấy đã thấy yết lên trên cái khung đèn ở ngoài trước cửa. Giang-Hương dẫn Tiếu-Sơn tiến vào ngõ đệ-nhất, hiệu nhà đệ-nhị, thấy treo ba chữ Thu-Mộng-Các, đèn lồng sắc đỏ, chữ thếp nét vàng, làm hiệu chiêu-bài. Giang-Hương cười khanh-khách nói rằng: « Nhà Thu-Mộng-Các đây rồi, ấy là nhà Oanh-nương kẻ ý-trung-nhân của hiền-huynh đấy! » Tiếu-Sơn bàng-hoàng nắm lấy tay Giang-Hương, cùng tiến vào. Sớm đã có đứa thị-nhi đứng sẵn ở bên cửa hồng-lâu, thị-nhi trông thấy Lục Giang-Hương, cười nói rằng: « Lục-tiên-sinh đã lại, gia-nương tôi đương mong-mỏi tiên-sinh đấy. » — Giang-Hương cười nói rằng: « Thế a! mày đi pha trà uống, hôm nay ta dẫn được một ông bạn cố-tri lại thăm qui-nương mày đây. » Giang-Hương vừa đi vừa nói, phút đã đến mé tả chỗ trang-phòng của Thu-Mộng-Các. Thu-Mộng-Các khi ấy vừa mới soi gương chải đầu, hương-phấn trang-sức xong, một mình ngồi cầm mảnh giấy ngắm xét câu thơ trong quẻ thẻ. Chợt trông thấy Giang-Hương, chỉ mỉm cười một cái, gọi lên một tiếng rằng Lục tiên-sinh, nhưng còn nấn-nửa chửa đứng dậy. Lại liếc mắt trông thấy Tiếu-Sơn, bất-giác phát ngây phát ngốc, vùng đứng dậy, để con ngươi nhìn kỹ, hiện ra dáng-bộ ngơ-ngác rúng mình. Giang-Hương cười trỏ vào Tiếu-Sơn nói rằng: « Qui-nương có nhận ra vị bằng-hữu này là vị nào đấy không? » Thu-Mộng-Các mới nhận ra đích-xác là vị tình-lang của mình ngày trước, bất-giác khanh-khách cười nói rằng: « Chao-ôi! quả là Giang-Tiếu-Sơn tiên-sinh, sao mấy năm nay

không thấy, tiên-sinh ở nơi nao, sao tinh-thần tiều-tụy lắm vậy? Thu-Mộng-Các khi ấy miệng thì cười nói, mắt thì thánh-thót có hạt lệ tuôn, hiện ra một cái tình-trạng vừa kinh-hỉ vừa bi-thương. Tiếu-Sơn vốn là con nhà nhiều tình-cảm, khi ấy trông thấy Thu-Mộng-Các khác nào ả Từ-nương, tuy-nhiên bán-lão, phong-vận vẫn còn. Lại mình thì khác nào chàng Thôi-Hộ, phen đó trùng-lai, cảnh-tình khôn xiết. Tiếu-Sơn tỏ ra nét buồn-rầu nói rằng: « Oanh-nương, Oanh-nương! nhất-biệt mấy năm, vạn-bất-liệu tôi với nàng cùng xâm về cảnh lão-đại cả. » Hai người cùng thuật qua mọi đường khổ-huống, mọi nỗi ly-tình mấy lời. Thật là:

Phấn đỏ phiêu-linh chàng ngại thiếp,
Áo xanh luân-lạc thiếp thương chàng,

Lục-Giang-Hương ở một bên cũng ngỏ lời khuyên-giải mấy câu. Thu-Mộng-Các tay đem một cái lồng-ấp nét vàng than đỏ ra, ba người cùng ngồi hơ tay sưởi ấm, nói chuyện nhã-hứng một đôi lời. Rồi Giang-Hương giục Tiếu-Sơn lấy danh-thiếp viết lời đi thỉnh-khách.

(Còn-nữa)

TÙNG-VÂN *dịch*

VĂN-UYỂN

THƠ VĂN CỔ

1. — Cảm-tác (1)

Ngán nỗi người sao bứt rứt cùng,
Ta không như có có như không;
Cháo đông như vậy nhưng lành dạ,
Lửa bắc mà chi cũng mát lòng;
Một rổ thơm lừng mùi đạo-vị,
Muôn tiền gớm chết thói kiêu-phong;
Chẳng cầu no ấm người quân-tử,
Đã có người trên mở gác đông.

2. — Vịnh tổ-tôm

Thiên khai từ thuở có người xum,
Khen kẻ gây ra trận tổ-tôm;
Hàng dọc hàng ngang bày mọi tóp,
Quân ăn quân đánh sắp từng chồm;
Lên cớ dậy vũ tùy cơ phát,
Rút nọc buông phần liệu thế nom.
Kẻ đánh lấy nên người mở trại,
Trăm hai mối cũ lại thu gồm.

3. — Thăm quê cảm-tác

Duyên phận ân trên đã sắt son,
Ta về vườn cũ cúc ta còn;
Nhặt thêm phong-nguyệt ngày thừa-
Ôn lại cung tên lũ cỏn con; [thãi,
Vui thú chi lan hầu đã ngán,
Nhớ mùi mục-túc vẫn là ngon;
Thị phi gác chuyện nhân-gian cả,
Vẹn lấy phù-sinh một cuộc tròn.

4. — Đau ốm luôn cảm-tác

Chẳng chết nên đeo lấy nợ hằng,
Chuyện đời dám nghĩ phải hay chăng;
Bể sâu nên dạn vì làn sóng,
Lòng trắng xin soi với vẻ trăng;
Ơn nước mã cừu đà mỡ mặt,
Khoán nhà thư kiếm hãy dành lưng;
Lá thơ thơm nức mùi lan xạ,
Cảm đội tình sâu biết mấy tăng.

---

(1) Xuyến-ngọc-hầu thi văn tập — Xem Nam-Phong từ số 117

5 — Mừng nghĩa huynh thọ bảy mươi.

Phúc-ấm trời chung lại một nhà,
Linh-xuân tuổi hạc mót vầng già ;
Khắp đủ khí thụy mây non tía,
Rộng mở nền nhân nước dải là ;
Vui tiệc chen đua bày ấm trượng,
Tìm thơm đũng-đỉnh nhặt hành xa ;
Tính trong cõi thọ còn nhiều nữa,
Những cái mùi đời hết lại qua.

6 — Đến chơi trường học ông Phạm Công-Thuyên.

Chẳng ngại ngàn sương đặm tuyết pha,
Giác xe thẳng trỏ đất Kim-hoa ;
Đường hồng phỏng đó thăm tin khách,
Vô kỷ để chừng dạo bước ta ;
Một dải non sông e mặt mới,
Mấy chòm cây cỏ rước chân xa ;
Tới đây há phải tuồng nhi-nữ,
Mong lại chi-lan họp một nhà.

7. — Vịnh non nhân nước trí
(Tại huyện Bằng-tuyền)

Thái-nguyên một dải bốn mùa xuân
Non nước rành rành trí với nhân ;
Khơi mạch lưu-thông tuôn róc-rách,
Xây nền trọng-hậu vẻ tần-vần ;
An-bài sẵn nếp trên thiên-tượng,
Lạc-thọ làm gương dưới thế-nhân.
Đức tốt đầm thiêng xin sớm thấy,
Mới hay sơn-thủy có tinh-thần.

8 — Họa bài thơ của ông Phạm Công-Thuyên

Chốn nào là chốn chẳng tương-phùng,
Mặt cách tuy xa chí vốn càng ;
Cửa mận rắp gieo duyên cá nước,
Bảng xuân còn đợi hội mây rồng ;
Cung tên như hẳn tài mình có,
Xe ngựa âu là của ấy chung.
Hãy tạm Thanh-nhàn(1) miền đất Thái,
Dành tài để đẹp lửa cơn bồng.

9. — Để thuyền buôn

Trải qua non núi mấy thu rồng,
Muôn dặm giang-hồ ghé mắt trông ;
Sóng lợi danh lay vầng dạ nguyệt,
Thuyền cung tiến hóng ngọn nam-
[phong ;
Lá buồm nhè nhẹ bay trên mạn,
Bánh lái khoan-khoan bẻ giữa dòng ;
Rắp tới Ngũ-hồ mà hỏi Phạm,
Việt Ngô truyện trước thế nào xong.

10. — Tặng thầy chùa (2)

Tháng bụt ngày trời mặc thích ta,
Mới vừa rước đến cũ vừa qua ;
Năm canh giọng kệ chuông khêu nguyệt,
Mấy khúc ca nhàn sáo gọi hoa ;
Quyến bạn men lừng mùi cúc rót,
Chiều người hương nức chén tùng pha ;
Khi xuân nhuần đượm chồi Yên-quế,
Ngỡ thấy mai sau rạng dấu nhà.

* * *

長恨演歌

Trường hận diễn-ca. (3)

漢皇重色思傾國。
Vua nhà Hán nhớ người khuynh-
[quốc (4).
御宇多年求不得。
Đã nhiều năm tìm chẳng được ai ;
楊家有女初長成。
Họ Dương có gái vừa khơi,
養在深閨人未識。
Nuôi trong buồng thẳm mấy người đã
[hay.
天生麗質難自棄。
Kẻ chất tốt khôn đầy đọa nhẽ,

---

(1) Ông Thuyên dạy học tại xã Thanh-nhàn.

(2) Người này tiếng là thầy tu, nhưng rượu chè quanh năm, có đứa con gái làm nghề hát.

(3) Nguyên bài chữ nho của ông Bạch Lạc-Thiên đời Đường, còn bài chữ nôm sau này không biết dịch là ai diễn ra.

(4) *Khuynh-quốc* 傾 國 = Sắc đẹp nghiêng nước.

一朝還在君王側。
Phút một mai chầu để bên cung ;
回頭一笑百媚生。
Một cười trăm vẻ não-nùng,
六宮粉黛無顏色。
Phấn son thấy mặt sáu cung (1) người [nào.
春寒賜浴清華池。
Ngày xuân lạnh tắm ao Hoa ấy,
溫泉水滑洗凝脂。
Nước suối trong như rầy mầu da ;
侍兒扶起嬌無力。
Con hầu tay nhẹ nâng hoa,
始是新承恩澤時。
Nhớ từ ngày ấy mới đà thừa-ân.
雲鬢花顏金步搖。
Tóc mây chuốt mặt son bước ngọc,
芙蓉帳煖度春宵。
Màn phủ-dung trần-trọc đêm xuân ;
春宵苦短日高起。
Đêm xuân ngắn trời gần tới buổi,
從此君王不早朝。
Bởi vì đâu nên nỗi chầu trưa.
承歡侍晏無休暇。
Khi vui-vẻ lúc say sưa,
春從春遊夜專夜。
Đêm này đêm khác xuân thừa thêm [xuân.
後宮佳麗三千人。
Ba nghìn gái đương xuân tươi tốt,
三千寵愛在一身。
Mà lòng yêu về một mình thôi.
金屋粧成嬌侍夜。
Nhà vàng đêm vắng chầu ngồi,
玉樓宴罷醉和春。
Tiệc rồi lầu ngọc chén mời rượu xuân.
兄弟姊妹皆裂土。
Một nhà đủ bốn phần mao thổ,
可憐光彩生門戶。
Lại yêu cho cửa họ vẻ ra ;
遂令天下父母心。
Cho lòng cha mẹ người ta,
不願生男願生女。
Sinh trai chẳng trọng, trọng là gái sinh.
驪宮高處入青雲。
Cung Ly cao tới mây xanh,
仙樂風飄處處聞。
Gió bay tiên nhạc rành rành cùng nghe.
高歌慢舞凝絲竹。
Khoan nhặt ấy tơ xe tiếng trúc,
盡日君王看不足。
Ngày độ qua mà khúc tình dài ;
漁陽鼙鼓動地來。
Trống đâu động dậy phương trời,
驚破霓裳舞衣曲。
Vũ-nghê khúc trở rung rời dậy tan.
九重城闕烟塵生。
Thành chín trùng mê-man bụi khói,
千乘萬騎西南行。
Ngựa xe đà mau ruổi mái tây ;
翠華搖搖行復止。
Buồn trông cờ thúy lay lay,
西出都門百餘里。
Đô-môn trăm dặm phút ngày bước đi.
六軍不發無奈何。
Sáu quân bởi cớ chi chẳng tựa
宛轉蛾眉馬前死。
Người nga-mi trước ngựa oan riêng ;
花鈿委地無人收。
Điền hoa bỏ đó ngả-nghiêng,
翠翹金雀玉搔頭。
Trâm cài ngọc giắt lay trên mái đầu.
君王掩面救不得。
Mặt nhìn mặt cứu âu chẳng được,
回頭血淚相和流。
Ngảnh đầu thêm tuôn nước lệ đầy ;
黃埃散漫風蕭索。
Bụi vàng tan-tác gió bay,
雲棧縈紆登劍閣。
Lối mây quanh quất vào đầy non Ba.
蛾眉山下少人行。
Nào ai ở dưới núi Nga,
旌旗無光日色薄。
Bóng cờ tắt sáng, sắc nhà nhạt chiều.
蜀江水碧蜀山青。
Sông Thục biếc xanh xanh núi Thục,
聖主朝朝暮暮情。
Lòng vua ta mấy lúc sớm khuya ;
行宮見月傷心色。
Thấy trăng đau vị trăng kia,
夜雨聞鈴斷腸聲。
Nghe linh (2) mà lại ê-chề vì linh.

---

(1) Là những người phi-tần ở trong sáu cung không đẹp bằng.

(2) *Linh* 鈴 = Là cái chiêng để cầm canh.

天旋地轉回龍馭。
Trời đất chuyển trở về Long-ngự,
到此躊躇不能去。
Giùng-dằng chi chẳng nỡ dời chân.
馬嵬坡下泥土中。
Bãi Ngôi một nắm đất rời,
不見玉顏空死處。
Thác đây nào có thấy người ngọc-nhan.
君臣相顧淚沾衣。
Trông nhau nước mắt lan-can,
東望都門信馬歸。
Nhác trông đã thấy ngọc-an ngựa về.
歸來池苑皆依舊。
Về xem lại vườn hoa như cũ,
太液芙蓉未央柳。
Phù-dung tươi liễu rủ trơ-trơ;
芙蓉如面柳如眉。
Nhìn xem mày mặt như xưa,
對此如何不淚垂。
Lòng thương ai dứt hạt mưa được nào.
春風桃李花開夜。
Gió xuân tới hoa đào mới nở,
秋雨梧桐葉落時。
Mưa thu đương buổi rụng lá ngô;
西宮南苑多秋草。
Cung viên lác-đác cỏ thu,
葉落滿階紅不掃。
Đầy thềm rụng đỏ ai thu quét giờ.
梨園子弟白髮新。
Gã vườn Lê bạc phơ mây trắng,
椒房阿監青蛾老。
Gái buồng Tiêu lẳng-đẳng tuổi già;
夕殿螢飛思悄然。
Đêm hôm đom đóm lập lòe,
孤燈挑盡未成眠。
Đèn khuya giong bóng sầu đà khôn [nguôi.
遲遲更鼓初長夜。
Trống điểm nhạt đêm dài mới tới,
耿耿星河欲曙天。
Sao mờ-mờ trời buổi rạng đông.
鴛鴦瓦冷霜花重。
Ngói uyên hoa lạnh sương phong.
翡翠衾寒誰與共。
Một chăn phi-thúy biết cùng với ai.
悠悠生死別經年。
Kể đã mấy năm trời ly-biệt,
魂魄不曾來入夢。
Mà chiêm bao chẳng biết người sao.
臨邛道士鴻都客。
Hồng-đô có một khách nào,
能以精神致魂魄。
Phép tài nhiếp-quỉ tay cao thông-huyền (1).
爲感君王展轉恩。
Cảm lòng vua buồn phiền đôi trận,
遂教方士殷勤覓。
Phương-sĩ kia gắn bó thăm cầu;
排空馭氣奔如電。
Phép linh như chớp giáy mau,
升天入地求之遍。
Lên trời xuống đất đâu đâu thiếu [đường.
上窮碧落下黃泉。
Trên mây biếc suối vàng dưới ấy,
兩處茫茫皆不見。
Hai đường đều chẳng thấy người [đâu;
忽聞海上有仙山。
Phút nghe núi ở bể đâu,
山在虛無縹渺間。
Dáng hình ảo-hóa khác mầu trần-ai.
樓殿玲瓏五雲起。
Năm mây dáng lâu-đài lóng-lánh,
其中綽約多仙子。
Thấp-thoáng trong nhiều kẻ tiên- [nhân.
中有一人字玉真。
Một người tên gọi Ngọc-chân,
雪膚花貌參差是。
Mặt hoa da tuyết coi gần hao-hao.
金闕西廂叩玉扃。
Mái tây sẽ đẩy cửa vào,
轉教小玉報雙成。
Lại cho Tiểu-ngọc truyền trao Song- [thành.

---

(1) *Nhiếp-quỉ* 攝鬼 Nghĩa là phép thu quỉ-thần. *Thông-huyền* 通玄 Nghĩa là phép thông suốt sự huyền-bí.

聞道漢家天子使。
Nghe Hán-sứ dành dành tới đó,
九華帳裡夢魂驚。
Màn cửu-hoa chợt ngỏ giấc nồng.
攬衣推枕起徘徊。
Ngồi lên sốc áo ngại-ngùng,
珠箔銀屏迤邐開。
Rèm châu bình bạc trùng-trùng hơi bay.
雲鬢半偏新睡覺。
Tóc mây rẽ khi say mới tỉnh,
花冠不整下堂來。
Mũ hoa cài đủng-đỉnh vội ra ;
風吹仙袂飄飄舉。
Tay tiên phơi-phới bay qua,
猶似霓裳羽衣舞。
Vũ Nghê khúc cũ dường đà còn in.
玉容寂寞淚闌干。
Nước mắt ngọc tuôn liền từng giọt,
梨花一枝春帶雨。
Một cành lê mưa thấm-thót xuân ;
含情凝涕謝君王。
Xụt-xùi lạy tạ thánh-quân,
一別音容兩渺茫。
Từ khi nhất-biệt đã phân hai đường.
昭陽殿裡恩愛絕。
Đền Chiêu-dương dứt đường ân-ái,
蓬萊宮中日月長。
Cõi Bồng-lai mãi mãi trời dài.
回頭下望人寰處。
Nghềnh đầu trông xuống cõi đời,
不見長安見塵霧。
Tràng-an chẳng thấy trần-ai bụi lầm
惟將舊物表深情。
Vật cũ để tình thâm tỏ dãi.
鈿鈿金釵寄將去。
Cáp-điền (1) này gửi lại đem đi ;
釵留一股鈿一片。
Vế xao mảnh cáp làm ghi.
釵擘黃金鈿分鈿。
Xoa này cáp ấy báu thì rẽ đôi.
但願心似金鈿堅。
Xin lòng giữ như lời chớ vội,
天上人間會相見。
Cõi trời cùng cõi bụi chẳng xa.
臨別殷勤重寄詞。
Sứ về gắn bó nhủ qua,
詞中有誓兩心知。
Trong lời có thệ vua ta hay cùng.
七月七日長生殿。
Ngày Trùng-tất đứng trong thúy-bệ,
夜半無人私語時。
Ban nửa đêm vắng vẻ ai hay.
在天願作比翼鳥。
Xin cho liền cánh cùng bay,
在地願爲連理枝。
Xin cho quấn-quít như cây liền cành.
天長地久有時盡。
Dẫu trời đất khi nên biến-cải,
此恨綿綿無絕期。
Mà lòng này như mối tơ vò (2).

VÔ-DANH *dịch*

---

(1) *Cáp-điền* Là đồ nữ-trang như là loài hoa tai.

(2) *Diễn thêm mấy câu sau cùng :*

Giận này có thước khôn đo, Giận này ai nghĩ một vua Đường-hoàng.
Ai xem ca ấy cũng thương, Thương người mặt ngọc vội-vàng lên tiên.
Lại khen ông Bạch Lạc-Thiên, Câu câu như vẽ lòng phiền dãi ra.
Nghĩ người lại nghĩ đến ta, Muôn năm nghìn kiếp ai qua chữ tình.

THỜI-ĐÀM

Việc thế-giới

Việc tổng-tuyển-cử Nghị-viện ở Pháp. — *Việc tổng-tuyển-cử Nghị-viện Pháp đính vào ngày 22 và 29 tháng 4, này đã xong cả. Nghị-viện mới, phần đa-số thuộc về các đảng ôn-hòa tán-trợ cái chính-sách của thủ-tướng* Poincaré. *Như vậy thời thế-lực của Nội-các lại càng vững-vàng lắm, và chính-trị nước Pháp chắc sẽ không có thay đổi gì.*

Nghị-viện mới sánh với Nghị-viện cũ bầu năm 1924, chia ra như sau này :

	Năm 1924	Năm 1928
Đảng Cộng-sản (Communistes)	26	14
— *Xã-hội* (Socialistes *S. F. I. O. là bộ-phận Pháp của Quốc-tế Lao động-đảng*).	104	101
— *Cộng-sản Xã-hội* (Socialistes communistes)	19	2
— *Xã-hội Cộng-hòa* (Républicains socialistes)	43	47
— *Xã-hội Cấp-tiến* (Radicaux socialistes)	140	123
— *Cấp-tiến Tả-đảng* (Gauche radicale)	41	49
— *Dân-chủ Cộng-hòa Tả-đảng* (Gauche républicaine démocratique)	44	49
— *Tả-dực Cộng-hòa* (Républicaine de gauche)	36	106
— *Dân-chủ* (Démocrates)	14	17
— *Dân-chủ Cộng-hòa Liên-đảng* (Union républicaine démocratique)	104	131
— *Bảo-thủ* (Conservateurs)	19	15
Không thuộc đảng nào (« Sauvages »)	9	2

Trong bấy nhiêu đảng thì những đảng thành-thực tả-dân cho Nội-các Poincaré *là Cấp-tiến tả-đảng (49 người), Dân-chủ Cộng-hòa tả-đảng (49 người), Tả-dực-cộng-hòa (106 người), đảng Dân-chủ (17 người), Dân-chủ Cộng-hòa liên-đảng (131 người). Những đảng ấy thì chắc bao giờ cũng bỏ vé cho Nội-các ; thế là trong số chừng 660 nghị-viên cả thảy, đã được 352 người, tức là quá nửa phần hoàn-toàn về với chính-phủ. Nhưng thực thì còn nhiều hơn, vì chỉ trừ phe cực-tả (là những đảng cộng-sản 14 người, Xã-hội 101 người, Cộng-sản Xã-hội 2 người cộng là 117 người) và phe cực-hữu (đảng Bảo-thủ 15 người) là công-nhiên phản-đối, còn các đảng Xã-hội Cộng-hòa 47 người, và Xã-hội Cấp-tiến 123 người thì một phần to cũng biểu đồng-tình với cái chính-sách của thủ-tướng* Poincaré, *thành ra phe đa-số của thủ-tướng ở Nghị-viện thực có hơn 400 người, (có người ước tới 460 người), chứ không phải 352 người mà thôi. Nguyên đảng Xã-hội Cấp-tiến có một tả-dực, một hữu-dực, tả-dực lấy ông* Daladier *làm lãnh-tụ thì khuynh-hướng về đảng Xã-hội, hữu-dực do ông* Franklin-Bouillon *xướng-suất thì có ý tán-trợ cho Chính-phủ, tất sau này rồi hai bên lìa nhau và quá nửa sẽ về phe với thủ-tướng.*

Xem như vậy thì Nội-các POINCARÉ *còn đứng vững được lâu và chính-trị nước Pháp sẽ không thay đổi vậy.*

Việc tuyển-cử ở Nhật và ở Đức — *Bộ rãy là mùa tuyển-cử ở các nước. Trước cuộc tuyển-cử Pháp thì có cuộc tuyển-cử Nhật.*

Ở Nhật có hai đảng lớn : đảng Seiyukai *(Chính hữu-hội) là đảng bảo-thủ, tả-đản cho Nội-các của Nam-tước* TANAKA, *và đảng* Minseito *(Dân-chủ-đảng) là đảng tự-do phản-đối với Nội-các.*

Kết-quả cuộc tuyển-cử mới rồi, thì hai đảng cũng sâm-si nhau, đảng Seiyukai *được 221 ghế, đảng* Minseito *214 ghế, phe tán-trợ Nội-các hơn phe phản-đối Nội-các có mấy ghế. Như vậy thời thế-lực của Nội-các cũng không được vững gì. Vì ngoài hai đảng lớn ấy có mấy đảng con-con nữa, hoặc đứng trung-lập, hoặc đứng độc-lập nếu phụ về với đảng phản-đối thì đảng Chính-phủ thành ra kém. Cho nên Chính-phủ hết sức vận động để thu-phục lấy mấy đảng nhỏ ấy.*

Tuy-nhiên ở Nhật-bản việc tuyển-cử không có quan-hệ lắm như ở Pháp. Nội-các dầu không được phần đa-số ở Chúng-nghị viện cũng có thể đứng được, miễn là được các tay nguyên-lão có thế-lực tán-trợ cho là đủ.

Ở Đức thì cuộc tuyển-cử Quốc-hội (Reichstag) *vào ngày 20 tháng 5. Theo điện-tín, kết-quả như sau này :*

Đảng Xã-hội (Socialistes)	152 *người*	(*kỳ tuyển cử năm* 1924	*được*	131 *người*)	
» *Trung-ương* (Centristes)	62 —	(—	—	68 —	)
» *Quốc gia* (Nationalistes)	73 —	(—	—	103 —	)
» *Bình-dân* (Populistes)	44 —	(—	—	51 —	)
» *Cộng sản* (Communistes)	54 —	(—	—	45 —	)
» *Dân-chủ* (Démocrates)	25 —	(—	—	32 —	)
» *Bình-dân xứ Bavière* (Populistes bavarois)	16 —	(—	—	19 —	)
» *Quốc-gia Xã-hội* (Nationaux socialistes)	12 —	(—	—	14 —	)
» *Nông-dân* (Agrariens)	8 —	(—	—	8 —	)

Các đảng ấy đại-khái chia ra làm hai phe lớn : một phe Quốc-gia bảo-thủ (nationaliste) *và một phe Xã-hội dân-chủ* (Social-démocrate). *Kỳ tuyển-cử này là phe trên thất-bại mà phe dưới đắc-thắng, Nghị-viện khuynh-hướng hẳn về bên tả.*

Thời-cục nước Tàu. — *Cuộc Nam-Bắc phân-tranh nước Tàu cứ theo như điện-tín hằng ngày mà xét thì tin Bắc bảo là Bắc-phương thắng, tin Nam lại bảo là Nam-phương hơn, không lấy gì làm đích-xác được. Nhưng cứ xem như đại-thế hiện bây giờ thì Nam-phương có phần thắng-thế, mà Bắc-phương mỗi ngày kém thế dần. Mặt Sơn-đông thuộc đường Tân-Phố từ sau khi Hán-trang Lâm thành thất-thủ, thì Tế-ninh, Duyện-châu cũng theo nhau mà mất, rồi đến Thái-an, Tế-nam cũng phải mất về quân Nam. Mặt Hà-nam thuộc đường Kinh-Hán, quân Bắc cũng phải thua luôn mấy trận, phủ Đại-danh đã phải mất về quân Phùng. Mặt Sơn-tây thuộc đường Kinh-Tuy thì trước kia quân Phung-thiên định đem toàn lực mà đối-phó với Diêm Tích-Sơn định là chiếm lấy phủ Thái-nguyên để tuyệt hẳn cái lo bên cạnh nách, rồi sau sẽ chuyên-lực chống nhau*

với quân Tưởng quân Phùng. Nhưng đánh mãi Sơn-tây cũng không ăn thua gì, lại phải xoay ra cái kế-hoạch chẹn đường quân Sơn-tây không cho liên-hợp với quân Phùng. Song từ khi Tế-nam thất-thủ, quân Phụng-thiên phải thu hẹp trận-tuyến lại, quân Sơn-tây thừa thế lại đổi thế thủ ra thế công. Xem như thế thì suốt ba mặt trận Nam-quân đều đã chiếm được ưu-thế, quân Nam đã sang qua được sông Hoàng-hà, đã cơ-hồ chiếm được toàn-tỉnh Sơn-đông. Không bao lâu nữa đánh qua Thiên-tân lên Trực-lệ, Bắc-kinh đã nguy núng lắm rồi.

Song đương lúc Nam-quân tiến vào thành Tế-nam (thủ-phủ Sơn-đông), thì quân Nhật mượn tiếng là bảo-hộ kiều-dân sinh sự xung-đột với quân Trung-hoa, đôi bên đánh nhau đều chết hại cả, có tin quân Nhật chết đến ngoại ba mươi người, lại có tin chết đến hàng nghìn, mà quân Trung-hoa chết cũng khá nhiều. Chính-phủ Nhật định phái sang Tàu những sáu sư-đoàn, tuyên-ngôn là chỉ cốt bảo-hộ tính-mệnh tài-sản cho kiều-dân Nhật, nhưng lại muốn chiếm giữ lấy đường hỏa-xa từ Giao-châu đến Tế-nam-phủ, và muốn tạm giữ cả Sơn-đông. Việc xung-đột trên ấy thì đổ lỗi cho người Tàu mà đòi tiền bồi-thường.

Người Trung-hoa đối với việc này lấy làm giận cho người Nhật ra mặt ức-hiếp, làm ngăn-trở việc bắc-phạt. Chỗ thì hô hào để chế Nhật-hóa chỗ thì xin tuyệt-giao đường kinh-tế với người Nhật. Nơi thì điều-đình Nam Bắc đều hợp sức để đối-phó với người Nhật. Dân khí Trung hoa cũng hăng-hái lắm, người Nhật vị-tất đã bắt nạt được như năm xưa.

Chính-phủ Nam-kinh có phát-biểu lời kháng-nghị về việc Nhật đem quân đến Sơn-đông rằng : Nước Nhật mượn cớ bảo-hộ kiều-dân đem quân đến Sơn-đông là ngầm có ý làm ngăn-trở cuộc bắc-phạt lần thứ hai, để giúp cho bọn quân-phiệt Bắc-phương còn giữ được thế-lực, không những là trái điều-ước và lại trái với công-pháp của quốc-tế nữa.

Trương Tác-Lâm nhân dịp này cũng hô-hào muốn xin bãi chiến, cũng chẳng qua là một kế hoãn binh đó mà thôi. Thế-lực Bắc quân đã thấy thu-sức nhiều. Trương đã quyết nghị rằng : 1º Phá cầu sắt sông Hoàng-hà lấy phía bắc sông Hoàng-hà làm phòng-tuyến thứ nhất ; 2º lấy Đức-châu, Hà gian, Bảo-định làm phòng tuyến thứ hai, lấy quân Cát-lâm, Hắc-long-giang hiệp cùng với quân cảnh-bị ở đường Kinh-Phụng tất cả là ba vạn người và thu-dụng đạo quân bại-binh ở Sơn-đông, liều chết giữ lấy hai phòng-tuyến ấy ; 3º lấy Mã-xưởng Trường-tân-điếm làm phòng-tuyến thứ ba, Ngô Tuấn-Thăng làm cảnh-bị tổng-tư-lệnh ở mặt sau ; 4º rút ngắn đường trận Kinh Hán và Kinh Tuy.

Tưởng Giới-Thạch đối với tình-thế hiện bây giờ vẫn giữ một thái-độ ôn-hòa, một mặt phái đại-biểu điều-đình với tướng Nhật, và một mặt cứ đem đại-đội kéo lên đánh miền Bắc. Tưởng đã thương-nghị với Phùng rằng công cuộc bắc-phạt cứ tiến-hành cho tới mục-đích, không để vì việc xảy ra ở Tế-nam mà phải trung-chỉ. Tưởng sẽ cử Phùng lọa-trấn ở Tế-nam, chuyên việc giao-thiệp với quân Nhật, còn Tưởng thì cất quân đi Bắc-phạt.

Trước kia Tưởng đã phát-biểu lời thệ-sư cho ba tập đoàn-quân rằng : « Đảng-quốc còn hay mất, chủ-nghĩa thành hay bại, nhân-dân họa hay phúc, đồng-chí vinh hay nhục, là quan-hệ ở trận chiến-tranh này. Vậy toàn-quân phải đồng-chí muôn người phải một lòng, nghiêm giữ kỷ luật, phục tùng mệnh-lệnh không tiếc hi sinh, làm hết trách-nhiệm, đem hết tinh-thần, làm cho tới mục-đích, quyết trừ bọn quân-

phiệt Sơn-đông và Phụng-thiên, làm cho xong cuộc Quốc-dân cách-mệnh, thực-hành chủ-nghĩa tam-dân, hết sức cứu dân cứu nước. »

Xem đó thì biết Tưởng đã quyết làm cho xong cuộc thống-nhất Nam Bắc đã, rồi mới đối-phó với người Nhật được. Chưa biết cuộc Bắc-phạt kết-liễu ra làm sao, có quả được như lời đến tiết Đoan-dương này lấy được Bắc-kinh không ?

Vân-nam. — *Ở Vân-nam-phủ có tin rằng Đường Kế-Ngu vẫn ở phía tây Vân-nam, quân của Chính-phủ vẫn đuổi theo. Nghe chừng Đường không bỏ Vân-nam mà đi dự cuộc Bắc-phạt như Đường đã định trước đây. Còn Đường Kế-Lân thì nghe đâu đã hội-kiến với viên đại-biểu của Chính-phủ để điều-đình việc đầu hàng. Như vậy ở miền ấy các tướng phản-đối đã hồ hết.*

Chính-phủ ủy-viên nhận chức từ đầu tháng tư tây mới rồi, có lời tuyên-bố tỏ ý muốn bình-định cho trong tỉnh được yên, tổ-chức lại việc tài-chính và việc quân-sự và hết sức tảo-trừ bọn giặc cướp và đảng phiến-loạn. Việc học sẽ chỉnh-đốn lại, khiến cho học-sinh không được can-dự vào việc chính-trị.

Ông đại-biểu mới của Chính-phủ trung-ương Nam-kinh là Bà Phong Thu đã tới Vân-nam phủ.

Việc trong nước

Chính-sách chủng-tộc. — *Trong bài diễn-thuyết của quan Khâm-sứ* Pasquier *đọc ở* Paris, *bản-chí dịch đăng trên kia, có xướng lên cái thuyết nên lập cõi Đông-Pháp thành một đoàn-thể liên-bang, mà các bộ-phận trong đoàn-thể ấy phải cai-trị theo những phương-pháp riêng, tùy với trình-độ của dân-tộc mỗi nơi ; thế gọi là cái « chính-sách chủng-tộc »* (politique des races). *Chính-sách ấy có lẽ không lợi cho sự thống-nhất của Việt-Nam đế-quốc ta. Nhưng nay hẳng biết cái ý-kiến của ông* Pasquier *như thế, và thử xem các báo tây nghị-luận ra làm sao. Báo* Courrier d'Haiphong *gần đây có bài đề là « Chính trị chủng-tộc » của ông* Le Gac *chủ-bút báo ấy như sau này :*

« Quan Khâm-sứ Pasquier *bàn nên đặt cõi Đông-Pháp thành một đoàn-thể liên-bang. Thực ra cái ý-kiến ấy cũng không có mới lạ gì. Từ khi đặt ra phủ Toàn-quyền đã ngụ có cái ý đó rồi, mà kể ra về chính-trị-thượng, địa-lý-thượng, cũng không phải là không có căn-cứ. Trong năm xứ họp lại thành ra cõi Đông-Pháp, thời ba xứ phần nhiều là người dân An-Nam cả, tuy cũng có gián-tạp ít nhiều giống khác, nhưng thực là một chủng-tộc hồn-nhiên thuần-nhất. Theo số điều-tra năm 1921, người An-Nam ở Trung-kỳ là 899 phần 1000, ở Nam-kỳ là 853/1000 và ở Bắc-kỳ là 886/1000. Vậy ba xứ ấy có thể cho là thuần thuộc về dân tộc Việt-Nam, chủng-tộc, phong-tục, tôn-giáo, chính-trị đều là cùng một nguồn-gốc như nhau cả.*

« Còn như Cao-miên, Ai-lao, thì khác hẳn. Người An-Nam ở hai xứ ấy không có mấy : ở Cao-miên có 58 phần 1000 và ở Ai-lao 12 phần 1000. Song tuy về đường chủng-tộc hai xứ Cao-miên và Ai-lao không thuộc vào đoàn-thể Việt-Nam, nhưng về đường địa-lý thì có mật-thiết quan hệ lắm. Xứ Cao-miên giao-thông với ngoài phần nhiều là do con đường sông Cửu-long, xứ Ai-lao sau này nhờ có đường xe lửa cũng phải mượn đường duyên hải Bắc-kỳ Trung kỳ mà giao-thông với ngoài. Nhân sự liên-lạc

về đường kinh-tế đó mà thành ra có liên-lạc về đường lợi-quyền, khiến cho liên-hiệp mấy xứ đó thành một đoàn-thể liên-bang cũng là chính-đáng vậy.

«Cứ theo như một bài của ông Bác-sĩ LÊ QUANG-TRINH *đăng trong báo* Le Progrès annamite *thì cái tư-tưởng thống-nhất của quan Toàn-quyền* SARRAUT *xướng lên từ năm trước vẫn có ảnh-hưởng trong dân-gian lắm. Tư-tưởng ấy chắc cũng có chịu kích thích ở ngoại-giới nhiều. Dù thế nào mặc lòng, cái quan-niệm quốc-gia của dân-tộc Việt-Nam gần đây đã phát-khởi ra rõ-ràng, tình liên-lạc trong ba xứ Bắc, Trung, Nam càng ngày càng mật-thiết, nhất là Bắc-kỳ với Trung-kỳ, là nơi cái quốc-túy hãy còn đầm-thắm hơn. Phép chính-trị của Nhà-nước không thể không châm-chước điều đó.*

« Song cũng còn nhiều lẽ khác phải châm-chước nữa. Ngoài dân-tộc Việt-Nam, còn có dân-tộc khác, Nhà-nước không thể không chú-ý đến. Như dân Mèn, dân Lào, cố-nhiên là không thể cai-trị giống như dân An-Nam được. Hai dân ấy, cũng có chế-độ phong-tục riêng, chế-độ phong-tục ấy cũng đáng tôn-trọng lắm. Lại có cách cai-trị riêng, có quan-lại riêng, tuy phải thay đổi cho hợp-thời, nhưng cũng phải bảo-tồn lấy cốt-cách.

« Vả lại ở ngay trong hạt tam-kỳ, cũng còn có gián-tạp các dân-tộc khác. Như ở Trung-kỳ có 406.000 người thuộc giống Ấn-độ — Mã-lai, như người Mọi, người Hời, (tức là 82 phần 1000), ở tụ-họp về các miền Darlac, *thượng-lưu sông Đồng-nai,* Kontoum *và tỉnh Quảng-ngãi. Lại còn 71.000 người Mường ở miền thượng-du tỉnh Thanh tỉnh Nghệ. — Ở Bắc-kỳ có 95.000 người Mường, một nửa ở tỉnh Hòa-bình, 500.000 người Thái, Thổ, Nùng, vân-vân, 67.000 người Mán, 60.000 người Mèo, 32.000 người Khách, phần nhiều ở các miền sơn-lâm người An-Nam không năng đi đến. — Ở Nam-kỳ có 16.000 người Mọi (trong số đó thời một tỉnh Tây-ninh đã tới 11.000 người), và ngót 300.000 người Mèn, ở thành làng xóm đông ở sáu tỉnh, còn các tỉnh khác thời rời-rạc ít nhiều.*

« Đó là cái tình-trạng hiển-nhiên mà Chính-phủ Pháp phải đối-phó. Cái chính-sách của Chính phủ vẫn lấy hai điều sau này làm tôn-chỉ: 1º Nhất-thiết tôn-trọng các chế-độ, phong-tục, cùng cái văn-minh cố-hữu của người bản-xứ; 2º Cái phương-pháp cai-trị phải tùy mỗi dân một khác.

« Ấy cái chính-sách chủng-tộc là như thế, nhiều người bài-bác mà không biết rằng không thể dùng cách khác được; chính-sách ấy, chính người bản-dân yêu-cầu như thế. Chủ-ý là không muốn làm mất lòng người dân. Như đem quan-lại An-Nam mà cai-trị người Mường ở Hòa-bình hay người Thái ở Lai-châu, thì chắc là dân các nơi ấy không bằng lòng. Nhưng giá đem quan thổ-ti Mường để làm tổng-đốc tuần-phủ các tỉnh Trung-châu, thì phỏng người An-Nam có bằng lòng không? Phàm việc đời phải lấy sự thực trước mắt làm cốt. Như ở Ấn-độ, trong quân-đội Ấn-độ có chia ra đội Ấn-độ, đội Hồi-dân, lại có mấy tiểu-đội những thổ-dân các miền núi. Có người cho người Anh làm như thế là có cái mưu sâu hiểm-độc. Thực ra thì chỉ vì những đội nào mà có tạp các giống ở lẫn nhau thì sự ăn uống khó nghĩ quá, người Ấn-độ với người Hồi-giáo chỉ đánh lộn nhau hoài, không bên nào ưng ở cùng với bên nào cả. Xem gương đó cũng nên suy xét.

« Nói tóm lại thì cái chính-sách của quan Khâm-sứ PASQUIER *chủ-trương*

tưởng cũng thích-hợp với tình-thế chính-trị địa-lý trong bản-xứ.

« Cuộc liên-bang vẫn là thống-nhất, mà các bộ-phận vẫn khác nhau, vì khác nhau nên phép hành-chính trong mỗi xứ không thể nhất-thiết giống nhau được.

« Ý-kiến đó xem ra một phần trong đảng tri-thức Việt-Nam cũng cho làm phải, vì ông LÊ QUANG-TRINH *kết-luận bài báo của ông có nói rằng : « Bài diễn-thuyết của ông* PASQUIER *có nhi u điều có thể căn-cứ ở đó mà thảo-luận được, Mẫu-quốc không nên bỏ quá đi mà không chú-ý đến. »*

« Như vậy thời ý ông cũng cho là cái chính-sách chủng-tộc không phải là chủ dùng giống nọ để đối lại giống kia vậy. »

Lược-thuật các việc trong tháng. — Cuộc bầu-cử đại biểu Tây ở Bắc-kỳ, lần thứ nhất không thành, lần thứ nhì vào ngày chủ-nhật 15 tháng 4 kết-qủa như sau này : Ông BOREL được 995 vé, ông Dr FOREST được 861 vé, các người ra ứng-cử lần trước đều lui về cả. Vậy ông BOREL được trúng-cử.

Ở Nam-kỳ cuộc tuyển-cử nghị-viên Tây lần thứ nhất vào ngày chủ-nhật 22 tháng 4 cũng không thành, số người biên vào sổ bầu-cử là 4973, số người đi bỏ vé là 2837, mà số vé của các người ra ứng-cử được như sau này : Ông OUTREY 1130 vé ; ông CANCELLIERI, 604 vé ; Ông GOURDON, 438 vé ; ông ARDIN, 350 vé ; ông PHAN VĂN-TƯỜNG, 175 vé. Bấy nhiêu người cũng không được đủ số vé (nghĩa là quá nửa số người đi bầu một vé) không ai trúng-cử cả. — Ngày chủ-nhật sau 29 tháng 4 bầu lại, thì trong những người ứng-cử lần trước duy chỉ còn có ông OUTREY lại ra nữa, còn mấy người kia rút về cả mà hiệp nhau lại đem ông ROUELLE là đốc-lý thành-phố Sài-gòn ra để chống lại với ông OUTREY. Kết-quả như sau : số người bỏ vé, 2957 ; ông OUTREY được 1657 vé, ông ROUELLE được 1261. Vậy ông OUTREY là nghị-viện cũ lại được tái-bầu.

Ở Pháp thì quan nguyên Toàn-quyền VALLENNE lại được tái-cử lần bỏ vé thứ nhì ở hạt *Puy de Dôme*, vào đảng Xã-hội cộng-hòa (*républicain socialiste*).

Quan quyền Toàn-quyền MONGUILLOT đầu tháng 5 đáp tầu về Sài-gòn, rồi lên Dalat nghỉ mát, đem cả văn-phòng theo. Công việc Phủ Toàn-quyền ở Hà-nội thì giao cho quan Thống-sứ Bắc-kỳ quyền-nhiếp thường-vụ.

Quan Thống-sứ Bắc-kỳ ROBIN hết hạn nghỉ bên Pháp, ngày 20 tháng 5 đã sang đến đây, ngày 21 liền nhận việc. Quan quyền Thống-sứ GRAFFEUIL thời lục-tục về Pháp nghỉ.

Ở Trung-kỳ quan Khâm-sứ FRIÈS cũng về Pháp nghỉ. Quan thanh-tra chính-trị JABOUILLE quyền chức Khâm-sứ.

Giới-thiệu sách mới

1. — *Hán-học danh-ngôn*. Sách tập những câu cách-ngôn hay trong sách nho. Chia ra ba mục : 1° Đối với bản-thân ; 2° Đối với gia-tộc ; 3° Đối với nhân-quần xã-hội. Của ông Huấn TRẦN LÊ-NHÂN biên-dịch. — Vĩnh-hưng-long thư-quán, 49-51 Phố Hàng Đường, Hà-nội, xuất-bản ; sách dầy 108 trang, giá 2 hào.

2. — 47 *Điều Giáo-hóa triều Lê* (dịch ra chữ Pháp). *Les 47 Articles du Catéchismne moral de l'Annam d'autrefois*, expliqués et traduits en français, par TRẦN TRỌNG-KIM. Vừa quốc-ngữ, vừa chữ Hán, vừa chữ Pháp. — Imprimerie du « Trung-bắc Tân-văn » ; 80 trang, giá 3 hào.

3. — *Nữ-huấn*. Lời dạy con gái khi về nhà chồng. Của ông Bùi Huy-Tiến, tuần-phủ Bắc-giang soạn. Có tựa của quan Thượng-thư hưu-trí Phạm Văn-Thụ. In ở Đông-kinh ấn-quán, bán ở «Việt-Nam thư-xã», 85 phố hàng Bông. Hà-nội ; sách dày 34 trang, giá 1 hào.

4. — *Thơ buồng*. Tập thơ văn tự-do lối mới, của Lê Khánh-Đồng soạn. Có thêm bài *Gia-huấn-ca* của ông Lê Kinh-Hạp, người Hà-tĩnh về đời Tự-đức. — Nhà in Chân-phương Hà-nội xuất-bản ; sách dày 56 trang giấy nhỏ, giá 1 hào rưỡi.

5. — *Anh hàng phở lấy vợ có đầu*. Tập đoản-thiên tiểu-thuyết của Nguyễn Mạnh-Bồng soạn. — Hương-hát thư-điếm ở Hải-phòng xuất-bản ; sách dày 100 trang, giá 3 hào rưỡi.

6. — *Mộc-lan tòng-quân* 木蘭從軍, Tiểu-thuyết tàu, Nguyễn Hữ-Lăng dịch. In ở Nam-hoa thư-quán Nam-định, mới xuất-bản quyển I, 32 trang, giá 1 hào.

7. — *Le Français par soi-même*. Méthode rapide pour apprendre le français sans maître. Par Nguyễn Hoài Đĩnh, instituteur. Sách học tiếng Pháp chóng biết không phải thầy. Có dịch và cắt nghĩa ra tiếng ta. — In ở nhà in Kim Đức-Giang, bán tại nhà tác-giả ở trường Thực-hành, phố Đỗ Hữu-Vị Hà-nội. Sách dày 194 trang, giá 8 hào.

8. — *Tiếng chuông nhà học*. Bulletin de l'Amicale des fonctionnaires indigènes de l'Enseignement en Annam. Publication bimestrielle en français et en annamite. Mới xuất-bản số đầu. — In ở nhà in Đắc-lập Huế.

9. — *Tranh quốc-sử* của ông Tạ Đình-Ninh vẽ, bản-chí đã giới-thiệu trước, nay mới họp thành sách, quyển thứ I về đời Hùng-vương, 50 bức, giá 1 đồng 2 hào. Bán ở hiệu Hoán-văn, phố hàng Bông Hà-nội.

Nam-Phong Tùng-Thư

Đã xuất-bản :

1. *Văn-minh luận*,
2. *Ba tháng ở Paris*.
3. *Văn-học nước Pháp*,
4. *L'Idéal du Sage dans la philosophie confucéenne* (Cái quan-niệm người quân-tử trong triết-học đạo Khổng).

Sắp xuất-bản :

Chính-trị nước Pháp, 2 quyển (quyển I in gần xong, quyển II đương in).

Mỗi quyển giá 4 hào, tiền cước ngoài. Bán ở Đông-kinh ấn-quán Hà-nội.